

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 17 - THÁNG 10 NĂM 2007

Nội dung số này:

ĐÊM HUYỀN THOAI | 2 – Thư người chủ trương, *Vĩnh Hào* • TIỀN BIỆT | 3 – thơ *Không Quán* • BÁT CHÁNH ĐẠO, LỐI SỐNG MANG LẠI HẠNH PHÚC | 4 – *Thích Hạnh Bình* • NGỤC TỐI, GIAO HƯỞNG BÓNG TỐI... | 18 – thơ *Tuệ Sỹ* • TÂM THƯ của HỘI THÂN HỮU GIÀ LAM | 19 – *Thích Nguyên Siêu* • BẢY MƯƠI NHỊP NHÂN SINH | 23 – *Vũ Hán* • VÀNG TRẮNG LẠNH, TÌNH YÊU BẤT DIỆT | 24 – thơ *Pháp Nguyên* • NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA CHIẾC ÁO CA-SA | 25 – *Hoàng Phong* • TUYỆT CÚ – BÀI THƠ ĐẮC Ý | 32 – thơ Giả Đảo, *Ái Cẩm* dịch • MA KHÔNG CHỒNG | 33 – *Võ Doãn Nhân* • TRONG NỘI NHỚ, NẮNG CHIỀU | 38 – thơ *Lam Nguyên* • THÊ HIỆN TÌNH NGƯỜI | 39 – *Thanh Trí Cao* • PHÙ THẾ, CHO EM HOÀN XANH BÓNG MƯƠT | 41 – thơ *Hồng Khắc Kim Mai* • ĐỌC THƠ VŨ HOÀNG CHƯÔNG | 42 – *Vĩnh Hào* • BAN MAI KHÁC, TIẾNG NHẠC, XEM TRANH, NHỮNG GIÁC MƠ ĐI, BÓNG SÁNG, TÌM THẤY TÔI KHÔNG | 46 – thơ *Nguyễn Thị Khánh Minh* • THƯỢNG TỌA TUỆ SỸ NHẮC NHỚ: NHỮNG NGÀY VẠN GIẢ | 47 – *Nguyễn Đạt* • LÀM THƠ | 48 – thơ *Mỹ Huyền* • KHÔNG CÓ GÌ LÀ RÁC | 49 – xã luận *Diệu Trân* • THIÊN THẦN GÂY CẢNH | 51 – truyện ngắn *Chiêu Hoàng* • CHỖN BÌNH AN, BỤI HỒNG | 52 – thơ *T.K. Thiện Hữu & Lý Thừa Nghiệp* • GIỚI THIỆU THI TẬP ‘LUNG LINH HOA TẠNG’ CỦA T.K. THIỆN HỮU & LÝ THỪA NGHIỆP | 53 – *Vĩnh Hào* • TIẾNG NÓI TỰ TÌNH MÙA THU | 54 – tùy bút *Cư sĩ Liên Hoa* • HẠT BỎ ĐỀ TÌM TRONG LÁ DẦU XANH | 55 – thơ *Tâm Thường Định* • MÂY NON ÔM MẢNH TRẮNG THU | 55 – thơ *Cư sĩ Liên Hoa* • QUÊ NHÀ THẬT XA | 56 – xã luận *Trần Khải* • ĐIỆN PHẬT TRẦM MÔNG LUNG | 58 – đoàn văn *Uyên Nguyên* • TƯỚNG QUAN HAY CHĂNG LÀ GÌ | 59 – tùy bút *Toại Khanh* • MƯA PHỒ ĐỘ, HƯƠNG CỎ ĐIỀN, THÁNG MƯỜI, Ý THU, MƯA | 60 – thơ *Vũ Tiến Lập* • NHÂN CHỨNG | 61 – truyện ngắn *Ngô Nguyên Dũng* • NÉT ĐƠN SO | 67 – thơ *Đan Hà* • SẼ RA SAO NGÀY MAI? QUE SERA SERA... | 68 – tùy bút *Mỹ Đức Phạm Kim Dung* • TRỞ VỀ, NGÀY HOANG VU, PHÔI PHA, CÒN GÌ CHO EM | 71 – thơ *Thảo Nguyên* • Ý TỔ SƯ TRÊN ĐẦU NGỌN CỎ | 72 – tùy bút *Chân Hiền Tâm* • PHỤ TRANG ĐẶC BIỆT: NGÀY VỀ NGUỒN | 76 – *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* • ĐẾN VỚI NGÀY VỀ NGUỒN | 85 – tường thuật của *Diệu Trang* • TU BỤI | 89 – truyện dài *Trần Kiêm Đoàn* • TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI | 95

Hình bìa: THÍCH THIỆN LONG



Chủ nhiệm / Chủ bút: **VĨNH HẢO**

Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 374 - Midway City, CA 92655 – USA

Telephone: **(714) 623-4285**

E-mail: Tvinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net • Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail với attachments, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.



ĐÊM HUYỀN THOẠI

(THƯ SỐ 17 của NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)

Vĩnh Hảo

Chiều qua có gió lạnh và mây đen vần vũ báo hiệu sẽ có mưa buổi đầu thu.

Nửa đêm mưa bắt đầu rơi. Con mưa thật nhẹ nhưng kéo dài.

Nằm nghe mưa rơi trên lá phong trước sân, lòng chợt buồn.

Giấc ngủ ngắn, nhẹ nhẹ lướt qua đêm u tịch. Tỉnh giấc cũng nhẹ nhẹ, vì ngủ với thức không khác nhau chi mấy. Nhưng mộng thì thật dài.

Giấc mộng dài cùng trôi với cơn mưa nhẹ, đánh thức mình chong mắt giữa đêm sâu.

Nằm nghe mưa rơi trên giọt lá.

Có những giọt thì thầm như tiếng tình tôi.

Tình yêu ơi, tình bao nhiêu tuổi mà đi một đời chưa thấy cạn vơi?

Tình đưa tôi đi hay tôi đưa tình đi?

Đi qua những êm đềm và biến động của quê hương.

Đi qua một thời cặp sách ê a, bần bĩ, tạt lon, trốn học xem phim và ngồi lặng trước biển.

Đi qua một thời bừng bừng nhiệt huyết, dẫn mình vào nơi hiểm nạn, một thân nhỏ bé không ngại gánh sức nặng không cùng của khổ lụy nhân gian.

Đi qua những trại giam, những nhục hình, cảm nghe nỗi buồn quê hương đau rát trên da thịt và buốt thốn ở tận tâm can.

Đi qua những máu và nước mắt, khô theo nắng cháy hay trôi theo những cơn mưa lạnh nơi hiện trường khổ sai.

Đi qua những đêm mật mờ ngủ vờ ngủ vật trong xà lim với những giấc mơ chỉ thấy trời cao biển rộng...

Tình yêu, ơi tình yêu!

Tình đưa tôi đi hay tôi đưa tình đi mà đường xa không thấy đâu là bến cùng, để rồi...

Đi qua những lãng mạn, mộng mơ, đam mê và khát vọng vô bờ của một cuồng tử quên ngày quên tháng.

Đi qua dáng ai mắt biếc, môi hồng, giọng nói và nụ cười ẩn hiện những tình sử thiên thu hay thoáng chốc.

Đi qua dáng ai tóc huyền dài ngắn, trải mộng sâu trên duyên kiếp mơ hồ mây khói tan bay.

Tình ơi, là tình! Chỉ từ một trái tim bé nhỏ này mà

sao lại vẽ vời bao nhiêu là mộng ước, lý tưởng, hoài vọng, gần gũi hay cao xa...

Đêm nay, thức hay ngủ, thật mơ hồ.

Tiếng mưa hay tiếng tình rơi mà kéo theo chập chùng những ấn tượng, hư ảnh, ảo ảnh, trộn lẫn nhau, hoá chuyển nhau, ẩn ẩn hiện hiện...

Màu sắc vang lên thanh âm.

Thanh âm đọng thành màu sắc.

Ác quỷ mặc áo ca-sa lim dim lần chuỗi hạt.

Bồ-tát mặc áo thường dân, lặng lẽ đi vào hẻm tối.

Ngôn ngữ trần gian không còn tin được. Những mỹ từ trở thành áo khoác cho những gì xấu xa bản thủ nhất. Tự do, dân chủ trở thành vũ khí tối hảo cho những kẻ độc tài, thiên kiến, là bầy sập của nô lệ và tù hãm, bất công.

Thế giới đảo điên. Lòng người tráo trở khôn lường. Tâm lòng đơn sơ như cỏ mọc trên núi làm sao hiểu được những trí trá, ngoa ngôn!

Ai kia như đoàn lũ hành băng qua những đồng trống, sinh lầy, sa mạc?

Tìm về đâu, đi về đâu hồi những kẻ lên đường thăm lặng?

Đây nhà cửa, đây xóm làng, sao không trú ngụ mà tìm đường ra biển?

Có gì cuốn hút nơi biển lớn mà phải rời bỏ sông rạch hồ ao?

Có gì u trệ nơi sông rạch hồ ao mà phải tìm ra biển lớn?

Bầy chó tiếp tục tranh giành những mẩu xương nhỏ và giẻ rách trong căn nhà mà chúng đã phá hoại đến tàn xiêu dơ bẩn; hung hăng sủa rân những kẻ lên đường.

Sài lang, hổ báo cũng cao giọng phụ họa tru tréo gầm thét, xua đuổi những người ra khơi.

Cảnh sát mừng vui, hí hoáy lập biên bản vượt biên vượt biên. Hí hửng gạch tên, xóa sổ. Nhà này, hộ này sẽ bị tịch biên, không còn danh tánh những ai lên đường, dù ra biển lớn, vào rừng sâu hay lên chóp núi cao.

Ồi là tội nghiệp, một đời quần quanh những góc xó, hải lòng với những thành tựu và sở hữu bé nhỏ thăm thương, biết bao giờ mới chạm đến được hoài bão cao rộng của những kẻ đi xa.

Đại bàng tung cánh, vỗ nghiêng phương trời âm
đậm. Nổi thình lạng từ nơi cao thăm hư không, có thể
làm dậy những con sóng biển đông.

Chim quạ tan tác, hốt hoảng tìm chỗ ẩn thân. Tiếng
kêu quang quác làm rộn ràng củ lao nhỏ trong một lúc,
rồi trả về cho thình lạng.

Bởi vì thình lạng là cội nguồn, là chỗ khởi sinh, và
cũng là chỗ trở về của mọi âm thanh.

Khi kẻ lữ hành im lặng ra đi thật xa, bấy chớ dữ sẽ
yên tâm khép mồm.

Âm thanh thịnh nộ là vũ khí của kẻ yếu trong khi im
lặng là sức mạnh của bậc đại hùng.

Âm thanh lớn có thể lấn át tiêu diệt âm thanh nhỏ.

Nhưng không âm thanh nào có thể lấn át tiêu diệt sự
im lặng.

Mùa xuân, mùa hạ, hoa bướm vườn ai nở rộ những
sắc vàng sắc cam rực rỡ.

Mùa thu, mùa đông, nhụy hoa khô được trân trọng
ép giữ để dành cho chu kỳ mới.

Những gì cao rộng chẳng qua cũng được triển khai
từ hạt mầm bé xíu. Nhưng hạt mầm bé xíu không thể mở
ra vườn hoa sắc sỡ khi tâm lượng co rút khép lại trong
những cái vỏ cần khô, chai cứng.

Tình yêu, tôi nhìn thấy trong những hạt mầm thật
nhỏ từ em. Cũng có trong vết nứt của kẽ đá phủ rong và
trên những phiến lá phong vàng rụng theo mưa thu. Tôi
biết chúng được thai nghén nuôi dưỡng để ngày nào đó,
trải rộng trên đồng hoa thắm sắc, hay phóng lộng âm
hưởng cho một hướng trời mệnh mông.

Những hạt mầm tình yêu, có thể sinh từ mùa này,
khai nở ở mùa kia; hái từ đất này, gieo ở đất kia.

Không có đâu là nơi chốn hay thời gian vĩnh viễn.

Chỉ có những tấm chân tình. Trái rộng như mưa rơi.
Trái đến chỗ không tận cùng.

Đêm huyền thoại nhẹ trôi theo tiếng mưa rơi.

Nỗi đau và niềm hạnh phúc hơn nửa đời người có
thể trải ra trong đêm ấy.

Có em và tôi, có sự tương ngộ và cách chia, có tình
yêu và lý tưởng.

Bên ngoài mưa tạnh dần khi trăng lặn qua hồ thu
tịnh. Nửa vàng trắng trên trời và nửa vàng trắng đáy
nước, chẳng biết đâu là thực.

Sớm mai thức dậy, đất trời thật tỉnh khô sau đêm
mưa thu rả rích. Lá vàng ngập đầy lối đi, và sâu tôi hãy
còn vương vất.

Nhưng khi mặt trời rực rỡ vụt khỏi mây đen, đêm
huyền thoại cũng chợt tan theo sương sớm.

Phổ Đà Sơn Tự, Ottawa, Canada, 23 tháng 10, 2007.

KHÔNG QUÁN

Tiến biệt

*Chiều hôm nay,
Trời cao xanh trong lắm.
Nhưng sao nghe,
Trầm uất ở trong lòng.
Mắt đăm đăm,
Nhìn về phía xa xăm.
Chuyện thế sự,
Ta bà như mây nổi.*

*Tình - Say, Say - Tình,
Trở trần, duyên mấy nổi.
Thực - Hư, Hư - Thực,
Tình mơ, vẫn đơn côi.*

*Nhật dạ ...,
Nhớ thương, tình một côi
Khử lai ...,
Buồn riêng, chỉ mình thôi.*

*Thuyền sang ngang lối hẹn
Đời say chén ly bôi.
Hát lên câu tiến biệt,
Đưa người vượt sóng Tân*.*

*Lòng nhu thâm,
Đời, thôi chi nhỏ lệ
Tình, vương vấn mây trôi,
Mây bay đi...
Có khi nào trở lại...*

*Tình cho rồi...
Cố mấy cũng chia phôi.*

* Ngày xưa dừng sĩ Kinh Kha vượt sóng giòng sông Dịch
qua đất Tân thích khách bạo chúa Tần Thủy Hoàng. Cao
Tiệm Ly thời sáo tiến đưa người bạn dừng sĩ một đi thề
không quay trở lại. Ôi, ngày nay tiễn bạn đi vượt sóng
giòng sông Sinh Tử, đi thích khách bạo chúa Thường Tự
Ngã, cuộc hành trình vượt sóng này có thập phần sóng
gió hiểm nguy hơn chăng?

BÁT CHÁNH ĐẠO

Lối sống mang lại hạnh phúc

Thích Hạnh Bình

Khái niệm: ‘không nên chấp trước’, ‘không phân biệt’, ‘bình đẳng’, ‘không’, ‘già’... là những khái niệm thường được dùng trong Phật giáo Đại thừa, ngay cả trong hệ thống giáo lý Phật giáo Nguyên thủy, và nhất là sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc kết hợp với tư tưởng Lão Trang lại mang một ý nghĩa khác nhau. Một cách nghiêm túc mà nói, những khái niệm này, đều mang ý nghĩa khác nhau, rất đặc thù, và lẽ tất nhiên chúng đều có giá trị khác nhau ở mỗi giai đoạn lịch sử, chúng ta có thể mượn thành ngữ ‘Bình cũ đựng rượu mới’, để mô tả về ý nghĩa này. Do vậy, chúng ta cần cẩn thận khi sử dụng nó để giải thích hay giải quyết những vấn đề trong cuộc sống hiện tại, nếu chúng ta không nắm được ý nghĩa căn bản của đức Phật, cách vận dụng khác nhau qua các thời đại thì vấn đề trở nên nguy hiểm. Giống như mục đích chung của thuốc là để trị bệnh, nhưng không đồng nghĩa, hề bệnh là uống bất kỳ thuốc gì. Cách làm như vậy, bệnh cũ không lành, lại thêm bệnh mới. Dù ý nghĩa nào đi nữa, Phật giáo đề cập quan điểm không chấp trước, nó không đồng nghĩa đất đá với thức ăn là một; Phật giáo đề cập khái niệm ‘không phân biệt’, nó không đồng nghĩa Phật giáo chủ trương loạn luân, mẹ là vợ, cha là chồng, thiện với ác giống nhau được; Phật giáo chủ trương ‘bình đẳng’, điều đó không đồng nghĩa tính trên đầu người chia đều lợi nhuận, mức lương giữa người chuyên gia và người lao động cơ bắp giống nhau; Phật giáo nói đến ‘không’ nói đến ‘già’, điều đó không đồng nghĩa Phật giáo khuyên mọi người không bảo vệ sự sống, bảo vệ gia đình và đất nước. Nếu chúng ta không làm rõ được ý nghĩa chân chính của đức Từ Phụ, điều đó vô tình chúng ta lại làm ‘sư tử trùng’ để khoét đục ‘sư tử nhục’, chúng ta lại chính là người hủy báng Phật pháp, làm cho ý nghĩa Phật pháp càng ngày càng lu mờ, xa rời thực tế. Nội dung bài viết này không nhằm mục đích giải thích một số khái niệm vừa đề cập của hệ tư tưởng Phật giáo Đại thừa, cũng như triết học Lão Trang, chỉ trình bày một lối sống đưa đến an vui hạnh phúc theo nhà Phật. Đó là giáo lý ‘Bát Chánh Đạo’.

Thật ra mục đích chung của con người là truy tìm hạnh phúc. Hạnh phúc đó được định nghĩa như thế nào đều tùy thuộc vào thói quen và sự hiểu biết của riêng

mỗi cá nhân. Đó là lý do tại sao lại có sự khác biệt giữa quan điểm của từng người, từng nhóm trong xã hội, sự khác biệt này được biểu hiện qua phong cách sống, suy tư, tình cảm, quan điểm chính trị, niềm tin. Suy cho cùng, mục đích của việc lập gia đình là cách đi tìm hạnh phúc; đi làm kiếm tiền cũng là cách tìm hạnh phúc; em bé mua đồ chơi cũng là cách đi tìm hạnh phúc; đi chùa lễ Phật cũng là cách đi tìm hạnh phúc; thậm chí đảng phái, chiến tranh cũng là cách truy tìm hạnh phúc cho nhóm người, cho tổ quốc của mình... Tất nhiên, mỗi lối sống, mỗi quan điểm đều có ý nghĩa và hạnh phúc riêng của nó, thậm chí người ăn xin hay kẻ ăn trộm cũng có lý lẽ và hạnh phúc riêng của họ, sự khác biệt giữa lối sống này và lối sống khác chẳng qua đó là sự khác nhau về đạo đức, ít hay nhiều, ngắn hạn hay dài lâu mà thôi. Nguyên nhân của sự dị biệt được đó, được quyết định từ sự khác nhau về mặt nhận thức. Nếu sự nhận thức đúng thì nó cho chúng ta kết quả hạnh phúc hợp lý lâu dài; nếu như nhận thức đó bắt nguồn từ sự hiểu biết sai lầm, lẽ tất nhiên kết quả mang lại là một hạnh phúc phi nghĩa, ngắn ngủi.

Giáo lý nhà Phật nói chung có mục đích hướng dẫn mọi người có đời sống hạnh phúc, riêng về giáo lý ‘Bát chánh đạo’ được đức Phật trình bày cũng không ngoài ý nghĩa này, nhưng ở đây chúng ta cần chú ý điểm này, khuynh hướng giáo dục của nhà Phật đều có chung mục đích là giác ngộ và giải thoát. Giác ngộ là nói đến vai trò trí tuệ, tính chất hiểu biết; giải thoát là đề cập trạng thái không phiền não, an lạc, hạnh phúc. Đây là điểm đặc thù trong hệ thống giáo lý nhà Phật, cụ thể là giáo lý ‘Bát chánh đạo’. Nếu như chúng ta đồng ý rằng, do ngu si mà sinh phiền não, thì nội dung giáo lý Bát chánh đạo sẽ trình bày và giới thiệu một lối sống mang lại hạnh phúc.

Con người là một trong những sinh vật, nhưng sự khác biệt giữa con người với những loài sinh vật khác chính là sự hiểu biết, biết phân biệt giữa đúng và sai, giữa thiện và ác, nhờ vậy mà con người có đời sống cao hơn những loài vật khác. Giáo lý ‘Bát Chánh Đạo’ là giáo lý nói về ‘con đường chánh’ (right), từ chánh kiến cho đến chánh định, là giáo lý nói cho đối tượng là con người, dĩ nhiên là người bình thường có sự hiểu biết,

không phải là người mất trí hay kẻ xem thường vai trò trí tuệ. Những ai muốn hiểu được giá trị của giáo lý này, điều cơ bản là lấy sự hiểu biết, tức tính năng của con người để tìm hiểu về giáo lý của Ngài.

Bát chánh đạo (Arya-stavtika-marga) là một trong ‘37 phẩm trợ đạo’¹, là pháp môn tu tập căn bản của Phật giáo Nguyên thủy, bất cứ một vị xuất gia nào cũng phải hiểu rõ giáo lý này, nó là kim chỉ nam, là phương pháp tu tập cho người xuất gia, hay nói đúng hơn cho những ai muốn có được loại hạnh phúc ly dục, ly pháp bất thiện này. Giáo lý ‘Bát chánh đạo’, vốn tiếng Pali là Ariya a ha gika magga, Phạn văn là: Arya-stavtika-marga, Hoa dịch là ‘Bát chi thánh đạo’, ‘Bát thánh đạo phần’, vì Ariya (P) ‘Arya’ (S) có nghĩa là ‘thánh’ không phải là ‘chánh’; a ha gika (P) hay stavtika (S) có nghĩa là chỉ, chỉ phần; và magga (P) hay marga (S) là đường, con đường. Nhưng chúng ta gọi giáo lý này là ‘Bát chánh đạo’ cũng không sai, vì nội dung được trình bày trong giáo lý này nhấn mạnh điểm chánh (samma), không phải Thánh (Ariya). Như vậy, từ này mang ý nghĩa là con đường dẫn đến bậc Thánh, hay con đường đi đến thánh thiện. Thế nhưng nội dung chính của giáo lý này chính là phương pháp để trở thành bậc Thánh, không phải mô tả trạng thái của bậc Thánh. Phương pháp được đề cập trong giáo lý này chính là sammā (P) hay samyag, có nghĩa là ‘chánh’, nó đi theo với 8 chi nhánh là: Kiến (P. ditthati, S. drstih), tư duy (P. sankappa, S. samkalpah), ngữ (P. vaca, S. vak), nghiệp (P. kammanta, S. karmantah), mạng (P. Ajiva, S. ajivah), tinh tấn (P. vayama, S. vyayamah), niệm (P. sati, S. smrtih), định (P. samm dhitī, S. samadhih) cho nên được gọi là: 1. Chánh kiến, 2. Chánh tư duy, 3. Chánh ngữ, 4. Chánh nghiệp, 5. Chánh Mạng, 6. Chánh tinh tấn, 7. Chánh niệm, 8. Chánh định.

Trước khi tìm hiểu ý nghĩa 8 chi nhánh này, cần làm rõ ý nghĩa chữ chánh (P. sammā, S. samyag) theo nhà Phật định nghĩa như thế nào. Thế nào gọi là chánh? Chánh là phản nghĩa của tà. Thông thường chúng ta định nghĩa: Giáo lý nhà Phật là chánh, cho nên gọi là chánh pháp, còn giáo lý của ngoại đạo là tà, cho nên gọi là ‘ngoại đạo tà giáo’. Thử hỏi cách định nghĩa như thế có khách quan chăng? Nếu có người hỏi, chúng ta dựa vào tiêu chuẩn nào cho cho Phật giáo là chánh còn ngoại đạo là tà? Hay nếu như giáo lý nhà Phật là chánh thì tại sao trong nhà Phật có khá nhiều hiện tượng mê tín dị đoan, và lại trong nhà Phật tự lại có nhiều quan điểm tư tưởng khác nhau, như vậy quan điểm nào trong đó là chánh? Để người khác chấp nhận định nghĩa này, thật sự không

đơn giản tí nào, đôi khi cách giải thích tùy tiện và chủ quan của mình người nghe không chấp nhận, mình bèn cho là ‘tà kiến’.

Theo tôi, khái niệm chánh mà nhà Phật thường đề cập được nhìn dưới hai góc độ. Thứ nhất, xem giáo lý nhà Phật như là chánh pháp. Khi chúng ta gọi giáo lý nhà Phật là chánh pháp thì chúng ta phải nói đến giáo lý: Duyên khởi, vô thường và vô ngã. Duyên khởi và vô thường là qui luật tự nhiên hay bản chất của các pháp. Giáo lý ‘vô ngã’ là thái độ nhận thức của con người đối với thế giới tự nhiên.

Không một pháp nào lại không do nhân duyên kết hợp mà thành, cái gì do nhân duyên kết hợp mà thành, cái ấy không có tự tánh, không thể tồn tại độc lập. Như vậy, bản chất của các pháp là ‘vô thường’; cái gì vô thường chuyển biến, cái ấy con người cũng không làm chủ được nó, cho nên gọi là ‘vô ngã’. Như vậy, duyên khởi vô thường và vô ngã là bản chất của cuộc sống, bất cứ ai dù là người của tôn giáo nào, đảng phái nào cũng phải tuân theo qui luật này, cũng phải nhận thức như vậy, không thể làm khác. Như vậy, 3 giáo lý này là chân lý, là hệ thống giáo lý cơ bản của nhà Phật, cho nên nó được gọi là ‘chánh pháp’ (sammā-dhamma), 37 phẩm trợ đạo và các giáo lý khác cũng dựa vào đây lập thành.

Thế nhưng căn cơ trình độ của chúng sinh kẻ thấp người cao, cho nên đức Phật căn cứ vào đạo lý này, tùy theo căn cơ khác nhau mà hình thành giáo pháp khác nhau, đó là lý do tại sao trong nhà Phật có nhiều kinh điển, nhiều tông phái khác nhau. Sự khác nhau đó chỉ là sự khác nhau về hình thức, nhưng nội dung tư tưởng của nó tìm thấy trong bất cứ kinh điển nào, dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, đều chứa đựng ý nghĩa giáo lý duyên khởi, vô thường và vô ngã. Kinh điển nào không mang ý nghĩa này, nó không phải là giáo lý nhà Phật. Thế thì, những hình thức giáo dục khác nhau; pháp môn tu tập khác nhau; đôi khi nó không là chân lý, không thể gọi là chánh pháp. Vì nó chỉ có giá trị với người này nhưng không có giá trị với người kia. Như vậy, khi chúng ta gọi giáo lý nhà Phật là chánh pháp điều đó muốn ám chỉ giáo lý duyên khởi, vô thường và vô ngã. Ý nghĩa này, đúng về mặt chân lý, cho nên gọi là chánh pháp.

Thứ hai, ngoài ý nghĩa này, trong Phật giáo định nghĩa chữ ‘chánh’ mang ý nghĩa phù hợp với thực tế. Có nghĩa là những gì con người suy tư, nó chính là đạo lý của đối tượng mà con người suy tư, ý thức và thực tế phù hợp nhau, khớp nhau gọi là chánh. Ý nghĩa này được đức Phật mô tả bằng từ: ‘yoniso manasikara’ được HT. Minh Châu dịch là ‘Như lý tác ý’. Có nghĩa là đạo lý của sự vật như thế nào thì chúng ta suy nghĩ như thế ấy, không được suy nghĩ khác đi, hoặc không được lấy đạo lý của cái khác mà suy nghĩ về nó. Cách suy nghĩ không

1 1. Tứ Niệm xứ, 2. Tứ Chánh cần, 3. Tứ Như ý túc, 4. Ngũ căn, 5. Ngũ lực, 6. Thất Bồ đề phần, 7. Bát Chánh đạo.

phù hợp đó, trong “Kinh Kim Cang” gọi là ‘điên đảo mộng tưởng’ hoặc là ‘không như lý tác ý’ (ayoniso manasikara). Ví dụ khi khát nước, muốn giải quyết sự khát nước này, cần phải nghĩ đến những gì liên quan đến nước. Cách nghĩ như thế là ‘như lý tác ý’, nghĩ khác đi gọi là ‘không như lý tác ý’. Như vậy, ý nghĩa từ ‘như lý tác ý’, nó mang ý nghĩa, giữa cách suy tư của chúng ta phù hợp với đạo lý của đối tượng mà chúng ta muốn suy nghĩ, cho nên gọi là ‘chánh’. Khái niệm chánh này là sự liên hệ trực tiếp giữa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức, nó không liên quan gì những ý nghĩa khác. Ví dụ vị xuất gia hay Phật tử nào đó bị bệnh cảm, liền nghĩ đến việc đi khám bệnh và mua thuốc cảm về uống, kết quả hết bệnh. Đây là cách giải quyết hợp lý, vì cách suy nghĩ đó phù hợp với thực tế, cho nên cách giải quyết này gọi là ‘chánh’, mặc dù nó không liên quan gì đến giáo lý duyên khởi, vô thường hay vô ngã. Nhưng nếu như có người bị uống nhầm độc dược, không chịu đi bệnh viện, tìm bác sĩ chuyên khoa trị liệu, lại cho rằng, nên ngồi thiền hay niệm Phật để giải độc dược, kết quả độc dược phát tán đi đến tử vong. Nguyên nhân của cái chết này là cách giải quyết không hợp lý, cho nên phương pháp ấy được gọi là tà hay tà kiến, dù đó là niệm Phật hay ngồi thiền.

Như vậy khái niệm chánh (samma) trong đạo Phật định nghĩa có hai ý nghĩa. Thứ nhất mang ý nghĩa là chân lý của cuộc sống, mang tính chất là nguyên lý, như giáo lý duyên khởi, vô thường; thứ hai, khái niệm chánh mang ý nghĩa: ‘như lý tác ý’, tức đạo lý của sự vật như thế nào nghĩ như thế ấy. Đây là ý nghĩa chữ ‘chánh’ trong giáo lý nhà Phật. Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu ý nghĩa về 8 chi phần trong giáo lý ‘Bát chánh đạo’.

1. Chánh kiến

Chi thứ nhất trong Bát chánh đạo là chánh kiến, tiếng Pali là samma-ditthi. Samma có nghĩa là chánh; ditthi có nghĩa là sở kiến, kiến giải, ý kiến, quan điểm. Từ định nghĩa này, cho thấy khái niệm ‘kiến’ ở đây không phải là sự thấy đơn thuần như mắt nhìn thấy các sắc tướng, mà là một sự nhận thức hoàn chỉnh, có thể gọi là một quan điểm sống. Quan điểm này được đi cùng với khái niệm chánh (samma), cho nên nó được gọi là quan điểm sống hợp lý hay sống đúng. Ví như là con người lấy chức năng hiểu biết để phán đoán và quyết định mọi sự xảy ra chung quanh mình. Người có quan điểm như thế là người có quan điểm sống hợp lý hay đúng, từ trong Bát chánh đạo gọi là ‘chánh kiến’.

Ngoài ý nghĩa vừa đề cập, theo tôi, nếu như Bát chánh đạo được hiểu như là một quá trình tiếp thu nhận thức và biểu lộ thái độ của mình đối với thế giới ngoại tại, thì khái niệm chánh kiến (samma-ditthi) này còn

mang ý nghĩa, là những tư liệu trung thực được tiếp thu từ thế giới ngoại tại là sắc, thanh, hương, vị, xúc, ngang qua các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân, để làm đối tượng cho ý thức nhận thức hay làm cơ sở cho ý thức tư duy đúng cho nên gọi là ‘chánh tư duy’, là chi thứ 2 trong Bát chánh đạo. Sự tiếp thu này mang tính trung thực không phải là ngụy tạo, ảo giác, cho nên nó được gọi là chánh kiến. Trong quá trình nhận thức của con người đối với sự vật, tư liệu là phần rất quan trọng, mang tính quyết định cho sự nhận thức đúng hay sai, cho nên tiến trình nhận thức ‘chánh kiến’ được xếp vào chi đầu tiên trong 8 chi. Đây chính là lý do tại sao trong ‘Đại Kinh Bốn Mươi’ đức Phật giải thích:

*“Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào là chánh kiến đi hàng đầu? Tuệ tri tà kiến là tà kiến, tuệ tri chánh kiến là chánh kiến... Tuệ tri tà tư duy là tà tư duy, tuệ tri chánh tư duy là chánh tư duy, như vậy là chánh kiến của các vị ấy... Tuệ tri tà ngữ là tà ngữ, tuệ tri chánh ngữ là chánh ngữ; như vậy là chánh kiến của vị ấy... Biết được tà nghiệp là tà nghiệp, biết được chánh nghiệp là chánh nghiệp; ... Tuệ tri được tà mạng là tà mạng, tuệ tri được chánh mạng là chánh mạng; Tuệ tri được tà tinh tấn là tà tinh tấn, tuệ tri được chánh tinh tấn là chánh tinh tấn; Tuệ tri được tà niệm là tà niệm, tuệ tri được chánh niệm là chánh niệm; ... Tuệ tri tà định là tà định, tuệ tri được chánh định là chánh định...”*²

Qua nội dung đoạn kinh vừa trích dẫn, nó gợi ý cho chúng ta hiểu rõ vai trò của chánh kiến trong tiến trình truy tìm hạnh phúc. Chánh kiến có trách nhiệm phân biệt quan sát và kiểm soát các mặt hoạt động của thân và tâm như là: 2. Tư duy, 3. lời nói, 4. việc làm (nghiệp), 5. mạng sống, 6. sự nỗ lực (tinh tấn), 7. niệm và 8. định. Ba chi cuối cùng là tinh tấn, niệm và định là sự quyết tâm tu tập. Tuy rằng, tu tập là ý thức muốn sửa sai, nhưng ý thức đó bắt nguồn từ đâu, nếu như nó bắt nguồn từ vô minh thì sự tu tập đó trở thành vô dụng, không có lợi ích gì cho bản thân, không thành đạt mục đích giác ngộ giải thoát, cho nên chánh kiến có vai trò kiểm soát lại sự nỗ lực tu tập đó có chơn chánh hay không. Nếu như sự tu tập đó được xây dựng từ chánh kiến, chánh tư duy, thì ắt hẳn chúng ta sẽ có lời nói chân chánh không nói lời giả dối, không chân thật; việc làm chân chánh không thể là những việc làm thất đức sa đọa; có mạng sống thanh cao không hèn hạ luồn cúi; sự cố gắng hợp lý không phải là phi lý; từng niệm từng niệm hợp pháp không phi pháp và có thiền định phù hợp chánh pháp không phải phi pháp, như vậy cuộc sống của người ấy sẽ được hạnh phúc.

2 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, Viện Nghiên Cứu Việt Nam ấn hành, trang 237~244.

Ngược lại, nếu như không có chánh kiến mà là tà kiến, sẽ dẫn đến tà tư duy... tất nhiên sẽ phải gặt lấy phiền não khổ đau. Sự khổ đau hay hạnh phúc đó chính con người là chủ nhân quyết định không ai xa lạ. Đó chính là lý do tại sao trong kinh này, đức Phật lấy chánh kiến làm chi cơ bản để hướng dẫn cho các chi khác.

Từ nguyên lý này, chúng ta có thể xem nó như là thước đo hay tấm gương để mọi người kiểm tra lại những việc làm vừa qua của mình, ngay cả việc mà chúng ta gọi là tu tập, được học hỏi từ vị thầy này hay sư kia. Dù là ai đi nữa, nếu phương pháp tu tập đó bắt nguồn từ chánh kiến, thì phương pháp ấy là phương pháp tu tập trong nhà Phật, chắc chắn nó sẽ dẫn chúng ta đến an lạc hạnh phúc; ngược lại nếu như phương pháp tu tập đó bắt nguồn từ tà kiến, phương pháp ấy không phải của đức Phật, nó không dẫn chúng ta đến giác ngộ giải thoát mà dẫn chúng ta đến cõi địa ngục là cảnh phiền não khổ đau. Đó là ý nghĩa và vai trò chánh kiến trong tiến trình hướng dẫn chúng ta đến cuộc sống an lạc và hạnh phúc.

2. Chánh tư duy

Chánh tư duy là chi thứ hai trong Bát chánh đạo. Từ này được dịch từ tiếng Pali là Samma-sankappa. Samma là chánh hay đúng; sankappa có nghĩa là tư duy, tư niệm, hay tiếng Việt gọi là suy nghĩ, suy tư, thuộc về lãnh vực ý thức. Khái niệm suy tư (sankappa) này, nó được bỏ nghĩa bởi từ chánh (samma), cho nên được gọi nó là chánh tư duy. Thế nào gọi là chánh tư duy? Để chúng ta nắm bắt ý nghĩa một cách trọn vẹn, không bị sai lạc, chúng ta căn cứ ‘Kinh Lậu Tận’ được đức Phật giải thích:

“Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt chứ không phải do không tri, không kiến.

Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt? Đó là do có chánh tư duy và không chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không sanh; đã sanh liền tiêu diệt”.³

Thật ra bản kinh này tương đương với ‘Kinh Tất Cả Lậu Hoặc’ (Sabbasava-suttam) trong “Kinh Trung Bộ” (Majjhima-Nikaya), chúng ta có thể đem hai kinh so sánh tham khảo. Tuy nhiên, nguyên bản Phạn ngữ của “Kinh Trung A Hàm” không còn, chỉ còn bản Hán dịch, được Thượng tọa Tuệ Sỹ dịch sang Việt văn, có thể nói

đây là bản dịch Việt ngữ tốt nhất. Trong bản dịch của mình, Thượng tọa đã chú thích từ ‘Chánh tư duy bất chánh tư duy’ với nội dung so sánh đối chiếu giữa A hàm và Pali: “正思惟不正思惟... Pāli: yoniso ca manasikara ayoniso ca manasikāra, có như lý tác ý và không như lý tác ý”. Thật ra, cụm từ Pali được Thượng tọa trích dẫn từ kinh ‘Sabbasava-suttam’, ý cho rằng, cụm từ ‘chánh tư duy bất chánh tư duy’ trong Hán tạng, nó tương đồng với cụm từ: yoniso ca manasikāraj ayoniso ca manasikāraj trong Pali. Yoniso manasikāram có nghĩa là ‘như lý tác ý’ hay ‘chánh tư duy’; ayoniso manasikāram có nghĩa là ‘không như lý tác ý’ hay ‘không chánh tư duy’, hai cách dịch này đều đúng cả. Như vậy, từ ‘chánh tư duy’ có nghĩa là ‘như lý tác ý’, vì có như lý tác ý mới có chánh tư duy, hay nói một cách khác ‘như lý tác ý’ là nhân ‘chánh tư duy’ là quả.

Trở lại vấn đề, khái niệm chánh tư duy được đức Phật giải thích trong đoạn kinh vừa dẫn, nó mang ý nghĩa là nguyên nhân mang lại cuộc sống hạnh phúc. Nói cách khác, nó là bức tường kiên cố nhằm ngăn chặn các pháp bất thiện chưa sinh không sinh khởi, đã sinh được trừ diệt. Thế thì nguyên nhân nào khiến cho chánh tư duy có chức năng này? Nếu chúng ta căn cứ ý nghĩa của từ chánh tư duy thì sẽ hiểu ý nghĩa này. Chánh tư duy là sự suy nghĩ hợp lý. Thế nào là suy nghĩ hợp lý? Có nghĩa là đạo lý của sự vật như thế nào thì chúng ta suy nghĩ như thế ấy, tức là giữa suy nghĩ và thực tế cuộc sống phù hợp nhau. Bất cứ vấn đề gì, khi chúng ta suy tư về nó một cách hợp lý, thì nó sẽ cho chúng ta cách giải quyết hợp lý; bất cứ vấn đề gì, được giải quyết hợp lý, việc ấy không thể mang lại khổ đau, ngược lại, mang lại sự an vui hạnh phúc. Suy nghĩ đúng không thể mang lại kết quả khổ đau, đó là mối quan hệ nhân quả về mặt tâm lý. Nếu như trong quá khứ có phiền não gì, do không chánh tư duy, nay đã có chánh tư duy, những phiền não từ nay trở về sau không còn; và những phiền não nào chưa sinh thì cũng không thể sinh được, vì đã có chánh tư duy và chánh hành. Đó là ý nghĩa của từ chánh tư duy được giải thích trong kinh này.

Ở đây cũng cần hiểu thêm rằng, khái niệm tư duy mang hai ý nghĩa, bao gồm chủ thể tư duy và đối tượng tư duy. Ví dụ, ông A đang suy nghĩ về quê hương. Ông A suy nghĩ (tư duy) là chủ thể, quê hương là đối tượng bị tư duy. Thế thì đối tượng tư duy từ đâu mà có? Câu hỏi này tuy đơn giản, nhưng thật ra không đơn giản tí nào. Trong Duy thức học Phật giáo có hai trường phái An Huệ và Hộ Pháp, mỗi phái đều có cách trả lời khác nhau. Vì chủ đề chính của bài viết này không nhằm giải quyết vấn đề này, cho nên ở đây người viết không đi sâu vào lãnh vực triết học của hai trường phái này, nó sẽ được

³ Thích Tuệ Sỹ dịch, “Kinh Trung A Hàm”, ‘Kinh Lậu Tận’, Web: www.quangduc.com

thảo luận trong một chuyên đề khác. Để giải đáp vấn đề đã nêu, người viết xin giải đáp. Đối tượng mà ý thức tư duy chính là ‘pháp xứ’ trong 12 xứ. Nó vốn là những hình ảnh của những cái được thấy, được nghe, được người, được nếm và được cảm xúc từ thế giới bên ngoài. Ví dụ hôm qua nghe một bản nhạc rất hay, thấy một đóa hoa thật đẹp..., ở đây, bản nhạc hay, bông hoa đẹp tuy nó đã thuộc quá khứ, hiện tại không còn, nhưng hình ảnh đóa hoa và âm thanh của nhạc vẫn còn lưu lại trong ký ức. Những ấn tượng trong ký ức đó là cái được chụp lại từ thế giới bên ngoài, làm đối tượng để cho ý thức nhận thức phân biệt, vì ý thức không thể nhận thức thế giới bên ngoài. Như vậy, nếu như giáo lý Bát chánh đạo được xem như là một quá trình nhận thức với thế giới bên ngoài thì ‘chánh kiến’ được xem như là nguồn tư liệu đáng tin cậy, làm cơ sở cho chánh tư duy, chánh ngữ... chánh định. Chánh tư duy có trách nhiệm sử lý những tư liệu đó cho phù hợp với thực tế, trước khi biểu thị qua lời nói hay hành động.

3. Chánh ngữ

Chi thứ ba trong giáo lý Bát chánh đạo là chánh ngữ. Tiếng Pàli là Samma-vaca, có nghĩa là lời nói chơn chánh hay đúng đắn. Nếu như chánh tư duy có trách nhiệm xử lý những gì đã được thu thập từ năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) cho hợp lý, thì chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là một trong ba chi biểu thị thái độ hợp lý của con người đối với thế giới tự nhiên, có nghĩa là con người phải phát ngôn và làm đúng với thực tế. Tất nhiên, xã hội con người rất phức tạp, cho nên người nói phải thận trọng, phát biểu như thế nào không làm tổn thương cho mình và cho người khác, và dĩ nhiên lời nói đó phải phù hợp với lý tưởng mà mình đang đeo đuổi. Hoàn thành được mục đích này, Phật giáo gọi là chánh ngữ. Theo Phật giáo chánh ngữ không phải là thấy như thế nào nói như thế ấy, kinh nói sao mình nói vậy là chánh, đây là điểm mà người Phật tử chúng ta cần chú ý và học tập. Thế thì theo Phật giáo dựa vào những tiêu chuẩn nào để phát ngôn không rơi vào tà ngữ?

Để trả lời cho vấn đề này, trong Kinh A Hàm và Nikaya có khá nhiều kinh giải thích. Trước tiên là ‘Kinh Ví Dụ Cái Cưa’ (Kakacupamasuttam), đức Phật tường tận giải thích như sau:

“Chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Người có thể dùng khi nói với các người khác: (1). đúng thời hay phi thời, (2). chơn thực hay không chơn thực, (3). nhu nhuyễn hay thô bạo, (4). có lợi ích hay không lợi ích, (5). với từ tâm hay với sân tâm.”

“Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời

chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời nhu nhuyễn hay nói lời thô bạo. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói với từ tâm hay với sân tâm.”

*“Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các Người cần phải học tập như sau: “Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân”. Chư Tỷ-kheo, như vậy các Người cần phải học tập.”*⁴

Nội dung đoạn kinh này, chủ yếu đức Phật căn cứ vào 5 yếu tố để khuyên chúng ta nên nói hay không nên nói. (1). Đúng thời hay phi thời. Có nghĩa là khi chúng ta muốn phát biểu một vấn đề gì, cần phải cân nhắc, vấn đề đó được nói trong lúc này đã hợp thời chưa? (2). Chân thực hay không chân thực. Cần phải xem xét vấn đề mà ta muốn nói đó đúng sự thật hay không đúng sự thật. (3). Nhu nhuyễn hay thô bạo. Có hai cách thể hiện lời nói của mình là chúng ta nên dùng cách nào, thô bạo cứng rắn hay uyển chuyển mềm dẻo. (4). Có lợi ích hay không lợi ích. Trước khi muốn phát biểu lời nói nào cần phải cân nhắc, lời nói ấy có lợi ích hay không có lợi ích, (5). Từ tâm hay sân tâm. Có hai cách thể hiện lòng mình qua lời nói, nói với lòng từ bi hay lòng sân hận. Đây là 5 tiêu chuẩn để chúng ta tự lựa chọn lời nói của mình. Đức Phật cho rằng, chính chúng ta là người quyết định, lựa chọn lời nói, không có bất cứ ai có thể thay ta lựa chọn, nhưng chúng ta cần chú ý một vấn đề cơ bản là, sau khi nói ra sẽ có một trong hai kết quả là khổ đau hay hạnh phúc, điều đó tùy thuộc vào sự phát ngôn hợp lý hay phi lý. Theo nhà Phật, thông thường lời nói hợp thời, chân thật, mềm dẻo, với tâm từ, nó thường mang lại cho chúng ta an lạc và hạnh phúc; ngược lại, nó sẽ mang lại bất an và khổ đau. Đó là lý do tại sao đức Phật khuyên chúng ta nên nói lời nói chân thật, ái ngữ với lòng bi mẫn, không phải là hận thù. Đây là ý nghĩa về lời nói được đức Phật trình bày trong kinh này.

Cũng cùng nội dung liên quan đến vấn đề ‘Lời nói’, ‘Kinh Vương Tử Abhaya’ (Abhaya rajakumara sutta), được đức Phật giải thích một cách cụ thể và rõ ràng hơn.

Nguyên nhân đức Phật nói bài kinh này, vì ngoại đạo Nigantha Nataputta có ác ý muốn làm nhục đức Thế Tôn, cho nên đã xúi vương tử Abhaya đến tranh luận với

⁴ HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 1, ‘Kinh Ví Dụ Cái Cưa’, Viện NCPHVN ấn hành, 1992 trang 287.

Thế Tôn. Nếu chiến thắng, tiếng tốt sẽ đồn xa, vì vương tử là người dám luận chiến với Thế Tôn. Mặc dù Vương tử Abhaya không dám làm điều đó, nhưng Nigantha Nataputta đã thuyết phục và chỉ cách đặt vấn đề với Thế Tôn như vậy: ‘Nhu Lai có khi nào nói những lời nói mà người nghe không ưa không thích không?’ Nếu như Thế Tôn trả lời là: ‘Có’. Tiếp tục đặt vấn đề: ‘Thế thì, cách trả lời ấy giữa Thế Tôn và kẻ phạm phu có khác gì?’ Nếu như Thế Tôn trả lời là: ‘Không’. Tiếp tục đặt vấn đề bằng cách hạ nhục: Thế Tôn trả lời không đúng sự thật, vì Thế Tôn đã từng nói: ‘Này Devadatta phải đọa vào đọa xứ, Devadatta phải đọa vào địa ngục’ là lời nói mà người nghe không thích. Sau đó, Vương tử Abhaya đã làm theo và đặt vấn đề Thế Tôn.

Để trả lời câu hỏi móc câu này, đức Phật không trực tiếp trả lời câu hỏi mà trả lời gián tiếp, bằng cách vay mượn một câu chuyện có nội dung tương đồng hỏi vặn lại vương tử Abhaya. Kết quả câu trả lời của Vương tử như thế nào, thì đó chính là câu trả lời của đức Phật. Cho nên Ngài đã hỏi lại:

“*Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Nếu đưa con nít này, do sự vô ý của Vương tử, hay do sự vô ý của người vú hầu, thọc một cây gậy hay nuốt một hòn đá vào trong miệng, vậy Vương tử phải làm gì?*”

“*Bạch Thế Tôn, con phải móc cho ra. Bạch Thế Tôn, nếu con không thể móc ra lập tức, thôi với tay trái con nắm đầu nó lại, với tay mặt lấy ngón tay làm như cái móc, con sẽ móc cho vật ấy ra, đâu có phải chảy máu. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì con có lòng thương với đứa trẻ.*”

“*Cũng vậy, này Vương tử, (1) lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy.*”

“*(2) Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy.*”

“*(3) Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy.*”

“*(4) Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy.*”

“*(5) Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy.*”

“*(6) Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy.*”

“*Vì sao vậy? Này Vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.*”⁵

Qua nội dung và ý nghĩa câu chuyện cho thấy, lời dạy của đức Phật rất cụ thể và rõ ràng. Ngài lấy 3 tiêu chuẩn là: 1. Lời nói có như thật hay không, 2. Lời nói ấy có liên hệ mục đích hay không, và 3. Lời nói ấy có được người khác nghe thích hay không. Đây là 3 tiêu chuẩn để quyết định có nên nói hay không nói. Trong 6 trường hợp được đề cập, nhưng trong đó chỉ có 2 trường hợp thứ 3 và 6 là hai trường hợp Ngài quyết định nói. Còn lại, 4 trường hợp 1, 2, 4 và 5 Ngài nhất định không nói. Chúng ta thử tìm hiểu lý do tại sao Ngài nói và không nói? Trong hai trường hợp Ngài quyết định nói đều có liên quan đến tiêu chuẩn ‘tương ứng với mục đích’, mặc dù trường hợp thứ 3, là lời nói mà người nghe không ưa thích, nhưng đức Phật vẫn nói, vì nó có liên hệ đến mục đích. Ngược lại, những trường hợp còn lại, đức Phật nhất quyết không nói, vì chúng không có liên hệ đến mục đích, mặc dù có thể là lời nói sự thật, người nghe ưa thích. Ví dụ mục đích của học sinh là đi học, nếu như có người bảo em bỏ học đi làm công việc tuyên truyền gì đó, có đồng lương khá cao. Mặc dù công việc tuyên truyền đó là có thật, cũng có lương cao thật, nhưng việc tuyên truyền ấy, vì chúng không liên hệ mục đích đi học, cho nên em đã quyết định không làm.

Cũng vậy, chúng ta quyết định nên nói hay không nên nói, lời nào là lời nói đúng và lời nào là lời nói sai. Tiêu chuẩn của sự đúng sai đó phải được dựa vào mục đích của người đó. Mục đích của Phật giáo là hướng đến giác ngộ và giải thoát, nếu là người Phật tử nên dựa vào mục tiêu này làm tiêu chuẩn cho lời nói hay việc làm của mình. Bất cứ việc làm nào mang lại lợi ích vật chất cao, lời nói hay, việc làm là sự thật, nhưng nó không liên hệ gì đến mục tiêu giác ngộ và giải thoát thì lời nói đó, việc làm đó đức Phật khuyên chúng ta không nên nói, không nên làm. Đây chính là ý nghĩa chân thật về khái niệm ‘chánh ngữ’ trong nhà Phật. Tuy nhiên, bản chất con người vốn có sẵn tính biếng nhác, không thích lối suy tư logic, cho nên ít người trong xã hội hiểu ý nghĩa này. Đối với hạng người này, đức Phật cụ thể hóa khái niệm chánh ngữ bằng những qui định cụ thể, như được trình bày trong ‘Kinh Phân Biệt Về Sự Thật’ (Sacca vibhanga citta sutta) như sau:

“*Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Tự chế*

5 HT. Minh Châu, “Kinh Trung Bộ” tập 2, VNCPHVN ấn hành, 2000, trang 132~134.

*không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.”*⁶

Thật ra, sự qui định này mang tính gượng ép, chưa bộc lộ hết ý nghĩa ‘chánh kiến’ theo quan điểm nhà Phật. Vì đôi khi chúng ta nói lời không chân thật, nhưng lời nói ấy có lợi ích, lại liên hệ đến giác ngộ và giải thoát, thế thì tại sao một người Phật tử không được nói lời nói ấy. Ngược lại đôi khi chúng ta nói lời chân thật không hư vọng, nhưng lời nói ấy không liên quan gì đến giác ngộ giải thoát, thế thì tại sao Phật tử chúng ta phải nói lời nói ấy. Ví dụ, Phật tử chúng ta nói chuyện cày bừa, chuyện buôn bán... có lợi ích gì. Mặc dù đó là những chuyện có thật, nhưng nó không có liên hệ đến tu tập giác ngộ giải thoát, cho nên chúng ta không nói những lời nói ấy.

Nhưng dù sao đi nữa, những qui định này rất cụ thể bất cứ ai nghe cũng hiểu và có thể làm được, không cần suy nghĩ. Thiết nghĩ đó cũng là phương tiện giáo dục cho quần chúng, làm nền tảng cho đạo đức xã hội.

4. Chánh nghiệp

Chi thứ tư trong Bát chánh đạo là chánh nghiệp. Tiếng Pali là samma-kammanta. Samma là chánh; kammanta là nghiệp, nghề nghiệp, sự nghiệp, gia nghiệp, chức nghiệp, thương nghiệp, nghiệp vụ. Nói một cách dễ hiểu là nghề nghiệp hay phương cách kiếm tiền để sống. Có khá nhiều cách để kiếm tiền, nhưng ở đây Phật giáo muốn đề cập đến những nghề nghiệp hợp pháp, không phải là phi pháp, nghề đó được gọi là chánh nghiệp. Thế nào là chánh nghiệp? Theo ‘Kinh Phân Biệt Về Sự Thật’ (Sacca vibhanga citta sutta), đức Phật giải thích:

*“Nay chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.”*⁷

Hầu như những bản kinh thuộc về Phật giáo Nguyên thủy, những bản kinh có nội dung đề cập đến nghề nghiệp là phương tiện kiếm sống nuôi thân là đề cập đến đời sống của người tại gia, không phải cho người xuất gia. Cũng vậy, đoạn kinh định nghĩa về chánh nghiệp vừa được nêu, với nội dung dạy cho người tại gia không phải xuất gia, vì giới của người xuất gia, cấm Tỷ kheo không được đâm dục, không phải cấm không được tà dâm, do vậy nên biết đó là lời dạy dành cho người tại gia. Có lẽ vào thời đức Phật ba vấn đề sát sinh, trộm cắp và tà dâm là ba lãnh vực kinh doanh không lành mạnh, làm suy thoái đạo đức, cho nên đức Phật đã khuyên Phật

tử không nên kinh doanh vào ba lãnh vực này. Ở đây vấn đề cấm không được sát sinh với nội dung và ý nghĩa như thế nào chúng ta cần nghiên cứu nghiêm túc, vì người xuất gia theo phái Nam tông vẫn được ăn mặn theo tinh thần ‘tam tịnh nhục’, có nghĩa là các loại thịt không thấy, không nghe và không nghi vẫn được thọ dụng (Xin đọc bài: “Vấn đề ăn chay trong đạo Phật” của Thích hạnh Bình). Như thế thì vấn đề ‘Tự chế không sát sinh’ với ý nghĩa như thế nào. Theo tôi mang ý nghĩa lấy việc sát sinh như là nghề để sống. Ngoài 3 lãnh vực này, lẽ dĩ nhiên còn có nhiều nghề không được tốt khác nữa, như là mua bán vũ khí, các chất độc hại... nói chung là những nghề mang tính chất nguy hiểm cho con người và xã hội. Liên quan đến vấn đề này, trong “Kinh Tăng Chi” tập 2, đức Phật đề cập những nghề người Phật tử không được làm như sau:

*“Có năm nghề buôn bán này, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc.”*⁸

Nghề thứ nhất trong năm nghề mà đức Phật đề cập là, cấm người Phật tử không được buôn bán đao kiếm. Từ này bao gồm cả súng đạn là những binh khí dùng cho chiến tranh, vì thời xưa chưa có vũ khí như bây giờ cho nên đức Phật chỉ đề cập đao kiếm, nhưng nên hiểu là những loại vũ khí; điều thứ hai mà đức Phật cấm người Phật tử không được làm là buôn người. Nghề này có lẽ ở xã hội lạc hậu, chưa có chính sách bảo vệ nhân quyền, cho nên tình trạng buôn người phổ biến, nhất là phụ nữ và trẻ em, không chỉ ở ngày xưa mà ngày nay vẫn còn, trình trạng buôn phụ nữ và trẻ em vẫn đang diễn ra hằng ngày; buôn bán rượu cũng được đức Phật cấm, vì nó là loại làm cho con người say mê, sống trong mê mờ, không có lý trí, nó là cái nhân sinh ra các khổ, cho nên đức Phật khuyên người Phật tử không uống, cũng không khuyến khích người khác uống, đó là lý do tại sao Ngài cấm không cho người Phật tử buôn bán rượu; nghề thứ tư mà đức Phật cấm là buôn bán thịt, vì buôn bán thịt là trực tiếp hay gián tiếp giết hại sinh vật, nếu như mọi ngày lấy đao chặt bằm mạng sống của chúng sinh, điều đó dễ dàng làm thương tổn lòng từ bi, và nó chính là nghề huấn luyện con người trở thành người ác trong xã hội, đó là lý do tại sao Phật cấm người Phật tử không nên làm nghề buôn bán thịt; và nghề cuối cùng là nghề buôn bán các loại độc dược, là những loại như là heroin, thuốc lắc..., nó là những loại thuốc làm cho con người mất lý trí, mất khả năng sống, dẫn vào con đường sa đọa, làm khổ mình và khổ người. Đây là năm trường hợp cụ thể

6 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, VNCPHVN ấn hành, 2001, tr.ang 564.

7 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3., VNCPHVN ấn hành, 1992, trang 565.

8 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Tăng Chi” tập 2, VNCPHVN ấn hành, 1996, trang 646.

mà đức Phật cấm. Ở xã hội ngày nay, còn có nhiều nghề không được lành mạnh, là người Phật tử cũng không nên làm.

Liên quan đến nghề nghiệp, là cách để kiếm tiền để nuôi sống cho mình và gia đình, đức Phật có những lời khuyên rất thực tế và hữu ích, tôi xin liệt kê cho độc giả tham khảo. Trước nhất là “**Kinh Tập A hàm**” tập 1, số 91 đức Phật khuyên người Phật tử tại gia như sau:

“*Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay trong hiện tại?*”

Phật bảo Bà-la-môn: “*Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: (1). Phương tiện đầy đủ, (2). Thủ hộ đầy đủ, (3). Thiện tri thức đầy đủ, (4). Chánh mạng đầy đủ.*”

(1). “*Thế nào là Phương tiện đầy đủ ? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.*”

(2). “*Thế nào là Thủ hộ đầy đủ ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trời, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.*”

(3). “*Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ ? Là người thiện nam sống có điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện tri thức đầy đủ.*”

(4). “*Thế nào là Chánh mạng đầy đủ ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít.*”

Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là ‘quả ưu-đàm-bát không có hạt giống’; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi

người ở gần đều nói: ‘Người ngu si này như con chó chết đói.’ Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại.”⁹

Thông thường chúng ta được nghe trong Phật giáo đề cập đến nhân quả báo ứng liên hệ đến kiếp sau của cuộc sống này, bằng cách dạy bảo chúng ta nên giữ giới tu tập như thế này hoặc như thế khác, để tránh những quả báo khổ đau trong địa ngục không tốt. Với nội dung đoạn kinh vừa được trích dẫn, đức Phật không đề cập đến kiếp sau mà nhấn mạnh ở kiếp hiện tại, cuộc sống cụ thể này. Căn cứ vào những vấn đề cụ thể của đời sống hiện tại để đưa ra lời khuyên rất mộc mạc chân tình, nhưng rất thực tế, bất cứ ai cũng có thể hiểu và thực hành được, ai thực hành đúng sẽ có kết quả an vui hạnh phúc ngay trong cuộc sống này. Điều đó chứng minh rằng, quan điểm của đức Phật không chỉ lo việc chết, nói về kiếp sau, cầu nguyện cho người đã khuất, nhất là còn phải lo cho người đang sống, cả về mặt tinh thần lẫn đời sống vật chất, bằng cách quản lý tài sản, chi tiêu trong gia đình. Thiết nghĩ ai đã làm người cha người mẹ trông coi kinh tế gia đình sẽ hiểu vấn đề này hơn.

Bốn yếu tố mà đức Phật khuyên người Phật tử tại gia cần hành trì để cuộc sống được an lạc là: (1). Khi còn trẻ mỗi người cần phải có tinh thần tự lực cánh sinh, bằng cách tìm một công việc nào thích hợp, và dĩ nhiên công việc đó phải là công việc hợp pháp như là làm nông, công nhân, buôn bán, kế toán, công chức... Sau khi tìm việc xong, cần ổn định và phát huy khả năng chuyên môn của mình đối với công việc đó. Đây là lời khuyên rất cơ bản, nhất là thời đại khoa học kỹ thuật như hôm nay, người làm việc phải có ý thức trách nhiệm và luôn cập nhật kiến thức chuyên môn, không bị lỗi thời. Làm được như vậy, công việc chắc chắn ổn định không lo bị sa thải. (2). Tài sản mình kiếm được một cách hợp pháp, cần phải biết bảo quản giữ gìn, không để tổn hao một cách vô lý và phi nghĩa, trong đó có cả yếu tố bị lường gạt dụ dỗ. Đây là điểm thứ hai mà đức Phật khuyên người cư sĩ. (3). Nên gần gũi kết giao với những thiện hữu tri thức, là những người không những có kiến thức chuyên môn, còn là người có tư cách đạo đức, biết thương người, không có tâm làm hại người khác. Người thiện tri thức đó sẽ có những lời khuyên hợp lý khi cần, nhằm ngăn chặn những phiền não chưa sinh không phát sinh, những phiền não đã sinh liền mất; khiến niềm vui chưa sinh sẽ sinh, đã sinh càng tăng trưởng. Đây là lời khuyên thứ ba nhằm giúp cho những người Phật tử kém

9 Thích Đức Thắng dịch, “Kinh Tập A Hàm” tập 1.
Web:www.quangduc.com

trí tuệ. (4). Lời khuyên thứ 4 là sự điều hòa việc chi tiêu trong gia đình, không nên phung phí, không nên quá cần kiệm. Cả hai cực đoan này đều không có lợi cho cuộc sống.

Thiết nghĩ, bốn lời khuyên này tuy rất mộc mạc đơn giản, nhưng rất thực tế, nó không những chỉ có giá trị trong xã hội ngày xưa mà ngay cả ở xã hội ngày nay cũng thích hợp. Theo quan điểm của đức Phật, nỗi khổ của con người bao gồm hai mặt: Tinh thần và vật chất. Riêng về mặt vật chất, đức Phật cho rằng, con người cần có những nhu cầu vật chất cần thiết để sống, nhưng điều đó không đồng nghĩa vật chất càng nhiều bao nhiêu thì con người càng có hạnh phúc bấy nhiêu. Có bao nhiêu đi nữa mà lòng tham không đầy thì nỗi khổ vẫn đeo theo như bóng với hình. Chỉ có người biết đủ mới cảm thấy an vui, hài lòng và trân quý những gì mình có. Trái đũa chuột với chén tương gừng của nhà chùa ai dám chắc rằng không ngon miệng bằng bữa yến tiệc nơi tửu điểm? Thật ra, nguyên nhân về sự túng thiếu của con người không phải là ít tiền hay vật chất không đủ mà chính là sự phung phí cộng thêm lòng tham không đáy. Đôi khi nguồn gốc khổ đau của con người không phải là thiếu thốn mà là sự dư thừa cộng với lòng keo kiệt. Phung phí và keo kiệt là hai nỗi khổ bằng nhau mà đời người thường vướng phải. Đó là nội dung và ý nghĩa mà đức Phật đã dạy cho người Phật tử tại gia qua bài kinh này.

Thế thì đối với người xuất gia thế nào được gọi là chánh nghiệp? Chánh nghiệp cho người xuất gia hay phương kế sinh nhai nào phù hợp cho người xuất gia. Theo tôi, câu trả lời tốt nhất phải được căn cứ vào mỗi trường hợp cụ thể. Ở đây, chỉ xin đưa ra hai trường hợp điển hình. Theo truyền thống Phật giáo Nam Tông là hình thức khất thực, còn Phật giáo Đại thừa là chế độ cúng dường từ Phật tử, có nhiều nơi là nền kinh tế tự túc, có nghĩa là làm nương rẫy để sống, đây là trường hợp phổ biến ở vùng thôn quê Việt Nam. Nhưng cho dù là cách sống như thế nào đi nữa, nó không đi xa chánh pháp, ngược lại tinh thần từ bi và trí tuệ của đức Phật. Là người xuất gia không thể kiếm sống bằng những nghề nghiệp liên quan đến mê tín dị đoan, làm lu mờ chánh pháp.

Dù là người tại gia hay người xuất gia, là con người vật chất vẫn là nhu cầu tất yếu. Nhưng kiếm sống như thế nào không trái với đạo giác ngộ và giải thoát của đạo Phật là điều cần phải suy nghĩ cho người xuất gia lẫn tại gia. Thực hành đúng theo lời dạy của Phật không phải là sự lợi ích cho đức Phật mà chính người hành pháp, là người thọ nhận an lạc trước nhất.

5. Chánh mạng

Chi thứ năm trong giáo lý Bát chánh đạo là chánh

mạng, từ này vốn được dịch từ tiếng Pàli là Samma-ajiva. Ajiva là mạng, sinh mạng, cuộc sống. Như vậy, Samma-ajiva có nghĩa là cuộc sống chân chánh hay còn gọi là chánh mạng. Nếu chi thứ tư là chánh nghiệp, thảo luận về việc làm hợp pháp thì chi thứ năm nói về chánh mạng, cuộc sống hợp lý. Sự khác biệt giữa hai chi này là giữa việc làm và cuộc sống. Nói đến cuộc sống là nói đến quan điểm sống, liên quan cả cuộc đời, không làm nhưng vẫn phải sống. Đó là sự khác nhau giữa hai chi này. Trong ‘Kinh Phân Biệt Về Sự Thật’ (Saccavibhangacittasuttam) đức Phật định nghĩa về chánh mạng như sau:

*“Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.”*¹⁰

Hay trong ‘Đại Kinh Xóm Ngựa’ (Maha ssapura suttam) đức Phật giải thích từ chánh mạng như sau:

*“Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập.”*¹¹

Qua nội dung của hai đoạn kinh trên. Đoạn kinh thứ nhất đức Phật đã sử dụng phương pháp so sánh, lấy từ tà mạng để giải thích chánh mạng, nhưng không có lời giải thích cụ thể rõ ràng nào. Ngược lại, đoạn kinh kế tiếp, đức Phật cho ta nhiều định nghĩa của từ chánh mạng như là: Thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, không che giấu lỗi lầm. Thật ra những khái niệm này mô tả một vị thực hành chánh pháp một cách đúng, cho nên thân tâm người ấy được thanh tịnh, nhờ vậy mà tâm vị ấy được cởi mở, không có chấp, nếu có lỗi lầm gì, vị ấy tìm đến vị đạo sư hay người thiện tri thức phát lồ sám hối và xin lỗi chỉ dạy. Như vậy là người có chánh mạng. Đây là ý nghĩa chánh mạng trong Tám chánh đạo.

6. Chánh tinh tấn

Chi thứ sáu trong Bát chi chánh đạo là ‘chánh tinh tấn’. Từ này tương đồng tiếng Pali là Samma-vayama. Samma là chánh; vayama là tinh tấn, nỗ lực, cố gắng. Từ này đi kèm với chánh, cho nên gọi là chánh tinh tấn, hay nói cách khác là sự nỗ lực chân chánh, có ý nghĩa. Thế nào là sự nỗ lực chân chánh. Căn cứ ‘Kinh Phân Biệt Về Sự Thật’ (Sacca vibhanga citta suttam) được đức Phật giải thích:

10 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, VNCPHVN ấn hành, 2001, trang 565.

11 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 1, VNCPHVN ấn hành, 1992, trang 596~597..

“Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.”¹²

Mục đích giáo dục của đạo Phật là nhắm đến giác ngộ và giải thoát. Giác ngộ là thấy được chân lý hay nguyên tắc sống; giải thoát là nhờ sự giác ngộ mà hành giả được giải thoát, không có giác ngộ thì không có giải thoát, cũng như không có ánh sáng thì không có sự thấy. Như vậy, giác ngộ là nhân, giải thoát là quả, quả từ nhân mà sinh, không thể có quả mà không có nhân, cũng không thể có nhân là ác mà quả là thiện, nhân quả phải tương thích. Đây là đạo lý nhân quả trong nhà Phật. Cũng vậy, người muốn giác ngộ giải thoát, người ấy không thể lấy vô minh làm phương cách hành xử, giác ngộ và giải thoát không từ đâu mà có. Đã biết được con đường này là con đường dẫn đến hạnh phúc an lạc, và con đường kia là con đường mang lại khổ đau. Chỉ biết như thế và dừng lại ở đó, hạnh phúc cũng không thể tự nhiên đến, khổ đau cũng không thể tự nhiên mà về. Liên quan đến sự hạnh phúc an lạc. Trong ‘Kinh Chuyển Luân Vương’, đức Phật luôn luôn nhắc nhở chúng ta rằng:

“Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Này các Tỳ-kheo, hãy tự mình thấp lên ngọn đèn Chánh pháp. Hãy nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thấp lên ngọn đèn khác, đừng nương tựa một pháp khác (Pāli: Attadipā bhikkhāve viharatha atta saranā anañña saranā. Dhamma dipā dhamma saranā anañña saranā).

“Này chư Tỳ-kheo, nếu ai tự mình thấp lên ngọn đèn chánh pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thấp lên ngọn đèn khác, không nương tựa một pháp khác, thì có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng.”¹³

Nội dung ý nghĩa đoạn kinh này, đức Phật khuyên chúng ta, hãy là người chủ nhân, làm chủ chính mình, đừng có tư tưởng nương cậy, nhất là nhờ cậy tư tưởng thật nguy hiểm, vì ai giác ngộ người ấy giải thoát, ai vô

minh người ấy khổ đau, không ai thay cho ai, giúp cho ai được, cho nên đức Phật khuyên: ‘*Hãy nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thấp lên ngọn đèn khác, đừng nương tựa một pháp khác*’. Muốn không nương tựa vào kẻ khác, điều kiện cần thiết là phải biết chân lý hay nói dễ hiểu là đạo lý sống, chân lý đó được đức Phật giác ngộ, sau đó Ngài lại nói lại cho chúng ta hiểu, vì lý do đó cho nên Phật pháp cũng được gọi là chân lý. Chân lý là nguyên lý của cuộc sống, bất cứ ai sống trong cuộc đời này cũng phải tuân thủ theo nguyên lý đó, dù là Thánh hay phàm, quan hay dân, nam hay nữ đều giống nhau. Ở đây có từ ‘Pháp của mình’ và ‘pháp của người’, chính là ý nghĩa muốn nói rằng, trên cuộc đời này chỉ có một chân lý, không thể có hai chân lý, hai đạo lý. Đạo lý đó là đạo lý cho tất cả, không có gì thử ngã nhân. Hẳn nhiên nó không mang ý nghĩa khen mình chê người, tự cho mình là đúng người khác là sai.

Ngoài ý nghĩa vừa được trình bày, nội dung đoạn kinh này đức Phật gợi ý cho chúng ta biết một điều khá quan trọng là, Ngài chỉ là bậc Đạo sư, chỉ cho chúng ta hiểu rõ con đường đến hạnh phúc và con đường sa vào khổ đau. Mọi người chúng ta muốn đạt đến trạng thái an lạc hạnh phúc đó, tự mình phải nỗ lực đi trên con đường đó. Sự nỗ lực này chính là ý nghĩa của ‘chánh tinh tấn’ trong Tám chánh đạo. Sự nỗ lực của đạo Phật không phải là sự nỗ lực tìm hạnh phúc bằng con đường hưởng thụ dục vọng, mà nỗ lực diệt trừ loại bỏ những nguyên nhân gây ra khổ đau, tức là ý nghĩa của đoạn kinh vừa đề cập, nỗ lực tu tập khiến các pháp bất thiện chưa sinh không sinh khởi, đã sinh được trừ diệt; các thiện pháp chưa sinh liền sinh khởi, đã sinh càng tăng trưởng. Ở đây, chúng ta cũng cần chú ý vấn đề khái niệm thiện và ác, trong đạo Phật định nghĩa hai khái niệm này có ý nghĩa cá biệt. Những giới điều mà chúng ta thường cho rằng, không sát sinh, không trộm cắp... là thiện; ngược lại, sát sinh, trộm cắp... là ác, nhưng thật ra, đây chỉ là hình thức, tức là cái được biểu hiện ra bên ngoài của việc thiện hay ác. Điều ác từ sâu xa bên trong là lòng tham lam, sân hận và ngu si, cái tâm tham sân si này nó mới chính là ác, vì nó chỉ đạo cái miệng buông lời ác, cái thân làm việc ác. Như vậy, hình thức sát sinh, trộm cắp... là quả, tham sân si là nhân của quả. Do vậy, muốn đoạn trừ quả ác, phải đoạn trừ từ nhân ác; muốn không có hành vi bất thiện phải diệt trừ lòng tham sân si. Đây chính là mục đích của sự nỗ lực, nếu nỗ lực mà không chân chánh, tức là không biết kết quả sự nỗ lực đi về đâu, sự nỗ lực đó trở thành vô dụng. Chẳng khác nào như công dã tràng. Nói một cách dễ hiểu, nếu chúng ta nỗ lực tinh tấn tu học, nhưng không tìm hiểu sự nỗ lực đó có phù hợp với đạo giác ngộ giải thoát không, thì sự tu tập đó trở thành vô ích. Phật bảo chúng ta đi con

12 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, VNCPHVN ấn hành, 2001, trang 565.

13 TT. Tuệ Sỹ dịch, “Kinh Trung A Hàm”. Web: www.quangduc.com

đường này, nhưng ta lại đi con đường khác, làm sao đạt được giác ngộ và giải thoát.

7. Chánh niệm

Chỉ thứ bảy trong Bát chánh đạo là ‘chánh niệm’. Tiếng Pali là Samma sati. Samma là chánh; Sati có nghĩa là niệm, ức niệm, chánh niệm. Hay nói một cách khác là cột tâm, dán tâm hay chú tâm vào một đối tượng nào đó, được gọi là chánh niệm. Liên quan ý nghĩa này, trong ‘Đại Kinh Xóm Ngựa’ (Maha ssapura sutta) đức Phật giải thích như sau:

“Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?” Chúng ta phải chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kẹp, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi đứng, nằm, thức, nói, yếm lặng đều tỉnh giác.”¹⁴

Nguồn gốc của khổ đau là vô minh, nhưng vô minh là cái gì rất trừu tượng khó hình dung, không ai biết vô minh là gì. Muốn hiểu vô minh là gì, không thể trực tiếp tìm hiểu vô minh, phải ngang qua các hình thức mà vô minh biểu hiện, từ đó mới hiểu được vô minh là gì. Cũng vậy, trạng thái thiếu chú ý, không cẩn thận, lơ đãng của tâm là hình thức biểu hiện của vô minh, do vậy nó dẫn đến nhiều hậu quả phiền não khổ đau cho con người. Ví dụ vừa nấu ăn vừa nói chuyện phone, cho nên món xào bị cháy, hoặc ném ném mận lặt; hoặc vừa lái xe vừa nói phone, lặt tay lái xảy ra tai nạn giao thông; hoặc vừa học bài vừa nghĩ đến người thương, cho nên bài không thuộc... thức ăn không vừa miệng, tai nạn giao thông, bài không thuộc..., nguyên nhân chính của nó là thiếu sự tỉnh giác, không chú tâm. Nếu lái xe mà chú tâm vào việc lái xe thì tại nạn khó xảy ra; chú tâm vào việc học bài thì vô lý bài lại không thuộc, và biết bao câu chuyện khác nữa. Đó chính là ý nghĩa câu: Đi mình biết mình đi, ăn mình biết mình ăn, uống mình biết mình đang uống... là thiền. Có người không mấy hiểu ý này lại giải thích thành ra, tu là chuyện ăn, mặc, đi, đứng... là những chuyện bình thường của cuộc sống. Nếu tu chỉ có thể, đâu cần gì học hành, đến trường lớp chỉ cho khổ. Hoặc cố ý giải thích nó thành những câu chuyện ở từng trời thứ 34¹⁵, cả người nghe và người giải thích đều không hiểu. Tự bảo chữa cho sự giải thích vô lý của mình, lại đổ thừa cho trình độ người nghe, và nói rằng, “đợi khi chứng ngộ rồi mới hiểu”, cùng nhau vỗ tay đợi chờ ngày

14 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, VNCPHVN ấn hành, 2001, trang 600.

15 Trong Phật giáo chỉ đề cập 33 cõi trời.

ấy, nhưng ngày ấy là ngày nào ai mà biết được, chỉ còn có cách giao hết mạng con cho thầy cho Phật quyết định. Phải chăng giáo lý Phật giáo Đại thừa là giáo lý chỉ dành cho người giác ngộ, có nghĩa là đợi khi nào giác ngộ mới hiểu. Thế thì mọi ngày chúng ta đọc tụng kinh Phật để làm gì? Nên hiểu rằng, giáo lý của đức Phật là giáo lý đến để thấy, biết và thực hành, không phải để tin và thờ phụng. Nếu đạo Phật tiếp tục giải thích theo cách này, thì đó là bức vạ lý trường thành để ngăn chặn thế hệ trẻ, giới tri thức đến với đạo Phật. Có lẽ đã đến lúc Phật giáo chúng ta phải kiểm thảo lại cách giáo dục và hoằng pháp của mình.

Trở lại vấn đề. Chánh niệm là giúp cho tâm chúng ta không bị tán loạn; tâm không tán loạn là tâm có chánh niệm, như vậy tâm ấy không có cơ hội phát sinh phiền não.

Từ ý nghĩa cơ bản này đi đến hình thành các pháp môn tu tập trong nhà Phật, như là Niệm Phật, Tứ niệm xứ, Quán hơi thở ra vô, ngay cả quán công án...



Niệm Phật không chỉ dừng lại ở miệng niệm danh hiệu Phật A Di Đà mà chủ yếu là để tâm chúng ta trở về với tự tánh Di Đà. Tự tánh Di Đà là vô lượng quang và vô lượng thọ. Vô lượng quang là ánh sáng vô lượng không có giới hạn, ánh sáng đó là loại ánh sáng nào? là ánh sáng của trí tuệ, chỉ có ánh sáng trí tuệ mới không bị giới hạn bởi chướng ngại vật. Vô lượng thọ là thọ mạng không có giới hạn. Thọ mạng nào lại không bị giới hạn của qui luật duyên sinh? chỉ có thọ mạng của trí tuệ mới

có thể không bị quy luật duyên khởi, chuyển đổi cái tâm giác ngộ trí tuệ đó thành cái tâm vô minh đầy đau khổ của chúng sinh. Ý muốn nói rằng, người giác ngộ là người có trí tuệ, người có trí tuệ là người không bị rơi vào cái khổ của sinh diệt, diệt sinh, người không rơi vào cái khổ sinh diệt đồng nghĩa với không rơi vào sinh tử luân hồi, vì sinh tử luân hồi là khái niệm khổ, không còn khổ có nghĩa là thọ mạng của hạnh phúc vô lượng, hay nói một cách khác thọ mạng của trí tuệ vô lượng. Đây là ý nghĩa sâu xa của pháp môn niệm Phật mà người tu tập pháp môn này cần phải biết và thấu hiểu.

8. Chánh định

Chánh định là chi cuối cùng của giáo lý Bát chánh đạo. Tiếng Pali là Samma samadhi. Samma là chánh; samadhi là định, tinh thần thống nhất. Như vậy ý nghĩa của từ này là một loại định chân chánh, một tinh thần thống nhất. Nếu như chi thứ bảy là chánh niệm, nó mang ý nghĩa cột tâm vào một đối tượng nào đó, thì chi thứ tám là chánh định, chi này có trách nhiệm làm cho đối tượng càng được rõ ràng, từ chuyên môn gọi là quán chiếu thiền quán, đó là sự khác biệt giữa chánh niệm và chánh định. Mô tả về chánh định trong “Kinh Tập A Hàm” đức Phật giải thích:

“Các ông hãy quán sát sắc là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.”

Cũng vậy, các ông hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.”¹⁶

Theo đạo Phật cho rằng, nguồn gốc đau khổ của con người là do vô minh – ngu si. Ngu si về cái gì? Nói cho cùng là nhận thức sai lầm về con người, và thứ đến là thể giới mà con người đang sống. Như thế nào gọi là nhận thức sai về con người? Qua 49 ngày đêm đức Phật ngồi dưới cội cây bồ đề trầm tư về nhân sinh và vũ trụ, phát hiện không có một vật nào trên thế gian có thể tồn tại một cách độc lập, tất cả đều do nhân duyên kết hợp lại mà thành, khi chúng hết duyên thì tự tan rã, không ai có thể thay đổi được nguyên tắc này, dù là Phật hay Chúa, hay bất cứ một thần linh nào. Thân phận con người cũng thế, nó được kết cấu từ năm yếu tố: Sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Trong đó yếu tố đầu tiên thuộc về vật lý, còn lại bốn yếu tố sau thuộc về tinh thần. Năm yếu tố này cùng

nhau kết hợp lại, hình thành cái được gọi là con người. Giống như chiếc xe được gọi nó là xe, vì chúng có nhiều bộ phận kết nối, như bánh xe, máy xe, thùng xe, nhiên liệu và nhiều yếu tố khác nữa, chiếc xe ấy nếu thiếu một trong những yếu tố này thì nó không thể sử dụng được. Thử hỏi, trong những bộ phận của chiếc xe ấy cái nào là chủ? xét cho cùng không một bộ phận nào là chủ cả, sự tồn tại của nó hoàn toàn tùy thuộc vào cái khác, không chỉ có chiếc xe mà còn liên quan đến nhiều yếu tố khác nữa. Con người cũng thế, trong năm yếu tố đó không có một yếu tố nào làm chủ, chúng tồn tại luôn luôn tùy thuộc lẫn nhau. Sự tùy thuộc đó hàm chứa ý nghĩa sẵn sàng đổi thay, Phật giáo gọi trạng thái đổi thay đó là vô thường; bản chất con người và thế giới chung quanh luôn ở trong trạng thái đổi thay, vô thường, thế thì tại sao khi nhìn thấy chúng đổi khác lại sinh buồn phiền đau khổ? bằng mọi cách trì níu chúng lại? càng trì níu cố chấp bao nhiêu thì buồn phiền và đau khổ càng tăng bao nhiêu, còn luật vô thường vẫn vận hành theo qui luật của nó, chúng thật vô tình và đứng đưng trước nỗi bi ai thống khổ của con người. Thử hỏi, phải chăng đó là sự ngu si của con người đối với tự thân và thế giới chung quanh nó? nếu chúng ta tự cho mình là người thông minh hiểu biết, tại sao lại tỏ thái độ ngu si không chấp nhận qui luật tự nhiên của vũ trụ? không ai có thể thay đổi được qui luật tự nhiên đó cho dù là Phật hay Chúa, các Ngài cũng phải tuân theo qui luật này mà tồn tại. Đó là lý do tại sao trong hầu hết kinh điển của Phật giáo luôn luôn đề cập giáo lý: Duyên khởi, vô thường và vô ngã. Duyên khởi và vô thường là hai hệ thống giáo lý nói đến bản chất của nhân sinh và vũ trụ, giáo lý vô ngã là giáo lý nói lên quan điểm hay thái độ của đạo Phật đối với con người và vũ trụ.

Nội dung đoạn kinh vừa trích dẫn là lời khuyên của đức Phật dành cho các vị Tỷ kheo hay nói đúng hơn là cho tất cả mọi người, lấy năm uẩn để phân tích về con người, nếu xét cho cùng năm yếu tố này cũng bao gồm vũ trụ, vì sắc uẩn là khái niệm đề cập đến mặt vật chất, không giới hạn chỉ ở trong thân thể con người mà bao gồm cả các yếu tố vật chất của vũ trụ. Ngài chỉ ra rằng, bản chất của con người vốn là do duyên khởi kết hợp, cái gì do nhân duyên kết hợp thì cái ấy vô thường, không phải là thường. Do vậy, con người đối với nó cần có thái độ như thế nào cho hợp lý? Chỉ có cách thừa nhận chấp nhận chúng là vô thường, khi đã hiểu rõ và chấp nhận sắc (vật chất) là vô thường, khi nó vô thường thì tâm không hề dao động, buồn phiền khi thấy chúng vô thường. Người sống trong thế giới vô thường này, nhưng không bị sự vô thường làm cho tâm dao động phát sinh khổ đau, người ấy là bậc Thánh, biến thế giới phiền muộn này thành thế giới an vui hạnh phúc. Ngoài ra đối

16 Thích Đức Thắng dịch, “Kinh Tập A Hàm”. Web: www.quangduc.com

với thọ, tướng, hành và thức cũng quán như vậy.

Đây là ý nghĩa chữ quán của bài kinh vừa đề cập, nó cũng là chính là ý nghĩa “Bát Nhã Tâm Kinh” mà chúng ta thường tụng hằng ngày. Với nội dung mô tả: Khi Bồ tát Quán Tự Tại tiến sâu vào trong thiền định, dùng trí tuệ ‘Bát-nhã ba-la-mật’ (prajnapamitra), thấy năm uẩn đều không (vì chúng là vô thường, không có tướng nhất định), cho nên vượt qua tất cả phiền não khổ đau. Như vậy ý nghĩa quán sát, quán chiếu trong thiền định của hai hệ Tiểu thừa và Đại thừa điểm chính vẫn giống nhau. Quán chiếu hay quán sát là chức năng của thiền định, càng quán chiếu sâu chừng nào thì đối tượng càng rõ chừng nấy, khi đã thấy rõ thì không thể làm trái lại với những gì mình đã thấy, nhờ vậy mà thoát ly khổ, đặc lạc.

Kết quả của sự tu tập thiền định là giác ngộ và giải thoát hay nói nôm na là an lạc. Thế thì trạng thái an lạc đó như thế nào? nó có giống với những an lạc và hạnh phúc của thế gian không? Liên quan đến vấn đề này, có rất nhiều kinh trong A hàm hay Nikaya trình bày. Ở đây, người viết mượn “Kinh Phân Biệt Về Sự Thật” (Saccavibhangacattasuttam) giới thiệu về bốn trạng thái của thiền định trong Phật giáo như sau:

*“Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Này chư Hiền, ở đây, (1) Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm (savitakka), với tứ (savicara). (2) Vị Tỷ-kheo ấy diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. (3) ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. (4) Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.”*¹⁷

Nếu như người thế gian, trạng thái hỷ lạc hay hạnh phúc xuất hiện chỉ khi nào được một cái gì đó, như là được người thương, được tiền của, được địa vị danh vọng... Thế nhưng, những trạng thái lạc của thiền định thì ngược lại, không lấy những cái ấy để vui. Trạng thái lạc của thiền thứ nhất, được mô tả mang ý nghĩa ngược lại với trạng thái lạc của thế gian, Nếu thế gian lấy ‘được’ làm cơ sở cho niềm vui thì trạng thái thiền thứ nhất lại lấy ‘ly’ làm niềm vui. Đó là sự khác biệt giữa cái lạc của thiền và cái lạc trong thiền định.

Trạng thái lạc của thiền thứ nhất là: Tỷ kheo cần phải lấy đời sống phạm hạnh làm niềm vui, có nghĩa là tập sống với cuộc sống xa lìa những loại lạc mong manh của dục vọng và niềm vui của những việc bất thiện, để

hướng đến đời sống thánh thiện. Khi vị Tỷ kheo đã quen với đời sống phạm hạnh thì tự đời sống đó lại sinh ra một loại cảm giác lạc an vui, do đời sống ly dục mang lại. Tuy nhiên, ở trạng thái lạc của thiền thứ nhất, chỉ là sự tập sống ly dục và việc làm bất thiện, muốn có lạc này, vị ấy phải có tâm (savitakka), với tứ (savicara). Tâm là tỉnh giác và tứ là quán chiếu. Nói một cách dễ hiểu là Tỷ kheo muốn giữ trạng thái lạc của sơ thiền này, tâm không được xao lãng, bám chặt vào đối tượng, luôn ở trong trạng thái tỉnh giác và quán chiếu. Đây là trạng thái lạc của cõi sơ thiền, là loại lạc của sự ly dục và ly pháp bất thiện.

Nếu như trạng thái lạc ở cõi thiền thứ nhất, do nỗ lực bám chặt vào đối tượng quán chiếu và tỉnh thức để được ly dục ly pháp bất thiện, ở cõi thiền thứ hai hành giả không cần tâm và tứ, vì tâm hành giả đã thuần thực, thấy rõ thực tướng của các pháp, dù các pháp ác xuất hiện, cũng không vì vậy mà xao động, cho nên vị ấy rất tự tại an nhiên ở trong thiền định mà không có tâm cố ý lánh xa các pháp. Cái lạc của thiền thứ hai là do định sanh, không phải do ly dục mà có. Đây là hai loại lạc khác nhau giữa thiền thứ nhất và thứ hai.

Nếu như lạc của thiền thứ nhất là ly dục, lạc của loại thiền thứ hai là thiền định thì trạng thái lạc của thiền thứ ba là ‘xả niệm lạc trú’ là loại lạc do xả mà có. Thế nào gọi là xả? Trạng thái xả này không đồng nghĩa với ý nghĩa xả bỏ mà con người thường đề cập, là loại xả mang tính muốn mà không được cho nên đành phải bỏ. Khái niệm xả trong trạng thái thiền thứ ba là do thấy rõ, và thật chứng được đạo lý duyên khởi vô thường vô ngã, cho nên không còn chấp trước pháp sinh cũng như pháp diệt, đây là trạng thái xả của thiền thứ ba.

Trạng thái tâm lý của thiền thứ tư, với tâm tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây là trạng thái tâm của người đã hoàn toàn giải thoát, không còn vướng bận bất cứ việc gì ở thế gian, ngay cả việc tu tập, sống an nhiên tự tại. đây là trạng thái tâm của cõi thiền thứ tư. Có thể nói đây là kết quả của việc tu tập thiền định.

Khi hành giả đã thành tựu bốn cõi thiền này, tức thì bốn vô lượng tâm là từ bi hỷ xả xuất hiện. Sự xuất hiện bốn tâm này, là động cơ, là cơ sở để cứu độ chúng sinh. Nếu lòng từ bi hỷ xả không được xây dựng trên cơ sở của trí tuệ thì lòng từ bi hỷ xả đó, đôi khi bị chướng duyên. Sau khi Phật chứng ngộ dưới cội cây bồ đề, Ngài phát nguyện độ sinh cũng chính là tâm này, vì có tâm này cho nên Phật, Bồ tát ở đâu làm gì cũng không làm cho chúng sinh sợ hãi, nếu là người không có tâm này, dù nấp dưới hình tướng nào, nói lời ngon ngọt như thế nào cũng khiến cho người khác lo sợ. Điều này chúng ta nhìn vào thực trạng xã hội sẽ thấy rõ, ngay cả trong tôn giáo.

17 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, Viện Nghiên Cứu Việt Nam ấn hành, 2001, trang 566..

Đây là ý nghĩa chánh định là chi thứ tám trong Bát chánh đạo là một trong 37 phẩm trợ đạo.

Ở đây, chúng ta có thể vay mượn lời dạy của đức Phật trong “Đại Kinh Bốn Mươi” (Maha cattarisaka sutta) đề tóm tắt ý nghĩa giáo lý Tám chánh đạo

*“Ở đây, này các Tỷ-kheo chánh kiến đi hàng đầu. Và thế nào, này Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu? Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, do chánh kiến, được khởi lên. Chánh ngữ do chánh tư duy được khởi lên. Chánh nghiệp do chánh tà ngữ được khởi lên. Chánh mạng do chánh nghiệp được khởi lên. Chánh tinh tấn do chánh mạng được khởi lên. Chánh niệm do chánh tinh tấn được khởi lên. Chánh định do chánh niệm được khởi lên. Chánh trí do chánh định được khởi lên. Chánh giải thoát do chánh trí được khởi lên.”*¹⁸

Nếu như mặt trời xuất hiện thì bóng đêm biết mất, mặt trời lặn sau rừng núi thì bóng đêm trở về, đó là sự tương phản đối nghịch giữa ánh sáng và bóng tối. Cũng vậy trí tuệ xuất hiện thì vô minh biến mất, trí tuệ biến mất thì vô minh xuất hiện, đó là sự tương phản của tâm thức. Nếu vô minh là nhân của khổ đau, hạnh phúc là quả của trí tuệ thì con người cần phải thấp sáng trí tuệ, để được hạnh phúc.

Căn cứ từ đạo lý này đức Phật thiết lập Bát chánh đạo để thuyết minh về quá trình diệt trừ vô minh mang lại hạnh phúc. Con đường đó bắt đầu chỉ đầu tiên là chánh kiến, xem đó như là cái nhân cơ bản để mang lại chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chi cuối cùng là chánh định. Là một quá trình logic và hợp lý để thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ. Quá trình này, chánh kiến đóng vai trò khá quan trọng, mang tính hướng dẫn chỉ đạo cho các chi khác thực thi con đường mang lại giác ngộ giải thoát.

Qua nội dung và ý nghĩa của giáo lý Bát chánh đạo, cho chúng ta sự nhận thức, nó là một quá trình chuyển đổi tâm thức, chuyển mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển khổ đau thành an lạc hạnh phúc. Hay nói một cách khác, Bát chánh đạo là một phương pháp giúp cho con người nhận thức đúng về thế giới tự nhiên và hành xử hợp lý với qui luật tự nhiên của vũ trụ, nhờ vậy mà con người sống được an lạc và hạnh phúc.

Giáo lý Bát chánh đạo là giáo lý để cho mọi người thực hành, sống đúng với chân lý, không phải là giáo lý để ca ngợi Phật giáo. Giáo lý Bát chánh đạo là giáo lý với nội dung khuyên con người thấy đúng, hiểu đúng và làm đúng, không phải là giáo lý để tin hay phát huy lòng tin. Nếu trí tuệ là thanh gươm sắt bén đoạn trừ vô minh phiền não thì giáo lý Bát chánh đạo là con đường dẫn

đến trí tuệ.

Giáo lý Bát chánh đạo có giúp được gì cho cuộc sống con người không? nó hoàn toàn tùy thuộc vào mức độ am tường và thực hành của chúng ta ngay trong cuộc sống này, không phải là giáo lý chỉ để tụng đọc trong Đại điện..

Chúng ta thử kiểm chứng qua cuộc sống của chính mình, những phiền não khổ đau mà ta đã gặp phải, phải chăng nó đều xuất phát từ vô minh tà kiến? Nếu nó là tà kiến thì giáo lý Bát chánh đạo chính là con đường mang lại an lạc và hạnh phúc cho con người ngay cuộc sống này và mai sau.

Taipei ngày 2 tháng 9 năm 2007

SÁCH THAM KHẢO:

- Thích Đức Thắng dịch, “Kinh Tập A Hàm”. Trích từ Web: www.quangduc.com
- Thích Tuệ Sỹ dịch, “Kinh Trung A Hàm”. Trích từ Web: www.quangduc.com
- HT. Thích Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 1, 2, 3, Viện NCPHVN ấn hành.
- HT. Thích Minh Châu dịch, “Kinh Tăng Chi” tập 2, Viện NCPHVN ấn hành.
- Thích Hạnh Bình, “Tìm Hiểu Đạo Phật Nguyên Thủy”, NXB Tôn Giáo, 2003.

ĐÍNH CHÍNH của PTCR:

- PTCR số 14, tháng 7 năm 2007:
Trang 1, trong phần “Nội dung số này” và trang 73, ở tựa đề “*Điểm Cỏ Cầu Suong*” của nhà văn Toại Khanh xin sửa lại là “*Điểm Cỏ Cầu Suong*.”
- PTCR số 16, tháng 9 năm 2007:
Trang 60, tiêu luận của nhà văn Võ Doãn Nhẫn, cột thứ hai, hàng thứ mười một (tính từ dưới lên), “*‘nhân chi sơ tánh bản ác’ của Tăng Tử?*” xin sửa lại thành “*‘nhân chi sơ tánh bản ác’ của Tuân Tử.*”

Các lỗi trên đều do sự nhầm lẫn hoặc sơ xuất của tòa soạn, xin thành thật cáo lỗi với các tác giả cùng độc giả khắp nơi.

PTCR

18 HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 3, Viện Nghiên Cứu Việt Nam ấn hành, trang 245.

Thơ TUỆ SỸ

Nhớ con đường thơm ngọt môi em

Tóc em tung bay sương chiều khói biếc
Dệt tơ trời thành khúc hát băng khuâng
Tình hay mộng khi Trường sơn xa hút
Đến bao giờ mây trắng gửi tin sang.
Hồn tôi đi trong rừng lang thang
Vọng lời ru từ ánh trăng tàn
Mắt Em nhỏ ngại ngừng song cửa
Nghe tình ca trên giọt sương tan
Bóng tôi xa đêm dài phố thị
Nhớ con đường thơm ngọt môi Em
Ơi là máu, tui hồn nô lệ
Bóng tôi mờ suốt nhỏ đêm đêm
Gót chân Em nặng vàng xua viễn phố
Những ngón hồng ngơ ngác giữa đường chim
Ơi ta nhớ như đêm dài thượng cổ
Sợi tóc mềm lơnh nhịp hát trong tim.

Ngục tối

Lửa đã tắt từ buổi đầu Sáng thế
Một kiếp người ray rút bụi tro bay
Tôi ngồi mãi giữa tha ma mộ địa
Lạnh trắng tà lụa trắng trái rừng cây
Khuya rờn rợn gió vèo run bóng quỉ
Quỉ run run hồn mãi bóng xương gầy
Khóc năn nỉ sao hình hài chưa rã
Để hồn tan theo đốm lửa ma trời
Khi tâm tư vẫn chưa là gỗ mục
Lòng đất đen còn giọt máu xanh ngời.

Giao hưởng bóng tối

Ta nhớ mãi ngày đông tràn rượ ngọt
Ngày hội mùa ma quỉ khóc chơi vơi
Trưa phố thị nhạc buồn loang nắng nhạt
Chìm hư vô đáy mắt động ngàn khơi
Khúc nhạc ấy đưa hồn lên máu đỏ
Bước luân hồi chen chúc cọng lau xanh
Xô đẩy mãi sóng vàng không bến đỗ
Trôi lênh đênh ma quỉ rắc tro tàn
Vẫn khúc điệu tự ngàn xưa ám khói
Ép thời gian thành rượ máu trong xanh
Rượ không nhạt mà thiên tài thêm cát bụi
Thì ân tình ngầy ngất cõi mong manh
Ơi tiết nhịp thiên tài hay quỉ mị
Xô hồn ta lão đảo giữa tường cao
Trưa dài lắm ta luân hồi vô thủy
Đối hình hài con mắt vẫn đầy sao.

Cho ta chép nốt bài thơ ấy

Ơi nhớ làm sao, Em nhỏ ơi!
Tùng đêm ngục tối mộng Em cười
Ta hôn tay áo thay lần tóc
Nghe đắng môi hồng lạnh tím người!
Đừng ghét mùa mưa, Em nhỏ ơi!
Nằm ru vách đá, chuyện lưu đày
Cho ta chút nắng bên song cửa
Để vẽ hình Em theo bóng mây.
Cho đến bao giờ, Em nhỏ ơi!
Tường rêu chi chút động phương trời
Là ta chép nốt bài thơ ấy
Để giết tình yêu cả mộng đời.

Tiếng gà gáy trưa

Gà xơ xác gọi hồn ta từ quá khứ
Về nơi đây cùng khốn giữa điều linh
Hương trái đắng hê thu buồn bụi đỏ
Ơi ngọt ngào đầu mái tóc Em xinh.
Từng tiếng nhỏ lẻ loi buồn thống thiết
Nghe rộn ràng trong vết lõ con tim
Từ nơi đó ta ghi lời vĩnh biệt
Nắng buồn ơ là đôi mắt ân tình
Còi xa vắng giữa trưa nào lạc lõng
Môi Em hồng ta ước một vì sao
Trưa dài lắm nhưng lòng tay bé bóng
Để vươn dài trên vầng trán Em cao.

Đôi mắt nhỏ

Mắt em quán trọ của ngàn sao
Ngọt ngất hoang sơ ánh rượ đào
Pha loãng nắng tà dâng cát bụi
Ấm lòng khách lữ bước lao đao
Mắt huyền thăm thẳm mượ đêm nhưng
Mưa hạt long lanh rọi nền hồng
Sương lạnh đưa người xanh khói biển
Bình minh quán trọ nắng rưng rưng.

Giấc mơ

Ta tìm em trong giấc chiêm bao
Nỗi buồn thu nhỏ hàng cây cao
Lửa cháy quanh trời ta vẫn lạnh
Bóng tối vương đầy đôi mắt sâu
Yêu em dâng cả ráng chiều thu
Em đốt tình yêu bằng hận thù
Cháy đỏ mùa đông ta vẫn lạnh
Giấc mơ không kín dãy song tù.

HỘI THÂN HỮU GIÀ LAM

GIA LAM BUDDHIST ALUMNI ASSOCIATION, INC.

715 VISTA AVENUE, ESCONDIDO, CA 92026, USA. TEL. (760) 739-8063

TÂM THU

Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,

Kính thưa chư Thiện hữu tri thức và đồng hương Phật tử,

Thời gian gần đây, trên một số hệ thống thông tin, thông cáo báo chí, trang lưới điện toán toàn cầu và email đã phổ biến nhiều bài viết với nội dung xuyên tạc sự thật, vu khống chụp mũ Hội Thân Hữu Già Lam nói chung và cá nhân các thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam nói riêng. Các sự kiện trên có thể đã tạo ra những ngộ nhận, gây ra những giao động cho chư Tôn Đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử đối với Hội Thân Hữu Già Lam.

Nhằm mục đích góp phần xây dựng thêm vững chắc tinh thần thanh tịnh và hòa hợp trong cộng đồng Tăng Ni Việt Nam và củng cố tín tâm để tạo dựng nếp sống an lạc cho đồng hương Phật tử, Hội Thân Hữu Già Lam xin được trình bày minh bạch về tôn chỉ và đường hướng hoạt động để chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử thâm tường.

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,

Kính thưa chư thiện hữu tri thức và đồng hương Phật tử,

Trong “Nhân Duyên và Mục Đích Thành Lập Hội Thân Hữu Già Lam” có viết: “Sau 20 năm lưu lạc chân trời góc biển, một sự kiện hy hữu đã xảy ra tại Tu Viện Pháp Vương, thành phố Escondido, quận hạt San Diego (vào tháng 2 năm 2004). Anh em chúng tôi đã có cơ hội đoàn tụ dưới một mái chùa, nhân lễ húy kỵ Hòa Thượng Cố Viện Trưởng Viện Hóa Đạo; sau đó tiến đến việc thành lập ‘Hội Thân Hữu Già Lam’ với một tâm nguyện thiết tha mà chân thành không bờ bến đó là tạo dựng niềm tin yêu cho nhau trong tình đồng môn huynh đệ. Phát nguyện góp sức chung lòng chia sẻ chút ít may mắn của mình cho những đàn em đang bước vào ngưỡng cửa giải thoát để tập học ba môn Văn Tư Tu tại các Phật Học Viện, Học Viện Phật Giáo từ sơ đẳng, trung đẳng đến cao đẳng tại Việt Nam.”

(<http://www.thanhuugialam.com>)

Hoặc trong “Đường Hướng Sinh Hoạt của Hội Thân Hữu Già Lam” có viết: “Nghĩ đến ân sâu giáo dưỡng của Đức Phật và Thầy-Tổ bao đời, nếu không cùng nhau truyền thừa và bồi đắp, đạo vàng sẽ khó lưu truyền trong chốn nhiều nhưnong. Lại nghĩ Pháp Phật nếu không thiện dụng thực hành và giảng dạy, sẽ không mở rộng được con đường của sư-giả Như Lai. Vì vậy, khởi nguyên từ chân tình đạo bạn, cùng lớp cùng trường, cùng mái chùa và tu viện, cùng thọ pháp với những bậc ân sư đạo hạnh cao dày, cùng cầu học với những bậc thầy khả kính tài năng, những người học trò tăng-sĩ và cư sĩ khắp nơi, về ngôi bên nhau, chia sẻ nỗi nhọc trên đường hoằng pháp, trao đổi kinh nghiệm của việc hành đạo dân thân. Rồi từ đạo tình chân chất của pháp lữ đồng môn ấy, mỗi người mỗi việc, kính trên nhường dưới, hòa hợp vạch hướng đi chung như sau:

“1) **Văn Hóa Giáo Dục** là biểu hiện của Trí Tuệ. Đây là nền tảng của việc đào tạo tăng tài, nuôi dưỡng nhân sự để thừa tiếp con đường hoằng pháp của Thầy Tổ, không thể thiếu được trong sinh hoạt Phật giáo. Thân Hữu Già Lam hết lòng vận dụng khả năng và phương tiện của mình để thực hiện và hỗ trợ những công tác văn hóa (như bảo trợ dịch thuật, trước tác, in kinh sách, thực hiện các tạp chí và trang lưới Phật giáo...) và những chương trình giáo dục cho Phật giáo nước nhà (cấp phần thưởng và học bổng cho tăng ni sinh xuất sắc, hỗ trợ xây dựng cơ sở trường lớp, v.v...).

“2) **Từ Thiện Xã Hội** là biểu hiện của từ bi. Đây là một trong muôn ngàn phương tiện cứu khổ ban vui. Nơi nào chúng sinh đau khổ, nơi ấy người con Phật xuất hiện. Vì lòng từ bi thương tưởng đến con người khổ bệnh, nghèo khó, Thân Hữu Già Lam hết lòng vận dụng khả năng và phương tiện của mình để thực hiện và hỗ trợ các chương trình an sinh và cứu tế xã hội (như cứu trợ và ủy lạo nạn nhân thiên tai, hỗ trợ các công tác y tế từ thiện như chẩn bệnh và phát thuốc miễn phí, giúp chữa trị các căn bệnh nan y cho bệnh nhân nghèo, đào giếng công cộng cho những xóm nghèo, v.v...”

(<http://www.thanhuugialam.com>)

Hội Thân Hữu Già Lam là một hội thân hữu bất vụ lợi, có giấy phép hoạt động của tiểu bang California, và liên bang Hoa Kỳ. Thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam đa phần đều là học Tăng của lớp Cao Cấp Phật Học tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn, từ năm 1980 đến 1984. Tất cả thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam đều hiện đang sống và sinh hoạt Phật sự tại hải ngoại, bao gồm Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu và Úc Châu, không có vị nào ở trong nước Việt Nam. Lớp Cao Cấp Phật Học tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam do Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, làm Giám Viện. Chư vị Giáo thọ sư gồm: Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang (đương kim Đệ tứ Tăng Thống GHPGVNTN), Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Hòa Thượng Thích Minh Châu, Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đồng Minh, Hòa Thượng Thích Minh Tuệ, Hòa Thượng Thích Chơn Thiện, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Thích Nguyên Giác, Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Giáo sư Nguyễn Hồng Lý Kim Hoa.

Như vậy, Hội Thân Hữu Già Lam được hình thành trong đạo tình thân hữu huynh đệ cùng học một trường, cùng thọ nhận ân đức giáo dưỡng của những bậc ân sư khả kính. Vì muốn báo đáp thâm ân huấn dục của Thầy-Tổ, các thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam đã tự nguyện tự phát vận dụng khả năng nhỏ bé của mình để góp phần vào việc xây dựng và phát huy nền Phật Giáo Việt Nam trong cũng như ngoài nước qua hai lãnh vực: Văn hóa giáo dục và Từ thiện xã hội. Mọi công tác Phật sự trong lãnh vực văn hóa giáo dục và từ thiện xã hội của Hội Thân Hữu Già Lam đều được chính các thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam tự hoạch định và thi hành. Các thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam đến với nhau trong tình thân hữu huynh đệ và không bao giờ mang theo mình bối cảnh hoạt động riêng tư của các giáo hội, hệ phái, môn phái vào trong sinh hoạt nội bộ của Hội Thân Hữu Già Lam.

Thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam là những người đã từng sống trong hoàn cảnh điêu linh, đen tối và thống khổ của Phật giáo nói riêng và dân tộc nói chung dưới sự cai trị hà khắc của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam trong các năm cuối của thập niên 1970 và đầu thập niên 1980. Trong thảm trạng của Phật giáo thời đó, việc tổ chức một trường cao cấp Phật học như Tu Viện Quảng Hương Già Lam là một nỗ lực đầy khó khăn và chông chênh. Cũng chính vì khó khăn và chông chênh như vậy mà nó có được cái giá trị đặc thù không gì sánh được! Thâm cảm với chính kinh nghiệm bản thân, các thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam đã tự nguyện tự phát cùng nhau góp một bàn tay hỗ trợ cho các chương trình văn hóa và

giáo dục Phật giáo có lợi ích lâu dài tại Việt Nam. Một bằng chứng cụ thể là giữa năm 2005, khi trường Phật Học Từ Hiếu tại Huế (trong hệ thống của GHPGVNTN) phải bị dời về Chùa Linh Quang để cho chư Tăng Ni sinh tiếp tục chương trình học tập, nhưng cần phải có tài chánh để lo việc tu sửa và xây cất thêm phòng ốc cho việc giảng dạy và cư trú, các thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam ở Canada và Hoa Kỳ đã phát tâm hỷ cúng một số tịnh tài khoảng trên mười ngàn đô la cho công tác nói trên.

Để hỗ trợ trực tiếp cho việc nâng cao phẩm chất của giáo sư và nội dung chương trình giảng dạy, vào cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 2006, Hội Thân Hữu Già Lam đã cử vị đại diện đứng ra mời hai vị giáo sư Phật tử đang giảng dạy tại Viện Đại Học thuộc tiểu bang California tại thành phố Santa Cruz và Viện Đại Học thuộc tiểu bang New York tại thành phố Albany về Học Viện Phật Giáo Việt Nam để tổ chức hội thảo về Hệ Thống Giáo Dục Tín Chi của nền Giáo Dục Hoa Kỳ. Hội Thân Hữu Già Lam cũng đã góp phần tài chánh cho Quỹ Học Bổng Trí Thủ của Tu Viện Quảng Hương Già Lam và một số Phật Học Viện khác từ mấy năm nay để khuyến khích các Tăng, Ni sinh nỗ lực tu học.

Song song với việc hỗ trợ văn hóa giáo dục, Hội cũng đã đặc biệt quan tâm và xúc tiến các công tác từ thiện xã hội để cứu trợ nạn nhân trong các đợt thiên tai bão lụt. Trong tinh thần đó, Hội Thân Hữu Già Lam đã thực hiện việc cứu trợ nạn nhân của hai cơn bão: Một là cơn bão Xangsane vào tháng 10 năm 2006 tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam Đà Nẵng và Quảng Ngãi; hai là, cơn bão Durian vào tháng 12 năm 2006 tại các tỉnh miền Nam. Tổng số tiền cứu trợ cho hai cơn bão nói trên là \$26,200.00 USD (hai mươi sáu ngàn hai trăm đô la).

Hội Thân Hữu Già Lam từ trước đến nay chưa bao giờ đưa ra chủ trương “*làm văn hóa thuần túy, giáo dục thuần túy*” như một vài nhận định xuyên tạc. Hội Thân Hữu Già Lam sở dĩ chưa bao giờ đưa ra chủ trương “*làm văn hóa thuần túy, giáo dục thuần túy,*” bởi vì chúng tôi nhận thức được rằng xã hội nhân loại hiện nay đang sống trong thời đại mà mọi lãnh vực hoạt động đều không thể nào tách ra khỏi những mối tương quan tương duyên trùng trùng lẫn nhau từ bình diện cá nhân, tập thể và xã hội cho đến quốc gia và quốc tế. Chính vì thế mà sự kiện “toàn cầu hóa” đã được khởi sinh và ngày càng phổ quát. Ngày nay, dù là hoạt động trong lãnh vực tôn giáo, như việc hoằng pháp độ sinh, thì cũng không thể nào tách khỏi ra được mối tương quan tương duyên với nhiều lãnh vực hoạt động khác như cơ cấu chính trị của xã hội, tình trạng giáo dục và bối cảnh văn hóa của con người, mức độ phát triển hay lạc hậu về kinh tế của xã hội, điều kiện

an ninh về mặt xã hội và quốc phòng của đất nước sở tại, v.v... Nếu “*làm văn hóa thuần túy, giáo dục thuần túy*” mang ý nghĩa rằng chỉ biết làm văn hóa, làm giáo dục và bỏ mặc mọi tình huống thống khổ của nhân sinh, xã hội thì đó không phải là nội dung của văn hóa và giáo dục Phật giáo. Nếu lên án việc “*làm văn hóa, giáo dục thuần túy*” là để cổ võ cho một thứ văn hóa và giáo dục nhằm phục vụ cho mục tiêu của tổ chức, của phe nhóm, của đảng phái nào đó bị thế tục hóa thì đó không phải là văn hóa và giáo dục Phật giáo đúng nghĩa.

Hội Thân Hữu Già Lam quan niệm rằng làm văn hóa và giáo dục trong tinh thần đạo Phật là thực hiện sứ mệnh hoằng dương Chánh pháp để cứu độ quần sinh. Điều ấy có nghĩa là chính văn hóa và giáo dục tự nó phải cur mang đầy đủ nội dung của giác ngộ và giải thoát. Chính vì thế, làm văn hóa và giáo dục là sứ mệnh, là trách nhiệm trọng đại mà mỗi Tăng, Ni và Phật tử đều phải thi thiết. Như vậy văn hóa và giáo dục Phật Giáo là phương tiện để khai mở trí tuệ giác ngộ và giải thoát, đồng thời trang trải đức từ bi bao la trong mọi trái tim của con người. Hay nói cách khác, văn hóa và giáo dục Phật giáo là phương tiện để uơm mầm và nuôi dưỡng hạt giống bồ đề tâm trong từng cá thể xã hội. Khi những hạt mầm lớn lên sẽ là những con người đi vào cuộc đời bằng tâm bồ đề, bằng trí giác ngộ, bằng trái tim từ bi để không những thấp sáng lý tưởng cao cả của Phật Đạo, mà còn là những nhân tố hữu ích để góp phần xây dựng và phát triển xã hội. Trong ý nghĩa vừa nêu trên, văn hóa và giáo dục Phật giáo cur mang khả tính khai phóng tâm trí của nhân sinh để nhận thức được giá trị nhân bản, giá trị làm người hướng đến mục tiêu cao thượng. Đó cũng chính là nền tảng cho những giá trị phổ quát mà nhân loại hiện nay đang nỗ lực phát huy như tự do, dân chủ và nhân quyền. Như thế, làm văn hóa và giáo dục đúng nghĩa của đạo Phật chính là thực hiện sứ mệnh hoằng truyền Chánh Pháp và mang lại lợi lạc lâu dài để cải thiện xã hội, chuyển hóa nhân sinh, xây dựng cộng đồng và phát triển đất nước.

Xã hội Việt Nam bao nhiêu năm qua, dưới sự thống trị của chủ nghĩa cộng sản, bằng chủ thuyết cực đoan duy vật, bằng đường lối đấu tranh giai cấp mạnh được yếu thua, bằng các chính sách xuyên tạc lịch sử, tiêu diệt di sản văn hóa, kiến thức và đạo đức tâm linh của tiền nhân, bằng con đường kinh tế tập trung để kiểm soát bao tử của người dân hầu chi phối tư tưởng và sáng tạo, đã biến đất nước Việt Nam thành xứ sở ngục tù tâm tởi, nghèo đói và lạc hậu, đã triệt phá đến tận gốc rễ vốn liếng chất xám của thành phần trí thức. Gần đây với chính sách mở cửa đi vào con đường kinh tế thị trường, nhưng nền tảng xã hội đã bị mục nát, các giá trị văn hóa, tôn giáo, đạo đức tâm linh đã bị phá sản, cho nên càng mở cửa lại càng dẫn

vào tình trạng hỗn loạn, nhiễu nhương! Trước thảm trạng ấy của xã hội và đất nước, công tác văn hóa và giáo dục Phật giáo trong tinh thần trí tuệ, khai phóng, tự do, từ bi, nhân bản và nhân quyền là những nhu cầu cần thiết và cấp bách. Chính đây là phương thức kiến hiệu nhất để mở ra vận lộ mới tự do, dân chủ và nhân quyền cho dân tộc.

Hơn nữa, thực tế xã hội Việt Nam ngày nay, số lượng tuổi trẻ sanh sau năm 1975 đã chiếm đến khoảng 60% dân số cả nước. Với một khối lượng thanh thiếu niên to lớn như vậy, vai trò giáo dục phải được đặt lên hàng đầu. Đặc biệt là Phật Giáo Việt Nam cần phải nhận định thật sáng suốt trách nhiệm của mình trước tiền đồ của dân tộc và đạo pháp mà thế hệ trẻ là thành phần chủ lực. Phật Giáo Việt Nam nếu không gánh vác trách nhiệm giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay thì cũng đồng nghĩa là tự mình đóng kín cánh cửa đi vào tương lai. Công tác giáo dục phải được thực hiện theo đúng chức năng và nội hàm của nó. Chúng ta không thể cưỡng ép lý tưởng giáo dục với các công tác tranh đấu cho mục tiêu ngắn hạn. Thực hiện công tác giáo dục ở mọi thời đại không bao giờ là chương ngại cho công tác tranh đấu giành độc lập và chủ quyền đất nước hay đòi quyền bình đẳng và tự do cho Phật giáo. Ngày xưa cha ông của chúng ta không phải vì tranh đấu chống ngoại xâm và nội thù mà dẹp bỏ công tác giáo dục và văn hóa. Ngược lại, chính công tác văn hóa và giáo dục đúng nghĩa, thực hiện đúng chức năng đã là chất lượng tinh ròng và thuần khiết để giữ gìn giềng mối tổ tiên, lý tưởng cao cả của tiền nhân và con đường sáng chói của Đạo Pháp qua suốt hai ngàn năm lịch sử. Chủ nghĩa rồi cũng suy tàn, thể chế chính trị rồi cũng đổi thay, nhưng tri kiến và tâm huyết sắt son đối với đạo pháp và dân tộc do công tác văn hóa và giáo dục trường dưỡng sẽ còn được truyền thừa mãi đến ngàn sau.

Vì nhận thức được một cách tinh tường ý nghĩa và mục đích cao cả của công tác văn hóa và giáo dục như vậy mà Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đã nhận lời đứng ra đảm trách chức vụ Phó Viện Trưởng Điều hành Học Viện Phật Giáo Việt Nam và Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, chứ không phải như một số người xuyên tạc là làm lợi cho cộng sản hay làm công cụ cho chế độ. Ngược lại, chúng tôi được biết Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đã và đang mạnh dạn thực hiện công việc cải cách nền giáo dục Phật giáo tại Việt Nam. Chẳng hạn, Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đã điều chỉnh lại cơ cấu điều hành công tác giáo dục để từng bước tiến đến sự độc lập và tự trị của bộ phận giáo dục, nâng cao phẩm chất của giáo sư và nội dung chương trình giảng dạy, thực hiện chương trình giáo dục theo mô thức tín chỉ của hệ thống giáo dục hiện đại ở các nước phương Tây, tranh đấu để từng bước thực hiện việc tuyển sinh độc lập với các cơ

chế như Giáo Hội và chính quyền, đồng thời mở rộng phạm vi và điều kiện cho các đối tượng tuyển sinh. So sánh với tình hình giáo dục suốt mấy thập niên qua thì đây là một bước ngoặt trọng đại đánh dấu sự chuyển mình sâu rộng của công tác giáo dục Phật Giáo, mà Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đang nỗ lực thực hiện.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được phép trình bày một đôi điều về tâm nguyện và hành trạng của bậc ân sư cao cả mà thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam lúc nào cũng kính ngưỡng, đó là Cố đại lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ, nguyên Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN. Dù biết rằng, Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ chưa bao giờ có ý giải thích những việc làm của ngài, nhưng là những kẻ hậu học và thọ ân giáo dưỡng của ngài, chúng tôi không thể im lặng trước những lời xúc phạm đến một vị cao tăng suốt đời hy sinh cho đạo pháp và dân tộc.

Trước thảm trạng điều linh và thống khổ của đạo pháp và dân tộc, trong giai đoạn lịch sử đen tối nhất của những năm cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, Cố đại lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ vì hạnh nguyện của bậc cao Tăng đã hy sinh thân vào con đường chông gai chướng nạn để thực hiện sứ mệnh cứu độ. Ngài không nỡ để cho Phật Giáo Việt Nam bị vùi dập, bị lũng đoạn bởi thế lực chính trị hà khắc, không nỡ nhìn thấy chùa chiền bị đóng cửa, Tăng Ni bị xua đuổi không có chỗ để tu hành, không có nơi để học đạo, không nỡ nhìn quần chúng Phật tử hoang mang, hoảng sợ trước những hành động đàn áp thô bạo của chế độ đối với Phật giáo, không nỡ để cho vài cá nhân là đảng viên cộng sản mà mang danh Tăng sĩ dựa thế chính trị để mưu cầu đoạt lợi trong Phật Giáo. Có lần, chúng tôi nghe Cố Hòa Thượng dạy bảo: *“Tôi sẽ chịu nhục cho mấy thầy làm việc!”* Quả thật vậy, những người xúc phạm đến đạo hạnh của Cố Hòa Thượng đâu có biết rằng ngài đã phải một mình gánh chịu bao nhiêu bức bách và cũng đã thẳng thắn trực diện đương đầu với bộ máy chính trị tàn bạo của chính quyền cộng sản trong suốt thời gian ấy. Chính tấm lòng trung trinh và hạnh nguyện sắt son của ngài đối với đạo pháp và dân tộc như vậy đã dẫn đến việc ngài bị bức tử trong bệnh viện Vì Dân bởi chế độ độc tài chuyên chính cộng sản đang có âm mưu tiêu diệt Phật Giáo. Việc Cố Hòa Thượng bị bức tử là một xác chứng minh bạch về đức hy sinh cao cả mà ngài đã cống hiến cho dân tộc và Phật Giáo Việt Nam!

Giờ đây, người ta có thể, theo tầm nhìn của họ, để đưa ra những nhận định, những xuyên tạc, những buộc tội Cố đại lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ, đó là quyền tự do phát ngôn của mỗi người. Nhưng, điều mà Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đã từng thọ ân giáo huấn của ngài, cũng như những ai sống và chứng kiến nỗi điều linh và

đen tối của Phật Giáo Việt Nam trong những năm cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, chắc chắn sẽ thâm cảm được tận đáy lòng bản nguyện sắt son: hoàng dương Chánh Pháp, tiếp độ Tăng Ni để phụng sự cho nền Phật Giáo Việt Nam của ngài.

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,

Kính thưa chư thiện hữu tri thức và đồng hương Phật tử,

Tất cả thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam đều đã được hun đúc và trưởng thành trong cái nôi của GHPGVNTN trong và ngoài nước. Dù hiện tại, trong thành viên của Hội Thân Hữu Già Lam, có vị không phải đang phục vụ trong các cơ cấu của GHPGVNTN tại hải ngoại, vẫn một lòng trân quý cái nôi mà mình đã được huấn dục, đặc biệt đối với bậc tôn sư giáo thọ là đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang.

Giáo pháp giác ngộ và giải thoát vi diệu của đức Thích Tôn sơ dĩ đã được truyền bá sâu rộng trong cõi nhân gian này, bởi vì giáo pháp ấy chính là lương dược có công năng trị lành các chứng bệnh phiền não và khổ đau cho mọi loài chúng sinh trong mọi thời đại, mọi xứ sở. Giáo pháp ấy được biểu hiện qua hai biểu tượng sáng chói là trí tuệ và từ bi, mà ngày nay nhân loại đang tìm đến như là giải pháp kiến hiệu để chữa lành căn bệnh trầm kha của thời đại. Hội Thân Hữu Già Lam với tâm nguyện chí thành mong muốn thi thiết hai đức tính cao quý trí tuệ và từ bi ấy để phần nào báo đáp thâm ân hóa dục của Thầy Tổ và phần nào góp sức cho công cuộc cứu khổ tha nhân. Đây chính là tất cả những gì mà Hội Thân Hữu Già Lam đã, đang và sẽ thực hiện trong khả năng nhỏ bé của mình. Kính mong chư Tôn Thiện Đức từ bi chứng giám và thiết tha mong chờ sự phát tâm hỗ trợ của chư thiện hữu tri thức và đồng hương Phật tử gần xa.

Thành kính dâng lễ chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni.

Trân trọng kính chào chư thiện hữu tri thức và đồng hương Phật tử.

Escondido, ngày 10 tháng 10 năm 2007

TM. Hội Thân Hữu Già Lam

Hội Trưởng



Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

BẦY MƯƠI NHỊP NHÂN SINH

Vũ Hán

Năm 30 tuổi, tôi chỉ biết được câu “*Tam thập nhi lập*” mà thôi, nhưng hoàn toàn không biết xuất xứ từ đâu. Tôi cứ ngỡ rằng đó là công ước của con người, là tiêu chuẩn của nhân loại. Tôi ngẫm nghĩ mãi câu này như một “*công án, thoại đầu*” trong nhà Thiền. Xét thân mình đã 30 rồi mà có LẬP được gì đâu? Tôi tự an ủi mình: Đức Thế Tôn, Ngài là Phật mà đến 35 tuổi mới LẬP ra Đạo Phật. Mình là phàm phu công mông tội dày, thì 30 tuổi chưa lập được gì là lẽ tất nhiên... Nhẹ lòng! Tôi thân nhiên mạnh dạn vay mượn tiếp quỹ thời gian để làm vốn... thôi.

Thoát một cái, mười năm trôi qua cái vèo! Tôi lại biết thêm câu “*Tứ thập nhi bất hoặc*”... rồi rồi! Quỹ thời gian đã cạn thêm 10 năm mà... chữ LẬP của tuổi “*Tam thập*” vẫn chưa lộ dạng. Mười năm qua, ngoài vay mượn thời gian ra, tôi còn vay mượn bao nhiêu ân tình, tích góp bao nhiêu tài vật của “quê hương” và “tha hương” mà không thay đổi được gì danh phận một “*du học nữ*”.

Tôi đến Trung Quốc học, nên truy ra được tổng tích của câu “*Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc*.” Câu nói bất hủ này Khổng Tử thuật lại trình tự chuyển biến quá trình học đạo tu thân của mình lúc cuối cuộc đời như sau: “*Ngô thập hữu ngũ, nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục, bát du cử*” (Luận ngữ-thiên Vi Chính). Do vậy, nó không thể áp dụng chung cho tất cả mọi người. Hơn nữa Ngài được tôn vinh là một bậc Thánh thì làm sao hạng tiêu tử, đồ đệ, “*hậu sanh... đáng sợ*” này y trang như vậy được. Nếu đổi là Thế Tôn của chúng ta thì ngon lành hơn nhiều: “*Ngô thập hữu nhị, nhi thông ngũ minh, tam thập nhi chứng đạo, tứ thập lập tứ chúng...*” Dẫu biết rằng dù thánh hay phàm gì thì cũng là người. Nhưng giữa người và người có tâm sinh lý, hoàn cảnh, điều kiện khác nhau, nên dẫn đến sự dị biệt rõ rệt về thành công và thất bại, khổ đau và hạnh phúc v.v... Ngày nay, khoa học còn sử dụng nhiều loại tuổi khác nhau như: tuổi thời gian, tuổi sinh lý, tuổi trí lực, tuổi tâm lý, tuổi xã hội và tuổi tổng hợp.

Câu nói của Khổng Tử thuộc về quan niệm văn hóa

Á Đông. Nó hội tụ phương hướng phát triển của con người về cơ học, trí lực, tâm lý, xã hội tương đồng với những tiêu chí cụ thể trong từng giai đoạn, được gọi là tuổi tổng hợp.

Thông thường thì con người bởi tâm lý thể chất bên trong “*thức*” và hoàn cảnh điều kiện bên ngoài “*đấy*”, chúng ta sẽ từ từ kinh qua những nẻo đường xuôi ngược của nhân loại như sau:

1. Võ tượng chi niên: Độ tuổi 15, con người đối với vạn vật rất hiếu kỳ, do vậy tinh thần cầu học rất mạnh, cái gì cũng muốn học, trong đầu đầy ngập đầu hỏi. Tuổi này hấp thụ và hội nhập kiến thức mới rất nhanh, nhưng lại không đủ phân biệt rõ cái mới đó là điều tốt hay xấu có lợi hay có hại. Giai đoạn này được mệnh danh là “*Thập ngũ nhi chí vu học*.”

2. Nhi lập chi niên: Con người bước vào lứa tuổi 30, ý chí cường kháng nghịch cảnh rất mạnh. Suối nguồn phiêu lưu sáng tạo tuôn tràn. Con người bắt đầu xác lập mục tiêu, phương hướng phát triển cho mình. Nhờ những kiến thức tôi luyện đã qua mà ở giai đoạn này con người có đủ khả năng tự đứng vững bằng đôi chân của chính mình để dong ruổi trên chặng đường trưởng thành và phục vụ xã hội bất kể là thành công hay thất bại. Đây là giai đoạn mà con người luôn muốn và thích “*ngịch ý trời ta đảo lộn càn khôn*” và cũng là thời được tôn xưng là “*Tam thập nhi lập*”.

3. Bất hoặc chi niên: Những nỗ lực phấn đấu của thân và tâm ở tuổi 30 đã giúp cho con người sung sức nồng nàn vượt qua ranh giới 40. Đây là chặng đường mà con người trải qua “*những bước thăng trầm*” để giải quyết những vấn đề đời sống, khắc phục nghịch cảnh chướng duyên, nên con người dần dà chuyển hóa những suy nghĩ hành vi lỗi lầm, thiếu sót, bông bột trong giao tiếp, trong đối nhân xử thế. Con người đã bắt đầu có khả năng khám phá ra nhiều tầng ý nghĩa khác nhau trên cùng một sự kiện. Tâm trí sáng suốt, hiểu rõ việc phải trái, giảm thiểu đi những nhầm lẫn mà mình mắc phải trong cuộc đời, không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc lôi cuốn. Đây là tuổi chín chắn, lịch duyệt, kiến thức và kinh nghiệm phong phú. Nhận định vấn đề rành mạch không nghi ngờ. Dù ở môi trường thuận lợi hay khó

khăn, đều rút ra được cho mình bài học kinh nghiệm. Nên tuổi này phương Đông chúng ta gọi là “*Tứ thập nhi bất hoặc*” là vậy.

4. Tri thiên mạng, trí phi chi niên: Vào tuổi 50, khi trải qua những trôi nổi, con người đã thấy được thành công và thất bại cùng chung một chí tuyến; vinh và nhục là anh em song sinh; khổ và vui là cặp tình nhân; được và mất và đôi tri kỷ. Họ nhìn lại những khổ đau, thất bại, nhục nhã của mình hồi thời “*miệng còn hơi sữa*” mà cười ngất. Nghiền ngấm những thành công, tôn vinh, hạnh phúc của thời “*ngựa non háu đá*” rồi khóc ròng. Tất cả đều là bóng dáng của nhân duyên quả báo. Họ khám phá ra một chơn lý đơn giản và có ích là: Vạn vật đều do *nhân duyên quả báo* tuần hoàn nối tiếp nhau mà tạo nên. Còn con người chỉ là nhịp cầu nối giữa các hiện tượng mà thôi.

5. Nhĩ thuận, hoa giáp chi niên: Đây là giai đoạn kiện toàn về nhân phẩm. Con người từ 60 tuổi trở lên nội tâm trầm lắng, an định. Không còn thấy chướng tai gai mắt chuyện gì. Hiểu thấu thể thái nhân tình. Kiến giải, luận điểm, học thuyết đều tinh thông. Đối với người thiện kẻ ác, vật tốt hay xấu, sự kiện xuôi hay ngược gì họ đều có cùng thái độ tiếp cận là cảm thông và hỷ xả. Họ không còn thấy đâu là bất lợi, đâu là lỗi lầm nên “*nhĩ thuận*”. Những quan điểm lập trường của xung quanh đều lý giải ra căn nguyên. Không hổ danh là tuổi “*Lục thập nhi nhĩ thuận*”.

6. Cổ hy chi niên: Khi bước vào giai đoạn cuối của cuộc sống, tâm và đạo của con người hợp nhất nên mới có thể “*tòng tâm sở dục nhi bất du cử*”. Tâm tánh và pháp tánh hoàn toàn tương ứng. Từ dòng suy nghĩ cho đến ngôn từ, hành động đều hợp tình hợp lý và hợp pháp. Giai đoạn này, con người rút lui vào tư tưởng, âm thầm nuôi dưỡng đời mình. Hoài thai một nỗi niềm tự nhiên thanh thản tự tại, trở thành con người của chính ta - con người tỉnh thức.

Hễ bước vào đời là phải chấp nhận “*bật tiếng khóc*”, để rồi tiếp sau đó là cả một cuộc hành trình dài đầy nhiều khê nghiệt ngã làm cho quá trình sống của con người trải qua từng giai đoạn như trên. Đó là do tâm lý, cá tính sai lầm ngự trị bên trong và nghịch cảnh chướng duyên bên ngoài lôi cuốn tạo thành những đợt sóng vô hình nhận chìm ta ngay giữa dòng đời. Là con người, hiển nhiên chúng ta phải tạo một lực cưỡng kháng ngược lại để ngoi lên gát hái kinh nghiệm làm chân lý cho riêng mình.

Đây là chiếc cầu nhân sinh của Ngài Không Tử nên nó được kết thúc ở nhịp “*thất thập*” mà thôi, vì Ngài chỉ thọ 72 tuổi. Nếu Đức Thích Ca Mâu Ni “*kết tập*” thì sẽ có đến “*bát thập... nhập Niết bàn*”, còn mỗi chúng ta thì... “*hãy đợi đấy!*”

Nếu mọi người đều cho đây là quy luật chung và tất

VÀNG TRẮNG LẠNH

*Tôi trở lại, như vàng trắng đã khuyết,
Gió thu buồn, tiễn biệt bước chân đi.
Bờ mi óng, ngày xưa nay đã hết,
Hạt trang đài, nay đã kết về đâu?
Ngước lên trên, gió vẫn thổi qua đầu,
Ngó xuống đất, đôi chân tê lạnh quá!
Đời vẫn thế, dẫu ngàn sau vẫn thế,
Có ra đi, là phải có quay về,
Trong nguyên vẹn, hay tan ra từng mảnh,
Bụi thời gian, vẫn một bóng anh linh.*

TÌNH YÊU BẤT DIỆT

*Ta gửi đến em một tình thương,
Bao trùm lên cả kiếp vô thường,
Dù đời điên đảo sao đi nữa,
Ta vẫn yêu em nỗi nhớ thương!*

PHÁP NGUYỆN

yếu thì cũng còn trường hợp cá thể ngoại lệ. Cuộc đời phải có buồn vui, sướng khổ, vinh nhục, được mất v.v... Nếu chúng ta chấp nhận tập khí di truyền kia cứ đặt mình và cuộc đời vào câu “*tam thập nhi lập*”, để rồi buồn chán, buông thả đời mình “*cuốn theo chiều gió*” khi cảm thấy đời mình “*chưa được gì*” thì thật là oan uổng. Không có gì là quá muộn cả! Thành công là cả cuộc hành trình chứ không chỉ là điểm đến. Ý nghĩa cuộc sống là niềm hạnh phúc từ trong tâm hồn chứ không phải ở những vật chất bên ngoài hay danh lợi phù du. Thôi thì nếu như mình không có điều gì để vui thì hãy vui với điều gì mình đang có.

Tôi chúc nguyện mọi người: lóe sáng tuổi 20; rực rỡ tuổi 30, chói lòa tuổi 40, đỉnh đặc tuổi 50, thông suốt tuổi 60, khỏe mạnh tuổi 70 và siêu suất ở tuổi 80.

NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA CHIẾC ÁO CÀ-SA

Hoàng Phong

Chữ *cà-sa* có nguồn gốc từ tiếng Phạn *kasaya*. Nhưng thật sự chữ *kasaya* trong tiếng Phạn không có nghĩa gì là áo cà mà chỉ có nghĩa là *bạc màu, cái cặn* hay *hư hoại*. Sách tiếng Hán dịch chữ này là *đạm* (màu nhạt), *trọc* hay *trược* (đục, dơ bẩn, ô nhiễm, rác bẩn), hoặc còn dịch này là *hoại sắc, bất chính sắc, hư nát, dính bẩn*... Tóm lại chiếc áo *cà-sa* của người xuất gia tu Phật, của hàng tỳ kheo... tượng trưng cho những gì nghèo nàn, thô sơ, tầm thường, và khiêm nhường nhất. Người đọc, nếu chưa có ý niệm gì về chiếc áo của một nhà tu Phật giáo, cũng có thể hơi ngạc nhiên khi đọc những điều vừa nêu trên đây. Thật vậy, kẻ thế tục thường hay đồng hoá chiếc áo với người tu hành hay Đạo Pháp, họ chỉ thấy những biểu tượng, những quy ước. Đạo Pháp hay người tu hành rất cao cả, nhưng chiếc áo rất tầm thường, hoặc đôi khi cũng có thể hiểu ngược lại: chiếc áo tượng trưng cho cao cả, nhà sư là tầm thường. Tầm thường ở đây có nghĩa là khiêm tốn, nhưng cũng có thể hiểu theo nghĩa đen là không xứng đáng để khoác lên người chiếc áo *cà-sa*. Bài viết không đề cập đến trường hợp theo nghĩa đen hiem hoi này, tuy nhiên trên thực tế cũng có thể xảy ra được.

Tóm lại, chiếc áo *cà-sa* không bao giờ mang màu sắc sáng chói, kết ren hay thêu thùa. Chiếc áo của người tu hành không phải là một hình thức để tạo ra ảo giác, không dùng để lừa dối những người thế tục... Chiếc áo *cà-sa* là biểu tượng của những gì khiêm tốn, đơn sơ và tầm thường nhất mà ta có thể tưởng tượng ra được. Nhưng đồng thời, chiếc áo *cà-sa* cũng là biểu tượng của Đạo Pháp, do đó cũng tượng trưng cho những gì cao cả và thiêng liêng nhất, vượt lên trên sự hiểu biết quy ước của chúng ta.

Ngày nay, nhiều tu viện lớn ở Miền điện vẫn còn giữ được truyền thống thật xưa, theo đó các nhà sư phải tự đi nhặt những mảnh vải vụn, những tấm khăn đắp hay liệm người chết vứt bỏ ở những nơi hỏa táng, nghĩa địa hay những đồng rác, rồi đem về tự mình chấp nối và may lấy áo để mặc. Mỗi người chỉ được phép có ba chiếc áo như thế, thêm một bình bát để khát thực và một bàn chải đánh răng, thế thôi. Đến đôi dép cũng không có, họ đi chân đất. Theo tôi nghĩ có lẽ đây là truyền thống rất lâu

đời, từ thời của Phật. Nhưng trên thực tế, ngày nay chiếc áo *cà-sa* đã biến đổi ít nhiều tùy theo phong thổ, tập quán, chủng tộc, học phái... Nhưng dù cho có biến đổi, chiếc áo *cà-sa* vẫn giữ được ý nghĩa nguyên thủy của nó: sự đơn sơ, khiêm nhường, trân quý và cao cả. Trong bài viết này tôi sẽ lần lượt chọn hai thí dụ điển hình, một thuộc Nam tông và một thuộc Thiên học của Bắc tông để trình bày những biến đổi từ quan niệm đến hình thức của chiếc áo *cà-sa*, và sau đó sẽ làm bàn xa hơn về ý nghĩa của chiếc ấy.

Nguồn gốc, tên gọi và những biểu tượng của chiếc áo cà-sa

Theo Luật Tạng (Vinaya), Tăng đoàn của Phật lúc ban đầu ăn mặc không khác biệt gì với những người tu hành thuộc các truyền thống tôn giáo khác. Vì thế vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) đề nghị với Phật xin cho các đệ tử được ăn mặc khác hơn để mọi người dễ nhận ra. Đúng vào thời điểm ấy, Phật và người đệ tử thân cận nhất là A-nan-đa đang du hành phương Nam để thuyết giảng, Phật thấy những thửa ruộng lúa hình chữ nhật, chia cắt bởi những con đê tam tấp. Phật liền bảo A-nan-đa cứ theo mẫu ấy mà may áo cho Tăng đoàn. Vì thế, trong kinh sách tiếng Hán, chiếc áo *cà-sa* còn gọi là *Cát triệt y* hay *Điền tượng y*, mảnh áo mang hình những thửa ruộng, tượng trưng cho sự phong phú và phúc hạnh. Theo thiên ý của riêng tôi, câu chuyện này cũng đã bắt đầu cho thấy những dấu hiệu của sự biến dạng rồi. Cách so sánh khá thi vị trên đây đòi hỏi đến trí tưởng tượng và những ước mơ phù hợp với tiêu chuẩn và quan niệm về hạnh phúc và giàu sang của thời đại bấy giờ không có gì là Đạo Pháp cả. Như đã trình bày trong phần nhập đề, chiếc áo *cà-sa* gồm nhiều mảnh ráp lại vì đó là những mảnh vải vụn nhặt được ở bãi tha ma, tượng trưng cho những gì tầm thường nhất và cũng để nhắc nhở người tu hành về tấm thân vô thường của họ.

Cà-sa trong tiếng Hán còn gọi là *Đoạn phục, Pháp y, Nhẫn nhục khải, Giải thoát chàng, Cà-sa-duệ, Già-sa-dã*..., các chữ này hàm chứa một ý nghĩa chung là dứt bỏ, bất chính, ô uế, nhiễm bẩn, có màu xích sắc (màu đỏ)... Theo sách tiếng Hán, áo không nhuộm hấn bằng

một màu nào cả, chỉ tránh không dùng năm màu chính là xanh, vàng, đỏ, trắng và đen, nhưng pha trộn nhiều màu để tạo ra một màu *xích sắc* thật bản thủ, đúng theo ý nghĩa nguyên thủy của chữ *kasaya* trong tiếng Phạn. Áo gồm nhiều mảnh, có thể mỗi mảnh một màu, vì đó là những mảnh vải nhật được và khâu đùm với nhau. Ngày nay tùy theo truyền thống của từng học phái, địa phương, phong tục, khí hậu... mà chiếc áo *cà-sa* cũng biến dạng đi, từ cách may cho đến màu sắc: màu vàng ở Ấn độ và các nước theo truyền thống Nam tông; các màu vàng, màu lam, nâu, nâu đỏ (nhuộm bằng vỏ cây mộc lan, hay củ nâu) như ở Việt Nam và Trung quốc; màu lam ở Hàn quốc; màu đen hay nâu đen (màu trà) ở Nhật; màu vàng nghệ hay nâu đỏ ở Tây tạng... Nói chung có ba màu chính gọi là *Như pháp cà-sa sắc tam chủng* (ba màu sắc của áo *cà-sa* theo phép quy định): màu gần như đen (màu thâm, màu bùn đất), màu xanh (màu ri đồng), màu gần như đỏ (màu hoa quả).

Pháp y của người tu hành gồm có ba loại: Đại, Trung và Tiểu. Loại nhỏ, Tiểu y, gọi là *An-đà-hội* (Antarvasaka), áo này gồm có năm mảnh ráp lại (ngũ điều). Áo kiểu Trung gọi là *Uất-đa-la-tăng* (Yttara-Samgha) gồm có bảy mảnh (thất điều). Áo kiểu rộng, Đại y, gọi là *Tăng-già-lê* (Samghati), gồm chín mảnh (cửu điều). Trên đây là các loại áo *cà-sa* có gốc từ Ấn độ. Tùy theo xứ lạnh hay nóng bức, có thể mặc áo tiểu và trung bên trong, rồi mặc thêm áo cửu điều bên ngoài.

Chiếc áo *cà-sa* dùng để che thân, để đắp, để gối đầu hoặc để gấp lại và ngồi lên đó như một *tọa cụ*. Kinh Bát-nhã có kể chuyện Phật cùng với các đồ đệ sau khi khát thực về, ăn xong, Phật tự lau rửa bình bát, sau đó tự tay xếp áo *cà-sa* làm tọa cụ và ngồi lên đó để thuyết giảng. Có khi các đồ đệ lấy áo của mình xếp chồng lên nhau để Phật ngồi.

Công dụng của chiếc áo *cà-sa* thiết thực như thế, nhưng dần dần người ta gán thêm cho nó nhiều đức tính khác nữa. *Kinh Bi hoa* kể chuyện Phật thế nguyện khi đắc Đạo sẽ mặc chiếc áo *cà-sa* có đủ năm đức, kinh này gọi là áo *Cà-sa ngũ đức* và kể các đức ấy ra như sau: 1. Người thế tục nếu biết kính trọng *cà-sa* sẽ tiếp nhận được *Tam Thừa* (tức *Thanh văn thừa*, *Duyên giác thừa* và *Bồ-tát thừa*), 2. *Thiên long nhân* quý nếu biết kính *cà-sa* cũng đắc *Tam thừa*, 3. Quý thần và chúng sinh chỉ cần bốn tác của chiếc áo *cà-sa* cũng được no đủ, 4. *Chúng sinh* hằng tâm niệm *cà-sa* sẽ nảy sinh lòng *Từ bi*, 5. Giữa nơi trần mạt, nếu có được một mảnh nhỏ áo *cà-sa* và biết cung kính mảnh áo ấy cũng thắng trần. Một quyển kinh khác là *Tâm địa quán kinh* lại nêu lên đến mười điều lợi của chiếc áo *cà-sa* và gọi là *Cà-sa thập lợi*: 1. Che thân khỏi thẹn ngượng, 2. Tránh ruồi muỗi, nóng rét, 3. Biểu thị các tướng tốt của người xuất gia, 4. Kho

chứa châu báu (tức Diệu Pháp của Phật), 5. Phát sinh nghị lực gìn giữ giới hạnh, 6. Màu nhạt bản không làm phát sinh lòng ham muốn, 7. Mang đến sự thanh tịnh, 8. Tiêu trừ tội lỗi, 9. Mảnh đất tốt làm nảy sinh Bồ-đề tâm, 10. Giống như áo giáp, mũi tên phiền não không đâm thủng được.

Tôi mạn phép kể lễ dài dòng như trên đây, vì mục đích muốn nêu lên một thí dụ điển hình trong việc thêm thắt và biến dạng đối với ý nghĩa của chiếc áo *cà-sa*. Chẳng hạn như đức tính thứ năm do *Kinh Bi hoa* kể: “nơi trần mạt, nếu có một mảnh nhỏ *cà-sa* và biết cung kính cũng thắng trần”, theo tôi nghĩ đức tính này không phù hợp lắm với Đạo Pháp của Phật. Dù sao cũng xin phép được tiếp tục kể thêm rằng sách gốc Hán đã đặt cho chiếc áo *cà-sa* đến mười hai danh hiệu khác nhau và gọi là *Cà-sa thập nhị danh*: 1. *Cà-sa*, 2. *Đạo phục* (áo của người tu hành), 3. *Thế phục* (áo của người xa lánh thế tục), 4. *Pháp y* (áo đúng theo quy định của Đạo Pháp), 5. *Ly trần tục* (áo xa lánh lục trần), 6. *Tiêu sáu phục* (áo có khả năng tiêu trừ phiền não), 7. *Liên hoa phục* (áo như hoa sen không nhiễm bùn nhơ), 8. *Gián sắc phục* (áo nhuộm cho hư hoại màu đi), 9. *Từ bi phục* (áo của người thực thi đức Từ bi), 10. *Phúc điền phục* (áo gồm nhiều mảnh giống như những mảnh ruộng tượng trưng cho phi nhiêu, phúc hạnh), 11. *Ngọa cụ* (áo dùng để lót lưng khi nằm), 12. *Phu cụ* (áo dùng làm chăn để đắp).

Để tiếp tục kể chuyện về chiếc áo *cà-sa*, tôi xin trình bày tiếp theo đây những gì liên quan đến chiếc áo ấy trong Nam tông và Thiên tông.

LỄ DÂNG Y CỦA NAM TÔNG

Một trong những lễ hội lớn nhất và quan trọng nhất của Nam tông là lễ *Dâng y* trong dịp *kết hạ*. Sau thời gian ba tháng *an cư* trong mùa mưa là lễ *kết hạ*. Lễ *kết hạ* đánh dấu ngày chấm dứt *an cư*, tức thời gian không được phép đi ra ngoài của các tỷ kheo. Người Nam tông làm lễ này rất long trọng và gọi là lễ *Dâng y* hay *Kathina*. Thật sự chữ *kathina* trong tiếng Pali (tiếng Phạn là *kathinya*) không có nghĩa gì là áo hay *dâng y* mà có nghĩa là sự vững chắc và trong ngôn ngữ Pali chữ này lại có một nghĩa nữa là cái khung để dệt vải hay may áo.

Trong dịp lễ này, Phật tử dâng vải cho Tăng đoàn may áo *cà-sa*. Trước khi dâng, vải và các vật cúng dường khác được đặt vào mâm rồi đội lên đầu đi diễn hành trong thôn xóm, làng mạc trước khi đến Chùa để dâng lên các tỷ kheo. Các tỷ kheo phải chia nhau may cắt và phải may cho xong chiếc áo trong một ngày. Tục lệ này được đặt ra để nhắc lại sự tích người mẹ nuôi của Phật, cũng là người Dì tức là em của mẹ Phật, tên là Ma-ha Ba-xà-ba-đề Cồ-đàm-di (Mahaprajapati Gautami), đã từng thức suốt một đêm để hoàn tất chiếc áo cho Phật.

Khi Phật sinh ra đời được bảy ngày thì mẹ mất, người Di đứng ra chăm sóc Phật. Sau này, khi Phật đạt được Giác ngộ, Bà đã xin quy y và thành lập Tăng đoàn các Tỷ kheo ni, vì thế Bà cũng là Ni sư đầu tiên của Phật giáo.

Quy luật an cư cần phải có tối thiểu năm tỷ kheo cho mỗi nhóm, và được hưởng một khúc vải dài độ ba thước. Theo nghi lễ, cả nhóm họp lại để cắt may, xong áo thì tặng cho tỷ kheo nào nghèo nhất, hoặc cho người nào thông thái nhất hay lớn tuổi nhất trong nhóm. Khi may xong, áo được căng lên một *cái khung* (*kathina*) rồi mời mọi người đến chiêm ngưỡng. Áo này được gọi là *mahakathina*. Sau đó, khung căng áo được tháo ra để tượng trưng cho sự nói lòng một vài giới luật đối với các tỷ kheo. Nhưng trước đó trong suốt thời gian an cư, phải giữ khung căng áo nguyên vẹn vì là biểu tượng của giới luật phải giữ gìn. Vì thế, lễ *kết hạ* của Nam tông mang tên là *kathina* tức là sự chặt chẽ, vững chắc đúng theo nghĩa của chữ này trong tiếng Phạn và tiếng Pali.

Trên đây là những tục lệ và ý nghĩa được thêm thắt và tô điểm qua thời gian. Kinh sách tiếng Pali lại có kể một câu chuyện như sau. Trước mùa an cư, có một nhóm tỷ kheo độ chừng ba mươi đến năm mươi người họp nhau đến thành Xá-vệ (Savatthi) để cùng an cư bên cạnh Phật. Nhưng trên đường đến Xá-vệ, họ gặp mưa bão triền miên, đi đứng khó khăn, khi đến được Xá-vệ thì quần áo tả tơi và rách nát, hạn an cư ba tháng đã hết. Vì thế nên Phật quyết định lưu giữ Tăng đoàn lại để vá và may quần áo mới, do đó đã nói lòng một vài giới luật. Cũng có một cách giải thích khác là tháng đầu tiên sau khi *kết hạ* là tháng dành cho việc may mặc, vì thế nên một vài điều luật được tạm thời nói lòng trong thời gian này để các nhà sư lo việc may áo *cà-sa* mới. Tuy rằng ngày nay, việc may mặc không còn là một mối quan tâm cho người tu hành, nhưng thói tục vẫn còn giữ để bảo tồn sự tương trợ giữa những tỷ kheo với nhau, giúp nhau trong việc may vá. Về phía những người thế tục, họ phải cúng dường vải vóc để tự nhắc nhở phải nghĩ đến những khó khăn và thiếu thốn của người xuất gia.

Các câu chuyện trên đây cho thấy những biến dạng trong ý nghĩa của chiếc áo *cà-sa* đối với Nam tông. Tuy là những ý nghĩa thêm thắt nhưng vẫn giữ được truyền thống lâu đời. Những thêm thắt đó củng cố và tô điểm thêm cho Đạo Pháp và nhất là bày ra những tục lệ giúp một cách thiết thực vào việc tu hành.

Chiếc áo cà-sa và Thiên tông

Trước khi tịch diệt, Phật trao *y bát* cho người đệ tử uyên bác, kỷ cương và đạo hạnh nhất là Ma-ha Ca-diếp và khuyên bảo các tỷ-kheo nên nghe theo những lời hướng dẫn của Ca-diếp. Thật ra khi Ma-ha Ca-diếp gặp Phật lần đầu, Phật đã trao áo cho Ma-ha Ca-diếp rồi. Lúc

ấy Phật đi từ thành Vương-xá (Rajagrha) đến địa phận Na-lan-đà, Ma-ha Ca-diếp gặp Phật trên đường đi và nhận ra ngay chính đây là Đức Thế Tôn. Ma-ha Ca-diếp phủ phục dưới chân Phật. Phật tuyên bố đây chính thực là một đệ tử của Ngài. Phật cởi áo để trao đổi với Ca-diếp và sau đó đã thuyết giảng riêng cho Ca-diếp. Nhờ thế chỉ tám ngày sau Ca-diếp đắc quả La-hán. Nhưng cũng nên hiểu rằng ngài Ca-diếp đã có căn tu từ trước, đã dốc lòng tu tập trước khi gặp được Phật. Kinh sách kể chuyện ngài bỏ nhà đi tìm Đạo đúng vào ngày Phật đạt được Giác ngộ. Sau khi Phật tịch diệt, chính ngài Ca-diếp đứng ra tổ chức và chủ tọa lần kết tập đầu tiên những lời giảng huấn của Phật. Ma-ha Ca-diếp sống rất thọ, theo Kinh Tăng nhất A-hàm, Ma-ha Ca-diếp trèo lên hang Thạch đầu ở núi Kì-xà-quật (Kukkutapada) khoác lên người chính chiếc áo *cà-sa* của Phật rồi thệ nguyện rằng xác thân này không bao giờ hư nát cho đến khi nào Phật Di Lặc hiện hiện để cứu độ chúng sinh. Sau lời phát nguyện, Ngài nhập vào Niết bàn.

Một lần ở núi Linh thú, trong một buổi dâng đàn, Đức Thế Tôn không thốt lên một lời nào cả, chỉ cầm một cánh hoa đưa lên cho mọi người xem. Tất cả đều ngỡ ngác không ai hiểu gì, chỉ có một mình Ma-ha Ca-diếp nét mặt bình tĩnh và mỉm cười. Truyền thuyết này gọi là “*Niêm hoa vi tiếu*”» (*Cầm hoa mỉm cười*), nêu lên khái niệm về sự tinh tế và cao siêu của Giác ngộ không thể trình bày hay diễn đạt bằng lời nói được. Yên lặng tượng trưng cho sự quán nhận trực tiếp, vượt lên trên ngôn từ và sự hiểu biết quy ước của chúng ta. Đây cũng là một đặc thù của Thiên học, vì thế ngài Ca-diếp được xem là tổ thứ nhất của Thiên tông trên đất Ấn.

Ngài Ma-ha Ca-diếp về sau lại trao *y bát* của mình cho A-nan-đà. Tục lệ truyền thụ này kéo dài ở Ấn độ cho đến tổ thứ 28 là Bồ-đề-đạt-ma (~470-543), tức gần một ngàn năm sau khi Phật tịch diệt. Khi Bồ-đề-đạt-ma sang truyền Đạo ở Trung quốc, ngài lại trở thành vị tổ thứ nhất của Thiên tông trên phần đất này. Tục lệ truyền *y bát* tiếp tục trên đất nước Trung Hoa cho đến tổ thứ sáu là ngài Huệ Năng (638-713), tức được thêm khoảng hai trăm năm nữa.

Y bát của tổ thứ năm và ngài Huệ Năng

Ngài Hoàng Nhẫn (601-674), vị tổ thứ năm của Thiên tông Trung quốc, trao chiếc áo *cà-sa* tượng trưng sự lãnh đạo tông phái cho ngài Huệ-Năng, vì Huệ Năng là người thấu hiểu sâu xa hơn hết về Thiên học trong số các đệ tử của tông phái. Huệ Năng kính cẩn tiếp nhận chiếc áo *cà-sa* cao quý ấy và đồng thời cũng hiểu rằng chiếc áo tượng trưng cho lãnh đạo và uy quyền này rồi sẽ gây ra sự ganh tỵ và tranh chấp trong Tăng đoàn. Ngài Hoàng Nhẫn cũng ý thức được điều ấy nên khi trao chiếc

áo cho Huệ Năng đã khuyên Huệ Năng bỏ trốn về phương Nam và sau này không nên truyền thụ y bát nữa.

Hùng đông, Huệ Năng khoác lên người một chiếc áo rách để hóa trang, ôm chặt cái bọc gói chiếc áo *cà-sa* của ngũ tổ Hoàng Nhẫn, lên ra khỏi chùa và cắm cổ đi miết về phương Nam. Đi suốt như thế mấy ngày mấy đêm liền, khi đến vùng núi Đại châu, Huệ Năng ngoảnh cổ nhìn lại phía sau, bỗng giật mình hoảng hốt vì trông thấy có hàng trăm người đang hò hét đuổi theo. Dẫn đầu đám đông là sư Huệ Minh, một cự vồ quan đi tu, chính là người muốn cướp đoạt chiếc áo *cà-sa* của ngũ tổ. Đám đông càng lúc càng gần, Huệ Năng thì vừa mệt vừa đói không còn đủ sức để chạy thêm được nữa, ông liền để cái bọc áo *cà-sa* lên một tảng đá rồi ngẩng cổ hướng về phía đám đông và nói lớn lên như sau: “*Chiếc áo cà-sa tượng trưng cho việc Hoàng Pháp. Tại sao các ông là đám người thế tục lại muốn cướp nó? Cướp giữ chiếc áo cà-sa nhưng thiếu chính Pháp, chẳng qua cũng như một cánh hoa phản chiếu trong gương mà thôi*”. Nói xong Huệ Năng tìm một bụi rậm bên đường chui vào để trốn.

Huệ Minh chạy đến thấy cái bọc áo *cà-sa*, mừng quá liền ôm lấy, nhưng cái gói lại dính chặt vào tảng đá, không thể nào gỡ ra, hoặc kéo lên được. Huệ Minh bỗng nhiên cảm nhận được sức mạnh vô biên của Đạo Pháp, liền chui vào bụi rậm tìm Huệ Năng và phủ phục dưới chân Huệ Năng xin được thọ giáo.

Câu chuyện lại tiếp tục như sau. Huệ Năng rời Huệ Minh và tiếp tục đi về phương Nam. Huệ Năng đến thôn Tào Khê, thuộc quận Thiệu châu, tá túc ở chùa Bảo lâm. Nhiều tháng sau, vào một đêm tối, có một đám đông gồm nhiều nhà sư, đầu đội mũ sùm sụp, kéo đến đập cửa sau của chùa và hét to lên: “*Này Huệ Năng, người phải đưa chiếc áo cà-sa cho chúng ta. Nếu không sẽ có chuyện to đấy*”. Trong chùa, Huệ Năng sợ quá, ôm bọc áo tông cổng trước mà chạy. Huệ Năng phăng phăng trèo lên một ngọn đồi gần chùa, nhìn xuống thấy đám đông đốt đuốc đuổi theo, họ chạy nối đuôi nhau, ngồng ngoèo như một con rắn lửa đỏ rực. Huệ Năng thì mệt là không còn chạy được nữa, liền chui vào một khe đá để trốn. Một lúc lâu, không nghe động tĩnh gì, ông thò đầu nhìn ra. Nhưng lúc ấy cả ngọn đồi đã cháy rực như một biển lửa. Đám đông, vì không tìm thấy ông, nên nổi lửa đốt ngọn đồi và tin rằng Huệ Năng thế nào cũng phải chui ra.

Trong tình huống dầu sôi lửa bỏng như thế, Huệ Năng vẫn không cảm thấy sợ hãi cho thân mình, chỉ nghĩ đến việc phải bảo vệ chiếc áo mà thôi. Ông bỗng sức nhớ đến trước đây Huệ Minh không thể nhấc được chiếc áo lên khỏi tảng đá và ông tin rằng chiếc áo này là biểu tượng của sức mạnh Đạo Pháp, không thể nào cháy

được. Ông liền bình thân mở cái bọc và khoác lên người chiếc áo cao quý ấy rồi tọa thiền trên một tảng đá. Sau khi nhập thiền, Huệ Năng cảm thấy thân xác nặng thêm, lún sâu vào đá, cảnh tượng hải hùng biến mất. Lửa tắt, khói đen và bụi mù cũng tan biến. Cảnh vật chung quanh trở nên êm ả một cách lạ thường.

Tọa thiền như thế thật lâu, bỗng Huệ Năng cảm thấy có những tia sáng xuyên vào mắt. Ông mở mắt ra thì mặt trời đã lên cao, cây cỏ chung quanh và khắp ngọn đồi đã cháy sạch chỉ còn tro bụi. Chiếc áo *cà-sa* bám đầy tro nhưng không kém vẻ rạng rỡ. Huệ Năng đứng lên, nhưng lại hết sức ngạc nhiên nhận thấy trên mặt tảng đá nơi ông ngồi bị lún sâu, in dấu hai đầu gối của ông lúc tọa thiền, nhìn kỹ hơn lại thấy cả vết vạt áo, vết vạt và đường chỉ khâu nữa. Trước cảnh tượng đó, Huệ Năng bắt thần chứng ngộ được sức mạnh của Đạo Pháp.

Chiếc áo cà-sa và Thiền học Zen

Tôi xin kể tiếp chuyện chiếc áo *cà-sa* trong Thiền tông, đặc biệt là Thiền phái Zen của người Nhật. Người Nhật gọi chiếc áo *cà-sa* là *okesa* hay *kesa*, chữ này cũng có gốc từ chữ Phạn *kesaya*. Chữ *okesa* trong tiếng Nhật có nghĩa là miếng vải thừa vớt bỏ, dính bẩn hay hư hoại. Người Nhật tu Thiền còn gọi chiếc áo *kesa* là “*Fukuden-e*”, chiếc áo của Phúc hạnh, hoặc “*Mu soo*”, chiếc áo “*Vô tướng*” hay “*Không hình tướng*”, tức chiếc áo của một người “*Vô ngã*”, tự tay khâu lấy cho mình và mặc lên một thân xác “*không mang một dấu hiệu gì cả*”. Người tu Thiền có ba chiếc áo *kesa*, một chín mảnh, một bảy mảnh và một năm mảnh. Chiếc áo năm mảnh được biến dạng và trở thành một vật tượng trưng gọi là *rakusu* dành cho người xuất gia và cho cả hàng cư sĩ, tức những người tu tại gia.

Đại khái tùy theo học phái, *rakusu* gồm năm mảnh vải màu nâu hay màu lam, khâu ráp vào nhau, có viền vải chung quanh thành hình vuông hay chữ nhật, lại khâu thêm một quai bằng vải. *Rakusu* giống như một cái túi khá rộng, quai dùng để đeo vào cổ, tấm *rakusu* giấu vào bên trong áo hoặc để ra trước ngực, tượng trưng cho chiếc áo *cà-sa*. Mặt sau của tấm *rakusu*, lại lót thêm một lớp lụa màu trắng hay màu ngà. Vị Thầy của người xin quy y ghi pháp danh của người này lên mặt lụa, viết thêm một câu thơ hay một công án, tất cả đều bằng chữ Hán, rồi ký tên và đóng triện của mình lên đó.

Điều đáng nêu lên là người xin quy y phải tự may tấm *rakusu* cho mình. Tôi tự nghĩ rằng có lẽ người đọc nếu được chứng kiến cảnh tượng những người Tây phương, trong số này có những giáo sư Đại học, những nhà khoa học lừng danh, các bác sĩ nổi tiếng ghi tên vào những khoá thực tập để may tấm *rakusu* trước khi xin quy y, trước cảnh tượng đó có thể quý vị sẽ cảm động

lắm. Họ chăm chỉ may từng mũi kim, ráp từng mảnh vải. Khâu hồng, đường chỉ không thẳng... họ lại tháo ra để may lại. Đó cũng là cách tập chú tâm trong Thiền học, nhưng điều đáng nêu lên chính là sự hiển lộ của Đạo Pháp trong từng cử chỉ, hành vi và trong quyết tâm của họ.

Người cư sĩ, không có cái may mắn của một người xuất gia, họ an phận với tấm *rakusu*, đeo vào cổ và dấu trong ngực áo để nhắc nhở họ phải giữ giới và để che chở cho tâm thức họ. Trước khi đeo vào cổ phải đặt tấm *rakusu* lên đầu, đọc một câu kinh. Khi cởi ra, tấm *rakusu* phải được gấp lại thật cẩn thận, cất trong một túi nhỏ, hay gói trong một miếng vải sạch và đặt lên bàn thờ Phật. Đạo Nguyên (Dogen) nói rằng:

“Áo mặc của kẻ thế tục làm gia tăng dục vọng – nhưng tấm áo của Phật, tấm áo của một sinh linh Giác Ngộ, nhỏ bỏ tận rễ tất cả những dục vọng đó”.

Để tiếp tục nêu lên ý nghĩa của chiếc áo cà-sa trong Thiền học, tôi xin phép được trích dẫn thêm những câu khác của Đạo Nguyên. Đạo Nguyên (1200-1253) là một đại thiên sư và cũng là một trong những nhà tư tưởng lớn nhất của nước Nhật. Ông sang Trung Quốc tầm Đạo năm 1223, thọ giáo với thiên sư Trường Ông Như Tịnh (Tiantong Rujing 1163-1228) thuộc phái Tào động. Ông ngộ được Thiền, trở về Nhật năm 1227 và phát triển dòng Tào động trên quê hương của ông. Trong tập luận nổi tiếng của ông là *Chính Pháp nhãn tạng* (tiếng Nhật: Shobogenzo), Đạo Nguyên đã phát biểu về chiếc áo cà-sa như sau:

“Những ai đã Giác Ngộ đều tôn kính chiếc áo cà-sa, tin tưởng nơi chiếc áo đó. Họ xem đó là chiếc áo của giải thoát, một cánh đồng của phúc hạnh, một mảnh áo vô tướng, mảnh áo của Như Lai, mảnh áo của Anuttarak Samnyak Sambodhi (hoàn toàn Giác Ngộ, hoàn hảo và không có gì so sánh được).”

Sau đây là một câu khác của ông trong tập *Chính Pháp nhãn tạng*, câu này dùng để nhắc nhở những người quy y:

“Tư tưởng của con người không bao giờ ngưng đọng, vì những tư tưởng ấy sinh ra và chết đi trong từng khoảnh khắc; thân xác con người cũng thế, sinh ra rồi biến đi trong từng giây phút một.

Chiếc áo cà-sa không phải là một sáng chế của con người, nó cũng chẳng phải không phải là một sáng chế của con người; nó không đứng lại ở một nơi nào cả, nhưng chẳng có một nơi nào mà nó không dừng lại, và Sự Thực tuyệt đối của chiếc áo cà-sa chỉ có chư Phật mới hiểu được mà thôi. Tuy nhiên, đối với những người tu tập trên đường Đạo Pháp, những gì xứng đáng do chiếc áo cà-sa mang đến cho họ thì vô tận, không bao giờ khô cạn (...).

Trong thế giới này chiếc áo cà-sa luôn luôn hiện đại và cập nhật hoá. Sự hiện thực trong một giây phút cũng là sự hiện thực của vô biên. Trong giây phút này, chúng ta đang có cơ duyên tuyệt vời không những được nghe nói về Đạo Pháp, nhưng hơn thế nữa ta còn được trông thấy, xem xét và tiếp nhận chiếc áo cà-sa này.

Cơ duyên ấy cũng giống như ta được nhìn thấy Phật, nghe được chính Tiếng nói của Phật. Cơ duyên ấy chính thực là sự truyền thụ của Tâm thức Phật, tiếp nhận được thân xác và cốt tủy của Phật”.

Sau đây chúng ta lại tiếp tục tìm hiểu sâu xa hơn về ý nghĩa của chiếc áo cà-sa.

Làm bàn về ý nghĩa của chiếc áo cà-sa

Như ta vừa nhận xét trên đây về những biến đổi từ hình thức cho đến ý nghĩa của chiếc áo cà-sa qua thời gian, không gian, nhưng những biến đổi đó vẫn luôn luôn giữ được truyền thống và phong cách hàng ngàn năm của Phật giáo, từ những tục lệ của Nam tông cho đến những hình thức mang tính cách tượng trưng trong Thiền tông. Tất cả đều không đi ra ngoài Đạo Pháp.

Thật vậy, người xuất gia khoác lên người chiếc áo cà-sa để giúp họ tự giữ giới, nhắc nhở họ không được tà dâm, sát sinh, trộm cắp, không sân si, báng nữu... Chiếc áo ấy đem đến sự an lạc cho họ, giúp họ phát lộ lòng Từ bi, làm gia tăng trong tâm thức họ sự can đảm, tinh tấn, sức mạnh và Trí tuệ.

Nhưng phần đông chúng ta đây, những người thế tục, những cư sĩ tại gia, chúng ta không có cái may mắn, cái cơ duyên tốt lành của một người xuất gia, hãnh diện được khoác lên người chiếc áo cao quý của Đạo Pháp. Chúng ta trần trụi và hở hang như những con sâu, phơi bày thân xác trước cuồng phong bão táp, làm mối cho những hiểm nguy của cõi dục giới và luân hồi. Vậy phải làm sao bây giờ?

Không được mặc lên người, nhưng chúng ta hãy cố gắng khoác lên tâm thức chúng ta một chiếc áo cà-sa, một manh áo bạc màu, một manh áo ta tự khâu lấy bằng những mảnh vải vụn vớt bỏ mà ta mót nhặt từ những cảnh nghèo nàn và khổ đau chung quanh chúng ta. Một manh áo tuy khiêm tốn, nhưng ta hãy xem đó là manh áo của Đạo Pháp, ngay thật và tinh khiết, rạng ngời và cao cả. Dù ta bước ra đường với một chiếc áo thật hợp thời trang, đắt tiền và thật đẹp, nhưng ta vẫn không hãnh diện bằng chiếc áo bạc màu trong tâm thức ta. Hoặc kém may mắn hơn, ta phải bước ra đường với một chiếc áo vá nghèo nàn trên thân xác, nhưng ta không xấu hổ và vẫn ngẩng đầu cao, vì bên trong ta, chiếc áo cà-sa mà ta khoác lên tâm thức thật là rạng rỡ.

Chiếc áo cà-sa khoác lên tâm thức sẽ che chở cho ta trong cuộc sống bon chen, đầy tham vọng, lừa đảo, hận

thù và hung bạo. Nó ngăn chặn không cho ta hung dữ và hận thù. Trong lúc bước chân ra đường, khi hòa mình với xã hội, thông thường ta chỉ xét đoán con người qua hình dạng và phong cách bên ngoài, qua phần son, quần áo, chức vị, cử chỉ, ngôn từ..., phản ánh một phần nào tâm thức của họ. Nhưng ta không thấy được những gì sâu kín trong tâm hồn họ. Có những người ăn mặc sang trọng, chải chuốt, phần son loè loẹt, nhưng tâm hồn họ trần truồng, dơ bẩn, đầy lo âu và hổ thẹn. Có những người nghèo khó, cực khổ, nhưng tâm hồn họ thật an vui, kín đáo, sạch sẽ và nhân từ. Trên đây là hai trường hợp cực đoan và tiêu biểu mà thôi, thế gian này thật phức tạp, có đủ mọi hạng người, pha trộn rất nhiều đức tính và những sai lầm u mê khác nhau. Thế giới *ta bà* hay *luân hồi* gồm có ba cõi: *dục giới*, *sắc giới* và *vô sắc giới*. Tất cả chúng sinh còn vướng mắc trong luân hồi đều sống chung đụng bên cạnh nhau trong ba cõi ấy: từ súc sinh, quỷ đói, con người, cho đến thánh nhân và thiên nhân. Vậy ta hãy quyết tâm khoác lên tâm thức ta một chiếc áo *cà-sa* thật tinh khiết để nhìn thấy những thánh nhân và thiên nhân chung quanh ta để được gần gũi với họ. Họ sẽ tập cho ta cởi chiếc áo *cà-sa* trong tâm thức để khoác lên thân xác những ai đang trần truồng và hổ thẹn, để lau nước mắt cho những người đang khổ đau và băng bó vết thương cho những sinh linh bị hành hạ. Tất cả những chúng sinh ấy đang hiện diện chung quanh ta, những cũng may mắn thay, thánh nhân cũng đang ở bên cạnh ta.

Tóm lại, chiếc áo *cà sa* trong tâm thức, trước hết giống như một bức rào ngăn chặn những hành vi mê lầm và phạm giới của ta, sau đó sẽ trở thành một bức tường thành kiên cố đem đến sự an lạc cho ta. Nhưng ta cũng phải biết cởi chiếc áo *cà-sa* ấy từ tâm thức để khoác lên thân xác của những ai cần đến, biết dựng lên cho kẻ khác một bức rào ngăn chặn những hành vi phạm giới của họ và xây lên một bức tường thành che chở đem đến an vui cho họ.

Nhưng tu tập có phải là dừng ở đây hay không? Giữ giới và phát lộ lòng Từ bi, tuy cực kỳ quan trọng và cần thiết, nhưng chỉ là giai đoạn đầu. Từ bi phải đưa đến Trí tuệ, Trí tuệ đến Giác ngộ, Giác ngộ đến Giải thoát. Con đường còn dài và thật dài. Ta hãy thử lăm bàn xa hơn về chiếc áo *cà-sa* xem sao.

Lăm bàn xa hơn về ý nghĩa của chiếc áo cà-sa

Để mở đầu phần đoạn này tôi xin dịch bốn câu thơ của thiền sư người Nhật Suzuki Shosan (1579-1655) như sau:

*Cùng nhau đi trong cơn mưa Như Lai,
Cà-sa ướt sũng cả hai vai.
Ô kìa, trên những tàu lá sen,*

Chẳng có một giọt nào đọng lại.

Tôi cũng xin trích thêm ra đây một vài câu thơ của Thiền sư Ryokan (1758-1831). Thiền sư Ryokan nổi tiếng là một người có tâm hồn dịu dàng, thanh thoát và một lối sống thật đơn sơ. Ông thường làm thơ và viết chữ thảo. Ngày nay, các bảo tàng viện ở Nhật cũng như trên thế giới tìm mua với bất cứ giá nào những tờ giấy viết chữ thảo của ông còn lưu lại. Năm 1790, thầy của ông là Kokunen rút lui, gán cho ông biệt danh là Ryokan Taigu, có nghĩa là người có một tâm hồn giản dị và một tấm lòng bao dung, rồi giao phó trọng trách thay ông hướng dẫn Tăng đoàn. Một năm sau, thầy của ông qua đời, ông cũng rời bỏ Tăng đoàn, xa lìa thế tục để lên núi ẩn cư. Ta hãy đọc qua một bài thơ của ông mà tôi tạm dịch nghĩa như sau:

*Trong cánh rừng xanh mướt,
Là chiếc am cỏ của tôi.
Chỉ có những người đi lạc đường
Mới tìm ra được nó.
Chẳng có một tiếng ồn ào của thế tục,
Hoa chẳng thính thoảng mới nghe thấy tiếng hát của
một gã tiểu phu.
Một nghìn đỉnh núi cao, một vạn con suối chảy,
Chẳng có một bóng người.*

Tuy thế một hôm sau khi đi tản bộ về, ông thấy túp lều cỏ của ông bị trộm, tên trộm vơ sạch những gì thật nghèo nàn của ông. Ông liền lấy bút để viết một câu thơ như sau:

*Tên trộm đã bỏ quên
Khuôn trăng
Bên thềm cửa sổ*

Thôi, ta hãy trở lại với chiếc áo *cà-sa*, với bức rào cản ngăn chặn những hành vi phạm giới, với bức tường thành mang đến an vui cho ta. Chiếc áo màu nhiệm như thế, bức tường thành kiên cố như thế, lớp rào cản hữu hiệu như thế, nhưng đó có phải là Đạo Pháp hay không? Thưa không, đó chỉ là những biểu tượng mà thôi, giống như ngón tay dùng để chỉ mặt trăng, ngón tay không phải là Đạo Pháp. Phật dạy rằng Đạo Pháp giống như một cái bè bằng tre dùng để qua sông. Qua được bờ bên kia ta hãy bỏ lại, đừng đội nó lên đầu mà đi. Cũng thế, mặt trăng cũng chỉ là một biểu tượng. Nếu ta bám níu vào chiếc áo *cà-sa*, vào bức rào cản hay bức tường thành, vào mặt trăng, chúng ta sẽ không bao giờ có thể đạt được Giải thoát. Đó chỉ là một hình thức của bám níu mà thôi.

Ta lại quay trở lại với ý nghĩa trong bốn câu thơ của Suzuki trên đây. Ngay cả những giọt mưa Như Lai, tức Diệu Pháp của Phật, cũng không đọng lại trên chiếc lá

sen, nhưng ô kia, sao những chiếc áo *cà-sa* lại ướt đầm như thế? Chúng ta sống trong một thế giới mà tất cả đều là quy ước, đều là những biểu tượng. Chúng không phải là hiện thực cũng không phải là Đạo Pháp, nhưng chúng ta cứ bám níu vào đó. Từ chiếc áo bạc màu, khâu đùm bằng những mảnh vải vụn vứt đi cho đến chiếc áo rang rở may bằng lụa và vải quý của ngũ tổ Hoằng Nhẫn, tượng trưng cho Đạo Pháp, cũng chỉ là những biểu tượng. Ta sống trong một thế giới của biểu tượng, của quy ước và công thức. Tất cả đều là những sáng tạo, những biến chế, những tạo dựng của tâm thức con người. Ngôn ngữ cũng là quy ước, vì thế mà Phật đã cầm cánh hoa đưa lên nhưng không thốt ra một lời nào cả.

Tâm thức Bát-nhã, siêu việt và nhất nguyên của Phật đã có sẵn trong tâm thức Giác ngộ của Ma-ha Ca-diếp, tâm thức Giác ngộ của Ma-ha Ca-diếp đã có sẵn trong tâm thức Bát-nhã, siêu việt và nhất nguyên của Phật. Cánh hoa chỉ là một biểu tượng, cũng như ngôn từ chỉ là những quy ước. Trong tâm thức Từ bi, độ lượng và bao dung của một người tu hành đã có sẵn tâm linh tinh thức của một kẻ thế tục, trong tâm linh tinh thức của một kẻ thế tục đã có sẵn tâm thức Từ bi, độ lượng và bao dung của một người tu hành. Chiếc áo *cà-sa* chỉ là một biểu tượng trung gian giữa họ mà thôi.

Gỗ đã có sẵn trong cái bàn, trong cái bàn đã có sẵn gỗ. Người thợ mộc lấy gỗ làm ra cái bàn là một sự sáng tạo của con người. Trong sự sống đã có sẵn cái chết, trong cái chết đã có sẵn mầm móng của sự sinh. Phân biệt sự sống và cái chết là hậu quả của sự hiểu biết nhị nguyên và đối nghịch. Ý nghĩa thâm thẳm và đa dạng của chiếc áo *cà-sa* là những tạo dựng của tâm thức con người.

Chỉ vì một biểu tượng mà lục tổ Huệ Năng đã suýt chết mấy lần. Mỗi khi có một biểu tượng được tạo dựng là có sự bám níu vào đó. Một chiếc áo tượng trưng cho việc lãnh đạo một Tăng đoàn cũng đủ để sinh ra tham vọng, ganh tị, tranh chấp, huống chi danh vọng, tiền bạc và uy quyền trong thế gian này. Cũng may, ngũ tổ và lục tổ đã ý thức được việc ấy mà bỏ đi tục lệ truyền thụ y bát. Nếu không, biết đâu ngày nay, Tăng đoàn vẫn còn tiếp tục dòm ngó một chiếc áo, kẻ thế tục lại có thêm một dịp để tham dự nghi lễ truyền thụ mà quên đi những gì thiết thực trong việc tu tập.

Kết luận

Từ nguyên thủy, chiếc áo *cà-sa* là những miếng vải vụn, vải rách bạc màu được khâu lại với nhau để làm áo. Phật và Tăng đoàn của Phật dùng áo ấy để che thân, để đắp và để gấp lại làm tọa cụ. Chiếc áo ấy đã biến dạng để tượng trưng những thừa ruộng vuôn vắn của phúc hạnh, để tiêu biểu cho sự lãnh đạo một Tăng đoàn, để trở

thành tấm *rakusu* của người tu Thiền, tấm *rakusu* được kính cẩn đặt lên đầu và lên bàn thờ.

Tất cả những biến dạng và thêm thắt ấy có phải là những điều phù phiếm hay không? Thừa không, những thêm thắt ấy thật cần thiết cho việc tu tập, tuy không phải là Đạo Pháp nhưng là những cánh hoa của Đạo Pháp. Ngón tay không phải là Đạo Pháp, nhưng không có ngón tay ta không thấy được Đạo Pháp. Từ lòng Từ bi của Phật, từ những lời giảng huấn thiết thực của Phật nở ra muôn hoa, vạn sắc, nở ra trăm triệu trang kinh sách. Vì thế chiếc áo *cà-sa*, tuy là một biểu tượng, nhưng thật thiết yếu. Chiếc áo ấy được mặc lên thân xác của người xuất gia để làm gương cho ta soi, và được khoác lên tâm thức ta để che chở cho ta. Ta khoác chiếc áo ấy lên tâm thức để ra đường, ta gấp nó lại để gối đầu trong giấc ngủ. Nó sẽ che chở cho ta trước những ý tưởng điên rồ, những xúc cảm bấn loạn, những cơn ác mộng giữa đêm đen.

Phật dạy đừng bám níu, Đạo Pháp cũng chỉ là một chiếc bè giúp ta qua sông mà thôi. Nhưng nếu không có chiếc bè ta không thể qua sông được, không có Đạo Pháp ta không thể vượt được dòng thác của *Vô minh*. Trường hợp của chiếc áo *cà-sa* cũng thế, khi ta còn đang lặn ngụp trong dòng thác chảy xiết của *Vô minh*, ta hãy bám níu vào nó. Cuốn trôi theo dòng nước cuộn cuộn, nếu ta vớt được một cành tre gai góc to bằng ngón tay, ta dùng vôi vữa đã đến được bờ bên kia của Giác ngộ mà vớt bỏ nó đi. Ta hãy bám lấy cành tre, tom góp thêm để kết lại làm bè, một chiếc bè thật lớn, vì có thể những chúng sinh khác đang lặn ngụp bên cạnh ta và chưa vớt được một cành tre nào. Vậy ta hãy thu nhặt những mảnh vải vụn trong cõi vô thường này để tự may lấy cho ta một chiếc áo *cà-sa*.

Tôi xin mượn một lời nguyện cầu của thiền sư Ryokan để chấm dứt bài viết này. Ông sống trong chốn hiểm quanh nơi rừng núi hoang vu, có thể ông cũng chẳng có gì ngoài chiếc am cỏ trống không, một mảnh áo *cà-sa* trên vai và một khuôn trăng bên thêm cửa sổ, nhưng tôi nghĩ rằng tâm thức ông lúc nào cũng muốn dang tay để ôm lấy tất cả chúng sinh. Ông đã nguyện cầu như sau:

“Tôi nguyện cầu chiếc áo cà sa của một người tu hành như tôi sẽ trở thành thật rộng lớn để có thể gom lại và quàng lên thân xác của tất cả chúng sinh đang đau khổ trong cõi vô thường này...”

Bures-Sur-Yvette (Pháp quốc), 18.04.07
(Source: Quangduc.com)

歸臥故山秋
知音亦不賞
一吟双淚流
二句三年得
賈島

絕句

Tuyệt Cú

Nhị cú tam niên đắc
Nhất ngâm song lệ lưu
Tri âm như bất thưởng
Qui ngọa cố sơn thu

GIÃ ĐẢO

Bài Thơ Đặc Ý

Vừa ý hai câu mất ba năm
Lệ rơi nghe sâu buốt giọng ngâm
Chẳng ai chia sẻ niềm tâm sự
Thu về núi cũ thảnh thơi nằm

Ba năm viết được hai câu
Đọc lên thấm thiết lệ sâu hoen mi
Bằng hữu chẳng đoái hoài chi
Ta lên núi cũ nằm khi thu về

ÁI CẦM

MA KHÔNG CHỒNG

Võ Doãn Nhân

Thúy Kiều thấy mình trôi bèo bồng trên giòng sông Tiền Đường, một phụ lưu của giòng Dương Tử, thấy mình đang trôi lững lờ theo con nước, không còn nổi trên mặt nước nhưng cũng chẳng chìm sâu xuống đáy, lơ lửng con cá vàng hoặc con rạm con sứa bơi ngậm xuôi về biển khi thủy triều rút nước. Kiều thấy mình đang hiện hữu, đang sống, dường như Kiều đã không còn hít thở khí trời nữa, trong một không gian ba chiều, cũng có chiều dài, chiều rộng, và chiều cao hay chiều sâu. Ấy thế mà ông tu sĩ triết gia người Anh Berkeley lại bảo không gian chỉ có hai chiều, và mắt của chúng ta cũng chỉ nhìn thấy hai chiều! Chỉ mấy con cá nhỏ bơi trong nước nhón nhơ, lâu lâu mới nổi trềng trên mặt nước, đớp chút không khí rồi vội vàng lặn xuống nước sâu, như thể mấy chú cá nhỏ không được phép, không cho phép đi vào một thế giới riêng biệt. Bên ngoài mặt nước, cũng là thế giới thứ ba ư? Mấy bầy cá chuồn thỉnh thoảng nhảy trên mặt biển. Lúc nhỏ, Kiều nghe nói cá chuồn có thể “bay” trên mặt nước. Kiều chỉ nghe kể lại vào mùa cá, những ngư dân chèo thuyền ra khơi gặp lúc trời êm bể lặng, ra khấn vái đất trời cầu xin những gì, Kiều không biết, chỉ một lúc sau, đột nhiên có tiếng lao xao ngoài mặt biển: thì ra bầy cá chuồn đua nhau “bay” khỏi mặt nước, “bay” có thể cao, vượt khỏi be thuyền để nhảy lên thuyền chịu trận... Khi thấy bầy cá chuồn hay còn gọi là “cá tàu bay” đã nhảy lên thuyền khá nhiều, có thể được một mẻ, ngư dân bắt đầu khấn vái, xin cho thôi. Cá tàu bay tự nhiên vui hân đi, không còn ồ ạt đua nhau vào thuyền câu như trước đây nữa. Ai tin những lời van xin, cầu khẩn, đồn đoán những ngư dân như thế, tùy quyền quyết đoán của các nhà khoa học!

Kiều nhớ mồn một những lời nhắn nhủ trước khi Kiều bước sang một thế giới khác. Những lời nhắn nhủ ấy là ca nhi Đạm Tiên. Sau khi rút dao đâm vào người tự tận, Kiều thiêm thiếp mơ màng hồn xiêu phách lạc thấy Đạm Tiên trở về, cho Kiều biết cuộc đời hồng nhan đoản mệnh của nàng vẫn chưa thoát khỏi tiền oan nghiệp chướng:

*"Ri rằng: nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn tràng được sao?
Số còn nặng nợ má đào,
Người dù muốn thác, trời nào có cho."*

*Sau khi hết kiếp liễu bỏ,
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau."*

Sông Tiền Đường bây giờ đã đến và giờ phút định mệnh chấm dứt cuộc ba sinh trôi nổi ê chề vênh nhục đã xong. Hồi tưởng rất nhanh tựa một cuốn phim màn kịch quay diễn ra phút chốc, Kiều sống lại cảnh Thúc Kỳ Tâm say mê "vườn mới thêm hoa" biết nói, phải chịu cảnh thanh lâu tiếp khách Bạc Hạnh Bạc Bà lần thứ hai, lần la làm quen thân thiết với khách biên đình, "họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông", những tưởng giấc mộng đường mây thênh thang hoạn lộ công hầu khanh tướng, giấc mộng ly hương bấy nay từ đây sẽ thành hiện thực "dần dà rồi sẽ liệu về cố hương", không ngờ giấc mộng đã tan tành theo mây khói. Rồi sau một đêm mua vui xác thịt nài hoa ép liễu cùng viên Tổng Đốc trọng thần họ Hồ, bậc thượng lưu trí thức đại thần sau khi tỉnh rượu giật mình bèn hối hả bán gả gái mua vui một đêm cho một thổ quan, một quan chức địa phương nhỏ vô danh. Tới khi xuống thuyền hoa rồi, nữ hồng nhan bạc mệnh võ lễ ra rằng chính nàng cũng không biết viên thổ quan là ai, xuất xứ từ đâu, ngoại hình, già trẻ. Mà Kiều cũng không biết viên thổ quan ấy gốc gác ra sao, lai lịch thế nào, gia đình vợ con nào ai hiểu rõ, có yêu thương gì đến người đàn bà sa cơ lỡ bước này chăng, chẳng qua cũng chỉ là một cuộc tình tạm bợ chấp nối mua vui qua ngày đoạn thảng được chim bẻ ná vắt chanh bỏ vỏ đó thôi, vui gì cuộc rượu trận cười mà ham! Thôi, mình cũng nên chấm dứt cuộc đời trầm luân khổ ải này cho xong. Thần mộng, hồn Đạm Tiên sẽ hẹn hò cùng ta nơi gặp gỡ ở sông Tiền Đường. Thật ra, ta nào biết sông nào là sông Tiền Đường, chỉ nghe lâu la lính tráng cho biết sông này đó thôi. Ủa, mà tại sao từ nãy đến giờ vẫn chưa thấy thần mộng Đạm Tiên đến? Hồn ma ca kỹ chốn thanh lâu Vạn Huê Lâu đã lỗi hẹn rồi chăng?

*"Lạ thay định mệnh an bài
Hồn vừa thoát xác, hồn ngay hiện về."*

("Hồn" đầu tiên là hồn ma, hương linh của Kiều, "hồn" tiếp theo là hồn ma Đạm Tiên)

- Chào em. Chị vừa đến thật đúng lúc, không dám chậm trễ.

- Không dám, chào chị. Em vừa nghĩ đến chị thì chị lại đến ngay. Quả thật đồng thanh tương ứng, đồng khí

tương cầu. Đây có phải là sông Tiền Đường, không chị? Bây giờ em phải đối xử hoàn cảnh, tình huống ra sao, mong chị sáng suốt mách bảo giùm. Em hiện giờ không khác gì bơ vơ tựa kẻ lạc đường, cầu mong chị đoái thương mách bảo.

Từ giờ phút này, Kiều nét mặt ngơ ngác lạ lẫm tựa người ngủ say vừa tỉnh sau một giấc ngủ dài trông rõ tội nghiệp.

- Chị báo cho em một tin mừng: kể từ giờ phút này, em là một linh hồn trang trắng, trả được hết nghiệp đoạn trường. Nhờ đức hạnh cao, công đức dày, thường xuyên cứu người trả ác tạo phước, nhờ vậy mà nghiệp từ tiền kiếp em dứt trả sớm được tiền oan nghiệp chướng, chị có lời chúc mừng em. Bây giờ em chỉ cần vị Thủy Tề cai quản lãnh địa con sông Tiền Đường phán quyết từ nay trắng án và xin được đầu thai một kiếp mới.

- Chị có thể cho em biết trước em sẽ được vào kiếp nào không chị? Kiếp Atula? Kiếp người? Kiếp địa ngục? Kiếp súc sinh, trâu, bò, chó ngựa, gà heo, chim chóc?

- Chị làm sao biết được thiên cơ? Mà đã là thiên cơ thì bất khả lậu. Mà ví dầu chị có biết trước em sẽ đầu thai vào kiếp gì, chị cũng không dám tiết lộ cùng em. Nhưng mà đã có người ra dẫn dắt em vô hội kiến vua Thủy Tề rồi đó. Thôi chị đi đây, lát nữa chị sẽ lại gặp em. Chúc em gặp nhiều may mắn.

Hồn ma Thúy Kiều lẻo đẻo theo sau người dẫn dắt, đi đến chôn cung điện nhà vua. Đến một nơi gọi là văn phòng kiểm tra lý lịch gốc gác người mới chết, kẻ dẫn dắt chỉ một chỗ hồn ma Thúy Kiều đứng đó chờ đợi, đoạn quày quả bỏ đi. Lúc này đã có một viên chức mang sắc phục công an, mang quân hàm thiếu tá, ngồi ngay ngắn trên ghế, hai bên ngồi song song một viên chức khác, ý chừng là những nhân viên phụ tá đỡ đần công tác. Trên đầu chỉ chít chằng chịt những khẩu hiệu nền đỏ chữ vàng chữ viết nét chữ tô đậm rất đối chân phương: sống và làm việc làm việc 'theo gương bác Hồ vĩ đại'; 'chủ tịch Hồ chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta'. 'Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.' 'Vì lợi ích mười năm, trồng cây. Vì lợi ích trăm năm, trồng người.'

- Vị Thủy Vương đâu rồi? Hồn ma Thúy Kiều cất tiếng hỏi.

- Vị Thủy Vương tạm thời vắng mặt. Ngài đang bận lo giải quyết những đơn từ do nhân dân khiếu kiện giành dân chiếm đất rồi. Bản chức tạm thay cho Thủy Vương để giải quyết bổ sung lý lịch của hương linh vừa mới tắt thở. Đương sự phải thành khẩn trung thực khai rõ họ tên.

- Tiểu nữ là Vương Thúy Kiều, chết ngày... tháng, năm..., trường nữ là ông và bà Vương Viên Ngoại.

- Đương sự khai rõ tình trạng gia đình, độc thân hay là đã có chồng, có con gì chưa?

- Tiểu nữ còn ở độc thân, chưa có chồng.

Viên thiếu tá công an giờ hồ sơ lật qua lật lại ra xem, chợt viên chức phụ trách trông coi Nhân Thế bộ, ngừng mặt hất hàm giạt giọng:

- Thế còn tên Mã Giám sinh đâu? Y không phải là chồng của đương sự sao?

Hồn ma Thúy Kiều cất tiếng, giọng phân trần ngả ngũ thiệt hơn:

- Mã Giám Sinh quả là chồng của tiểu nữ thật. Ban đầu, y mạo nhận là chồng của tiểu nữ, đồng ý giá mua ngoài bốn trăm lượng vàng. Khi tiểu nữ từ giã quê hương nơi chôn nhau cắt rốn vu qui về nhà chồng rồi, Mã Giám Sinh lợi dụng đường xa, bèn lợi dụng giờ trò tời bại. Nhưng rồi tiểu nữ thiết nghĩ dù sao thì ván đã đóng thuyền, tên lưu manh cũng đã nộp đủ tiền cheo danh chánh ngôn thuận, tiểu nữ đành phó mặc cho đập liều vui hoa; không ngờ lúc tới thanh lâu kỹ viện, mụ Tú Bà vỡ lẽ, nổi trận tam bành, "ôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma." Tiểu nữ bị đòn một trận toại bởi hoa lá. Tên Mã đã cuốn gói, cao chạy xa bay từ lúc nào. Phần uất vì bị chơi nước trước, tiểu nữ bèn đâm dao tự vận, không ngờ số tiểu nữ chưa hết, rồi được hồn Đạm Tiên hiện về cho tiểu nữ biết "sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau".

- Như vậy, đương sự coi như đã có chồng, đã ăn nằm cùng Mã Giám Sinh?

- Tiểu nữ thật sự đã chẵn gối đã động phòng đã ăn nằm với tên ma cô, coi như tiểu nữ đã thành thân, đã thành gia thất.

- Không được, không thể như vậy được. Mã Giám Sinh là một tên lưu manh, ăn xong rồi bỏ chạy, quất ngựa truy phong. Không một chứng cứ, không một chứng từ nào xác nhận đương sự và Mã Giám Sinh có tờ hôn thú cả.

- Như vậy tiểu nữ và Mã Giám Sinh chỉ là một cặp nam nữ sống hờ?

- Không sai. Mã Giám Sinh không thể, không phải là một người chồng của đương sự. Đương sự nhiều lắm chỉ có thể gọi là ma không chồng thôi."

- Ma không chồng! Ma không chồng! Kiều ngẫm nghĩ, vừa xấu hổ, vừa uất ức, chạnh nghĩ đến hồn ma Đạm Tiên bị gán cho một danh từ vốn đã thông dụng của khách làng chơi đảng điểm đều giả:

"Sống làm vợ khắp người ta,

Hại thay thác xuống làm ma không chồng."

- Sau khi tiểu nữ toan tự vận, Tú Bà hoảng sợ, không ngờ tiểu nữ sống giả chết thật thì sao, bèn xuống nước tìm lời an ủi, tìm kế hoãn binh dùng lời nói ngọt ngào đường mật rồi sẽ đưa tiểu nữ ra ở lầu Ngưng Bích qua cơn sóng gió tiểu nữ ở đó, biết là buồn lắm, từ hết nhớ cảnh đến nhớ người, từ song thân cho đến "tường người

dưới nguyệt chén đồng.”Lúc ấy tiểu nữ có tiếp xúc một tên lưu manh Sở Khanh:

*"Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dung chải chuốt, áo khăn dịu dàng"*

Viên thiếu tá công an bắt đầu lên giọng, yêu cầu thay đổi thái độ, cung cách xưng hô:

- Thôi, đương sự đừng tiếp tục xưng hô theo cái kiểu khiếm tốn thật thà chất phác "tiểu nữ, tiểu nữ" ấy nữa. Gái nà dòng thì còn trinh trắng trong sạch tinh khiết cái nổi gì.

- Đứng tựa cửa bên lầu Ngưng Bích, ‘tiện nữ’ nhác trông thấy gã Sở Khanh này khác với gã họ Mã trước đây, chẳng có một chút gì mèo mả gà đồng. Gã họ Sở hứa sẽ cùng gã với Kiều rủ nhau đi trốn. Giọng con chim bị đạn, hề trông thấy cảnh cong thì sợ, "kinh cung chi diệu", nào tiện nữ nghe gã đường mật dụ dỗ o bế búi tai, rồi cục tiện nữ đành phải xiêu lòng nghe theo ác quỷ. Tiện nữ nghe theo lời hẹn ước, đúng ngày giờ chỉ định thì tiện nữ thoát cũi xô lồng, cao chạy xa bay. Hỡi ôi, đến khi tiện nữ ngơ ngáo ngáo ngáo, không thể tìm ra nơi định hướng đào tẩu thì tay chân thủ hạ của mục Tú ập đến hết đường đối phó. Tiện nữ đành phải theo chân thủ hạ điệu về thanh lâu tiếp khách; *"tâm lòng trinh bạch từ nay xin chừa."* Tú Bà bắt đầu dạy Thúy Kiều cách ăn chơi hành lạc, làm sao khách làng chơi biết gái còn trinh mặc dù Thúy Kiều chẳng còn gì là trinh tiết nữa:

*"Nước vô lưu, máu mào gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên."*

Rồi... má Tú còn chỉ dạy tiện nữ những phương cách chinh phục khách làng chơi, những kỹ thuật tạo khoái lạc mê mẩn lúc khách đang cơn hành lạc, lúc đỉnh Giáp, khi non Thần, nói ra thì si nhục mặt dạn dày khiến tiện nữ không thể nào quên, chẳng hạn:

*"Rằng con thuộc lấy làm lòng,
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề."*

Nói rõ ra thì cái cách, cái kiểu đó quá ư thô tục, quá ư trắng trợn, dâm ô, tiện nữ không đủ can đảm nói lên sự thật:

*"Chơi cho bướm chán ong chê,
Cho lẩn lóc đá, cho mê mẩn đời."*

- Thôi, đủ rồi, đương sự khỏi cần kể lễ thuật sự dài dòng. Thế hiện giờ tên Sở Khanh tạm trú, thường trú ở đâu?

- Tiện nữ, má Tú nào biết tên đó ở đâu, ở gốc gác, xó xỉnh trôi sông lạc chợ nào, tiện nữ chỉ biết từ khi tướng quân Từ Hải cho phép tiện nữ kêu những người xuất hiện ân đền oán trả, bọn Mã Giám Sinh, bọn Sở Khanh đều ra đền tội:

*"Những người bạc ác tình ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương."*

- Thế, sau khi Sở Khanh giờ giọng điệu đàng điếm lừa đảo cốt chinh phục gái tơ thơ ngây chất phác, hẳn ta đã thật sự ăn nằm gì cùng đương sự chưa?

- Thừa chưa. May sao tiện nữ chưa bị lừa đảo lường gạt, chỉ búi tai nghe lời đường mật, đồng ý phiêu lưu một chuyến. Tiện nữ không bị, chưa bị làm nhục. Sau khi ở lầu xanh một thời gian khá lâu, tiện nữ có gặp một thương gia, tên gọi Thúc Kỳ Tâm, tức Thúc Sinh, tình cờ qua lại lui tới làm quen tiện nữ. Vì là một thương gia nên Thúc Sinh quen thói bốc rời, chịu chơi hết mình ném tiền bạc qua cửa sổ.

*"Thúc Sinh quen thói bốc rời,
Ngàn vàng đổ một trận cười như không."*

Cũng có thể sánh với một thanh niên nhà giàu thuở trước, mang danh công tử Bạc Liêu. Công tử Bạc Liêu là con trai một đại điền chủ, bất động sản có đến hàng trăm hàng ngàn mẫu ruộng. Vì là con nhà đại phú gia địch quốc, người con không chịu học hành, chỉ đua đòi ăn chơi bạt mạng. Nói về cách ăn chơi tiêu xài phung phí thì chỉ có công tử Bạc Liêu, một biệt danh của thời mẫu quốc. Thời bấy giờ công tử muốn đi chuyển đi đây đi đó phải đòi cho được xe kéo. Nhưng công tử phải đòi cho được hai xe, một xe dành riêng công tử ngồi, một xe khác để những vật dụng cần thiết của công tử: dù đen, mũ phớt, áo mưa, gậy ba toong ống điếu. Mỗi lần công tử đến chơi xóm bình khang, gặp lúc gái làng chơi nổi hứng chơi trò nghịch ngợm chọc phá, bèn thối tắt đèn dầu phụng, trong phòng đột nhiên tối đen, không đèn không đuốc. Công tử đành phải lồm cồm ngồi dậy, móc ví rút một giấy bạc không biết mệnh giá bao nhiêu, một đồng hay hai mươi đồng bạc Đông Pháp, đánh xòe diêm quẹt để lấy ánh sáng. Trong lúc ánh lửa lập lòe, công tử và gái làng chơi mới phát hiện ra rằng công tử đã chơi trội đốt tiêu một trăm đồng vàng!

- Đương sự đừng nhiều lời dài dòng, chỉ cần tóm lược những điều cốt lõi, ta không có thì giờ để đương sự cả kê dê ngỗng đâu.

- Tiện nữ xin được phép kể tiếp. Thúc Sinh ngày càng mê đắm say mê tiện nữ, đêm ngày vui thú hoan lạc ái ân. Chàng ta quên mất tiện nữ chỉ là một ả bán dâm chính hiệu, coi như một người tình, Thúc Sinh càng bỏ tiền mua chuộc má Tú, con mục tào kê trốn chúa lộn chồng tìm cách bóc lột kẻ vong tiền qua cửa sổ. Có một bận thấy Thúc Sinh đang mê mẩn tâm thần lúc nhìn tiện nữ đang tắm gội, xác thân lồ lộ kêu gọi kích thích dục tình:

*"Rõ màu trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên"*

thì Thúc Sinh hết chịu nổi nữa, bèn kiếm cách mua tiện nữ đem về nhà hồng trần mưu tính kế mai sau. Cũng lại nghe lời khuyến dụ ngọt tai, tiện nữ sau cùng rồi cũng

khứng chịu. Nhưng vợ của Thúc Sinh là Hoạn Thư, ái nữ quan Lại Bộ Thượng Thư chẳng những không khứng chịu thì chớ lại nổi đùng đùng máu ghen, quyết ra tay cho đã nư cơn giận.

*"Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên,
Làm cho trông thấy nhân tiên,
Con người thăm ván bán thuyền biết tay."*

- "Thăm ván bán thuyền"! Tiệp nữ đâu dám vỗ ngực tự xưng mình danh chính ngôn thuận! Tiệp nữ biết rất rõ thân phận sán bìm của tiệp nữ, thăm mong tiệp nữ là kẻ tì thiếp, vợ lẽ vợ mọn, ăn cơm hẩm, ngủ nhà ngoài. Thăm ván bán thuyền biết tay! Tiệp nữ đã bị trả thù sát ván, chìm đầu xuống tận đất bùn hết góc đầu lên nổi, ê chề nhục nhã."

Thấy chánh thất ra tay quyết liệt đòn thù sát ván, anh chàng quặp râu quá hải, bèn quyết định ngầm ra lệnh tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách:

*"Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi."*

Kể ra thì anh chàng quặp râu hèn thật sự, đúng theo cung cách của một người chồng sợ vợ.

Tiệp nữ không kể lẽ khúc nhôi dài dòng tình huống phải trực diện cùng Bạc Bà, Bạc Hạnh tiếp khách tại kỹ viện thanh lâu làm chi thêm ê chề đắng cay nhục nhã. Tới bây giờ tiệp nữ trở nên sành sỏi lão luyện, có thể nói là gái đi thập thành mất rồi. Cái kiểu Tú Bà dạy cách làm tình đối với những khách làng chơi, tiệp nữ đã thuộc nằm lòng:

*"Chơi cho bướm chán ong chê,
Cho lẩn lóc đá, cho mê mẩn đời."*

Áy vạy mà lúc tiếp khách, tiệp nữ làm ra vẻ còn ngây thơ, trong trắng, chuyện đời chưa từng trải, vận mệnh không may mà sa cơ lạc bước tới chốn này, tựa con nai vàng ngơ ngác, có thể mới hi vọng làm mê mẩn những khách làng chơi. Trải đã bao năm, bao lâu rồi, tiệp nữ làm sao nhớ nổi thời gian lưu lạc phong trần! Nghề kiếm khách giờ đây đối với tiệp nữ là một quán tính, là một thói quen, là một phản xạ gần như có điều kiện, tựa như chó của nhà bác học Pavlov ngày trước, chẳng khác chi ăn cơm uống nước, tiểu tiện đại tiện thường nhật.

Kịp đến lúc Từ Hải ghé qua kỹ viện lầu xanh thì cuộc đời tiệp nữ xoay vần. Từ Hải thật ra là một viên tướng giặc, tứ chiếng giang hồ, hùng cứ một phương hải phận chọc trời khuấy nước. Ngay buổi gặp gỡ tiếp xúc đầu tiên, tiệp nữ đã chú ý ngay: con người ngang tàng, ăn nói dọc ngang chẳng biết trời đất là gì. Tiệp nữ nghĩ có thể nương tựa dựa dẫm vào Từ, gấn bó tri âm tri kỷ. Tiệp nữ sau đó đã cùng chung sống gấn bó khắng khít, tâm đầu ý hiệp, trong lúc Từ băng quên đi ngày tháng nồng nàn hương lửa, mãi đến năm năm trời:

*"Năm năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát bổng động lòng bốn phương"*

Từ Hải mới nghĩ đến mộng công danh, tang bồng hồ thi. Lúc này quân binh của triều đình cùng ba quân của Từ Hải kinh chống nhau bất phân thắng bại. Triều đình nhà Minh bèn nghĩ ra một quỷ kế, tuy cũ kỹ xa xưa tựa trái đất nhưng vẫn rất còn ăn khách: dụ hàng Từ Hải cùng với ba quân, trọng trách ấy được giao phó cho tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến.

*"Có quan tổng đốc trọng thần,
Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài."*

Đẩy xe văng chỉ đặc sai..."

Tài kinh luân của tổng đốc thì có thừa, đánh Nam dẹp Bắc, chinh Tây phạt Đông, chỉ có điều là quan tổng đốc không hạ nổi họ Từ tên Hải, mới mưu tìm quỷ kế dụ hàng. Từ quyền cao chức trọng công hầu khanh tướng vào hàng bậc nhất, đến giàu sang phú quý gia đình quốc, khó có ai bì kịp. Ban đầu, Từ nhất quyết không chịu cời giáp qui hàng, bởi "sức này đã dễ làm gì được nhau", trong lúc bản tính của tiệp nữ thì "nàng thì thật dạ tin người, của nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu." Tiền bạc, của cải châu báu, ai mà chẳng ham? Công danh, phú quý, công hầu, khanh tướng, ai mà giả tai làm diếc, lấy mất làm mù? Lại còn "đần độn rồi sẽ liệu về cô hương" nữa chứ!

Tiệp nữ thiết nghĩ, Từ Hải về hàng chẳng qua cốt để chiều lòng làm đẹp ý của tiệp nữ đó thôi, chứ trong thâm tâm, Từ Hải nào có tin gì âm mưu quỷ kế của Hồ Tôn đốc. Từ nghe lời thuyết phục vì quá yêu tiệp nữ, người tình tri âm tri kỷ của Từ. Trong hiện sinh, chỉ có tình yêu là trên tất cả. Từ Hải thấy trước sự thua cuộc của sự đầu hàng. Chỉ có một điều khiến tiệp nữ day dứt, ăn năn, dằn vò là vì Từ Hải lại đem lòng tin vào câu nói của Hồ Tôn Hiến. Nghe lời và cả tin, theo ngu ý của tiệp nữ là một sự nhẹ dạ và mù quáng. Tin tưởng tuyệt đối! Không hồ nghi, không thắc mắc, không dè chừng, không đặt nghi vấn. "Thế công mới đổi Từ ra thế hàng." Trong cách ứng xử, nhẹ dạ dễ tin là một binh pháp của kẻ ngu xuẩn! Đánh rằng trong lịch sử Việt Nam, không thiếu chi những cảnh những màn trá hàng. Như Bình Định Vương Lê Lợi trá hàng hình như không phải chỉ duy nhất một lần. Như vua nhà Trần trá hàng giặc Nguyên Thoát Hoan cống hiến giao nộp An Tư công chúa về làm vợ giặc.

*"Sờ sờ nắm đất bờ sông nọ,
Hồn có nghe chẳng thấy tiếng đàn?"*

"Sờ sờ nắm đất bờ sông nọ" là nắm mộ vừa mới đắp, mới chôn xác thây Từ Hải. "Hồn có nghe chẳng thấy tiếng đàn?" Hồn đây là hồn ma hương linh của Từ Hải. Có nghe chẳng thấy tiếng đàn. Tiếng đàn là tiếng đàn tiệp nữ vừa đàn cho tên phản bội họ Hồ nghe. Hồn ma có nghe không, tiếng đàn tiệp nữ vừa đàn cho Hồ Tôn Hiến

thường thức? Thật quá mỉa mai chua chát, thật quá bẽ bàng!

Qua một đêm bất ép mua vui cùng tiện nữ, quan tổng đốc tỉnh giấc giật mình, ngượng ngùng vì quá chén, lấy làm bẽ mặt vì "quan trên trông xuống, người ta trông vào", không còn ra thể thống gì nữa, bèn vội vàng sai tiện nữ gả nghĩa một viên thổ quan, một quan chức địa phương. Tiện nữ nghĩ bụng: thôi, dù sao có sự lỡ thì đã lỡ rồi, may ra vớt vát lấy được tấm chồng này, ắt là danh chính ngôn thuận, ăn ở với nhau thuận vợ thuận chồng, tiện nữ sẽ chính thức làm tờ hôn thú, lý lịch rõ ràng không úp úp mở mở lửng lơ con cá vàng nữa. Thật ra, viên thổ quan ấy, tiện nữ chưa bao giờ tiếp cận, chưa bao giờ gặp mặt, người chồng không chân dung. Nhưng rồi định mệnh lại oái oăm, tiện nữ sức nhận thấy nơi này là con sông Tiền Đường, nơi hồn ma Đạm Tiên có hứa là nơi điểm hẹn lần trước. Thế là phải bỏ hết, phải bỏ tất, phải giữ lời đã hứa năm xưa, lúc tiện nữ cầm dao liễu mình nhưng chưa thoát nợ. Giờ này, tiện nữ tưởng nghĩ đã sạch nợ, bèn nhảy xuống sông nước Tiền Đường; trong lúc tiện nữ đang chìm sâu đáy nước thì Đạm Tiên chợt đến, đúng như lời hẹn ước năm nào. Nàng cho biết vào thời điểm này, số kiếp đoạn trường hồng nhan đã trả hết nợ, giờ chỉ còn phải đợi viên chức hộ tịch tái xác nhận hồ sơ lý lịch một lần nữa là xong.

Viên thiếu tá công an phụ trách nhân thể bộ lúc này mặt lạnh như tiền, buông phán một câu quyết định:

- Không xong, không được, cho tới giờ phút này đương sự vẫn là một hồn ma không chồng, mặc dù sau mười lăm năm lưu lạc, hồn ma vẫn là một hồn ma chiếu bóng, tay trắng vẫn hoàn trắng tay. Đương sự chưa được hóa kiếp đầu, còn phải đợi cho đến khi nào nhà nước ta vào dịp quốc khánh, các phạm nhân được đại xá, phóng thích các phạm nhân lâu nay có nhiều tiến bộ hoàn lương cải tà qui chánh, lúc đó đương sự có thể hoá kiếp đầu thai được.

Viên thiếu tá công an thu xếp hồ sơ, đứng lên, ra khỏi văn phòng thăm vấn, theo sau hai viên chức phụ tá, bỏ lại hương linh Thúy Kiều một mình ngơ ngác đứng đó. Khi viên thiếu tá công an hộ tịch đi khuất, hồn ma Đạm Tiên xuất hiện, nắm tay Thúy Kiều thân thiết:

- Thôi, chị em mình đi, chị tưởng em đã trả nghiệp xong, không ngờ em còn nặng nợ đa đoan như vậy, chị thật không ngờ.

Hương linh Thúy Kiều chua chát ngâm câu thơ chỉ Thúy Kiều hiểu được ý nghĩa của gái giang hồ sau khi Vương Quan kể lễ cuộc đời phù du ngắn ngủi của hồn ma:

*"Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống làm ma không chồng."
"Chính chuyên lấy được chín chồng:"*

Ba chồng thành Lạng, ba chồng thành Cao;

Ba chồng ở ngọn sông đào,

Giờ về đóng cửa làm cao chưa chồng!"

Theo Kinh Thánh trong sách Cựu Ước, Thiên Chúa được hai thiên thần một nam là Adam và một nữ là Eva làm bạn với nhau, sống hạnh phúc tại vườn Địa Đàng; nhưng vì không vâng lời Thiên Chúa nên bị phạm tội, bị trục xuất khỏi vườn Địa Đàng và đương nhiên được kết hợp làm vợ chồng, sinh con đẻ cái, thực hiện chức năng thiêng liêng Tạo Hóa đã giao phó. Cũng theo Tạo Hóa, loài người một khi sinh ra, tất nhiên phải lớn lên, phải trưởng thành, phải già, phải bệnh hoạn và tất nhiên phải chết, một chân lý một định luật tất yếu không thể hoán đổi. "Nhân sinh tự cổ thùy vô tử." Người đời tự ngàn xưa không ai không chết. Nhưng nói theo thi ca "Chinh Phụ Ngâm khúc," tình gia thất nào ai chẳng có, lẽ vợ chồng không ai không có. Người nam có vợ, người nữ có chồng. Người nam không vợ, người nữ không chồng theo phong tục xã hội là một biệt lệ, nhất là đối với xã hội văn minh tiến bộ ngày nay, thuộc thế kỷ hai mươi mốt. Đa số người nữ không chịu lấy chồng, không thích có chồng lập gia đình, nhưng lại thích có con (!), sống chung với người nam, giao hợp, rồi có chửa, rồi sinh con, nuôi nấng lớn khôn, hi vọng về sau người con sẽ nuôi dưỡng báo hiếu lúc người nữ về già.

Là một nhà tâm lý học không chuyên nghiệp, tạm gọi một "chuyên viên tâm lý học nghiệp dư", có người thắc mắc sẽ hỏi tôi: vậy thì nữ giới, giới phụ nữ có những tiếp xúc, những quan hệ tình dục đối với nam giới, hay không? Xin trả lời: có đấy. Nhưng họ không thích những tiếp xúc trực tiếp, những đụng chạm gần gũi đối với cánh đàn ông. Họ tránh xa những nhóm đàn ông, họ thuộc lĩnh vực đồng tính luyến ái (l'homosexualité de la femme). Họ chỉ thích giao hợp phụ nữ, tiếng Pháp gọi là les femmes lesbiennes (lesbian women). Thần thoại Hy Lạp nói về đảo Lesbos, một hoang đảo chỉ sống sinh hoạt, sống chung, gần gũi xác thịt với phụ nữ, không thích nam giới nói gì những chuyện kết hôn, làm giá thú. Đối với niềm tin, đối với tôn giáo, những phụ nữ đồng tính luyến ái không nghĩ đến, nói cho đúng, họ chẳng quan tâm. Họ không bận tâm những vấn đề linh hồn hiện hữu, một khi nhục thân chết, linh hồn tồn tại hay không, linh hồn sẽ đi về đâu, tiền đàng hay địa ngục, Niết Bàn hay địa ngục A Tỳ, dầu sôi lửa bỏng. Mà ví dầu một khi chết đi, vong hồn phụ nữ đồng tính luyến ái ở hoang đảo Lesbos sẵn sàng chấp nhận làm ma không chồng. Còn người đàn ông thuộc giới đồng tính luyến ái chỉ thích ái tình thuộc nam giới, cũng yêu, cũng làm tình, cũng biết nhớ nhưng cũng biết ghen tuông có thể giết người như bõn, một khi chết, linh hồn sẽ thành ma không vợ. Tần Thi Hoàng làm ma không vợ, mặc dù khi

còn sống, Tần Thi Hoàng đã có mấy ngàn cung nữ. Riêng cha tôi, một khi nhắm mắt mất rồi, linh hồn người có được đầu thai hóa kiếp, hay người vẫn đợi, vẫn đợi cho đến khi nào mẹ tôi già từ trần thế, sang bên kia một thế giới khác tiếp tục làm... vợ cha tôi và cha tôi từ đây chấm dứt thời gian đằng đẵng làm ma không vợ? Thật tình tự bản thân, tôi hoàn toàn không thể, không hề hay biết:

*"Kìa thế cục như in giấc mộng,
Mấy huyền vi mở đóng khôn lường."*

Anh tôi, người anh tôi vẫn suốt đời yêu kính, một khi mất, sẽ thành ma không vợ cho đến lúc người chị dâu tôi tức vợ của anh tôi nhắm mắt, lúc đó linh hồn anh tôi chị dâu tôi sẽ tái hợp? Chỉ ngại một nỗi là trước đây, khi nhìn về quá khứ từ ngày anh tôi ngã bệnh, tính tình nhân cách anh tôi đã suy thoái thay đổi một cách khác thường, khác đến nỗi giả dụ linh hồn anh tôi và chị dâu tôi không chắc vì thế mà sẵn sàng tái hợp. Biết trước thời thà ở vậy xong!

thơ

LAM NGUYỄN

TRONG NỖI NHỚ

*Trong nỗi nhớ anh thấy đời hương vị,
Bởi vì anh cảm nhận bớt cô đơn.
Bởi vì trong đau khổ với tủi hờn,
Anh đã thấy có phút giây hiện tại.
Nhận rõ lòng anh đang yêu ngây dại,
Dầu đơn phương trong một cuộc tình hờ.
Những đêm dài anh đã sống trong mơ,
Được ôm chặt người mình yêu! Diễm phúc!
Em biết không chiều nay trời vừa khuất,
Chợt thấy em đang đứng ở trong vườn.
Với tay ra em hái một bông hồng,
Ôi, đẹp quá bàn tay ngà ngọc biếc.
Đã cho anh vãn thơ tình tha thiết,
Và cho anh một trời mộng hương yêu.
Anh yêu em hơn Kim Trọng yêu Kiều,
Hơn cả Dừng yêu Loan trong Đôi Bạn!
Em biết không tình yêu nào hữu hạn?
Là khi yêu đều muốn chiếm lấy nhau.
Được người yêu, không cảm nhận nhiệm màu,
Chưa trải khổ mà đã tròn duyên đẹp.*



NẮNG CHIỀU

*Một giải nắng vàng nhớ có nhân,
Vắng em vũ trụ chết muôn phần.
Cây trúc đẹp xưa, giờ ủa héo,
Ai đi còn nhớ đến người thân!*

THỂ HIỆN TÌNH NGƯỜI

Thanh Trí Cao

Một năm có bốn mùa, nhưng không khí mùa hè đáng ngại nhất. Nhiệt độ chỉ số 100°F với Cali thì thật là khủng khiếp! Cali mệnh danh vùng nắng ấm - khí hậu dễ thương. Người Việt hải ngoại có câu:

“Cali đi dễ khó về

Về rồi mới biết vô về nhớ thương”

Tất cả hầu như phát xuất từ tấm lòng ưu ái. Thật vậy, nếu ưu ái người ta mới mến thương và thể hiện tình người để mở cánh cửa của tâm hồn lửa vào không khí tươi mát cảm nhận an vui.

Ai cũng hiểu được rằng tâm hồn có tươi mát thì đời mới có an vui nhẹ nhàng yêu đời. Trạng thái an vui nó được kết duyên bằng nhiều yếu tố nội và ngoại tại, tuy nhiên yếu tố ngoại tại hay bị chi phối bởi biến thể vô thường. Chợt đến - chợt đi ý niệm vô thường có thể chi phối lòng người vô hạn. Do vậy, chúng ta mãi đi tìm nguồn vui đích thực để tâm hồn được ngơi nghỉ bình yên.

Vâng! Có những việc làm cụ thể khơi dậy niềm vui đáng kể. Như hát một bài ca tặng ai đó, đọc một vài câu thơ tặng người tri kỷ khi uống trà đối ẩm, kể câu chuyện dí dỏm trào phúng dân gian xưa cổ, chia xẻ bằng cả tấm lòng nâng đỡ tinh thần vì người bạn vừa vấp ngã hôm qua v.v... Có những thứ không thể mua được bằng tiền bạn ạ! Bởi vì ngôn ngữ chỉ là một phần rất nhỏ nhoi, sự cần thiết hơn hết đó là hành động chân tình.

Lâu lắm rồi tôi quá bận Phật sự đa đoan cho nên không đến thăm hỏi và phát quà cho những người không nhà. Nay trở lại quan sát, tôi thấy vắng bóng một số người mà không hiểu vì sao? Vì sao chẳng hiểu tại vì sao! Có lẽ họ vì bệnh hoạn hay đã qua đời? Với tôi nó chỉ là câu hỏi mà chưa có câu trả lời, tôi thăm cầu nguyện cho họ trở lại đời sống bình thường và an lành trong mọi ngày.

Những người thiện nguyện nấu nướng và phát cơm cho những người không nhà lúc nào cũng vui vẻ. Thấy mọi người xếp hàng lấy thức ăn rất cảm động, vì hoàn cảnh họ mới đành như thế để đẩy đưa cuộc sống qua ngày. Đa số đều mắc bệnh tâm thần, âu cũng là nghiệp dĩ. Mặc dù ngôn ngữ bất đồng chủng tộc, tuy nhiên qua cách thể hiện hành động chia xẻ, tôi hiểu được trước và

sau còn có gì để nói và để làm.

Công thức nấu ăn trở nên nề nếp chu đáo rất đáng kể. Tôi thành thật cảm ơn những tấm lòng vàng thể hiện việc làm có ý nghĩa.

Người xưa có câu:

“Bởi lòng người đẹp nên thứ gì cũng đẹp”

Nói nhiều mà chẳng làm chi hết thì người không nhà mất cơ hội hôm nay. Anh làm và chị cũng làm, mỗi người một việc ấy là nghĩa cử tốt đẹp để xoa dịu thương đau nỗi niềm bất hạnh nào đó. Cơm gạo xứ này thật là thừa thãi, nhu cầu ăn mặc chẳng thiếu chi, tuy nhiên lắm lúc người bệnh hoạn vẫn thấy thiếu thốn một bữa ăn tạm đủ trong khi lòng đói khát theo nghĩa thường tình. Thân phận nào cũng là thân phận đáng thương.

Có một nhà báo Orange County phỏng vấn tôi sự phát xuất bữa cơm tình thương với những người không nhà. Câu chuyện khá dài dòng như muốn khai thác tư duy của tôi và mọi người để tìm hiểu và ghi nhận. Sau cùng họ hỏi ước vọng của tôi như thế nào khi thực hiện bữa cơm tình thương cho những người không nhà trải qua 13 năm?

Tôi trả lời chẳng có ước vọng chi ngoài cảm nhận được niềm vui khi cùng mọi người thể hiện tinh thần chia xẻ bất phân. Nghĩa là làm việc bình đẳng đối với mọi người qua cung cách bình dị chân tình. Chúng tôi không mang ý thức vụ lợi qua việc làm ấy! Của thập phương gom góp lại làm việc nghĩa, ấy là niềm hạnh phúc lớn lao khi giáp mặt cuộc đời. Đối diện với tha nhân cố nhiên đa dạng và cần tế nhị để duy trì công việc tốt đẹp. Nhạc Trịnh có câu:

“Ngày sau sỏi đá vẫn cần có nhau”

Nói khác đi, “Có ai mà không có lòng không nhĩ - hình như người cũng nghĩ như tôi” một nhà thơ nào đó đã viết thi vị như vậy.

Với tôi tiếp cận thi ca để thể hiện việc làm có ý nghĩa. Tôi ý thức một người không thể làm nên tất cả, nhiều bàn tay sẽ vang dội thính đường. Người làm nên sự nghiệp lớn, hẳn nhiên có hai phần ba sức lực của người cộng sự nhiệt tình. Thành thật cảm ơn và xin cảm ơn! nêu hiểu rằng: góc độ nào cũng có giá trị khả kính, khả ái.

*Chữ tán dương suối nguồn, biển cả
Một niềm vui tung cánh bay xa
Cung điện ấy vẫn còn ngự trị
Những vì sao lấp lánh ngân hà*

*Lòng thể hiện tỏ bày cung cách
Cánh hoa nào hồng thắm trên môi
Sức kiên nhẫn cứu mang hạnh nguyện
Mặc thời gian lặng lẽ buông trôi*

*Có bao giờ mây ngừng ở đó
Và lắng nghe âm điệu trùng dương
Có bao giờ gió qua phố cũ
Để ngắm nhìn chứng tích thân thương*

*Có bao giờ giao mùa liên tưởng
Cánh Thu phai âm hưởng niềm riêng
Tâm hồn đẹp vòng tay kết nối
Bóng trắng soi đỉnh ấy bình yên*

*Có bao giờ bằng lòng thực tại
Để tâm hồn cạn bã lắng sâu
Ai chưa qua chiếc cầu phiến nào
Giữ hộ tôi những hạt ngọc châu*

*Lòng thử thách hay đời thách thức
Bàn chân gầy sỏi đá kinh qua
Yêu lý tưởng lòng này quá cảm
Cuộc hành trình chẳng ngại đường xa*

Biết rằng ngôn ngữ dễ rơi vào trận đồ khách sáo, song ngôn ngữ này phát xuất tận đáy lòng ghi nhận và biết ơn. Những tưởng có những việc làm không cần ai biết, và lại có biết cũng chỉ để khen tặng đôi lời. Minh làm việc tốt đẹp, đức Phật và Bồ Tát đã chứng minh. Hãy nhớ cho rằng, nơi Tịnh Độ - Niết Bàn đã để dành một tòa sen cho những người có tấm lòng quảng đại và hạ thủ công phu. Sách có câu:

“Bữa củi - giã gạo - xách nước - là công phu đệ nhất!”

Người không phát nguyện thì Phật đạo khó mà thành. Bồ tát phát nguyện vô lượng kiếp cứu độ chúng sanh rồi mới thành Phật. Bồ Tát không có ý niệm kỳ vọng tương lai. Sự kết quả nào cũng đều có nguyên nhân bạn ạ! Người cường điệu lý luận và phê phán chưa hẳn là trí thức đáng tin. Thánh nhân chưa bao giờ hành xử như vậy. Nghĩa là la lối om xòm mà không dần thân hành động thực tế, thì chẳng có gì đáng để học hỏi. Trên đời có nhiều người rất thích xử dụng chữ nghĩa để đỡ tay chân. Giả sử không có ngôi chùa làm sao có điểm tựa để diễn giảng đạo lý giải thoát. Không có cái bếp để nấu

nướng làm sao có thức ăn để giúp cho người không nhà? Thực tế nó là vậy không thể nào chối bỏ và luận lý không tương. Nếu dùng ý thức so sánh chúng ta biết mặc cảm những gì yếu kém để trỗi dậy và vươn lên, hành động ấy là quân tử tính. Giữa đạo này và đạo khác tất nhiên phải có sự so sánh từ hình thức lẫn nội dung. Triết lý rất hay tuyệt vời nhưng không thể đáp ứng nhu cầu người đang đói khát. Phật không bao giờ thuyết pháp cho người đói nghe, trong kinh nói như vậy. Nghĩa là người đói được ăn no đủ sẽ cảm nhận được triết lý sống thực giữa cuộc đời khổ ải. Đạo lý giác ngộ và giải thoát cũng vậy. Ăn mặc no đủ tâm hồn mới phát sinh trạng thái sung mãn. Người đói pháp sẽ không chết, tuy nhiên người đói khát thực sự sẽ chết. Do vậy, sinh lực trí tuệ có ảnh hưởng nhu cầu vật chất.

Đức Phật dạy: “Đừng nên sử dụng dây đàn quá chùng, vì nói không đủ năng lực để phát tiết âm thanh, và lại nếu dùng dây đàn quá căng thì âm thanh sẽ chói chúa khó nghe. Nếu dây đàn không căng cũng không chùng thì âm thanh sẽ tuyệt diệu! Người thương thức âm thanh tâm hồn lắng đọng và giao hưởng. Do vậy, người hành đạo không nên cố chấp ngôn ngữ làm cứu cánh của đời sống ưa thích, cũng không nên ưa chuộng bề ngoài để lấy làm hạnh diện. Một tâm hồn biết dung hòa nội và ngoại tại rất đáng quý”.

Những ai mang cơm cho những người không nhà là thể hiện hạnh Bồ Tát. Những người vào nhà dưỡng lão hay bệnh viện an ủi bệnh nhân là thực hiện sứ mệnh của Bồ Tát. Hãy bằng lòng đứng lên, vì đạo cứu đời bạn ơi! Kiếp này làm việc từ thiện thì kiếp sau được nhiều duyên phước lành tốt đẹp. Không có gì ngẫu nhiên mà thành tựu sự thật bạn ạ! Niềm đau nào đó nó có tác dụng tâm lý thực sự, nếu ai đó xả kỷ hay khắc kỷ thì tự mình sẽ hiểu được trạng thái ra sao, cũng như người uống nước sẽ cảm nhận được tính chất nóng, lạnh của nó.

Vâng! Tu là chọn con đường để đi đến, cho dù đi xe hay đi bộ cũng sẽ đến nếu quyết chí ra đi. Khi đã đến điểm cứu cánh để làm gì? Ấy là điều đáng hỏi. Nếu làm tương cứu cánh Niết Bàn là nơi để an hưởng... Có lẽ quan niệm ấy quá thụ động bạn ạ! Chúng ta thử quán chiếu, bao nhiêu lần chúng ta đã đạt mục đích và còn gì sau đó phải thực hiện để nâng cao trí tuệ.

Nói tóm lại, người dám dần thân để làm chiếc phao cuối cùng cho một tâm hồn nào đó mà không đặt điều kiện ấy là bậc Bồ Tát đó vậy.

Xin chúc tốt đẹp đến với những ai xả thân hành đạo cứu đời. “Bồ Tát và chúng sanh đồng cư độ”. Hãy cảm nhận bằng cả tấm lòng vị tha trên lộ trình giác ngộ.

Cali Hè - 2007

Thơ

HỒNG KHẮC KIM MAI

Phù Thế

Tôi đây tát gió bên đường
Hứng trăng vô giỏ lượm hồn vô bao
Đem về ngâm rượu thành cao
Bôi lên chỗ nhức cho hao cơn buồn
Ban ngày tôi dậm vết thương
Đêm đêm trở giấc nghe xương gặm mình

Ai leo lên đỉnh phù vinh
Theo chân vượn hú như mình xa xưa
Giốc đời những tuyết cùng mưa
Trong thui thui ấy nghe khua sóng ngầm
Con đò tách bỏ bến sông
Đưa trăm phù ảo xuôi con nước rồng

Tôi về gom hết đục trong
Mở rương tìm bóng mở hồn tìm tôi
Ôi chao ơi mắt tiêu rồi
Mở phù sa ấy lở bồi cách xa
Ai kia đo dải ngân hà
Thân như bướm trắng la đà trong đêm
Giấc nào nhĩ giấc cô miên
Tôi về thấp đuốc phù viên tặng đời

Lấy tình tôi
Cột gió đông
Lấy thơ tôi
Mua hương nồng
Đốc hết mùa thu vàng-như-khóc
Đốc hết phù vân đổi Ước Mong.

Cho Em Hoàn Xanh Bóng Mượt

Biển quanh co trăm năm nhìn sóng vỗ
Khoảng không không mưa gió lộng đường chim
Liếc mắt thương em đôi trắng bỏ ngõ
Đôi mộng theo hình choáng ngợp bờ tim

Đừng là sông hương căm tan nộ biếc
Đừng là tuyết chôn rộn mấy hàng thơ
Đừng là tơ nghe bình minh ly biệt
Đừng là tình lệ ứa dài khăn số

Xin chớ đi rừng trần ai rậm lá
Xin chớ hòa đợt nắng tím thông manh
Xin đưa tay xoay nhanh vùng quá khứ
Cho em hoàn bóng mượt bước chân xanh

Em dáng thơ đẹp nào nùng mỗi bước
Trước thu hà tâm gọi những đường mây.



Độc thơ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Vĩnh Hảo

Thơ ông đầy men rượu trong thi phẩm đầu tay: *Thơ Say*. Minh không có kinh nghiệm say thì cảm không hết được ý thơ của ông đâu. Dầu vậy, cái men say ấy vẫn cứ lan sang lòng mình như thường.

Ông là một thi sĩ nghiện ngập. Người ta nói thế. Mà tôi cũng biết thế khi tôi đến nhà thi sĩ Mộng Tuyết (Thất Tiểu Muội), một người bạn thơ của ông. Có một thời gia đình ông tá túc nơi nhà nữ sĩ Mộng Tuyết. Không nhớ khoảng thời gian nào, sau năm 1975; lúc đó ông ở tù ra, một thời gian ngắn rồi mất. Tôi không được gặp ông. Chỉ nghe nữ sĩ Mộng Tuyết nói, kể về ông, thương tiếc một con người tài hoa, không làm sao sống thích nghi với xã hội mới. Theo nữ sĩ Mộng Tuyết kể sơ, ông bị công an kêu lên kêu xuống tra vấn hạch hỏi liên tục; còn bị giam nhốt để "cải tạo" tư tưởng lẫn cái bệnh nghiện của ông nữa. Sau ông bệnh quá, công an phải tha về, sống những ngày cuối cùng với vợ con rồi mất tại Sài Gòn.

Người ta nhớ ông nhất ở hai câu:

Em ơi lửa tắt bình khô rượu

Đời vắng em rồi say với ai!

Bốn chữ đầu của câu sau được ông lấy làm tựa đề cho bài thơ dài say tiễn cuộc tình chia xa.

Đời vắng em rồi

Sóng dậy đều hiu biển dấy sầu

Lênh đênh thương nhớ giọt trời Âu

Thôi rồi - tay nắm tay lần cuối

Chia nẻo giang hồ vĩnh biệt nhau.

Trai lơ phong vân gái lỡ tình

Này đêm tri ngộ xót điều linh

Niềm quê sức thức lòng quan ái

Giây phút dừng chân cuộc viễn trình

Tóc xỏa tơ vàng nệm gối nhung

Đây chiều hương ngát là hoa dung

Sóng đôi kẻ ngọn đèn hư ảo

Mơ kiếp nào xưa đã vợ chồng.

Quán rượu liền đêm chuốc đắng cay

Buồn mưa trắng lạnh nắng hoa gầy

Nắng mưa đã trải tình nhân thế

Lưu lạc sầu chung một hướng say

Gặp gỡ chùng như truyện Liêu Trai

Ra đi chẳng hứa một ngày mai

Em ơi lửa tắt bình khô rượu

Đời vắng em rồi say với ai

Phương Âu mờ mịt lối quê nàng

Trăng nước âm thầm vạn dặm tang

Ghé bến nào đây người hải ngoại

Chiều sương mặt bể có mơ màng.

Tuyết xuống phương nào lạnh lắm không

Mà đây lòng trắng một mùa đông

Tương tư nổi đuốc thâu canh đợi

Thoảng gió trà mi động mấy bông.

Người tình đi xa. Tận trời Âu. Cách chia nhau mà chẳng hứa được điều gì chắc chắn. Ngồi đây chuốc rượu mà uống thâu canh. Nghĩ tưởng đoạn đường dài em đi. Phương ấy trời đã rơi tuyết chưa mà sao nơi đây, lòng tê dại như phủ cả một màu tang. Màu trắng ở đây là màu trắng của tang, của niềm tê tái giá băng, của niềm cô đơn vô tận.

Đời vắng em rồi, anh vẫn say. Có em thì uống say với em cuộc tình nồng. Vắng em thì say nỗi niềm cô độc. Say với những cốc rượu đắng, giết cả tâm hồn. Cổ tình say như thế dễ mà quên, dễ nén niềm đau cứ chực dâng trào. Chỉ khi hết say rồi mới nằm khóc được tình mộng ban đầu.

Một phút ngừng say

Bắc trầu hoa đèn nhạ ủa nâu

Phai say nằm khóc mộng ban đầu

Bước chân song sóng vòng tay mở

Dạo ấy người ơi xa lắm đâu

Chớm nụ tiếc cho tình quá ngát

Mà thương trời bể quá cao sâu

Tiếc thương lên khói vào tâm trí

Mưa gió tàn đêm lộng quán sầu.

Một thi sĩ chung tình đến thế! Suốt một đời chỉ sống với thơ, rượu, bàn đèn và tình yêu ban đầu. Cuộc tình ấy không bao giờ thành, dù ông đã chờ đợi, ước mơ... với

bao nhiêu năm tháng mỗi mòn trong men say và nghiện ngập.

Đã có lúc ông tìm quên trong những quán rượu, uống say, nhảy múa với những vũ nữ, lão đảo quay cuồng theo điệu nhạc... vừa cảm cảnh thân phận nhạt nhòa hương phấn của người, vừa đau xót cuộc tình không phai mà không thành của mình. Dù nhảy nhót, uống say thâu đêm suốt sáng, cả một “thành sầu” như tầng núi, vẫn kiên cố nằm ì trong lòng, chẳng làm sao phá vỡ đi được. Niềm đau, nỗi sầu vẫn còn đó. Ông nói với người vũ nữ, mà cũng là nói với ông: sầu này không thể nào phai đi được.

Đây là bài luận vũ tuyệt nhất của một gã tình si thờ trần hơi rượu:

Say Đi Em

*Khúc nhạc hồng êm ái
Điệu kèn biếc quay cuồng
Một trời phấn hương
Đôi người gió sương
Đầu xanh lặn đục, cùng xót thương, càng nhớ
thương*

*Hoa xưa tươi, trắng xưa ngọt, gỏi xưa kẻ, tình nay
sao héo?*

*Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẹo
Lòng trôi nghiêng mà bước vẫn du dương
Lòng thiêng trần hết yêu đương
Bước chân còn nhịp nghệ thường lắng lơ...*

Ánh đèn tha thướt

Lưng mềm nảo nuốt dáng tơ

Hàng chân lả lướt

Đê mê hồn gửi cánh tay hờ

Âm ba gòn gọn nhỏ

Ánh sáng phai nhạt dần

Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân

Lui đôi vai, tiến đôi chân

Riết đôi tay, ngã đôi chân

Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió

Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ

Hãy thêm say còn đó rượu chờ ta

Có chưa khô đầu chưa nặng mắt chưa hoa

Tay mềm mại bước chân còn chưa chuyển choáng

Chưa cuối xứ Mê Ly chưa cùng trời phóng dăng

Còn chưa say, hồn khát vẫn thêm men

Say đi em, say đi em

Say cho lơ là ánh đèn

Cho cung bậc ngã nghiêng điên rồ xác thịt

Rượu, rượu nữa, và quên, quên hết

Ta quá say rồi

Sắc ngã màu trôi

Gian phòng không đứng vững

Có ai ghi hư ảnh sát kê môi?

Chân rã rời

Quay cuồng chi được nữa

Gối mỗi gán rơi

Trong men cháy giác quan vừa bén lửa

Say không còn biết chi đời

Nhưng em ơi

Đất trời nghiêng ngửa

Mà trước mắt thành sầu chưa sụp đổ

Đất trời nghiêng ngửa

Thành sầu không sụp đổ, em ơi!



Đời ông là cả một chuỗi đợi chờ. Đợi chờ cái điều không thể xảy ra, nhưng vẫn cứ đợi, vẫn cứ chờ. Đôi lúc nản lòng, gần như không còn tin tưởng nơi người tình nữa, như trong bài "Cánh Buồm Trắng"; ở đó ta thấy sự mỏi mòn, gần như cạn kiệt của ông, và lời thơ đã có giọng phiến trách:

.....

Em ơi ta trần trọc

Khắc khoải đã bao đêm

Nhớ mong rồi ngờ vực

Đến cả tâm tình em

Vì những điều mơ ước

Của tuổi trẻ yêu đời

Thắm tươi như ánh nắng

Đã phai rồi em ơi,

Giác uyên ương liền cánh

Mộng trăm năm lứa đôi

Êm đềm như tiếng hát

Đã tan rồi em ơi

Trong lo buồn chán ngán

Trong hoàn cảnh éo le

Tuy ta còn nhận rõ

Lòng em yêu xưa kia

Nhưng mai ngày bóng tối

*Thăm mãi trên đường đi
Biết đâu còn có nữa
Lòng em yêu xưa kia
Ta đâu còn giữ được
Lòng em yêu như xưa
Em ơi cánh bướm trắng
Sắp biến trong đêm mờ.*

Ông ví cuộc tình mà ông chờ đợi như cánh bướm trắng ngoài dặm khơi. Mỗi ngày ông quan sát, chờ đợi cánh bướm ấy. Cánh bướm ấy không bao giờ quay về bến nhưng nó luôn thoáng hiện lúc gần lúc xa, nhấp nhô theo sóng nước; dầu đã có những lúc nó khuất dạng ngoài dặm xa, ông vẫn ôm hy vọng là nó không bao giờ mất, và định ninh một ngày nào đó nó sẽ quay lại. Chỉ khi nản lòng lắm ông mới bộc lộ vẻ lo sợ về viễn ảnh là cánh bướm trắng sẽ thực sự "biến trong đêm mờ."

Nhưng dầu thế nào thì ông vẫn tiếp tục chờ đợi, chờ đợi. Bao năm phòng lạnh chờ đợi người tình đầu. Không thấy ai ghé thăm, ngoại trừ ánh trăng. May mà hãy còn trăng, hãy còn thơ. Một đời tình, một đời thơ. Một cuộc tình thật sâu thẳm mà cũng vừa bi tráng. Bi tráng nơi sức chịu đựng kiên trì của một người lặng lẽ chờ đợi, gào thét chờ đợi, say khướt chờ đợi... mà không thấy sự đáp trả nào trong suốt ba mươi năm:

Chờ đợi hoài công

*Ta đợi em từ ba mươi năm
Uống hoa phong nhụy hoài trắng rằm
Heo may chớm đã lên mùa gió
Ngăn ngắt chiêm bao lạnh chiếu nằm
Cúc tả tơi vàng mộng xác xơ
Hiên sương ngô lá vẫn trông chờ
Đêm dài quanh hé đôi song lớn
Nguyệt động vòng tay ủa giấc mơ
Ngai trống vàng son lột sắc rồi
Lòng ta Hoàng hậu chẳng về ngôi
Hồ ly không hiện người không đến
Chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thôi
Hiu hắt tình trai một kiếp sông
Mệnh mông nệm gối rét căn buồng
Lệ sa bạch lập ngàn đêm trắng
Thơ vút sâu say rượu nhập cuồng
Đã mấy canh khuya nộ ngát nhài
Kết chưa thành mộng ý Liêu Trai
Lung linh nguyệt thấm vàng trang sách
Đợi chẳng bình sen nhịp gót ai
Thôi thế hoài thom tuổi đợi hiền
Cánh khô mầm lụi trót hoa niên
Chương đài, ca quán, ôi hồng liễu
Nửa cuộc trần gian lợm yến diên*

*Khấp đã nghe tìm mỗi núi sông
Đâu vương vó ngựa, gió mũi hồng?
Gió sương giờ vẫn buồn đây lạnh?
Em ơi! Phương nào em có không?*

Phải ba mươi năm sau, ông mới biết là hoài công. Sự chờ đợi chẳng kết quả gì. Nhưng lời thơ, và tình yêu của ông thì bất tử.

Đó là một vài bài thời tiền chiến. Về sau, thơ ông không say men rượu nữa, mà say trong lễ huyền vi, trong Thiền. Những bài thơ rất siêu thoát, xuất thần. Đây bài:

Nguyễn Cầu

*Ta còn để lại gì không?
Kìa non đá lở, này sông cát bồi.
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về.*

*Trông ra bến hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương
Ta van cát bụi bên đường
Dù nhớ dù sạch đừng vương gót này.*

*Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời.
Nói chi thua được với đời
Quản chi những tiếng ma cười đêm sâu.*

*Tâm hương đốt nén linh sâu
Nhớ quê dằng dặc, ta cầu đó thôi!
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.*

*Một phen đã nín cung đàn
Nghĩ chi còn mất hơi tàn thanh âm.*

Và bài **Lửa Từ Bi**, ông ghi là Kính dâng lên Bồ tát Quảng Đức, như bài điệu văn bát hủ mà nhiều người trong giới Phật giáo thuộc lòng:

*Lửa! lửa cháy ngất tòa sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm
hiện thành THO, quỳ cả xuống.
Hai Vàng Sáng rưng rưng
Đông Tây nhòa lệ ngọc
chắp tay đón một Mặt-trời-mới-mọc
ánh Đạo Vàng phơi phơi
đang bừng lên, dâng lên.*

*Ôi! Đích thực hôm nay trời có mặt;
giờ là giờ Hoàng đạo nguy nga!*

Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
nhìn nhau: tình Huỳnh đệ bao la.

Nam mô Đức Phật Di Đà
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
NGƯỜI rẽ phăng đêm tối đất dày
bước ra, ngồi nhập định, hướng về Tây;
gọi hết lửa vào xương da bỏ gỗ,
Phật Pháp chẳng rời tay.

Sáu ngả Luân hồi đâu đó
mang mang cùng nín thở,
tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh xe quay.
Không khí vận mình theo
khóc òa lên nổi gió;
NGƯỜI siêu thăng
giống bão lắng từ đây.
Bóng NGƯỜI vượt chín tầng mây,
nhân gian mát rọi bóng cây Bồ Đề.

Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi;
chỗ NGƯỜI ngồi: một thiên thu tuyệt tác
trong vô hình sáng chói nét Từ Bi.

Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?
ngọc đá cũng thành tro
lụa tre dần mục nát
với Thời gian lê vết máu qua đi.
Còn mãi chứ! Còn Trái-Tim-Bồ-Tát
gọi hào quang xuống tận ngục A-tỳ.

Ôi ngọn lửa huyền vi!
thế giới ba nghìn phút giây ngơ ngác
từ cõi Vô minh
hướng về Cực lạc;
văn điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác
và chỉ nguyện được là rơm rác,
THƠ cháy lên theo với lời Kinh
tụng cho Nhân loại hòa bình
trước sau bền vững tình Huỳnh đệ này.

Thôn thức nghe lòng trái Đất
mong thành quả Phúc về cây;
nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật;
đồng loại chúng con
nắm tay nhau tràn nước mắt,
tình thương hiện Tháp-Chín-Tầng xây.
(Sài-gòn tháng 5, Phật lịch 2507, tháng 6-1963)



Có lúc thơ ông thể hiện vẻ hùng tráng ngất trời.
Chẳng hạn ở **Bài Ca Sông Dịch**:

Ai tráng sĩ bao năm mài guom dưới nguyệt
Còn tưởng nghe hồn thép múa sông sâu
Kinh Kha hê Kinh Kha!
Vinh cho người hê ba nghìn tân khách
Tiễn người đi, tiếng trúc nhịp lời ca.
Biên thùy trống giục,
Nẻo Tân sương sa,
Gió thê lương quàn quai khói chiều hà.

Tám phương trời khói lửa,
Một mũi dao sang Tần.
Ai trách Kinh Kha rằng việc người để lỡ
Ai khóc Kinh Kha rằng thêm cao táng thân.
Ai tiếc đường guom tuyết diệu
Mà thương cho cánh tay thân.
Ta chỉ thấy
Tôi bởi tướng sĩ, thầy ngã hai bên.
Một triều rối loạn, ngai vàng xô nghiêng.
Áo rách thân run hê ghê hồn bạo chúa,
Hùng khí nuốt sao ngu hê nô khí xung thiên.
Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ,
Hiệp sĩ Kinh Kha hê người thác đã nên!...
(Tâm Sự Kẻ Sang Tần)

Đôi khi thơ ông u uất nổi sầu chung của đất nước và thời thế, muốn vươn đến những cõi cao rộng xa xăm khác. Mấy mươi năm, số phận nhỏ nhoi rồi bệnh tật của ông, không vươn khỏi những biến động của xã hội, cũng như gông cùm xiềng xích của chế độ cộng sản, nhưng thơ ông đã từ lâu, và mãi mãi, như cánh phượng hoàng (ý của Viên Linh), chạm đến cái chỗ chớp đỉnh cao vợi của nền thi ca Việt-nam. Ở nơi chốn ấy, không ai trói buộc ông được. Một mình tung cánh giữa trời cao rộng.

Thơ NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

BAN MAI KHÁC

Một khúc nhạc của người da đen
Rơi vào buổi sáng
Nơi giờ khắc thông thả của những giọt cà phê
Bỗng nức nở những hạt lệ màu đen, khóc nức nở
Từ tiếng kèn run rẩy bóng đêm
Thốt tới một ban mai rất khác
Cây xương rồng trong bình
Khóc nhớ sa mạc

TIẾNG NHẠC

Tiếng nhạc dương cầm
Buộc tôi vào gió
Dưới bóng mát những chùm cây
Tôi tan ra khoái cảm

Ban mai cũng thế
Đang là một bài ca trữ tình được viết bằng
những nốt nhạc
Mà bao lâu nay
Nó cứ ngỡ mình chỉ được viết bằng ánh sáng

XEM TRANH

Đêm. Từ một bức tranh lửa thề
Người thiếu nữ mang ánh sáng mơ hồ của ánh
trắng
Tóc loang bóng lá

Màu xanh ấy chảy ra từ lá non
Đôi tay ấy là đôi tay của lá non
Cái dịu dàng mãnh liệt của chồi biếc
Cô che hết bóng đêm

Trên con đường ánh mắt đang đi
Đêm của bức tranh òa vỡ
Sắc vào tôi
Ánh lửa

NHỮNG GIẤC MƠ ĐI

Đêm mở ra
Những giấc mơ
Cho tôi bay lên

Ngày mở ra
Những giấc mơ
Cho tôi đi tới

Tôi thích những giấc mơ
Đi bằng đôi chân
Đưa tôi tới những giấc mơ
Đi bằng đôi cánh

Con đường luôn được bắt đầu
Từ một điểm rất nên thơ

BÓNG SÁNG

Nắng đang đổ lên ngày nhịp sống
Nắng đang đổ lên ngày những bóng
Nắng đang soi tôi
Một bóng sáng

Cứ mỗi ban mai
Bóng sáng dẫn đường

TÌM THẤY TÔI KHÔNG

Một ngày lên. Gặp lại tôi
Sao nghe đã lạ. Bóng ngồi đã xa
Có ai tìm bóng đi qua
Ngẩn ngơ tôi. Một đóa hoa đang cảm
Bóng ơi. Tìm thấy tôi không

Thượng tọa Tuệ Sỹ nhắc, nhớ: Những ngày vạn giả

Nguyễn Đạt

Thượng Tọa Tuệ Sỹ, 62 tuổi, trước 30 Tháng Tư 1975, có thời gian là Khoa Trưởng Phân Khoa Phật Học - Viện Đại Học Vạn Hạnh, và là chủ biên tạp chí Tư Tưởng. Thượng Tọa Tuệ Sỹ, như nhận xét của nhà thơ Bùi Giáng (*Đi Vào Cõi Thơ*), “những sở tri của ông về Phật học quả thực quảng bác vô cùng,” là tác giả của nhiều luận thuyết Phật học, trong đó có tác phẩm “*Triết Học Tánh Không*” do nhà xuất bản An Tiêm ấn hành năm 1970. Đặc biệt nhận xét về Thượng Tọa Tuệ Sỹ, nhà thơ Bùi Giáng nhấn mạnh: “Thấy ông về người khắc khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u.” Hiển nhiên là vậy, nên Thượng Tọa Tuệ Sỹ mới viết nên tác phẩm uyên áo: “*Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng*,” do nhà xuất bản Ca Dao ấn hành năm 1973.

Năm 1988, Thượng Tọa Tuệ Sỹ bị tòa án nhà nước Cộng sản lên án từ hình về tội chống phá “Cách Mạng,” nhưng trước sự lên tiếng, can thiệp của quốc tế, họ phải giảm án xuống còn chung thân khổ sai. Và không thể yên tâm thực hiện bá đạo trước dư luận quốc tế, nên sau hơn 19 năm giam giữ Tuệ Sỹ, cùng thầy Trí Siêu-Lê Mạnh Thát, nhà nước Cộng sản đã phải trả tự do cho hai người. Trả tự do nhưng vẫn bị con mắt công an theo dõi, cuối năm 2003, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, từ vụ

việc đi thăm Thượng Tọa Huyền Quang đau bệnh, lại bị nhà nước Cộng Sản ra lệnh “đón lồng,” bắt Thượng tọa ở dọc đường, dẫn độ về Chùa Già Lam, quản thúc, không cho ra khỏi chùa trong hai năm. Cuối năm 2005, gần hết hạn quản thúc, Thượng Tọa Tuệ Sỹ đau bệnh, phải điều trị ở bệnh viện An Bình, vẫn có công an theo dõi, lảng vảng trước phòng bệnh suốt thời gian này.

Buổi chiều, luôn luôn là buổi chiều nếu tôi tới thăm thầy Tuệ Sỹ. Từ hiên sau căn phòng trên lầu một của dãy nhà trong Chùa Già Lam, nhìn xuống khoảng diện tích trống trải có vài ngôi mộ cổ, sau này được tạo thành một khuôn viên đồi cảnh. Nhìn xuống đồi cảnh có cỏ non xanh ấy, nghĩa là ngồi uống trà cùng thầy Tuệ Sỹ trên hiên sau, dưới những chậu hoa phong lan treo một hàng dài, lúc gió mạnh, chúng đong đưa chút đỉnh phía trên đầu, quả là thời khắc thú vị. Thầy Tuệ Sỹ, mỗi lần thấy mặt tôi, cũng nói: “Bộ tôi ăn thịt người sao, mà anh không tới đây vậy?!” Nghĩa là, dù tôi lúc nào cũng thích được ngồi uống trà với thầy, nhà thơ Tuệ Sỹ, nhưng vì bận bịu đủ thứ chuyện đời, cái ý thích nhẹ nhàng ấy của tôi ít khi thực hiện được. Và nghĩa là, thầy Tuệ Sỹ còn quá ít bạn văn nghệ lui tới. Nhà thơ Nguyễn Đức Sơn, thêm tôi nữa, là hai ‘chàng văn nghệ’ còn sót lại với thầy. Mà Nguyễn Đức Sơn thì ở Phương Bối Am xưa, tận thị xã

B'lo heo hút, thỉnh thoảng mới xuống Sài Gòn. Còn tôi, thì như đã nói, vương lụy đời.

Hiển nhiên là tôi không sợ thầy Tuệ Sỹ ăn thịt. Bất cứ loại thịt động vật nào thầy cũng chẳng dám ăn, huống chi ăn thịt người. Tôi còn chẳng sợ bọn “cóm VC” nữa là. Thời gian thầy bị quản thúc, tôi đến thăm thầy nhiều nhất, vì lúc ấy tôi không bị quay cuồng chuyện đời. Nghĩa là, tôi không làm gì để phải sợ “bọn cám” này. Họ không “trúng mánh,” “đạt thành tích” vì theo dõi, bắt được quả tang một người tới uống trà với nhà tu. Tất nhiên, “bọn cám” chỉ lảng vảng trong sân Chùa Già Lam, chứ không “áp sát hiện trường,” làm sao nghe được chuyện trò giữa tôi và “người bị quản thúc.” Họ chỉ có “chức năng,” là theo dõi bước đi của thầy Tuệ Sỹ.

Hiển nhiên thầy Tuệ Sỹ là bậc chân tu, một học giả uyên bác. Nhưng tôi chỉ thích gọi thầy Tuệ Sỹ là nhà thơ. Nếu hỏi, vì sao thầy Tuệ Sỹ viết nên “*Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng*” hay như vậy, uyên áo như vậy, thì theo tôi, chính là vì, như thầy Tuệ Sỹ viết trong bài viết về nhà thơ Viên Linh (Thuyền Ngược Bến Không, nguyệt san Khởi Hành xuất bản tại Hoa Kỳ, số tháng 1 & 2, 2005): “*Văn chương bây giờ vẫn là một lựa chọn, hoặc một nhân cách... Trong tận đáy sâu tâm khảm, mỗi nhà thơ vẫn chung một tình tự ngàn đời.*”

Núi rừng Vạn Giã heo hút lạnh

Lần này tới thăm thầy Tuệ Sỹ, được xem vài sổ nguyệt san Khởi Hành, đọc vài bài thơ Tuệ Sỹ trong đó. Tôi thốt lên: “Mấy bài thơ này hay quá, thầy làm hồi nào vậy?” Thầy Tuệ Sỹ nói: “Làm từ lâu lắm rồi. Bây giờ, trong không khí vắng nghệ tù đọng, ngột ngạt thế này, làm sao viết được thơ.” Và thầy Tuệ Sỹ nhắc, nhớ lại thời gian mà, với thầy và với bất cứ nhà thơ đích thực nào, đây quả thật là thời gian diễm ảo nhất: Thời gian thầy Tuệ Sỹ sống nơi miền núi rừng Vạn Giã heo hút lạnh.

Năm 1973, thầy Tuệ Sỹ quyết định rời Viện Đại Học Vạn Hạnh, đi tìm “những phương trời viễn mộng,” như thực hiện lời thầy viết trong bài tựa cho tác phẩm “Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng”:

“Những thảm họa lịch sử, và những thảm họa cuồng dại si ngốc của con người, càng lúc càng đổ lên cuộc đời. Thi đã đổi cách điệu, trở thành âm vang thống thiết của lý tao kinh, cuộc đời đã trở thành cuộc đời ải... Ấy tuy nhiên, lưu đày cũng chính là quê nhà (Albert Camus), và từ nơi chốn đó, “vang lên những

tiếng dội lạ lùng, khi đau cùng cực, trộn lẫn với hào khí ngất trời nhưng lại đượm những chân tình hoài vọng quê hương.” (Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng).

Thầy Tuệ Sỹ, sau một thời gian lưu lại Chùa Hải Đức-Nha Trang, năm 1976, quyết định ngụ cư với núi rừng Vạn Giã. Thị trấn Vạn Giã cách Nha Trang khoảng 60 cây số. Tới đó, thầy tiếp tục vào sâu vùng rừng núi, làm chòi lá gần núi, sống như người làm rẫy tự túc mưu sinh. Những đêm hiu hắt giữa núi rừng quanh quẽ, ngồi bên ngọn đèn dầu leo lét, thầy Tuệ Sỹ nhớ lại thuở đó, nhiều khi thấy cả bóng dáng cộp đi ngang qua, “*Cộp Khánh Hòa, ma Bình Thuận*” mà!

Nghe nói về nơi chốn heo hút mà thầy Tuệ Sỹ từng sống một thời gian dài ấy, nhiều người thích lắm, mơ được sống như vậy. Ấy tuy nhiên, cũng đã rất nhiều người tới những nẻo miền như vậy, cảm ngối trong một, hai ngày, để ngày thứ ba phải bỏ về chốn cũ... thị thành! Thầy Tuệ Sỹ, và một, hai người tôi biết, như Nguyễn Đức Sơn, nghĩa là hiếm lắm, những người “nuôi lửa tịch mịch,” mới thật sự sống, cảm được với nơi chốn hắt hiu, heo hút, quanh

quẽ, và thấy được thiêng liêng và nên thơ tuyệt vời của nó.

Chính thời gian đó, thầy Tuệ Sỹ đã viết nên những bài thơ đích thực, những bài thơ từ tình huyết trào ra, những bài thơ mà Bùi Giáng gọi là “*một nguồn thơ thâm viễn u u.*”

Đối với một con người như thầy Tuệ Sỹ, những vụ việc bắt bớ giam cầm, quản thúc, hoặc “*trả tự do*” của nhà nước Cộng Sản trong bản chất thật thiếu nhân tính, và xem ra rất khô hời. Những buổi chiều uống trà với thầy Tuệ Sỹ, tôi chưa bao giờ nghe thầy nhắc tới những vụ việc mà nhà nước Cộng Sản tạo ra cho thầy. Lần này, thầy Tuệ Sỹ nồng nhiệt nhắc, nhớ núi rừng Vạn Giã, tôi được nghe thầy đọc một đoạn thơ làm từ thuở đó:

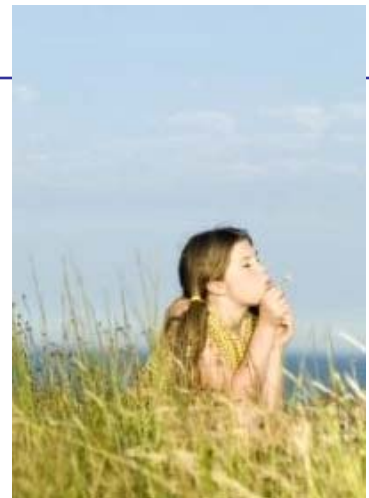
*Ai biết mình tóc trắng
Vi yêu ngọn nến tàn
Rừng khuya bên bếp lạnh
Ngồi đợi gió sang canh...
(Bên bếp lạnh)*

(Nguồn: Nguoi-viet Online
<http://www.nguoi-viet.com>)

LÀM THƠ

*Ta giữa mặt tìm khung trời viễn mộng
Hái vì sao khơi mở ý thơ đầu
Nhật ánh trắng soi rọi vần thơ sau
Nhờ cơn gió lướt qua câu thơ cuối*

*Ta thi sĩ nằm viết thơ bên suối
Gã đế mèn trộm đọc hát vu vơ
Vội xếp thơ thả trôi theo dòng nước
Thi sĩ đâu ngờ thơ vương nhánh cây khô.
(Pine Valley Centre)*



MỸ HUYỀN

KHÔNG CÓ GÌ LÀ RÁC!

Diệu Trân



“Không có gì là rác!”¹

Đó là bài học đầu tiên Đại Sư Zuigan Goto dạy cho người đệ tử ông vừa thu nhận, sau này chính là thiền sư Soko Morinaga, nổi tiếng của xứ Phù Tang.

Sống sót trở về sau chiến tranh tàn khốc giữa thập niên bốn mươi, Soko Morinaga tìm về căn nhà cũ, trực diện với những khó khăn và mất mát tận cùng của đời người. Cha mẹ không còn, anh chị em phân tán, nhà cửa, tiền bạc bị tịch thu. Ông cố ngoi lên bằng ý chí trở lại học đường nhưng đành chào thua cuộc vật lộn cam go đó khi bao-tử thường xuyên lên tiếng kêu khóc.

Giữa quạnh hiu đồ nát cả thân và tâm, một sự mâu nhiệm kỳ diệu nào đã dẫn bước chân vô định tới trước cửa chùa Daishuin ở Tokyo. Ngược nhìn mái chùa rêu phong, lưỡng lự đôi ba phút rồi Soko mạnh dạn bấm chuông. Người mở cửa chính là Đại sư Zuigan Goto. Soko ngỏ lời xin được Đại sư thu nhận làm đệ tử. Đại sư chỉ hỏi một câu duy nhất:

- Người tin ta chứ? Nếu không tin ta thì có ở đây bao lâu cũng chẳng học được gì, phí công ta thôi.

Tất nhiên Soko trả lời:

- Con xin hết lòng tin tưởng Sư-phụ.

Đại-sư mở rộng cửa, lạnh lùng truyền:

- Theo ta.

Soko lú lú theo vào. Tới góc sân, Đại-sư chỉ cây chổi tre, ra lệnh:

- Quét dọn vườn.

Trước khi cầm chổi, Soko quỳ xuống bái tạ Đại-sư

đã thu nhận mình.

Công việc quét vườn thì có chi là khó. Soko hăng hái quét, quét, và quét. Không bao lâu đã gom được đồng rác cao nghệu đầy đất, sỏi, đá vụn và lá khô. Dừng chổi, Soko lễ phép hỏi:

- Bạch Thầy, con phải bỏ đồng rác này đi đâu ạ?

Bất ngờ, Đại-sư quát lên:

- Rác? Mi nói chi? Không có gì là rác cả, đồ ngu!

Soko ngẩn ngơ nhìn đồng chiến lợi phẩm, không hiểu đây không là rác thì là gì? Còn đang lúng túng thì Đại-sư lại sai:

- Vào nhà kho kia lấy cái bao nhựa lớn ra đây.

Khi Soko tìm được bao nhựa mang ra thì thấy Đại-sư đang dùng hai tay, gạt đám lá khô sang một bên. Ông lại bảo:

- Mở rộng miệng bao ra.

Soko tuân lời, lắng lắng theo dõi thầy mình quơ từng ôm lá, bỏ vào bao, thỉnh thoảng lại dậm dậm cho lá xếp xuống. Cuối cùng, những lá khô trong đồng rác đã được nhồi vào bao, cột lại. Soko lại nghe lệnh truyền:

- Đem bao lá này vào nhà kho, để dành đun nước tắm.

Vừa vác bao lá trên vai, Soko vừa nghĩ:

- Còn đồng đất đá, không phải rác thì dọn đi đâu?

Ấy thế mà khi ở nhà kho ra, Soko thấy Đại-sư đang lượm những viên sỏi, đá vụn ra. Trước vẻ ngẩn ngơ của Soko, ông vừa hỏi, vừa sai:

- Có thấy hàng hiên ngay dưới ông máng xối kia không? Có thấy những chỗ bị nước mưa từ máng xối xoáy lồi lõm không? Đem những sỏi, đá vụn này ra, trám

1 There Is No Trash. Nguyên tác: Soko Morinaga.

vào những chỗ đó.

Soko vừa làm, vừa thán phục thầy mình, vì quả thật, sau khi trám, không những chỗ lồi lõm bằng phẳng mà còn đẹp hẳn lên nữa.

Bây giờ, đồng rác (theo Soko) chỉ còn lại đất và rêu. Lần này thì chắc chắn phải hốt, đổ đi rồi. Nhưng kinh ngạc biết bao khi Soko quay lại sân, thấy thầy mình thông thả nhặt từng miếng đất, từng tảng rêu lên tay, rồi chậm rãi nhìn quanh, tìm những khe tường nứt, những chỗ lõm nhỏ trên mặt đất, từ tốn trám vào.

Bây giờ thì đồng rác không còn đó. Nhưng cũng không phải là vật phế thải vô dụng gom quăng đi đâu. Mỗi loại rác, nếu biết tận dụng, sẽ lại trở thành hữu ích.

Điều này, sau tháng tư 1975, dân chúng Việt Nam cũng đã biết rõ, không ai phải lặn lội tới tìm Đại-sư Zuigan Goto học đạo mới biết “rác không phải là rác”. Bao ny-lông bần đã dùng, giấy báo rách bươm, nhàu nát, ống bơ rỉ, thanh củi mục... bất luận cái gì còn chút hình thù cũng nhặt, cũng bán. Mà thật ra đám người mua cũng chẳng khá hơn gì người bán. Thượng vàng hạ cám cái gì cũng mua rồi vận dụng tiêu xảo, cô sáng chế ra “cái gì đó” tạm dùng được để lại đem bán. Người lớn, trẻ nhỏ đổ xô ra đường, lê la gặm cầu xỏ chợ, mãi mê lượm rồi lật, mong rác đó đổi được chén cơm là quá hạnh phúc, mà nếu chỉ được chén cháo cũng đỡ lòng.

Nhưng “Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc” đã hơn ba mươi năm rồi, quý vị lãnh đạo ngày xưa kham khổ cùng dân, nhà tôn áo vá, gạo đông từng kí, thịt cá họa hoãn xuân thu nhị kỳ mới ném, tiền xu chắt chiu lặn túi từng đồng; nay trương mục nhà băng sáu số là chuyện nhỏ, biệt thự menh mông hào nhoáng là chuyện thường, cái ăn sơn hào hải vị là cơm bữa, cái chơi tung bạc qua cửa sổ cũng là... chơi thôi.

Nhưng đại đa số dân chúng sao vẫn lượm rác gặm cầu xỏ chợ vậy???

Những tin tức đọc được trên báo chí cho thấy sự biến dạng đáng ngại của những tình lý đẹp đẽ, thơ mộng ngày xưa.

Cần Thơ là một thí dụ.

Ngày xưa, tôi may mắn đã từng ghé nhà người bạn cùng sở khi chị về quê thăm cha mẹ. Nhà chị ở Quận Ninh Kiều, có rạch Cái Khế uốn khúc lượn quanh, nước trong xanh, cá tôm chẳng thiếu. Bây giờ, theo bài báo, cũng chính con rạch ấy là nơi tiếp nhận cống rãnh của nhà cửa nườm nượp dựng lên xung quanh, qua chương trình đô-thị-hóa. Lẽ dĩ nhiên, chỉ những kẻ tai to mặt lớn hay có cơ hội dứt lốt, làm ăn buôn bán mới mua được những nhà này. Dân quê bị đẩy lui dần, nay chỉ còn khoảng 150 nhà sàn ọp ẹp ven sông và những gia đình sống chui rúc trong những khoang thuyền, ngay nơi rạch

nước cống đen ngòm, hôi hám ấy.

Họ sống bằng gì?

Chúng ta dễ dàng tìm ra câu trả lời khi bài báo đề cập tới những trẻ nhỏ mười một, mười hai tuổi mà chẳng biết tên thật mình là gì. Chúng nó được gọi là con Mít, thằng Cu, bé Ba, bé Tư. Hàng ngày, chúng chờ tan phiên chợ nghèo An Nghiệp là dắt díu nhau chui xuống gầm chợ, men theo cống rãnh lượm bao ny-lông, rau trái dập, đầu cá ươn... Lẽ tất nhiên chúng chưa từng biết đến danh từ “trường học.” Chúng đi lượm rác cả ngày ở những nơi hôi hám, chỉ mong tìm được những gì mang về cho bố mẹ đổi lấy chén cơm voi là vui rồi.

Thì thôi, theo tinh thần bài học đầu tiên Đại-sư dạy đệ tử Soko, nếu rác chuyển thành thứ hữu dụng thì rác không phải rác. Nhưng cái đau đớn là tinh thần những đứa trẻ lượm rác đó bị hủy diệt tận gốc rễ. Khi phóng viên, nhà báo lần la hỏi thăm tình trạng gia đình chúng để viết bài thì chúng sợ dùm người lại. Nhà báo hỏi “tại sao sợ quá vậy? tôi có làm gì các em đâu”, thì hai chị em tên là Bé Ba và Tý Anh, run rẩy nói rằng: “Chị không phải là công an đến bắt chúng em chứ? Chị không đến đuổi ghe bố mẹ chúng em chứ?”

Tôi nhớ không lầm thì khi Đại-sư Zuigan Goto dạy đệ tử bài học “không có gì là rác”, Ngài còn nói rõ rằng “Từ vô thi đến nay, dù người hay vật, đều không có gì là rác cả”.

Nếu Đại-sư chứng kiến được cuộc đời của những NGƯỜI sống bằng RÁC ở Việt Nam hiện nay, e rằng Đại-sư sẽ suy nghĩ lại câu từng nói. Vì rác có thể không là rác khi rác còn đổi được chén cơm manh áo cho người. Nhưng Người-Dân-Cùng-Khổ thì rõ ràng lại đang là Rác vì những kẻ quyền thế có thể bắt, nhốt, đuổi, quăng, vứt họ đi đâu đó, bất cứ lúc nào.

Lời nói ngây thơ tội nghiệp của trẻ nhỏ không là thông điệp rõ ràng nhất gửi tới lương tâm nhân loại hay sao?



Thiên Thần Gãy Cánh

Chiêu Hoàng



Nàng lái xe chậm chậm chạy vào một khu nhà giàu có những mái ngói đỏ, rồi ngừng lại trước một căn nhà hai tầng nằm ngay góc đường trông những bụi hồng và vài bụi trúc xanh biếc. Để chắc ăn, nàng so lại địa chỉ ghi trên miếng giấy rồi lầm bầm: "Đây rồi. Nhà đẹp quá!"

Tiếng chuông ngân đường như quá lớn không những làm nàng giật mình mà chính cả những bụi hồng, bụi trúc phải xôn xao:

- Cô hỏi ai?

- Dạ. Tôi đến đây xin việc. Có phải ở đây cần người trông nom một cụ già không ạ.

Người đàn bà mở hé cánh cửa nhìn nàng từ đầu đến chân, trên nét mặt hơi thoáng thất vọng khi thấy nàng quá gầy guộc nhưng với khuôn mặt khá xinh:

- À. Có phải cô vừa phone đây không? Vào đây.

Nói xong, bà mở rộng thêm cánh cửa vừa đủ để một người có thể lọt vào. Khuôn mặt người thiếu phụ vẫn còn thấp thoáng một vài nét trẻ trung, nhưng khô khan, cứng nhắc, với nhiều nét bất mãn thiếu niềm vui hẳn lên làm thành những vết nhăn đậm nét. Nhưng bà chẳng nói gì thêm, lặng lẽ đi trước dẫn đường.

Căn phòng khách khá rộng, trang trí kiểu cách với những bàn ghế đắt tiền. Nhưng không khí đặc sệt, thốc lên một mùi khai ẩm mốc của quần áo cũ lẫn với mùi thuốc làm nàng hơi bị nhột nhạo muốn mửa, nhưng vẫn yên lặng lẻo đẻo

theo chân. Họ đi qua một phòng khách rộng, rồi bước vào phòng đọc sách, nơi đây hơi tối, các cánh cửa sổ đều kéo màn, duy chỉ một khung cửa lớn thông ra phía sau vườn là mở rộng. Mùi khai ẩm mốc và mùi thuốc phát ra từ chôn này.

Người đàn ông ngồi trên chiếc xe lăn, xoay lưng nhìn ra khu vườn sau đầy màu sắc của các loài hoa, im lìm như một bức tranh chết. Tiếng người thiếu phụ cố lấy giọng dịu dàng:

- Anh ạ. Có một cô tới xin việc. Anh coi có bằng lòng không?

Vừa nói, bà vừa đến sau lưng từ từ xoay chiếc xe lăn một nửa vòng quay. Cô nhìn sững. Khuôn mặt hơi bị lệch, có nhiều nét chịu đựng, buồn nản. Ông ta bị liệt nửa người sau một cú tai biến mạch máu não. Vì nửa thân bị liệt nên khuôn mặt của ông cũng hơi dị dạng. Một con mắt còn lại chút nét tinh anh, hơi ánh lên nét vui khi nhìn thấy nàng, con kia thì đờ đẫn, không cảm giác. Ông không già. Khoảng ngoài năm mươi. Vẫn còn thấp thoáng nét phong lưu, ăn chơi thời trước. Hẳn nhiên. Ông đã bằng lòng.

- Công việc của cô là chăm lo cho ông. Mỗi ngày ba bữa cơm sáng tối. Cho ông uống thuốc, giặt giũ và tắm rửa. Cô có thể đến và về mỗi ngày. Còn nếu cô muốn ở lại, tôi cũng có một căn phòng riêng cho cô, sát với phòng của ông. Lương \$1000 một tháng tiền mặt.

Thiếu nữ bối rối. Ánh mắt chao

đi, áp úng:

- Dạ... em tưởng sẽ chăm lo cho một... một... cụ già.. Nhưng ông đây... chưa già... lắm... Em thấy ngại khi phải lo... về việc... về việc... (nàng cố gắng móc trong đầu mảnh chữ cuối cùng) về việc... tắm rửa...

Người đàn ông ừ ừ. Ánh mắt dán chặt lên khuôn mặt làm nàng khó chịu. Hẳn muốn nói một điều gì nhưng lại không thốt lên được rõ lời. Tay trái vung vung lên, cố gắng diễn đạt một điều gì đó. Nửa như van lơn, nửa như cầu xin. Ánh mắt của một người đang đi vào nước đường cùng. Người đàn bà gần như mất hết kiên nhẫn, khó chịu chen vào:

- Anh làm cái gì mà rồi nặng lên thế? Chưa chắc gì nó đã chịu làm. Cả chục người đến rồi, chẳng ai muốn lo phần tắm rửa. Thiệt là khổ thân tôi. (Rít lên) Sống thế này thì chẳng tha chết đi còn sướng hơn. (quay qua thiếu nữ). Vậy cô có bằng lòng làm không? Nếu không thể tắm rửa mỗi ngày thì tắm cho ông tuần một lần cũng được...

Thiếu nữ bối rối nhìn người đàn bà:

- Tôi....

- Sao? Chê lương ít hả? Cứ làm đi. Nếu làm được việc tôi sẽ tăng lương trong vòng ba tháng...

Người đàn ông vẫn nhìn nàng chăm chú. Lo sợ và hồi hộp. Hốt nhiên, nàng thấy cái nhìn nửa như van nài, nửa như vò lấy nàng làm cho nàng có cảm giác gợn gợn. Nàng lùi lại một vài bước, áp úng:

- Cảm ơn bà. Nhưng.... tôi không nghĩ tôi có thể làm được việc. Vì ông nhà tuy không còn trẻ, nhưng chưa... già khụ, ông lại hơi to con. Tôi sợ rằng tôi đỡ ông không nổi...

Người đàn bà cắt ngang:

- Một nửa người của ông vẫn còn hoạt động được mà, ông cũng có thể gượng được, cô đâu cần phải bồng bế ông ta. Chỉ cần cô nhận lời giúp thì chúng tôi sẽ đỡ cô một tay...

- Nhưng... nhưng... (đỏ mặt) Tôi chưa từng... tắm cho một người đàn ông nào cả... Chuyện đó... chuyện đó... chắc không thể làm được rồi. Xin lỗi bà. Xin lỗi ông...

Nói xong, nàng chấp hai tay lên ngực, xá như xá trời, xá đất rồi vội vã quay lưng như kẻ chạy trốn. Nhưng vẫn thoáng nhìn thấy được nét thất vọng tột cùng trên khuôn mặt người đàn ông vừa loé lên một niềm vui rồi lại bị tắt ngấm. Nàng nghe tiếng thở dài của người đàn bà. Bà lại đưa nàng ra cửa. Lắm bầm

một mình. *"Giá hẳn có thể chết ngay sau khi bị nạn thì hay biết mấy!"*

Nghe câu nói cuối cùng của người thiếu phụ, tim nàng như thất lại. Nhận thấy rõ ràng sự bạc bẽo của tình đời. Có thể, khi người đàn ông kia còn khoẻ mạnh đã từng đem lại rất nhiều hạnh phúc và tiền bạc cho người đàn bà. Giờ đây, ông không còn tự lo được cho mình nữa thì cả một khung trời bị lệch đi. Mọi sự đều đảo điên, điên đảo cùng những tiếng bắc, tiếng chì của người vợ trẻ.

Chợt nhớ đến ánh mắt thất vọng của người đàn ông. Lòng nàng ray rứt, khổ sở. *Sao lại từ chối với một người thực sự cần giúp đỡ như thế? Có phải chăng mình đang tập thực hành tâm bồ đề đấy ư? Hay ta nên nhận lời quách? Không được! Làm gì thì làm, về chuyện đó thì tâm ta còn... phân biệt lắm, vẫn còn thấy... kỳ kỳ thế nào...*

Nàng bước ra khỏi cửa mà thấy lòng nôn nao. Một mặc cảm tội lỗi

rằng mình vừa đánh rơi mất đôi cánh thiên thần. Dầu vậy, nàng vẫn không đủ can đảm có thể dừng chân lại và nói với người đàn bà một câu thật dễ dàng, ngắn gọn: *"Tôi bằng lòng nhận việc!"* Hình như vẫn có một lực gì đó rất mạnh cản ngăn những gì nàng muốn làm.

Phải chăng đó chính là lòng vị kỷ. Cái ngã còn con đang tung hoành ngang dọc trong tâm nàng?

Ngoài trời. Nắng chan hòa với giàn hoa trước cửa. Cánh cửa sau lưng đóng sập vội vã, nhót theo cái không khí bệnh hoạn bên kia bức tường. Nàng lão đảo như người vừa bị hẫng nhịp bước. Nàng ngồi thụp xuống lề đường, nghe được tiếng rên rất khẽ của con chim non với đôi cánh trắng đã gãy lìa đang bị lòng vị kỷ của mình đè bẹp. Hai tay úp mặt. Nàng òa khóc lên như một đứa trẻ...

Nắng, hoa và không gian thanh thang yên lặng nghiêng đầu thờ dài nhìn đôi vai cô bé đang run run...

Thơ

T.K. THIỆN HỮU

Chốn bình an

*Thênh thang trong cõi đi về
Sao nghe chầm dứt nguồn mê phù trầm
Bao nhiêu phiền lụy xa xăm
Trở thành tịnh thủy ngàn năm đất trời
Chỗ này chỗ để gọi mời
Cõi này là cõi thanh thoi an bình
Như nhiên vào chốn độ sinh
Thoát cơn sanh tử vô minh hồng trần
Cũng trong giây phút phù vân
Thắm nguồn pháp lạc trọn phần pháp âm!*

LÝ THỪA NGHIỆP

Bụi hồng

*Hóa sinh từ một kiếp nào
Tới đây đi đứng ra vào ngủ nghỉ
Đôi khi buồn rất náo nề
Quen người rồi cũng bỏ về tay không
Đường chia trăm ngõ bụi hồng
Người đi chớp đã bạc dòng tử sinh.*

GIỚI THIỆU *thi tập Lung Linh Hoa Tạng*

của TK Thiện Hữu và Lý Thừa Nghiệp

Tập thơ “*Lung Linh Hoa Tạng*” trên tay bạn là tập hợp thi vị của hai thi phẩm, hai tâm hồn, hai thể giới, hai thi nhân đạo và đời: **TK Thiện Hữu** và **Lý Thừa Nghiệp**.

Hai thi nhân này không phải là những khuôn mặt mới lạ gì trên vuông chiếu văn học Phật giáo: họ đã từng góp mặt khắp các tạp chí và trang lưới đạo Phật, đã có tác phẩm được xuất bản vài năm trước (*), và thi tài của họ từng được độc giả khắp nơi đón nhận và ái mộ. Cho nên, thêm một lời giới thiệu hay bạt nơi đây cũng thừa.

Điều có thể làm là lướt qua về sự kết hợp kỳ đặc của hai dòng thơ từ hai cõi đạo-đời, vẽ nên một thể giới hoa tạng lung linh huyền ảo.

Hoa Tạng là gì? — Đây là một thuật ngữ Phật-học được nhắc đến nhiều qua bộ kinh Hoa Nghiêm mà người đọc nào chưa quen với tư tưởng triết lý Đại thừa Phật giáo, cũng cần biết qua trước khi đi vào cõi thơ TK Thiện Hữu và Lý Thừa Nghiệp.

Hoa Tạng là nói tắt từ “Liên Hoa Tạng thế giới,” (kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hoa Tạng thế giới), là một diễn tả khác của “Tỳ-lô-giá-na trang nghiêm tạng Đại lâu các” (Vairochana-alankāra-vyūha-garbhā), hoặc “Thai Tạng giới” (kinh Đại Nhật). Nhưng từ ngữ thông dụng nhất vẫn là Hoa Tạng thế giới. Đây là tên cõi tịnh-độ của đức Phật Tỳ-nô-giá-na, là chân thân của đức Phật Thích-ca. Thể của thế giới này là tự tính thanh tịnh trang nghiêm của hằng hà số chư Phật và bồ-tát; dụng của nó là sự dung nhiếp, tương thông, là sự phối trí trong trật tự của tất cả mọi hiện hữu; tướng của nó là vũ trụ vạn vật trải rộng khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bao trùm cả pháp giới (dharmadhātu). Theo triết lý Hoa nghiêm, hay Hoa Tạng, tất cả những hiện hữu từ vật thể đến tâm thức, đều nương nơi các điều kiện nhân duyên để có mặt bằng chính tự thân cá biệt của chúng, đồng thời phản chiếu, dung nạp tất cả những tâm và vật khác một cách không ngăn ngại (vô ngại: anāvaraṇa). Cái này cái kia, bên này bên kia, có mặt trong nhau, không có giới hạn của không gian và thời gian. Nói một cách thơ mộng và đơn giản bằng ngôn ngữ văn học Phật giáo, thì Hoa Tạng là thế giới thiên sai vạn biệt bao gồm chân và tục đế, phàm và thánh, sinh tử và niết-bàn; gần gũi và tượng hình hơn, là khổ đau và hạnh phúc, nước mắt và nụ cười, dòng đời và nẻo đạo.

“*Lung Linh Hoa Tạng*” là một thi tựa vừa thơ mộng, vừa triết lý, phản ánh khát vọng của hai thi nhân nhằm diễn bày sự tương thông tương nhiếp giữa thế giới thanh tịnh trang nghiêm và cuộc đời khổ lụy. Hai dòng thơ như hai luồng ánh sáng soi chiếu vào nhau, không đánh mất ánh sáng của mình, mà cũng vừa tiếp nhận ánh sáng khác một cách trọn vẹn.

Dòng thơ TK Thiện Hữu là những áng mây trắng bay qua bầu trời xanh thẳm vô tận. Ngôn phong thanh khiết, thuần tịnh, sáng ngời nét đẹp của trí tuệ từ bi; ý tưởng chân thành, tha thiết và đầy lạc quan. Những áng mây lúc thì tràn ngập bao phủ, khi thì tản mạn lững lờ. Chân thành trang trải tất cả mà vẫn nhẹ nhàng thanh thoi, không lưu vết tích giữa trời cao rộng.

Dòng thơ Lý Thừa Nghiệp là dòng sông cuộn cuộn chảy ngang trần gian thống khổ. Ngôn từ lúc sôi nổi, lúc thâm trầm; tứ thơ lồng lộng, bát ngát. Dòng sông này cuồn mang tất cả bản đức của cuộc đời, nâng lên thành những bọt sóng lao xao, thi vị hóa và tịnh hóa chúng bằng sự cảm nhận sâu sắc nguyên lý vô thường, khổ, không.

Hai cõi thơ, nhìn theo thể cách của Hoa Nghiêm, tương thông và dung nạp nhau một cách tuyệt vời; và nói theo thể điệu của thi ca, là một kết hợp thơ mộng, hài hòa, ý vị của một thi phẩm đẹp từ cấu trúc đến nội dung.

Một thi phẩm đẹp như thế, tôi rất ngần ngại khi cố gắng phân tích, giới thiệu, nhưng không do dự gì khi trân trọng viết lời tán dương và cảm ơn hai tác giả nơi đây.

California, ngày 28 tháng 4 năm 2007.

Vĩnh Hảo

oOo

Liên lạc với Sống Đạo: Chùa Phật Đà
36 Deodar St.,
Enala QLD 4077 – Australia
Tel.: (07) 3372 3818

(*) TK Thiện Hữu với thi phẩm “Gió Bụi” do Sống Đạo xuất bản năm 2005 tại Úc Châu; Lý Thừa Nghiệp với thi phẩm “Bọt Nước Xao” xuất bản năm 2003 cũng tại Úc Châu.

TIẾNG NÓI TỰ TÌNH MÙA THU

Cư sĩ Liên Hoa

Giấc ngủ say đã đưa bao cơn mộng tràn đầy, lan rộng. Làm sao biết được nơi nào là điểm dừng chân khi tâm luôn lay động “*Một niệm vừa khởi, muôn trùng xa cách*”.

Thu đã đến, theo vận chuyển của đất trời, như người lữ khách quen thuộc trở về, ôm lấy mọi phương trời. Một hôm nào đó, lá bỗng trở vàng. Trời se se lạnh, không gian như đắm mình trong màu lung linh, mờ ảo. Người ta chỉ biết thu là như thế, dễ thương thức, dễ ca tụng, dễ kéo lá vàng vung rải khắp nơi chốn. Những tình tự cảm xúc, biểu lộ như muốn lôi kéo cả không gian vào trong giấc miên trường- màu vàng. Thu là đây: Trăng thu, mây thu, trời thu, đất thu, mưa thu hay là những hình dung nào có thể ghép vào mùa thu để thu đi nặng nề, cu r mang, lê lét.



Ảnh: KL (chụp tại hồ Bishop, California)

Có ai đã một lần nào chiêm nghiệm mùa thu, nhìn thấu suốt được những tâm tinh hy hiển của thu, bản chất thu và dễ hiểu thu.

Bạn có biết không- tôi không phải là một mùa đơn độc, cô đơn, lẻ loi, nhưng mà là một trong những người bạn thân của các mùa đã đi cùng với vũ trụ. Dù gọi tên là gì như: xuân, hạ, thu, đông..., nhưng mỗi mùa là một sự sống. Vâng, *sự sống là tình tự thiêng liêng nhất mà mỗi mùa đem đến cho vạn hữu, đem đến cho con người.*

Khi xuân đã qua, mùa hạ đến, tôi là người tiếp nối, dẫn thân. Mỗi lá ứng vàng, lia cành, rơi xuống hay mỗi một động thái nào đó nối tiếp v.v... để làm bạn có nhiều

cảm xúc, trân trọng, yêu quý, an lạc...cũng là mỗi sự chuyển mình, đau xót không lời, hiển dâng cho con người với tình yêu không bờ bến, không đòi hỏi. Nếu như các mùa đều dừng lại, không gian im lắng, mọi sinh hoạt vô tình rơi vào hủy diệt, đời sống sẽ ra sao?

Cũng như thế, tình yêu của những con người bước theo dấu chân của Đức Phật đối với cuộc đời, với con người là thứ tình cảm không có điểm để so sánh, lệ thuộc. Đó là một phương trời cao rộng, vì đến từ biển tâm như màu vàng bao la của đất trời khi thu về.

Từ nơi vực sâu mầu nhiệm của chân tâm, họ bước chân lên mảnh đất của bốn pháp thương yêu (Tứ nhiếp pháp). **Bồ thí là khởi đầu**, vì không bồ thí thì điểm trụ vẫn còn. Bồ thí làm cho những vọng trần rơi rụng, những chúng sinh vọng tưởng, cứng đầu, tham chấp, vị kỷ lặng lẽ đi vào trong cõi tâm, như màu vàng thu ôm trọn bao nhiêu lá vàng rụng, để đem đến cho con người, vũ trụ màu thương yêu, hạnh phúc. Bồ thí đến từ nhận thức được thân phận con người đang chịu bao nghịch cảnh, đồng cảm, đồng cảnh, có đầy đủ tất cả bản chất của một nhân vị, nhưng vươn lên, tự mình muốn dâng tặng tấm lòng từ bi hỷ xả, bao dung, cảm thông với lòng trân quý, tri ân đối với loài người, vì. *không có con người, tình yêu sẽ khô cạn, không có vị giác ngộ.*

Tiếng nói của Phật giáo là tiếng nói của từ tâm, của tuệ giác, như tiếng sấm gầm, vì người con Phật đã bao lần quán chiếu mảnh tâm, làm cho những độc tổ tạo nên cuộc trầm luân rơi rụng, biến thành những chất liệu thương yêu, tỉnh thức và để từ đó, đem chia xẻ đến mọi người. Tất cả mọi hành động dẫn thân đến từ tỉnh thức, tự nguyện, đến từ những con người “vô ngã”, không còn tham đắm những hư danh, vinh nhục, danh vọng v.v...thì sự dẫn thân, chia xẻ đó mới đích thực.

Chính vì lẽ thế, chúng ta thấy rằng tất cả những bậc thể nhập và sống với tánh giác, hay những người nếm được hương vị của tỉnh thức, của tâm đều trở thành những con người dẫn thân vì đời, vì con người. *Nơi nào có si tham sân, có vô minh, tà kiến, có bạo lực, có đàn áp, có khổ đau, có tàn sát, hủy diệt môi trường, mạng sống dù là những sinh vật nhỏ bé v.v...đều có tiếng nói hy hiển, dẫn thân của Phật giáo, của người con Phật.*

Một phút giây xúc động.

thơ

HẠT BỒ ĐỀ TÌM TRONG LÁ DẦU XANH

*Có tu học! cái đơn sơ bỗng trở thành thánh thiện.
Hạt Bồ đề tìm trong lá dầu xanh
Cải mồng manh trở nên bất diệt
Có diệt đâu hay bằng bạc muôn phương?
Như một lễ vô thường chợt ngộ
Âm thanh nào lặng lẽ giữa hư không
Mái tóc trong gió ngàn hoang dã
Nằm chết dần không tiếng khóc tiễn đưa.
Ôi những hy sinh nơi rừng sâu núi thẳm,
Hay bỏ mình trên biển cả mênh mông.
Anh có chết nhưng khí hùng nào chết?
Thân xác nào viết dòng sử Lạc Long.
Có tu học! cái đơn sơ bỗng trở thành thánh thiện.
Ôi cái hay, cái đẹp “Nước có nguồn”
Thiện mỹ nào hơn nếp đẹp “Người có Tông”?
Hãy tìm thấy Giang Sơn trong chiếc lá!*

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



MÂY NON ÔM MÃNH TRĂNG THU

*Thu vàng khắp chốn Ta bà
người cười, ngủ giấc sơn hà bao la
mây non say giấc đỉnh son
lấy mây làm gối, lấy trời làm chăn
Lá thu ôm mộng hư không
Mười phương dung chứa rỗng không chan hoà
rọi soi từng buổi đêm thâu
vòng quanh, rồi lại một vòng chân không*

*Rồi mùa thu đổi lá thu
thấy thu lại thấy những mùa giao duyên
lá vàng rồi thấy lá khô
cành trơ lại thấy nụ hồng điểm hoa
Ở người say ngủ miên trường
Trong mơ có ủ hư vô làm nhà
Tâm son rộn rã tấm lòng
đời người biết mộng, “chân” không vẫn vào
Xưa người ôm một vầng trăng
chờ trăng, mong rải ánh vàng muôn phương
nay, xin người chở chân tâm
nụ hương bi nở, trí mầm trở hoa
Giọt không là chất nhiệm màu
trụ tâm một cõi, xót xa phận người
tâm không thì trở về không
ánh vàng hương toả, một vầng trăng non...*

CƯ SĨ LIÊN HOA

*Ngày Anniversary
09.10. 2007*

QUÊ NHÀ THẬT XA

Trần Khải

Chỉ cần rời quê nhà vài năm, chúng ta dễ dàng trở thành kẻ lạ. Nhất là khi chúng ta là những người vượt thoát khỏi chế độ cộng sản. Cảm xúc này không riêng cho người Việt tị nạn, mà còn cho cả những người Tây Tạng lưu vong. Chỉ vài năm thôi, quê nhà đã trở thành sương khói. Và có thêm những điều thương tâm đặc biệt cho dân tộc Tây Tạng: trong khi văn hóa Tây Tạng bị xóa sổ dần, thì đang dần số lại bị dân Hán tộc đồng hóa thô bạo.

Nơi đây sẽ lược dịch bài viết "Returning Home in Tibet" (Thăm Quê Nhà Ở Tây Tạng) trên trang mạng phayul.com ngày 11-10-2007, của phóng viên Tenzin Choephel ghi lại chuyến về thăm Tây Tạng của cô Palzom (tên đã thay đổi). Cô trốn thoát Tây Tạng năm 2000, và gần đây là lần đầu về thăm Tây Tạng.

Một phụ nữ Tây Tạng, trong lứa tuổi cuối 20s, hiện sống ở Kathmandu (Nepal) đã về thăm Quận Dege, thuộc tỉnh Kham ở phía đông Tây Tạng, tháng trước đã về thăm gia đình cô sau 7 năm xa nhà. Như nhiều người Tây Tạng trốn khỏi Tây Tạng mà không giấy tờ hợp pháp mỗi năm vẫn đào thoát để ra hải ngoại tìm cơ hội học cao hơn, cô Palzom (tên đổi theo yêu cầu) đã thoát khỏi Tây Tạng tháng 6-2000, và được cơ hội học ba năm ở trường Sogar tại Dharamsala, nơi Đức Đạt Lai Lạt Ma đặt bản doanh chính phủ lưu vong.

Theo lời cô kể, để thăm Tây Tạng, bạn phải nộp đơn xin giấy

phép ở Tòa Đại Sứ Trung Quốc tại Kathmandu, kể chi tiết về gia đình của bạn ở Tây Tạng. Sau khi xác minh từ giới chức địa phương ở Tây Tạng nói đúng là có quan hệ gia đình, sứ quán TQ cấp một giấy nhập cảnh thời hiệu hai năm để đi lại trong Tây Tạng. Sau khi vào Tây Tạng, bạn cần ghi danh ở Trung Tâm Đón Tiếp tại thị trấn biên giới Dram, rồi tại Lhasa và cuối cùng tại quận nhà. Palzom nói những người ở Trung Tâm Đón Tiếp rất nồng nhiệt và giúp đỡ, nhưng cô nghi ngờ động cơ của họ.

Palzom tới Lhasa vào Chủ Nhật và may mắn là Chùa Jokhang, một trong các ngôi chùa linh thiêng nhất ở Tây Tạng, mở cửa cho du khách ngày kế tiếp. Sau đó cô mới biết chùa này chỉ mở cửa cho công chúng các ngày Thứ Hai, Thứ Tư và Thứ Sáu và chỉ từ 7AM tới 11AM thôi.

Palzom nói, "Nếu có tự do tôn giáo ở Tây Tạng, Jokhang nên mở cửa hàng ngày để cho dân Tây Tạng vào cầu nguyện tự do bất cứ lúc nào họ thích."

Sau khi ở ba ngày ở Lhasa, Palzom về nhà ở Quận Dege. Bị hấp hồn bởi vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Tạng trên đường đi, cô nói, "Tôi thắc mắc không rõ có nơi nào trên thế giới đẹp hơn Tây Tạng hay không."

Cô thấy quận nhà Dege đã biến đổi nhiều về hạ tầng kiến trúc: ngày xưa cô mất 6 ngày để đi từ Lhasa về Dege, bây giờ chỉ mất một ngày rưỡi.

Palzom nói, trước khi cô rời

Dege thì dân nơi đó hầu hết là nông dân và du mục, và sống cuộc đời đơn sơ, nhưng bây giờ hầu như không ai làm nghề nông và nuôi gia súc nữa. Cô được dân kể là theo chính sách đồn điền hóa và phải tàn sát toàn bộ gia súc nhằm bảo vệ môi sinh, và để ngăn cản nạn lụt ở lục địa Trung Quốc.

Đời sống dân Tây Tạng biến đổi vô lượng từ đó. Nếp sống đồng cỏ và nghề nông bị xóa bỏ hoàn toàn, và dân bây giờ phải sống gần như hoàn toàn bằng việc đi tìm dược thảo như loại Yartsa Gunbu [tên khoa học: Cordyceps sinensis], hay làm thợ xây cất, trong khi tiền chính phủ bồi thường khi tịch thu các thửa ruộng và đồng cỏ hầu hết đã xài trong hai năm là cạn. Loại dược thảo Yartsa Gonbu (Summer-grass Winter-worm) mọc hoang ở Tây Tạng và dùng làm thuốc Bắc ở đông y truyền thống kiểu Trung Quốc và kiểu Tây Tạng. Dược thảo nào có giá cao ở thị trường.

Palzom lo ngại về lâu dài, dân làng không sống nổi mãi như thế. Vì họ không có việc làm thường trực hay chuyên môn.

Trung Quốc ra lệnh cưỡng bách giáo dục 9 năm đối với tất cả trẻ em năm 2006, và áp dụng ở cả Tây Tạng. Nếu gia đình nào không đưa con đi học, thì tiền bồi thường đất ruộng có thể bị cắt giảm. Các khu trường mới xây trông khang trang ở Tây Tạng, nhưng phẩm chất giáo dục làm cô Palzom lo ngại. Cô được dân chúng kể là bên trong các trường thì

trông tròn, và giáo viên ngồi chơi mát chược trong trường. Nhiều dân Tây Tạng than phiền với cô là sau khi họ đưa con em vào trường hơn ba năm, các em vẫn không thể đọc và viết đúng đắn.

Gia đình Palzom thúc giục cô ở lại Tây Tạng luôn, nhưng cô từ chối vì "ngay cả khi tôi nói chuyện, tôi vẫn sợ hãi, vì người ta cứ nhìn khả nghi. Còn tuổi trẻ hầu hết đã cứ nói tiếng Trung Quốc cho dù các em thực sự là người Tây Tạng; hầu hết bọn trẻ, cả con trai và con gái lại cứ mê uống rượu, và cứ thích la cà các quán nhạc để hát xướng rượu chè. Người ta hỏi tôi xem nghĩ gì về dân Tây Tạng bây giờ; tôi nói với họ là, dân Tây Tạng đã nhậu say từ trước 1959 và bây giờ vẫn cứ say sưa. Cứ mọc lên hoài các quán rượu, sòng bài, ô mả dân; tất cả các thương xá do người Hán tộc làm chủ, cho dù là tôi đã lớn dậy từ nơi đó, tôi không cảm thấy thích sống ở đó nữa."

Tuy nhiên, cô thấy rằng tuổi trẻ Tây Tạng ở quê nhà cũng có biết về Đức Đạt Lai Lạt Ma và người Tây Tạng lưu vong. Cô ngạc nhiên thấy rằng các ca khúc của Phurbu T. Namgyal, như bản 'Kyo lhang lhang' và các bản khác lại được ưa chuộng và hát ngay cả tại một ngôi làng nhỏ ở quê cô.

Palzom, bây giờ ở cuối lứa tuổi 20s và đã trở lại Nepal, và cũng như nhiều người Tây Tạng lưu vong, cô cũng không hoàn toàn hạnh phúc tại Nepal. Cô ước mơ di dân tới Hoa Kỳ, nơi cô tin là sẽ có đời sống tốt đẹp hơn.

Đó là lời kể toàn bộ chuyện về thăm Tây Tạng của cô Palzom.

Điều chúng ta suy nghĩ nơi đây là về chính sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma: ngài lựa chọn cách làm việc nào để gìn giữ văn hóa và Phật Giáo Tây Tạng? Ngài có chụp mũ những giáo viên, bác sĩ trong Tây Tạng là đang tiếp tay nhà nước kèm kẹp dân

chúng không? Ngài có chụp mũ các vị sư trong các chùa thuộc giáo hội địa phương là sư quốc doanh hay không? Ngài có chụp mũ các hội từ thiện quốc tế đang vào Tây Tạng là tay sai cộng sản tiếp tay kèm kẹp người dân Tây Tạng hay không? Ngài có kêu gọi toàn dân tiêu thổ kháng chiến, kêu gọi đốt chùa, đốt trường, đốt bệnh viện trong Tây Tạng vì cho đó là các cơ sở quốc doanh tiếp tay cộng sản hay không? Ngài có kêu gọi xóa sổ các Phật học viện ở địa phương hay không?

Nếu bạn vào xem trang web của hội từ thiện Tibet Foundation (<http://www.tibet-foundation.org/news/newsitem.php?NewsStory=106>) ghi lời cựu bộ trưởng trong chính phủ Tây Tạng lưu vong của Đạt Lai Lạt Ma Rinchen Khando Choegyal (hiện là Giám Đốc dự án Tibetan Nuns Project tại Dharamsala) cho biết hội không chỉ giúp người Tây Tạng lưu vong mà còn giúp cả cho nền giáo dục và y tế trong nội địa Tây Tạng và còn kêu gọi quốc tế giúp xây trường học ở đó:

"Cả dân Tây Tạng lưu vong và dân Tây Tạng trong Tây Tạng cần giúp từ cộng đồng quốc tế. Tôi nghĩ cực kỳ quan trọng là phải lo chăm sóc các cơ sở y tế và giáo dục trong Ấn Độ và bên trong Tây Tạng như là cách duy nhất để thiết lập một đất nước mạnh hơn mà nước này sẽ cho hy vọng tới toàn thể người Tây

Tạng. ("Both exiled Tibetans and Tibetans inside Tibet need help from the international community", said Mrs Rinchen Khando Choegyal, who is currently the Director of Tibetan Nuns Project in Dharamsala. The former minister stressed, "I think it is very important to look after the health and education facility in India and inside Tibet as it is the only way to build a nation stronger which gives hope to all Tibetans.")

Và bên trong Tây Tạng, các cơ sở của Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn hỗ trợ nhiều dự án giáo dục và y tế. Ngài không hề chụp mũ ai là sư quốc doanh, mà vẫn giúp trong mọi cơ hội để phục vụ toàn dân của ngài, song song với cuộc chiến đòi quyền tự trị cho dân tộc Tây Tạng.

Tuy nhiên, nếu bạn là người Việt hải ngoại, và bất kể có là linh mục, mục sư hay tăng ni, ngay khi kêu gọi từ thiện y tế hay giáo dục cho dân nghèo trong nước thì sẽ bị chụp mũ là tiếp tay quốc doanh, là tiếp sức cộng sản ngay. Đó là điều các bạn đã thấy, và đang thấy.

Điều cực kỳ khó cho người hải ngoại chính là làm sao để đi giữa những lần ranh đó để việc làm thuận lợi hơn, để giúp cho người dân trong nước cụ thể, và để không ngừng gây ý thức về một nền văn hóa phi cộng sản. Có phải chăng quê nhà đã thật xa, cả trong tâm thức của chúng ta?

(Việt Báo Chủ Nhật, 10/14/2007)



Điện Phật Trầm Mông Lung*

Uyên Nguyên

1.

Tất cả, bị ném vào khoảng không tịch lặng, nó đáng sợ như từng cơn ác mộng cho những ai, còn Ông thì vẫn thản nhiên ngồi bên chung trà lịm khói mỗi buổi sáng sương mai gió lạnh, vuốt tờ hoa và nhẹ tay nâng bút.

Mặc!!!

2.

Bây giờ, không còn gì ý nghĩa hơn sự im lặng giữa những náo động từ thế giới bao quanh. Thân xác này là sương mai, ánh chớp, mây chiều, nhưng *tâm tư đâu là gỗ mục*, nên Ông đã hơn một lần quên mình say yếu, để ủy thác phận đời vào đường lịch sử bốn ngàn năm dợn sóng.

*“Quê hương ơi mấy ngàn năm máu lệ,
đôi vai gầy dẫu trơ cả mùa xuân”*

(Tuệ Sỹ)

3.

Rồi, từ trong khoảnh khắc tĩnh lặng của *núi lạnh* và *biển im muôn thuở*, chỉ còn chẳng tiếng cười vang động của người Ấn sĩ, thăm thẳm ngân lên từ đỉnh đá dừng sừng, hay ngút ngàn rền vang như bài kinh Bát Nhã vô tướng vô sở vi giữa Điện Phật trầm mông lung.

Há, chỉ một cổ nhân thi sĩ Họ Bùi mới hiểu được cái cốt cách thần di hồn dịch này sao, mà viết: *“với riêng mình (Ông) không thiết chi chuyện nói”* (đi vào cõi thơ Tuệ Sỹ)?

Hay như hiện tiền Lão Đại Phạm Công Thiện đã khép kín cửa Am, mà may ra vẫn còn *“trực nhận đâu đó cái khí phách và thần dụng băng lãnh của nghịch hành thiền”* (hai vị thiền sư).

4.

*Tắm lòng nhà đạo như nước phẳng
rọi bóng chìm nổi của cõi đời*

(Tô Đông Pha)

Hoa Đàm thư quán
16.10.2007

TƯƠNG QUAN HAY CHẴNG LÀ GÌ

Toại Khanh

Chia lia, phân cách hình như lại cũng là một cách thể tồn tại của vạn hữu. Nguyên tắc đó có nói một đời cũng không hết, nhưng đầu mỗi của nó nhiều khi chỉ là một chuyện nhỏ, rất nhỏ. Chuyện có thể bắt đầu từ một ngày mưa nhân gian trên con phố đầy ấp thiên hạ. Biết bao là những riêng tư, lạc lõng, côi cút đang quện lấy nhau giữa cái biển người trùng điệp đó dưới một cơn mưa mù trời vốn cũng được làm nên từ những giọt nước rời rạc tự trời cao.

Vậy rồi hai mảnh hồn đơn chiếc đó gặp nhau trong mấy phút trú mưa. Hai mảnh đời, hai hoàn cảnh, cùng vô số tâm cảnh, tâm thái trong hai sinh vật bỗng tìm ra chỗ gắn kết hợp lý rồi thì một cuộc tình với những phút giây quấn quít xoắn chặt biến hai thành một. Từ muôn thuở, côi người ta này đã nên hình nên vóc từ những ghép nối kiểu đó để đem những món rời rã về lại với nhau và làm nên cuộc đời tương sinh tương khác.

Hàng tỉ hình hài đã được tạo sinh từ những giọt máu, những cuộc tình. Chúng đã rời cha mẹ về với mẹ, và xa mẹ để đi với đời rồi tự tìm về những định phận chẳng cái nào giống cái nào. Tuổi vô tri, người ta cần đến những dẫn dắt kiểu tay nắm tay. Ngày khôn lớn, rời tổ ấm, người ta thành ra những cánh chim đôi khi quên mất lối về. Vậy rồi vòng quay cũ lại được tái hiện, những lẻ loi đơn chiếc vừa được khai sinh trên những dặm đời. Niềm tin, nhận thức, lý tưởng, hành động... vẫn mãi hoài xô

đẩy thiên hạ ghé ngang những trạm dừng, lâu mau bất định. Về với Đây thì phải xa cách Đó. Rồi gì cũng là những cuộc chơi, duyên tình đôi khi chỉ là vài hôm dăm bữa hay được mười năm phù vân rồi thì sóng nước nhân gian, có thể vô tình hay hữu ý, lại bằng cách này hay cách khác xé rời những vòng tay để mở rộng cái gọi là vòng xoáy trầm luân.

Phật dạy trên đời tuyệt không thể có cái gì hiện hữu độc lập như một thực tại duy nhất. Nó chỉ là nó trong mối tương quan với bao thứ khác. Từ đó vạn hữu là một chuỗi dài tương tiếp của muôn thứ sai biệt. Và đã là sai biệt thì tương quan giữa chúng không phải lúc nào cũng tuyệt đối là tương sinh hay tương khắc. Đây lại cũng là một nguyên tắc nữa của vạn hữu. Và chính vì mọi thứ luôn biến tướng không ngừng nên chúng phải cần đến những tác động khác nhau để sinh diễn tương thích. Nuôi dưỡng, hỗ trợ hay tàn phá, xung đột nhau đều là những cách tác động. Từng tác động có một ý nghĩa khác nhau: Giúp nhau duy trì cái cũ hay hình thành cái mới. Chuyện tốt hay xấu, nên hay đừng ở đây quả là khó nói. Vì vạn hữu là chỗ cộng hưởng của những sai biệt nên mọi định nghĩa về chúng phải nằm trong một chữ TÙY DUYỄN. Đúng chỗ, đúng lúc thì thôi. Và cũng chính ở ý nghĩa sai biệt, sự lựa chọn của muôn người thiên hạ khó bề giống nhau, dù nhiều lúc trên hình thức ngó như chẳng khác. Từ đó, mọi đánh giá lớn nhỏ, đúng sai, khinh trọng, sướng khổ trên đời hẳn là phải xét lại thôi.

Tôi đã bắt đầu bài viết này bằng cuộc gặp gỡ xem ra chẳng đáng gì của một đôi nam nữ với dụng ý gì? Xin thưa, cũng nhằm vào điều vừa nói ở trên. Trong mối tương quan trùng điệp của vạn hữu, ta khó lòng nói cái gì lớn hay nhỏ khi chúng hoàn toàn có thể là chỗ bắt đầu của một tí vấn đề. Chợt nhớ câu thơ lục bát của ai đó thiết đúng chỗ cho điều đang nói. Giá như hôm ấy đừng mưa, giá như hôm ấy đừng đưa em về. Phải mà, ta ngẫm kỹ lại xem, nếu chẳng có cái ánh mắt, nụ cười của ai đó bên bờ ao bụi chuối hay tiếng thầm thì trên một ghé đá công viên nào ấy mười năm trước thì tình hình thế giới hôm nay rõ ràng đã không như ta đang thấy. Năm bảy chục năm trước có trời mới biết một đứa bé vô danh nhỏ xíu nào đó hôm nay trở thành mối lo của toàn nhân loại hay chỗ dựa tinh thần cho hàng tỉ người trên hành tinh. Thực ra bản thân đứa bé ngày ấy cũng chẳng có gì đáng nói nếu không kể đến những điều kiện nuôi lớn tâm hồn nó gồm những gì được nghe, thấy, học, đọc từ thiên hạ.

Nếu ngay bây giờ có ai hỏi tôi về cảm nghĩ đối với thế giới hay hẹp một chút là tình hình Phật giáo hiện tại, tôi sẽ trả lời không ngần ngại bằng ba chữ: *Phải vậy thôi!*

Tôi dĩ nhiên không muốn thấy ai buồn, và càng không muốn thấy những gì mình cho là tốt đẹp lại bị đe dọa. Nhưng rõ ràng mọi sự không thể tồn tại mà không thay đổi, và cái gọi là điều thiện cũng không thể hiện hữu nếu cạnh nó không có cái ác,

chúng giành nhau cái ghế thượng phong. Chuyện đơn giản là ai cũng muốn có cảm giác mình là kẻ cầm trịch trong những cuộc biển dâu dù

chuyện đó đến nay hình như vẫn chưa ai làm nổi. Và đâu là lá chuối-lá bàng hay lá me-lá trúc, ai cũng là một chiếc lá trên sông cả thôi. Chỉ

thương cho những người thơ ngây tin lời quỷ mị mà bỏ hết một đời cho những chiếc lá Diêu Bông...

Onceland Oct.5, 07

Thơ VŨ TIẾN LẬP

Mưa phổ độ

*Ngư ông về hải ngạn
độc tấu ca khúc buồn
chiều chết đắm trong không gian hẹp
húng hắng gió đi qua
những ô mềm sợi nhỏ
vĩ cầm chơi vơi vùng cổ bản
như gọi thầm giấc ngủ
tôi thấp vội
chiều vẫn còn rờn rã
mưa rơi.*

Hương cổ điển

*Môi đầm thắm
khói thuốc giục cảm
lượn múa giữa thình không
đêm ôm gọn quả trăng tròn lẳng
thở làn hơi thoa mờ mặt nguyệt
bới sâu vào vùng quá vãng
nhặt ra những hình hài mất tích
cũ kỹ và ám màu cổ điển
tôi đóng đưa trái tim trong gió
cùng trăng đi giữa trời
hiếu ra màu trắng đến tuyệt diệu
nhưng có điều
chốn nào mây ẩn thân.*

Tháng mười

*Hồ như là tháng mười
mưa chưa về nghe đã lạnh toàn thân
về thành phố chỉ thấy nhớ nhưng chất chứa
và trời sao cát muộn màng nói gót
đêm vẫn chưa từ bỏ mộng
như cô buồn chưa rời xác thân em
đêm chia nhau từng nỗi khổ
nhớ trắng xưa và môi hôn năm cũ
tôi gọi tên em từng bước trở về nhà*

Ý thu

*Ngược phoi đôi mắt nắng chập chùng
vội vã biên xa những cánh bay
bâng khuâng thị tứ xanh giòng nhạc
lạc tiếng ve sâu thoảng gió thu.*

Mưa

*Nhạc như chiều mưa ngoài hiên vắng
con nhện giật mình rung những tơ
hoang mang một bước chân nào đó
quay lại trần gian thấy trắng ngần.*

NHÂN CHỨNG

Ngô Nguyên Dũng

Thầy ký giả Huy Sơn vừa đạp xe lộc cộc trên đường đất khô cứng lồi lõm, vừa làm bầm chữ rửa: "Tô bà nó, bộ mình tới số cùng đỉnh mặt vận hay sao mà bị đẩy về đây điều tra cái chuyện dị hợm này. Có cái cục đá mà làm như là Phật bà giáng trần không bằng!"

Và thầy nhớ lại cái tin động trời của đặc phái viên miệt Tiền giang đánh dây thép gửi lên Sài gòn tuần trước: "Ở làng P. có cục đá bự từ trên trời rớt xuống, mười người ôm không xuể. Hình và bản tin sẽ gửi hoả tốc lên sau." Cả toà soạn, ai cũng xôn xao. Vài bữa sau, ông chủ nhiệm nhận được một phong thơ dày cộm. Ông xé ra coi qua loa rồi chuyển cho ông chủ bút, không quên ghim theo tờ giấy đề mấy chữ: "Tin sốt dẻo, cho chạy gấp chiều nay." Mọi người chực chờ bóng ông vừa khuất sau tấm bình phong lấm lem mực in, sau đó là tiếng xe vét-pa nổ "bịch, bịch", là vội vàng chạy lại, bu quanh bàn ông chủ bút. Ông ta cầm mấy tấm hình, ngó sơ qua rồi chuyển cho mọi người cùng coi. Hình chụp một cục đá xám xỉ xám xỉ nằm chình ình giữa đồng không mông quạnh. Nếu thấp thoáng xa xa không có hàng dừa nghiêng nghiêng và vài nóc nhà lá, người ta có thể nghĩ là hình chụp phong cảnh miền tây nước Mỹ. Có người chất lưỡi trầm trồ:

- Trời, ngộ quá hén! Tự nhiên từ trên trời rớt xuống một cục đá to chẳng.

Người khác chen vô:

- May mà không rớt trúng nhà dân hay nhằm chỗ thị tứ...

- Ờ, ờ, rớt kiểu đó có nước chết

chùm cả đám.

Thầy ký giả Huy Sơn buột miệng:

- Tui thấy chuyện đá từ trên trời rớt xuống cũng bình thường thôi.

Một người cãi:

- Bình thường chỗ nào? Năm thì mười hoạ mới xảy ra, chớ có phải hằng ngày, hằng tháng đâu mà bình thường?

Thầy ký giả cười nhẹ, ôn tồn giải thích:

- Anh chưa nghe tui nói hết ý. Bình thường là như vậy, đá ngoài vũ trụ mà người ta gọi là vụn thạch, vụn lọt vô tầng khí quyển rồi rớt xuống mặt địa cầu hoài đó chớ, tại mình không biết đó thôi. Biển chiếm khoảng hai phần ba mặt đất; nước Mỹ, nước Gia-nã-đại, nước Nga lớn gấp mấy chục lần nước mình, tính theo tỷ lệ lẽ dĩ nhiên vụn thạch rơi nhằm biển và mấy quốc gia đó thường hơn. Vậy mà cục vụn thạch này lại nhè miệt lục tỉnh mà giáng, đó mới là chuyện lạ đời, hiếm có.

Một người lên tiếng hỏi:

- Mà tại sao đá ngoài vũ trụ lại rớt vô trái đất mình nhiều dữ thần vậy anh Huy Sơn?

Thầy ký giả gãi đầu, moi óc nhớ lại mới kiến thức trung học của mình:

- Ờ,... ngoài không gian đâu thiếu gì vệ tinh và đá vụn, phát sanh từ các phản ứng hoá học gây tiếng nổ, chớ đâu phải chỉ có các hành tinh trong thái dương hệ mà mình biết. Những mảnh đá bê, lớn có nhỏ có, bay lang thang hoài huỷ ngoài vũ trụ mênh mông. Rồi hoàn toàn ngẫu nhiên, có vài mảnh chọc thủng quỹ đạo địa cầu, bị hấp lực của trái đất hút xuống. Chúng rơi mau lắm, cọ sát

với vật chất của bầu khí quyển, phát nhiệt, loé sáng như một cục bông gòn tẩm lửa. Người có học gọi đó là hiện tượng sao băng. Còn giới bình dân, người ở thôn quê thì kêu là bà giáng. Thấy bà giáng mà không bắt ăn, niệm chú thì bà giận, bà bắt sanh bệnh dễ như chơi.

Mọi người cười ồ.

Tờ báo loan tin "đá rớt" hôm đó bán chạy như tôm tươi. Ông chủ nhiệm thấy đề tài ăn khách, cần đào sâu thêm nên bàn với ông chủ bút, phái một người xuống làng P. coi hư thực ra sao, rồi viết bài điều tra, phỏng vấn các nhân chứng để câu độc giả. Ông chủ bút thấy ký giả Huy Sơn coi bộ rành rẽ chuyện sao băng, sao chổi, nên đề nghị ngay thầy. Ban đầu thầy ký giả không chịu đi, viện cớ là toà soạn đã có đặc phái viên lục tỉnh rồi thì kêu người ta viết bài gửi lên, cho thầy đỡ mất công xuống dưới đó. Nhưng ông chủ nhiệm không tin tưởng cái anh chàng đặc phái viên này cho mấy. Ông chủ bút còn chêm vô, cái thằng gì mà dốt đặc cán mai, viết bản tin đầy lỗi chánh tả, làm tui sửa thầy mụ nộ. Thấy coi bộ từ chối không xong, thầy ký giả Huy Sơn đành gật đầu ưng thuận, kèo nài xin thêm tiền cà-phê thuốc lá, còn ra điều kiện, kêu toà soạn đánh dây thép xuống dưới đó, nhờ anh chàng đặc phái viên bỏ công kiếm giùm mấy nhân chứng cho đỡ mất thì giờ.

Rồi, như đã hẹn sẵn, chiều hôm đó đặc phái viên Long Hồ ra đón thầy ký giả Huy Sơn tại bến xe đò lục tỉnh. Hai người kêu xe lỏi về nhà. Ký giả Huy Sơn gọi chuyện:

- Ngoài chuyện làm báo, anh còn làm nghề gì khác không?

- Có chứ anh, tui lo mấy việc ăn tổng kinh Phật, quay ronéo bài vở cho trường trung học ở đây và các loại ăn lót linh tinh. Tiền bạc không được bao nhiêu, nhưng đủ sống.

- Còn việc ông chủ nhiệm nhờ anh truy giùm coi có ai thấy tận mắt chuyện đá rớt không, tới đâu rồi?

Đặc phái viên Long Hồ nói như kể công:

- Nhận được tờ điện tín, tui bắt tay làm liền. Tui cho quay ronéo vài trăm tờ giấy tìm người mất thấy tai nghe vụ đá rớt hôm đó, rồi nhân ngày nhóm chợ ở làng P. tui mượn tui nhỏ phân phát tận tay bà con. Tui còn sợ nhiều người không biết đọc, nên sai mấy thằng nhỏ vừa phát vừa hô lớn: "Nhà báo tìm người thấy đá rớt để phỏng vấn, trả công hậu." Vậy mà...

Người đàn ông chột ngưng ngang. Ký giả Huy Sơn hỏi thúc:

- Mà cái gì?

Đặc phái viên Long Hồ thở dài:

- Vậy mà cho tới giờ này, chỉ có một người liên lạc với tui mà thôi.

Ký giả Huy Sơn sáng mắt:

- Tui còn sợ là không có ai nữa đó. Anh biết mà, dân quê mình còn nặng đầu óc hủ lậu, mê tin dị đoan, sợ đụng chạm tới vong linh người khuất mày khuất mặt, đâu ai dám khai là mình thấy bà xẹt, đá rớt trên nhật trình. Mà anh hẹn với người đó ngày giờ ra sao?

- Trưa mai, sau giờ thọ trai.

Ký giả Huy Sơn ngạc nhiên kêu lên:

- Ủa, bộ người đó là thầy chùa à?

- Đúng vậy. Ông ta là sư cụ trụ trì chùa Tịnh Độ ở làng P. này.

Thầy ký giả chau mày, lầm bầm:

- Ngộ hén, ngộ hén!

Về tới nhà, sau khi tắm rửa, com nước xong xuôi, đặc phái viên Long Hồ chỉ vẽ đường đi nước bước cho ký giả Huy Sơn tới gặp sư cụ. Anh cho thầy ký giả mượn chiếc xe đạp

cũ làm phương tiện di chuyển, còn dặn dò thêm:

- Con ngựa sắt của tui đó ghê anh! Nhớ khoá lại cẩn thận mỗi khi đi đâu. Ờ, nếu sợi dây sên sút ra thì anh mở cái hộp thiếc gắn dưới yên xe, rút nùi giẻ mà ráp lại cho khỏi dơ tay.

Hai người ngồi ở mái hiên bên hông nhà, ngó ra con rạch mênh mông bóng tối. Anh Long Hồ khêu ngọn đèn dầu thêm sáng, sai vợ đốt khoanh nhang xua muỗi đặt dưới gầm bàn, rồi tự tay pha bình trà ướp bông sứ ra đĩa khách. Đêm ở chốn này xuống thiệt mau. Mới đó mà hai thân dựa cong oằn xuống dòng rạch, bụi chuối già cổ tửa toi, cây ô môi lưa thưa vài chùm bông hường chỉ còn là những chiếc bóng đen kịt in lên nền trời xanh thẫm. Những ngôi sao chớp tắt ở trên cao. Quay tim vàng trắng, ký giả Huy Sơn thấy nó treo lơ lửng giữa đỉnh trời, nhỏ bằng cái đĩa con, toả vòng ánh sáng lọt lạt như bốc khói. Côn trùng cũng bắt đầu ra rả.

Thầy Huy Sơn vừa nhóp nhép chuối khô với trà bông sứ, vừa lơ là nghe đặc phái viên Long Hồ thao thao bất tuyệt chuyện săn tin và phát hành báo ở miệt lục tỉnh. Tới một lúc, ký giả Huy Sơn không còn chú tâm lắng nghe được nữa, đầu óc bắt đầu nghĩ ngợi vòng vo. Anh nhớ nhà, nhớ đèn điện phố thị, nhớ khung cảnh náo nhiệt của Sài Gòn Chợ lớn về đêm. Bất thần, giữa cảnh tượng sống động ồn ào đó, hiện lên một tảng đá khổng lồ nằm chắn lối. Chương ngại vật của cuộc đời, thầy ký giả lâm bầm, đúng là chương ngại của cuộc đời, không còn sai trật chỗ nào nữa. Khi không từ trên trời rớt xuống một tảng đá chình ỉnh giữa đồng trống, bắt thầy cực khổ mò xuống tận chốn điu hiu hút gió này, còn buộc thầy phải suy gẫm về cái minh mông của vũ trụ và căn nguyên của con người.

Thầy ký giả Huy Sơn lên tiếng hỏi một câu không ăn nhập vô đâu:

- Anh nghĩ gì về khối vắn thạch từ trên trời rớt xuống?

Anh đặc phái viên ngo ngoác:

- Cái gì? Khối vắn thạch nào? Ờ... ờ, anh muốn nói tới tảng đá rớt nằm ngoài ruộng đó hả? Hừm... tui nghĩ theo tây học anh à! Lúc nghe tin ấy, tui lật đặt đạp xe tới coi, chụp hình rồi viết bài gởi lên toà báo như anh biết đó. Tui còn giờ sách khoa học ra dò nữa. Theo tui, đó chỉ là chuyện tình cờ, hoàn toàn tình cờ như mình đang đi dưới tàn cây rậm rạp, bị chim ia một cục trúng đầu vậy mà.

Ký giả Huy Sơn bật cười ha ha. Tiếng cười loang rộng, dội lớn trong dòng hồi tưởng, khiến thầy ký giả đang gò lưng đạp xe trên lộ đất chang chang nắng ban trưa, cũng phải mở miệng cười thành tiếng. Thầy cảm thấy khoan khoái ngang xương, lòng bùng lên nổi nồn nóng muốn biết sư cụ có ý kiến gì về hiện tượng hân hữu này. Vài lỗ chum trâu nằm chắn ngang lòng đường ồm. Ký giả Huy Sơn bẻ tay lái lách qua. Không biết vụng về làm sao mà thầy cảm thấy hai chum đạp đột ngột lỏng lẻo. Chiếc xe già nua chậm lại. Thầy cúi xuống dòm, thấy sợi dây sên sút khỏi đĩa răng cưa, cạ vô ống quần ka-ki màu xám tro, quệt một đường đen thui.

Thầy ký giả thẳng xe lại, nhảy xuống, lau bầu: "Đúng là đồ lô-can, mới chạy có chút xíu mà đã sút cùi văng néo rồi!"

Mồ hôi thầy rịn ra ở chum tóc. Thầy thở dài, dắt xe vô hàng cây so dừa ven đường, tìm bóng mát. Vừa dựng xe bên thân cây, từ trong khu vườn rậm lá, có tiếng chó sủa inh ỏi. Ký giả Huy Sơn giật mình, quay mặt thấy bên kia mương, một con chó vàng ngổng đuôi, vảnh tai, há miệng sủa thành tràng.

Ký giả toan dợm chum, dẫn xe vọt lẹ thì nghe tiếng con gái gọi lớn:

- Mè! Mè! Có im không?

Con chó vẫn li lợm sủa tiếp. Thầy ký giả bực mình, cúi lượm cục đất

khô, quăng trúng bụng con chó. Con vật kêu cái "ăng" rồi co giò lùi mất.

- Nó ư sủa bậy, chó chưa cắn ai bao giờ, sao thầy chọi nó làm chi, tội nghiệp!

Giọng con gái ban nãy, bây giờ chỉ cách thầy một rãnh nước hẹp. Ký giả Huy Sơn lúng túng:

- Xin lỗi cô, tui sợ nó phóng qua mương bắt từ nên liệng ầu, quên tuốt câu "chó sủa, chó không cắn."

Thầy khuôn mặt đỏ lửng, lăm lăm tấm mồ hôi của người đàn ông lạ trong chiếc áo bốn túi cùng màu, cùng loại vải với cái quần dính nhót dơ hầy, cô gái lộ vẻ thương hại, hỏi:

- Xe đạp của thầy hư sao đó?

- Tuốt dây sên cô à.

Người con gái nhỏ nhẹ:

- Nếu thầy không ngại, mời thầy vô nhà ngồi nghỉ mệt, sửa xe rồi đi tiếp.

Ký giả Huy Sơn nheo mắt ngó con đường tấm mình trong cái nắng đứng ngó, liên tưởng băng quơ tới cảnh già lam âm thấp đây bóng tối cổ kính. Một vùng mây êm ả lan tới, toả bóng mát trong lòng thầy, gây cảm giác nhẹ băng khoan khoái như ruộng đất khô vừa hứng lấy những giọt mưa đầu mùa. Thầy lễ phép đáp:

- Dạ, nếu không làm phiền cô.

Cô gái mau mắn:

- Thầy đi độ một trăm thước, hết hàng so đũa, sẽ thấy lối quẹo vô nhà bên tay phải.

Theo lời cô gái, ký giả Huy Sơn dắt xe vô vườn nhà có cây mít cổ thụ ở bên trái. Bên phải là vườn cam sành bắc dọc ngang những cây sào tre. Để ý dòm, thấy từng đàn kiến vàng xếp hàng bò qua lại. Vườn cây rải bóng lên mặt đất đầy xác lá, lơ thơ cỏ mọc. Tàn mít xoè những bàn tay rậm lá, che ngang lối đất lót hai hàng gạch tàu rêu mọc lổ chỗ.

Thầy ký giả thấy con chó có cái tên Mè kỳ cục bị cột vô gốc ổi cạnh sào nước dựng hai cái lu lớn, đang cố dăng sợi dây xích, hai chum chòm tới trước, hung hăng sủa. Trên nền

nhà đắp cao, cần gạch nung, một người đàn bà luống tuổi bước ra, giọng vồn vã:

- Chào thầy, thầy dựng xe đâu đó, rồi mời thầy vô nhà uống nước.

Ký giả Huy Sơn ngạc nhiên, thắc mắc thâm vì thái độ vồn vã của người lạ, sức nhớ tới bản tính hiếu khách của người dân miệt vườn, nên thầy rút khăn chấm mồ hôi rịn trên trán, mỉm cười đáp:

- Dạ, cảm ơn lòng tốt của bác và cô...

Thầy ngập ngừng. Người đàn bà lệ miệng:

- À, nó tên Út. Nó vừa cho tui hay là có mời thầy về nhà, nói là chiếc xe đạp của thầy hư sao đó.

Ký giả Huy Sơn bước lên bậc tam cấp, nới gót người đàn bà đi vô phòng khách. Bằng cặp mắt nghề nghiệp soi bói, thầy ký giả nhận ra ngay đây là một gia đình thượng lưu quá thời thịnh mãn. Nhà hai gian, mái ngói âm dương, tường vôi, nền lót gạch bông. Trên mái, dưới chum tường, nhiều chỗ rêu bám, khiến mặt tiền ngôi nhà mang vẻ cổ xưa. Trước cửa dựng cặp voi sứ trắng men màu mè hực hỡ, chung hai chậu bùm sùm uốn hình con lân thiệt khéo. Trong nhà, bên phải là bộ ngựa, ván dày cả tấc. Một cái bàn cao căng bày cái giò mây mà mấy bà già dùng đựng trâu cau, và một khay trà. Bộ bàn ghế khảm xà cừ đặt giữa nhà. Bên trái, tủ kiếng bày ly tách pha cà-phê viền vàng viền bạc và chén đĩa cổ ngoạn kê trên đế gỗ. Cạnh đó, cái độc bình cao cả thước, cắm thân cây giò cảnh trơ trụi, khô khốc, ngó như cái gạc của một con hươu già. Trên bệ cửa sổ lá sách mở bung, nắng rọi sáng một cây kiếng lùn có chòm rễ nhô lên, như những ngón tay ôm cổ quơ quào bầu lấy khoảnh đất khiêm nhường trong chậu hẹp. Sau chiếc bàn rộng, một tấm bình phong cần xà cừ phong cảnh Vạn lý trường thành với mây giăng, núi đồi chập chùng và một cội liễu rũ làm phong. Khuất

đằng sau, le lói ánh đèn dầu, thứ ánh sáng thường thấy trên bàn thờ Phật hay thờ ông bà.

Nhưng mọi chỗ, thầy đều nhận ra bộ mặt sang trọng gương gao què mùa cổ lỗ. Tấm kiếng lót cửa tủ búp-phê đã đục ngẫu. Dưới mái nhà, quanh mấy cây sà ngang, thầy giăng vài cái mạng nhện và bồ hóng bám đầy. Lại gần, thầy ký giả nhận ra lớp vỏ xa cừ cần bộ bàn ghế và tấm bình phong đã long tróc nhiều nơi. Luồng nắng soi qua khung cửa vương đầy bụi, thứ bụi mà mấy người viết văn, làm thơ vẫn gọi là "bụi thời gian" đó mà! Ký giả Huy Sơn nghĩ bụng, rồi ngồi xuống ghế theo lời mời của gia chủ. Đoạn, bà dạy vô trong, kêu:

- Út à, bụng nước ra mời thầy ký giả đi con!

Ký giả Huy Sơn giựt mình hỏi:

- Úa, sao bác biết cháu là ký giả?

Người đàn bà cười xoà:

- Ở cái làng P. nhỏ xíu như cái chợ chòm hôm nầy, có người lạ tới hôm trước là hôm sau cả làng đều biết. Nhứt là có nhà báo từ Sài gòn xuống để điều tra chuyện cục đá trời cho, thì càng đặc biệt hơn nữa.

- Vậy là...

- Đúng đó thầy! Biết là trưa nay thể nào thầy cũng tới chùa Tịnh Độ, nên tui sai con Út rình đón thầy ngoài vườn chuối đó chớ.

- Hèn chi!

- Cũng ngộ, trời xui đất khiến sao mà chiếc xe đạp của thầy hư chỗ nào không hư, nhè ngay trước miếng đất nhà tui mà sút dây sên.

Lúc đó, từ sau tấm bình phong, cô Út bụng khay trà bước ra, đặt lên bàn. Gương mặt cô không còn nét dạn dĩ lúc nãy mà ửng hồng mắc cỡ, khiến thầy ký giả Huy Sơn tưởng như mình đang đi coi mắt vợ tương lai.

Cô gái rót trà ra chén hột mít, lớn lên nói: "Mời thầy," rồi bụng khay trống rút xuống nhà sau. Hương trà sen thơm ngát. Một cảm xúc không tên, rất thi vị, nhè nhẹ lan tới.

Má cô Út nhân dịp ấy, mở giỏ trâu, tằm vôi, gọt cau, bỏ vô cối con, ngồi ngoáy thoi thả. Thầy ký giả nâng chén trà, thổi nhẹ. Đột khối mỏng tan biến vào không gian tĩnh mịch. Đột ngột thầy thoáng thấy một chiếc bóng màu xám hiện dưới đáy chén trắng men màu cẩm thạch non. Ban đầu, thầy tưởng đó là vòm mắt mình. Dòm kỹ, thấy giống một vùng trắng trong veo màu xám trắng, lồi lõm những miệng núi lửa. Thầy nhắm mắt hóp một ngum. Vùng trắng khuyết một mảnh. Ký giả Huy Sơn nhủ thầm, uống hết chén trà, mình sẽ nuốt trọn mặt trăng vô bụng, nhốt kín một phần vũ trụ trong dạ dày. Trăng sẽ bị bóp nát như, tan nhuyễn trong dịch vị. Một phần ngấm vào máu, nhập với cơ thể thành một. Phần khác sẽ trôi xuống ruột non ruột già, và...

- Thầy nhà báo à!

Ký giả Huy Sơn quay sang người đàn bà, miệng "dạ, dạ".

- Để khỏi làm mất thì giờ của thầy, xin phép thầy cho tui bắt đầu câu chuyện. Thiệt ra, tui sai con Út rước thầy về nhà để tui có dịp kể thầy nghe về cái đêm đã rồi...

Người đàn bà ngưng lời, mở hộp thiếc con, rút nhúm thuốc rê vo tròn, gắn lên mép. Rồi bà rút một chum lên vẩn, đặt tay lên đầu gối, nói mà cục thuốc vẫn không vượt khỏi miệng:

- Tui có tật mất ngủ. Vô buồng ngủ lưng chừng vài tiếng là tui thức dậy, trần trọc tới sáng. Khuya đó cũng vậy, tui bừng mắt lúc trời còn tối mịt. Nằm một chút, tui mắc tiểu, mới cầm cây đèn dầu đi ra nhà sau. Con Mè quấy đuôi quần theo chum tui ra tới bến sông. Tui máng cây đèn dầu trước cửa nhà cầu. Lúc bước ra thì thấy ngọn đèn tắt ngúm từ hồi nào, lắc lắc thì biết là vẫn còn dầu. Chắc tại tui quên vặn tim đèn, chớ cây đèn có ống che, gió nào thổi tắt. Rồi thầy biết sao hông? Con chó chột chạy lại, cúp đuôi nằm sát rạt dưới chum tui, miệng kêu "ắc, ắc", đầu chĩa về

hướng ruộng. Tui quay phắt lại, thì... trời thần đất địa ơi, một cái gì bự lắm, chiếu hào quang xanh lè, từ trên trời rớt xuống thiệt lẹ. Tui rụng rời tay chun, buông cây đèn xuống đất. Tay tui bắt ấn, miệng niệm "nam mô A di đà Phật" lung tung xà bần. Tui nghe rõ ràng một tiếng "bịch" từ xa vang lại, y như có ai cầm cái dùi không lồ nện xuống mặt đất vậy. Đất dưới chum tui rung rinh, tui co giò chạy một mạch vô nhà, hồn vía lên mây hết tron hết trội.

Kể tới đó, người đàn bà ngưng tiếng, giờ tay đẩy cục thuốc từ mép môi này qua mép môi kia. Ký giả Huy Sơn đã rút ra quyển sổ con, lấy viết ghi chép lia lịa.

Thầy hỏi:

- Ngay khi bác thấy vật lạ trên trời rơi xuống, bác nghĩ đó là cái gì?

- Ờ... thì... bà giảng, bà xet chớ còn gì nữa! Ở miệt ruộng này, đêm nào tốt trời, sao mọc đầy nghet; nếu rảnh tay rảnh chun, ra ngắm một hồi, tui cam đoan với thầy, mình sẽ thấy bà xet. Người nào lẹ miệng, lên tiếng khẩn vái, sẽ được toại nguyện.

- Lần đó bác có cầu trời được chuyện gì không?

- Chèn ơi, hông có kịp thầy ơi. Nói thiệt thầy nghe, bà hiện mẽ này gần quá, khít rịt trước mặt làm tui hoảng, đầu còn hồn vía nào mà khẩn với vái.

- Rồi sau đó bác có ra coi tận mắt cái hiện tượng bà xet không?

- Có chớ thầy! Ngộ lắm, bà xet thành một cục đá nằm giữa ruộng. Trẻ con rắn mắt, leo lên đó giỡn hót, không sợ bà quở. Tui không dám rồi đa!

- Sự kiện này có làm bác thay đổi ý kiến về mấy chuyện mê tín bà xet, bà giảng không?

Người đàn bà cao giọng:

- Thầy nghĩ sao mà cho đó là chuyện mê tín dị đoan? Tui không biết mấy người học cao hiểu rộng nghĩ gì, chớ tui cho là mọi chuyện trên cõi trần này đều có ý nghĩa hết

trội. Nè, thầy đừng tưởng cái cột nhà, cây chuối, viên sạn nằm giữa lộ là những vật vô tri vô giác. Tui tin là tui nó còn có linh hồn thì nói chi tới cái tảng đá bà xỏ một đồng ngoài ruộng. Mà hể có linh hồn, thì phải có chương nghiệp khứ lai. Đã có chương nghiệp khứ lai thì ắt có nhân có quả, có thiện có ác, có tốt có xấu. Thầy không thấy mấy cục sạn, có cục tròn vo nổi vân đẹp đẽ, có cục méo xẹo xấu inh đó sao? Cái cột nhà ác thì cuộc đời nó ngăn ngủi, bị một găm, vài chục năm thì sụp. Còn cây chuối dữ sẽ bị sâu đục lũng ruột, èo uột, không sanh trái và bị búng gốc lúc nào không hay.

Thầy ký giả Huy Sơn vừa lẹ tay chép vừa nghĩ bụng, đáng lẽ mấy chuyện chương nghiệp, nhân quả này phải để cho sư cụ chùa Tịnh Độ phát biểu, có lẽ hay ho và đúng đắn hơn. Dù vậy thầy vẫn gục gặc đầu ra về hiểu ý.

Liếc nhìn đồng hồ, thấy đã quá giờ hẹn với nhà sư, ký giả Huy Sơn vội vàng cất tiếng:

- Dạ, xin lỗi bác...

Người đàn bà tươi cười:

- Thầy còn phải tới chùa nữa phải không?

Thầy ký giả còn đang chùng hững, không hiểu tại sao bà già này chuyện gì cũng biết, thì bà đã lên tiếng:

- Chuyện sư cụ mời thầy tới chùa, thiên hạ đồn rùm beng.

Ký giả Huy Sơn hóp cạn tách trà nguội, đứng dậy nắm tay lại, xá chào gia chủ.

- Chiếc xe đạp sút dây sên của thầy, con Út đã nhờ người ráp lại rồi, thầy đừng bận tâm. Nếu thầy sợ nó dờ chừng lần nữa thì cứ để xe đây mà đi bộ, còn chừng nửa cây số thôi chớ mấy.

Rồi giọng bà nhỏ lại rụt rè:

- Tui đề nghị với thầy chuyện này nghen!

- Dạ, bác cứ nói!

- Nghe nói là thầy sẽ trả công... Ấy, thầy đừng hiểu lầm là tui đòi

tiền, không phải vậy. Có điều, nếu được thầy dành món tiền đó cúng đường tam bảo giùm tui.

Ký giả Huy Sơn cúi đầu chào lần nữa:

- Cháu sẽ nhớ lời bác dặn. Bác cho cháu gọi lời từ già cô Út. Bận tới, có dịp về đây, cháu sẽ tạt ngang thăm gia đình bác.

Rồi thầy khom lưng xắn một bên gấu quần, quay nhìn lần cuối cảnh nhà êm mát dịu dàng trong khu vườn um tùm cây lá và chú chim chóc. Người đàn bà mà thầy quên hỏi quý danh, đứng tần ngần ở hàng ba. Bà ta bận quần sa-teng đen bóng như da cá trê, áo bà ba lụa bông màu xám tro. Ký giả Huy Sơn có cảm tưởng, bộ quần áo và dáng dấp nhỏ thó của người đàn bà trở nên nhoè nhoẹt trong vùng bóng mát của tàn mít từ từ sẫm lại. Chợt trong trí thầy, một ý tưởng lạ lùng bật lên: có lẽ nào những chuyện vừa xảy ra chỉ là một giấc chiêm bao ý nhị? Như cái căn cơ của đời sống. Như những nhon duyên tường tình cờ, mà thật ra đã được bàn tay tạo hoá xếp dựng từ trước. Bụi nhân lòng này phải mọc ở đây. Cây cầu khi kia phải được bắc ngang con lạch nọ. Cục đất đó, tới một khắc điểm được định sẵn, sẽ bị những bước chum trâu dẫm nát.

Cuối chân trời, một đụn mây xám vừa hiện. Rồi nương theo luồng gió cuốn, một thoáng ngắn, khoảnh trời trên đầu ký giả Huy Sơn đã vẩn vù mây đen. Bầu trời giờ bàn tay thâm xì úp lên mặt đất. Thầy ký giả gò lưng đập. Gió quất roi lên mặt sông nhẩn nhúm. Ruộng lau sậy bên kia bờ ngả nghiêng theo chiều gió vô hướng. Lá reo hồi hả như niềm vui trẻ con đón cơn mưa đầu mùa. Vài nhánh bay chơi vơi trên không. Ký giả Huy Sơn bỏ lại sau lưng hai ba dáng người bước đi hấp tấp. Khi thầy thấy ở bên trái tấm bảng ghi mấy chữ "Tịnh Độ Tự" sơn đỏ thì những giọt mưa đầu tiên cũng vừa rớt lộp độp lên chòm lá cong quần.

Thầy ký giả quanh lẹ vô lối đất trồng tre hai bên, tàn giao nhau thành mái che. Gió xô những thân tre nghiêng vô nhau kéo kẹt.

Dù đã cố lẹ làng, vậy mà khi bước vô hiên chùa, đầu tóc, quần áo ký giả Huy Sơn cũng thấm ướt gần hết. Cũng may, lúc thấy trời chuyển mưa, thầy đã nhanh trí cất giấy viết vô túi ny-lông đựng máy chụp hình. Thầy vượt lại mái tóc. Còn đang lúng túng trong lớp quần áo dán sát người chêm nhẹp thì một cụ ông từ bên trong bước ra, hai tay chấp lại:

- Mô Phật, thiện nam có phải là ký giả Huy Sơn từ Sài gòn xuống thăm Tịnh Độ Tự?

Ký giả Huy Sơn cũng chấp tay cung kính:

- Bạch thầy, dạ phải.

- Mời ông ký giả vô chùa.

Ký giả Huy Sơn theo chum sư cụ. Ông bận bộ quần áo vải nâu, đầu đội cái nón len cùng màu, không che hết những chum tóc nhú trắng, chum mang guốc thấp. Có lẽ sợ gây ra tiếng động lên thềm chùa lát gạch tàu mòn thín, nên ký giả Huy Sơn thấy ông đi như lướt trên đất.

- Xin lỗi ông ký giả, tui mời ông tới để bàn chuyện nhơn tình thế sự, nên ông vui lòng ra sau phương trượng.

Sau phương trượng là một chái nhỏ, mái lá chằm, ba bề vách ván, cất dựa vô vách tường vôi ố vàng của ngôi chánh điện. Bên trong, một chiếc giường tre trải chiếu, bốn góc dựng bốn cọc gỗ căng chiếc mùng vá quàng dùm dụp. Đầu giường, một cái bàn con, bên trên đặt cây đèn trướng vệt, thấp ngọn leo lét. Sát vách tường là hai chiếc ghế đầu gỗ nứt kê cạnh chiếc bàn gỗ thô, bày sẵn một hộp trà, cái ấm con và hai chung đất nung.

- Mời ông ký giả ngồi chơi, tui bung ông táo vô đây cho ông hong tay hong chum, không thôi trúng lạnh đa! Nhân tiện, tui nấu nước pha Tịnh Độ trà đãi ông ký giả một phen. Đó

là sản phẩm đặc biệt của chùa nhà.

Giọng nói của sư cụ trầm, chậm, có tiếng vang, loe ra những vòng âm ba tưởng tượng trong không gian xào xạc tiếng mưa rơi gió thốc. Tiếng nói nhỏ dần theo chum sư cụ, nhưng không mất, rồi từ từ lớn rõ lúc ông khuôn cái hoả lò thoi thóp lửa đỏ kẹp giữa hai cái mo cau. Ánh lửa nhuốm hồng khuôn mặt da mồi gấp nếp, lờm chờm râu mép và râu cằm. Riêng cặp mắt nhà sư vẫn sáng long lanh như hai hột ngọc đen tuyền.

- Tui mua trà từ mấy chuyến ghe thương hồ, đem về trộn chung với lá húng, lá bạc hà, đốt nhân lồng thái chỉ phơi khô. Tui còn tự tay se nhang cúng Phật, làm tương chao, mì căn, tàu hũ để dùng và đem ra chợ bán nhơn ngày rằm, mồng một. Mà ông đừng có kêu tui là sư cụ hay sư ông mà mắc tội. Hồi nào tới giờ, tui chỉ là ông từ giữ chùa, lau chùi tượng Phật, động chuông hai thời trong ngày, lo miếng ăn thức uống cho sư ông trụ trì mười lăm năm trước. Sau khi ông viên tịch, chẳng còn ai, buộc lòng tui đứng ra cáng đáng mọi chuyện. Riết rồi ai cũng kêu tui là sư cụ hết tội. Nếu như chùa giàu... Mà thôi, đâu có ai tìm đường cong mà đi, phải không ông ký giả? Ngày xưa, đã có lần tui rắp tâm thọ sa-di đó chớ, nhưng học mấy bài kệ còn chưa thuộc thì nói chi tới chú Lăng Nghiêm, Lăng Già. Tui còn nhớ, hồi năm, mỗi lần đọc tới đoạn "Nam mô bà già bà đẻ" là tui phì cười, hồng hỉu gì ráo. Nói ra, chắc Phật buồn tui lắm, nhưng mà họ viết mấy bài chú không phải bằng tiếng nước mình...

Nước trong ấm nhôm bắt đầu reo. Thầy ký giả Huy Sơn xen lời:

- Dạ, tại họ phiên âm từ tiếng Phạn ra tiếng Việt cho dễ đọc, không diễn nghĩa nên khó hiểu.

Hai mắt nhà sư rực lên vùng sáng kỳ lạ:

- Ấy, vậy mà hồi xưa sư ông hiểu hết đó ông ký giả à! Vậy mới tài.

Rồi ông mở hộp thiếc, bốc một nhúm trà Tịnh Độ bỏ vô ấm. Cái miệng chung nhỏ xíu, bỏ trái chanh không lọt, bàn tay sư cụ lại run rẩy, vậy mà sau đó ông rót trà ra chung, không đổ giọt nào ra bàn.

Tay áo ký giả Huy Sơn đã được hong khô. Thầy lặng lẽ rút quyển sổ và cây viết ra đặt lên bàn. Nhà sư khêu sáng ngọn đèn trứng vịt. Bên ngoài trời giăng mây xám xịt, mưa vẫn còn nặng hạt. Phên cửa sổ khép kín, ngăn mưa tạt.

Nhà sư cất giọng thông thả:

- Như mọi bữa, sau buổi công phu bốn giờ rưỡi sáng, tui lại đi hóng mát dọc theo mé ruộng. Trời còn tối thui hà, nhưng mà có trăng sao. Tui còn nhớ rành rọt, có cánh sao mai sáng rỡ mọc trước mặt mình. Khi tui dừng chun ngắm, thì bỗng thấy vùng trời phía trước như bị mây che. Trăng sao phụp tắt. Trời đất đổi màu đen như than hầm. Và, lạ như tên bắn, từ không trung rớt xuống một cái gì y như trái dừa bị khổng lồ. Tui quíu tay quíu chun, vội vàng nằm bẹp xuống đất. Tim tui đập như trống đình. Miệng tui tự nhiên bật ra một tràng: "Nam mô A di đà Phật, nam mô Đại bi Quán Thế âm Bồ tát, nam mô Đại thế chí Bồ tát, nam mô Địa tạng vương Bồ tát, nam mô Thanh tịnh đại hải chúng Bồ tát...", đoạn kinh tán Phật mà tui chưa hề thuộc nằm lòng, toàn tụng niệm với cuốn kinh mở ra trước mặt. Nằm một lát, đợi bốn bề êm ả trở lại, tui mới lồm cồm đứng lên. Mèn ơi, dưới thừa ruộng của thầy cai tổng Quới, có cục đá ở đâu rớt nằm một đồng, bự tăng thần luôn. Tui chấp tay niệm nam mô thêm vài cái, rồi chạy về chùa, giống một hồi chuông sớm. Suốt ngày hôm đó, người tui lửng lơ, xác một nẻo. Tới buổi công phu chiều, tui mới hoàn hồn, ông ký giả à!

- Dạ, lúc cục đá rớt xuống, nó có chiếu hào quang hay chớp chớp không thầy?

- Không, cục đá chớ bộ con đem đóm sao mà chớp chớp? Không, nó đen thui như được sơn bằng mực tàu vậy.

- Lúc nó chạm đất, thầy có nghe đất rung chuyển không?

- Có chớ. Nó rớt một cái "phịch" làm cây cỏ rung rinh, cóc nhái im tiếng hết trơn. Ngộ lắm nghen! Ngay sau đó, cảnh vật êm vắng lạ thường, như khởi thi của đời sống vậy.

- Cảm tưởng của thầy lúc đó ra sao?

- Tận thế, tui tưởng tận thế tới nơi rồi, chỉ còn biết nằm chờ chết. Tui nhớ lại những việc mình làm trong quá khứ. Lạ lắm nghe ông ký giả, đầu đuôi sự việc kéo dài chừng vài giây chớ mấy, mà cả quãng đời của tui hiện ra lờ mờ trước mắt. Tui tự hỏi, con người từ đâu tới? Dưới đất nẻ chun lên hay từ mây xanh rớt xuống? Còn tui nữa?

Ký giả Huy Sơn nghe giọng nói của nhà sư trầm xuống buồn bã như điệu hát Nam ai:

- Theo lời kể của sư ông, sáu mươi bốn năm trước, vào một đêm mưa to gió lớn, một tiếng sét long trời lở đất đánh thức ông dậy, cũng trong phương trượng này, trên chính cái giường tre ọp ẹp này. Lẫn trong tiếng mưa tuôn, gió gào là tiếng trẻ sơ sanh ré khóc oe oe. Sư ông cầm đèn rọi tìm thì thấy trước cửa chùa một hải nhi được quấn trong mấy lượt vải ú, để nằm rong cái mo cau. Ông đâu biết làm gì khác hơn là ẵm đứa nhỏ vô chùa, cho ăn cho uống, nuôi dưỡng nên người. Thăng nhỏ đó, vừa lọt lòng mẹ, đã biết ăn chay, nghe tụng kinh, hít mùi nhang trầm. Nó được mớm bằng nước cơm, sữa đậu nành, bột mì tinh khuấy lỏng. Ba tuổi, nó đã biết thắp nhang cúng Phật. Năm tuổi, nó đã biết ngồi kiết già mỗi thời công phu sớm tối. Nhưng lời kinh tiếng kệ làm sao hấp dẫn bằng một trận đá dể, một cánh diều giấy hay một buổi tắm sông với mấy đứa trẻ chăn trâu? Cái Phật tánh

trong nó nằm ở đâu không biết, chớ mấy bài chú, bài kệ, bài tán, bài tụng là nó không ưa rồi đa. Tối tối nó nằm ngủ chèo queo trên bộ ngựa kê bên hông chánh điện. Mới mười hai tuổi mà khi nghe tiếng chuột chút chút giành nhau mấy hột cơm rớt trên bàn thờ Phật, nó đã biết thao thức, một nỗi thao thức khó cắt nghĩa bằng lời. Nó nhỏ hẹp như sự sống đuôi mù cảm điếc của trái bầu treo tồn teng ven sông, ngựa cái lớp vỏ trần tục hứng ánh trăng soi. Nó lặng lẽ như lũ một giầy gặm dần gặm mòn những trang kinh Phật, mà vẫn không hiểu gì ráo trọi. Nó khát khao như bầy gián hôi rình chờ nghiền nát những cọng nhang, những chân đèn cây quên bỏ vô hộp. Thăng bé mỗ côi ấy lớn lên trong cảnh chùa Tịnh Độ, học hoài không thuộc bài kinh nào. Mười sáu tuổi, thân thể bắt đầu nảy nở. Râu lông mọc ra. Tiếng nói bễ, nghe ồm ồm như vịt đục. Một nỗi thèm khát lạ kỳ kéo tới. Nửa khuya, thức giấc vì tiếng chuột chút chút, mỗi sáng nấu nước, châm dầu, sửa soạn thời công phu sớm, thăng nhỏ bàng hoàng nhận ra cái mà sư ông vẫn kêu là lục dục thất tình. Đôi khi, sự cám dỗ của xác thịt to lớn quá, xui nó hành sự điều tội lỗi. Nhưng không hiểu sao, lúc nào cũng có một vật cản vô hình ngăn nó lại, giữ chặt bàn tay nó như xiềng xích một tội nhơn. Hay đó là cái tiền duyên của nó với đạo pháp? Ông ký giả à, thăng nhỏ không cha không mẹ, u mê ám chướng đó là tui đây, chính là tui chớ không ai khác.

Rồi nhà sư húng hắng ho khan. Ấm nước thứ nhì sôi sùng sục từ lúc nào, không ai để ý. Quần áo ký giả Huy Sơn đã khô ráo. Mưa vẫn nặng hạt ngoài kia. Hoàng hôn rắc bóng tối âm lặng.

Nhà sư châm thêm nước vô bình, buông tiếng cười nhẹ:

- Ông ký giả rinh bài viết này về, gọt dưa lại cho văn hoa tiểu thuyết, đem đăng báo chắc có nhiều người

đọc.

- Có điều, thầy không sợ bị người đời gièm xiêm sao?

- Nếu sợ, tui đã không mời ông tới đây. Sáu mươi bốn năm trời, tui ôm mối tâm sự canh cánh bên lòng, hôm nay mới có cơ hội thổ lộ cùng ông ký giả. Đó là sự thật đời tui, có Phật trời chứng giám.

Như đề minh chứng tấm lòng thành, một lần chớp loé lên, tiếp theo là tiếng sấm nổ chát chúa. Ký giả Huy Sơn cất tiếng băng quor:

- Mưa dai dử a.

- Ồ, mưa đầu mùa gì mà lâu dử thần vậy cả!

Chợt, như một bóng ma, từ ngoài cửa lao vô một thằng nhỏ tóc tai người ngòm dầm mưa ướt nhẹp. Nó lấp bắp cặp môi thâm xỉ vì lạnh:

- Sư cụ... sư cụ ơi... chạy ra mà coi cục đá!

Ký giả Huy Sơn và nhà sư còn tro mắt ngạc nhiên, nó đã tiếp lời:

-...Cục đá nó lún xuống sinh!

Ký giả Huy Sơn la lên:

- Trời đất!

Nhà sư quor lẹ cái nón lá máng trên vách, chẳng nói chẳng rằng, băng ra ngoài mưa, theo chum đĩa nhỏ chạy trước. Ký giả Huy Sơn không biết làm sao, đành hấp tấp cởi quần áo, chỉ còn cái quần xà lỏn, rượt theo hai dáng người lúp xúp nhoà tan trong màn mưa.

Cơn mưa nhiệt đới tuôn xối xả như thác. Trước mặt thầy ký giả là màn nước vô minh che mờ ngoại vật. Sau lưng thầy, cảnh già lam biến mất sau làn mưa dày đặc. Ký giả Huy Sơn đứng ngơ ngác trong mưa. Lần này, thầy mới thật nghĩ rằng mọi chuyện vừa qua chỉ là một giấc chiêm bao. Không chừng khi mưa tạnh, tỉnh dậy mới hay là tảng đá trời đã chìm sâu dưới lòng đất từ khi nào.

NÉT ĐƠN SƠ

*nhẹ như giọt nắng vàng
đong đưa ngoài ngõ lạnh
trời chiều thu vừa sang
trả không gian hiu quạnh*

*hiền như trăng đầu ngõ
buông ánh sáng dịu dàng
áng mây qua mờ tỏ
như thấp thoáng buong màn*

*thơm như hương dạ lý
mỗi cuối chiều hoàng hôn
một mùi thơm thanh quý
như hương mùa cô thôn*

*mỗi lần trống trường tan
tung tăng đàn bướm dạo
trắng cả một khung trời
trên đường về huyên nào*

*tiếng sẻ liu lo chào
dưới hàng tre run khẽ
cánh diều bay vút cao
đưa êm làn gió nhẹ*

*đơn sơ chỉ có thể
sao mãi gọi lòng về
hình như trong tâm thể
còn vọng mãi hồn quê!*

ĐÀN HÀ

SẼ RA SAO NGÀY MAI? QUE SERA SERA...

Mỹ Đức Phạm Kim Dung

*When I was just a little girl,
I asked my mother what will I be
Will I be pretty
Will I be rich
Here's what she said to me
Que sera, sera...
What ever will be, will be
The future's not ours to see
Que sera, sera...
What ever will be, will be...*

Ngày em còn thơ, lòng vương
mộng mơ,

Thường hay hỏi má em, Má ơi
ngày sau

con sẽ thăm tở duyên
và vui sướng không
Mẹ em sẽ khuyên bảo rằng
Biết ra sao ngày sau....
Đời luyến lưu vui cười, khổ đau
Vì sắc duyên là sóng bể dâu
Nào ai biết ngày sau....
(Lời Việt của Phạm Duy)

Chắc hẳn trong chúng ta ai cũng
hơn một lần nghe bài hát trên trong
đời. Năm 1956, khi Doris Day cất
giọng hát bài trên, cô đã làm thốn
thức biết bao người. Cho đến hôm
nay, nửa thế kỷ đã qua, bài hát và
người hát vẫn còn được nhắc đến.

Phải chăng với chất giọng ngọt
ngào tự nhiên mà Doris Day đã làm
rung động nhiều người khi hát bài
này? Hay còn vì một lý do nào khác?

Con người là một sinh vật. Sinh
vật nào cũng có một bản năng sinh
tồn. Bản năng sinh tồn này đã thúc
dục và giúp người ta vượt qua bao
khó khăn, nguy hiểm để tồn tại trong

đời sống hằng ngày vốn dĩ đã tràn
đầy ganh đua và tranh đấu gian khổ.

Có người mong ước có cuộc
sống bình yên, có người mong được
giàu sang, phú quý, có người thích
được hưởng thụ những lạc thú trên
đời. Mà cuộc sống thì bấp bênh, tạo
ra biết bao lo âu. Người nghèo thì
không biết ngày mai tương lai con
cái, gia đình sẽ ra sao. Người già,
đau ốm bệnh tật, cái chết chỉ là thời
gian, thì lo sợ không biết sau khi
chết sẽ đi về đâu. Gia đình hạnh
phúc, hương lửa mặn nồng hôm nay
nhưng không chắc tình yêu có vững
bền đến răng long đầu bạc không.
Quyền cao chức trọng nhưng lúc nào
cũng nơm nớp đề phòng những kẻ
ghen tị tìm cách hãm hại mình.
Nhiều người giàu sống trong tiện
nghi vật chất xa hoa thì sợ bị cướp
bóc hãm hại hoặc thất mất không
biết khi mình lia đời con cái sẽ chia
chắc thể nào của cải mà cả đời mình
đã vất vả tạo ra.

Vì sợ khổ, vì muốn giữ tất cả
cho mình, và cho gia đình mình mà
mỗi người có một lo lắng riêng về
tương lai. Cô bé trong bài hát trên từ
khi còn bé thơ đã hỏi mẹ ngày sau cô
sẽ ra sao. Khi cô biết yêu, cô đã băn
khoăn hỏi người yêu liệu hai người
có hạnh phúc mai sau. Rồi cô có gia
đình, có con. Các con cô, cũng như
cô khi còn thơ ấu, cũng hỏi cô tương
lai chúng rồi sẽ thế nào. Cùng nỗi
niềm thắc mắc từ thế hệ này đến thế
hệ khác, câu trả lời cũng chỉ là "...
nào ai biết ngày sau" hay là "chuyện

gì đến sẽ đến." Thế nên khi Doris
Day hát những lời trên, người ta đã
đón nhận nồng nhiệt vì bài hát đã nói
lên đúng những suy nghĩ khắc khoải
của mỗi người về ngày mai của
mình.

Vậy thì cái ngày mai ấy sẽ ra
sao?

Hãy nhìn những em bé hồn
nhiên ngây thơ. Nhưng rồi các em
sẽ là người trưởng thành trĩu nặng lo
âu như chúng ta hôm nay. Những
đóa hoa lan kiều sa, những đóa hồng
xinh đẹp sẽ tàn úa ngày mai. Xe đời
mới 2007 sẽ trở thành xe cũ vào năm
2008. Mười năm nữa xe sẽ già nua
lắm rồi. Hoa hậu hoàn vũ năm nay
chắc chắn sẽ thành một bà già xấu xí
nhăn nhoe sau một thời gian, nhiều
lắm là 50 năm. Một người hiện giờ
rất nghèo nhưng nhờ làm ăn cần cù
và biết tính toán có thể trở thành nhà
triệu phú về sau. Người thành công
hôm nay chưa chắc sẽ mãi đứng
trong hào quang chiến thắng. Một cô
gái tầm thường xấu xí nhờ phẫu
thuật thẩm mỹ có thể trở thành người
đẹp như bất cứ ai. Những tiến bộ về
khoa học kỹ thuật cũng góp phần
không nhỏ vào những thay đổi mà
cách đây chỉ 20 năm thôi con người
đã không thể tưởng tượng ra được.
Chẳng hạn như người ta có thể thay
đổi giới tính của mình, con trai có
thể biến thành con gái, đàn bà có thể
biến thành đàn ông nếu thích. Khi
sinh ra chúng ta, cha mẹ đặt cho
chúng ta những cái tên đẹp, đầy ý
nghĩa và kỳ vọng. Nhưng khi sang

Mỹ, những cái tên hay đẹp đó bị đảo ngược và rút lại thành hai chữ, mất cả dấu và mất cả ý nghĩa. Cái tên Lê thị Cẩm Lê không chỉ đẹp mà còn nhắc đến một vùng làm thuốc lá nổi tiếng ở Huế. Ở Mỹ thì tên đẹp và đầy tình tự quê hương đó biến thành “Cam Le” hoặc “Le Le”. Và người Mỹ sẽ đọc là “Kem Li” hay là “Li Li”!!! Người phụ nữ mang tên này trước khi đến Hoa Kỳ có bao giờ hình dung được sẽ có ngày tên mình được gọi giống như “kem ly” không nhỉ? Phanrang của chúng ta ngày xưa bé nhỏ, đìu hiu nhưng sao bây giờ người ở đâu mà đông như vậy, phố xá tấp nập, ồn ào,... “ngựa xe như nước, áo quần như nêm.” Trước đây to tiếng hô hào “đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào”, ngày nay qua tận “hang ổ của đế quốc Mỹ” nhắc nhở tình cô hương, mời gọi đầu tư, trải thảm đỏ đón chào từ phi trường Tân Sơn Nhất. Sau 1975 ai vượt biên bị kết tội là phản quốc, bây giờ được trân trọng gọi là “núm ruột ngàn dặm thân thương.” Nguyên nhân những thay đổi này ai cũng biết. Nhưng chắc không có ai trong khoảng 1975 đến 1990 có thể nghĩ rằng có ngày những sự kiện trên thay đổi đến 180 độ như vậy.

Chúng ta có câu “cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó” để ám chỉ ngày xưa chuyện con cái lấy vợ lấy chồng là do cha mẹ toàn quyền quyết định. Bây giờ dĩ nhiên không còn như vậy, nhưng con cái ở Việt Nam muốn lập gia đình với ai trước hết vẫn phải có sự đồng ý của cha mẹ hai bên. Sang đến Mỹ thì câu ngạn ngữ trên có thể đảo ngược lại, “con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đó”. Ở đây, khi con cái trưởng thành thì lập gia đình với ai là chuyện của chúng nó. Con cái thường thông báo và cha mẹ phần lớn đồng ý. Mấy ai dám phản đối. Phản đối thì con cái sẽ bỏ đi xây tổ ấm với người chúng đã chọn và cha mẹ sẽ mất con. Những phong tục tập quán mà chúng ta cho là tốt đẹp và

ra sức gìn giữ chưa hẳn là con cái chúng ta ở đây vốn đã Mỹ hóa sâu đậm cũng nghĩ như chúng ta. Đó là chưa nói đến sự khác biệt với văn hóa đa chủng của người bản xứ. Hơn bao giờ hết, câu nói “Chân lý chỉ ở bên này rặng Pyréné” của người Pháp đúng đến như vậy.

Những sự kiện trên chỉ để chứng minh rằng cái ngày mai ấy, cái ngày mai mà con người thường bắn khoăn, thắc mắc chỉ là những thay đổi trong muôn triệu đổi thay mỗi ngày. Thay đổi không hạn chế ở lĩnh vực vật chất mà còn đổi thay sâu sắc đến những giá trị văn hóa tinh thần và truyền thống của cả một dân tộc.

Nhưng tại sao ngày mai chỉ là thay đổi?

Tất cả vạn vật, từ gỗ đá vô tri cho đến cỏ cây hoa lá, các loài động vật và loài người đều chịu ảnh hưởng của quy luật “thành, trụ, hoại, diệt”. Một bào thai tượng hình trong bụng mẹ, rồi một em bé sơ sinh chào đời chỉ biết khóc, ăn và ngủ. Dần dần em biết nhận ra thế giới chung quanh mình, biết bố mẹ, ông bà, biết nghe, nhìn, nói và hiểu. Rồi em cắp sách đến trường, học đọc, học viết, học những điều hay lẽ, mới mẻ chung quanh để mở mang trí tuệ và hình thành một nhân cách. Đó chính là giai đoạn “thành”. Từ năm 18 tuổi cho đến khoảng 50, em là một người hoàn toàn trưởng thành. Em có thể là một thiếu nữ xinh đẹp hay là một thanh niên tuấn tú với sức sống tràn trề, năng lực dồi dào, trí tuệ minh mẫn, tài năng phong phú. Đây là thời gian tươi đẹp nhất của con người. Người ta xây dựng sự nghiệp, phát minh, sáng tạo, liềm lĩnh làm những việc nghiêng trời, lệch đất ảnh hưởng đến bao người chính là trong giai đoạn này, giai đoạn “trụ”, có nghĩa là đứng vững. Người tây phương nói trong giai đoạn này, con người đi lên đến đỉnh cao của một parabol. Thực sự ra nhiều người khi 45 tuổi đã thấy có nhiều thay đổi

trong cơ thể, mắt mờ, tóc điểm bạc, không còn nhanh nhẹn như trước, bụng bắt đầu phệ, chân tay chậm chạp, hay quên... Vào tuổi 50 thì những thay đổi trên thấy rõ hơn nữa. Riêng với số đông phụ nữ thì còn mỗi một vì các triệu chứng tiền mãn kinh. Nhiều bệnh tật bắt đầu xuất hiện, cao máu, cao mỡ, đau khớp xương, phong thấp, những triệu chứng của tim mạch, ung thư... Và cũng theo người phương tây, con người bắt đầu đi xuống dốc parabol. Nhưng đồng thời người ta cũng khôn ngoan, tích lũy nhiều kinh nghiệm hơn, bớt hăng hái hơn hồi thanh xuân, điềm đạm, chín chắn hơn. Con người lúc này đang ở vào giai đoạn “hoại”. Có nghĩa là cơ thể bắt đầu rệu rã, tàn tạ như một xe ô tô đã chạy quá nhiều năm. Từ 60 tuổi trở lên, người ta thực sự bắt đầu tuổi già, tóc bạc trắng, đi đứng khó khăn, đau ốm liên miên hoặc phải uống đủ loại thuốc liên tục. Mặc dầu tuổi thọ ngày nay của loài người gia tăng, nhưng mấy ai sống đến 80 tuổi mà còn khỏe mạnh, tinh tường, nhạy bén như khi còn thanh xuân. Đây chính là giai đoạn “diệt”. Xem vậy, một kiếp người từ khi còn là trứng noãn hay tinh trùng cho đến ngày già lão nhắm mắt buông tay đều trải qua tất cả bốn giai đoạn “thành, trụ, hoại, diệt” nói trên. Ngay trong từng mỗi giai đoạn đã có biết bao thay đổi trùng trùng điệp điệp nối tiếp nhau. Những thay đổi đến sau làm tốt hơn cho thay đổi trước hoặc làm thay đổi trước mau tàn rụi hơn. Một cái xe ô tô cũng thế. Trước khi tung ra thị trường, nhà sản xuất lựa chọn mẫu mã, chất liệu, kiểu dáng, thay đổi, tăng cường chức năng các bộ phận, thử nghiệm độ an toàn, độ bền, tính toán giá thành để cạnh tranh với các hãng khác. Đó chính là giai đoạn “thành” của chiếc xe. Khi xe được xuất xưởng, đến tay người lái, xe láng bóng, cấu cạnh, chạy êm ru như tên bắn với bao chức năng độc đáo làm bao người nhìn

theo thềm thường ganh tỵ. Đó là giai đoạn “trụ” của xe. Giai đoạn này kéo dài khoảng 80,000 đến 100,000 dặm tùy loại xe. Sau đó, xe cũng bắt đầu già nua, mỗi một như con người với nước sơn trầy xước, những bộ phận bắt đầu mòn, cũ, hư hỏng khiến chủ xe phải sửa cái này, thay cái khác... Đây chính là giai đoạn “hoại” để chuẩn bị cho giai đoạn “diệt” sẽ đến rất nhanh trong vài năm. Lúc xe không còn chạy được nữa, người ta có thể tiếc rẻ tháo ra vài bộ phận còn dùng được rồi cũng đem xe ra nghĩa địa vứt ở đó. Một kiếp người và một đời xe xem ra cũng có nhiều chỗ tương đồng. Mà chẳng riêng gì xe, tất cả những gì tồn tại trong thế giới của chúng ta đều chịu một quy luật chung như vậy. Tất cả mọi sự hiện hữu, dù là loài vô tình hay hữu tình, đều khởi đầu bằng những thay đổi và kết thúc bằng những đổi thay. Tất cả và tất cả đều bắt đầu và chấm dứt như vậy. Vì thế dưới cái nhìn của Phật giáo, tất cả đều vô thường (không trường tồn vĩnh cửu), mong manh và ngắn ngủi. Đó chính là vạn pháp giai không.

Nếu nói vạn pháp vô thường sẽ có người thắc mắc thiên đàng có bền vững lâu dài không? Thiên đàng, nếu có, là cảnh giới dành cho người đạo đức, làm những việc tốt đẹp cho đời, cho nhiều người khi họ còn sống. Còn địa ngục là nơi trừng phạt sau khi chết cho những người xấu ác, vi phạm luật lệ xã hội, tôn giáo, hoặc gây đau khổ cho người khác. Phải đủ điều kiện mới được lên thiên đàng. Không đủ điều kiện lên thiên đàng tức là hội đủ điều kiện xuống địa ngục. Những gì còn nằm trong vòng đời kháng với nhau như giả và thật, tốt và xấu, xấu và đẹp, đúng và sai, giàu và nghèo, trẻ và già, đạo đức và vô luân, bất lương và lương thiện... đều ảnh hưởng bởi những đổi thay, tức là nhân và duyên. Những gì còn bị tác động của nhân duyên tức là những điều kiện thì đều nằm trong

vòng “thành, trụ, hoại, và diệt”. Thiên đàng và địa ngục luôn đổi ngược nhau, tức là còn bị nhân duyên, đổi thay chi phối, nên cũng không thoát khỏi quy luật trên.

Khi biết rồi ai cũng chết và cái gì rồi cũng bị hoại diệt, vậy chết và hoại diệt có phải là hết, là chấm dứt không? Theo nguyên lý vô thủy vô chung, vô cùng vô tận của Phật giáo, không có gì sinh ra mà cũng chẳng có gì biến mất thì chết hay hoại diệt chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp từ một trạng thái này sang trạng thái khác mà thôi. Như nước sạch sau khi tắm rửa, giặt giũ... trở thành nước bẩn. Nước dùng dơ bẩn theo hệ thống cống rãnh trôi ra sông, biển. Xem qua tường như loại nước này đã biến mất. Thực ra, trong quá trình chảy ra sông, biển, nước dơ bẩn đó đã phân nào ngấm xuống đất và được sàng lọc tự nhiên trong lòng đất. Ngay cả khi chảy ra biển, nước bẩn đó tuy làm ô nhiễm dòng nước cũng lọc tất cả sau bao tháng năm. Ngày nay ở California, người ta không chờ thiên nhiên làm việc này. Những nhà máy lọc nước với những thiết bị hiện đại có thể thay thế mặt đất lọc nước thải góp ghiếc nói trên trong một thời gian rất ngắn thành nước sạch trở lại và người ta có thể sử dụng lại nước đó rất an toàn và vệ sinh trong nhiều sinh hoạt hằng ngày. Ở những nơi mà người ta còn dùng phân người và súc vật để bón cho ruộng vườn, cây cỏ thì chúng ta còn thấy rõ ràng hơn nữa là cái gì đó bị hoại diệt thì không phải là vĩnh viễn biến mất. Phân là chất thải của người và súc vật trong quá trình tiêu hóa đồ ăn để nuôi dưỡng cơ thể. Khi chúng được dùng để đem chất dinh dưỡng đến nuôi các loài thảo mộc, chúng đã góp phần rất lớn để có rau cỏ, hoa trái cho con người dùng. Sau khi con người tiêu hóa đồ ăn xong, quá trình biến đổi trên lại trở lại. Đó

là thí dụ đơn giản nhất chứng minh rằng hoại diệt không phải là hết hay chấm dứt. Chết hay hoại diệt là trạng thái chuyển tiếp trong quá trình tuần hoàn của vũ trụ hay là vòng luân hồi của mỗi cá nhân. Khi sinh ra cõi đời này, em bé sơ sinh thuộc dòng dõi quý tộc, cao sang hay em bé sơ sinh của một người ăn mày, không nhà cửa đều giống nhau. Cả hai em đều khóc oe oe khi lọt lòng mẹ và vào đời với tấm thân trần trụi. Khi từ bỏ cõi đời này, một người giàu sang, quyền uy nhất thế giới cũng giống như một người mạt hạng nhất mà thôi. Đó là ra đi tay không và để mặc thân xác cho những người còn lại muốn làm gì thì làm. Khi ta đến thế giới này, ta mình trần thân trụi. Sau khi nhắm mắt lìa bỏ cuộc đời, ta cũng mình trụi thân trần mà đi. Chỉ còn lại công và tội. Công và tội sẽ theo ta đi mãi và hình thành đời sống sau này. Tiếc rằng nhiều người đã không hiểu hoặc không tin rằng chết không phải là hết nên đã ham muốn, hưởng thụ quá nhiều, sống phóng túng, thác loạn, gây ra bao đau khổ cho người, tạo ra duyên khởi trùng trùng nên đã vô số lần trải qua trạng thái chuyển tiếp để thay đổi từ hình thức này sang hình thức khác. Đó chính là cái mà chư Phật gọi là trầm luân trong sinh tử hay lặn hụp trong luân hồi.

Cô bé ngây thơ hồn nhiên trong bài hát Que Sera Sera năm xưa ơi! Nay cô chắc cũng sắp bước vào tuổi lục tuần. Cô hẳn đã trải qua nhiều kinh nghiệm sống, đã nhìn thấy nhiều cảnh bể dâu, thăng trầm và chắc cũng không còn nhiều thắc mắc biết ra sao ngày sau như thuở còn thanh xuân nữa. Ở vào tuổi “nhi bất hoặc”, cô hẳn cũng biết đời mình và số phận mình đã được an bài như thế nào rồi. Cô hẳn đã mỗi một vì bao nhiêu thay đổi trong đời sống của cô và những người thân trong gia đình. Có thể giờ đây cô đang băn

khoản tự hỏi sau khi nhắm mắt cô sẽ đi về đâu, tại sao cuộc đời lại có nhiều thay đổi và ngăn ngừ đến thế hoặc cô phải sống thế nào giữa muôn trùng ngăn ngừ đó? Cũng có thể cô thắc mắc người ta có thể dừng lại những đổi thay trong đời sống hằng ngày không... Cô bé ơi! Nếu cô hỏi

tôi những câu hỏi đó, tôi sẽ rất vui nói với cô rằng tuy tất cả mong manh, nhưng nếu biết sống, cô vẫn có thể sống hạnh phúc, tự tại và an lạc; dẫu rằng chuyện gì đến sẽ đến nhưng ngày mai cô sẽ ra sao thì hoàn toàn tùy thuộc vào những gì cô làm hôm nay và hôm qua; và nếu cô

không làm khổ cô và làm khổ người khác, những đổi thay đó sẽ không ảnh hưởng đến cô bao nhiêu vì cô có thể làm chủ cuộc đời cô bây giờ và mãi mãi về sau....

Trở về

*Không ra đi mà như người trở lại
Một sớm em tung tăng trở về
Nơi có anh.*

*Cỏ cây xanh, mặt nước xanh
Thảo nguyên mênh mông quá
Tay anh trong tay em,
Ngại ngần gì
Nói đi anh
Lời yêu em tha thiết.*

*Chúng ta - hai kẻ miên man
Cứ ngỡ tình yêu không bao giờ đến nữa
Để một sớm vỡ oà
Trong tay nhau.*

*Em thôi không nghĩ về những ngày xưa cũ
Anh thôi không nhớ về những ngày tháng đã xa
Chỉ còn chúng ta giữa mênh mông là gió
Nằm nghiêng ngắm mặt trời lên
Cầm tay em đi anh.*

Ngày hoang vu

*Em biết rằng... mùa đó đã xa
Nhưng dư âm vẫn còn vang đâu đó
Bỗng dưng tiếc những ngày nông nổi
Không phải là em bây giờ.*

*Thiệt tha ư - cũng chỉ một thời
Em tự huyền hoặc - một bóng người phiêu diêu
Để gửi gắm mọi điều - đôi khi không tưởng*

*Thời gian không còn là bến đợi
Ngồi tựa mạn thuyền em hát
Một khúc ngân cho ngày hoang vu.*

Phôi pha

*Tặng mùa thu cho anh
Riêng em - nhận những tảng vàng rơi
Mùa thu sót lại.*

*Thu này điệp vàng giăng lối
Trên những nẻo đường xưa.
Dòng sông kia vẫn chảy,
Nhưng có nghe sỏi đá
Đang khóc thầm
Dưới đáy mù khơi.*

Còn gì cho em...

*Giấu trong nỗi nhớ một niềm quên
Giấu vào đêm chút phù du xa vắng
Giấu vào tuổi hai mươi mối tình đầu trong trắng
Giấu vào mắt vết rạn buồn chân chim.*

*Anh giấu em ở đâu trong miền nhớ của anh.
Anh giấu em ở đâu trong miền quên của anh.
Ở nơi đây trời trong lắm,
Anh có còn miền nhớ
Anh có còn miền quên
Cho em...*

THẢO NGUYỄN

Ý TỔ SƯ TRÊN ĐẦU NGỌN CỎ

Chân Hiến Tâm



NHỮNG BAO RÁC

Thường thì những ngôn từ không hay, hay những kiểu cư xử được gọi là... thiếu văn hóa... chỉ xảy ra với những kẻ mà thiên hạ gọi là lưu manh, bất lương hay trong những khu vực nghèo khó. Nhưng hình như không phải. Đó chỉ là một trong các duyên khiến những thứ đó có điều kiện xuất hiện nhiều hơn mà thôi. Nhân duyên chính, vẫn từ ba thứ tham - sân - si trong chính mình.

Khi mọi thứ êm ả trôi đi, mình cũng hiền lành thánh thiện như ai. Nhưng một ngày đẹp trời nào đó, một cô nàng xuất hiện bám lấy anh chàng của mình. Lập tức, tam bành lục tặc trong mình nổi lên. Mình điên tiết phát ngôn. Loại ngôn từ phát ra, âm thanh khiến người nghe long óc, mình thì mất sức mệt nhoài, nhưng cứ thế mà hùng dũng lắm liệt. Ré một cách khoẻ khoắn như còi xe lửa

rú lên giữa đêm trường thanh vắng. Thế mới biết, cái gốc của những thứ đó không phải do nghèo khó hay thất học. Chính là từ tham - sân - si mà ra. Chả trách họp hội nghị cấp cao, toàn là dân trí thức, mà ôm nhau vật lộn như hai đứa con nít.

Khu hẻm nhà tôi không phải khu vực nghèo khó. Chỉ toàn thứ dữ, có tôi là mặt nhất. Vậy mà chút nước đổ ra hẻm cũng có chuyện để ầm ĩ. Một con hẻm chia đều bốn nhà. Nhưng không ai muốn phần hẻm nơi nhà mình đọng nước. Người quơ qua bên này. Kẻ quét lại bên kia. Làm sao đó để mặt nhà mình khô ráo, còn thiên hạ ai chết mặc ai. Thế là cả ba chửi nhau chí chóe.

Mình không phải là đứa cao thượng, nhưng ôn quá thì không thể làm việc. Vì thế, đánh cao thượng mở cửa xuống nước... Xin dọn hết qua nhà con. Từ từ nó bốc hơi... Không ngờ, chiêu ấy lại có kết quả.

Ba bà lập tức bỏ cuộc. Không thấy ai quét lui quét tới gì nữa. Cũng không thấy ai to tiếng với nhau. Mình như chó táp phải ruồi, không ngờ chỉ một chiêu mà việc lại tốt như thế. Nhưng không phải khi nào những hành động thánh thiện cũng được đền đáp một cách xứng đáng.

Ngày nào, cũng có rác dồn qua trước nhà. Chur Tổ ngày xưa, vẫn khiên đá làm đường cho mọi người đi qua, sá gì một vài bao rác. Thành anh nhà tôi miệt mài đổ rác thay người. Một lần, hai lần, ba lần, cho đến mấy chục lần... Thứ gì thành thói quen, nó trở thành việc tự nhiên. Cái mặt tiền nhà mình trở thành chỗ dồn rác chờ xe tới xúc, không phải chỉ một nhà mà hình như của khá nhiều nhà. Anh trở thành nhà đổ rác chuyên nghiệp.

Anh thay nghề đổ rác bằng công việc của một thám tử tư. Đó là hàng của cô hàng xóm xinh đẹp. Vì nhà cô

đẹp, nên rác được dọn qua nhà mình cho tiện. Đàng nào cũng đổ một lần, khỏi nhọc lòng anh đồ rác.

Rác được mang qua, thám tử lại âm thầm mang nó trở về. Nhà hàng xóm thấy rác chạy lại nhà mình, lại âm thầm trả về chỗ cũ. Cuộc chiến cứ thế mà diễn ra trong thâm lặng. Rác chạy qua rồi lại chạy về. Người nhất định phải mệt, không biết lũ rác có mệt không? Chắc mệt. Chỉ vì người người đi quá giới hạn của mình.

Chuyện rồi cũng phải chấm dứt. Thế gian này có thứ gì mà thường hằng?

Một ngày đẹp trời, bỗng dung cô chủ về nhà sớm. Anh hốt rác chưa kịp tới. Rác không nằm bên đây mà lại nằm ngay trước mặt nhà cô. Chắc con bé bận làm cơm, nên chưa kịp tải nó lại bên này. Thấy rác choáng hết mặt tiền, cô hét toáng:

“Rác nhà ai để đây!”

Con bé hoảng hồn chạy ra

“... Dạ nhà mình...”

“... Sao lại để rác đây...”

“... Dạ bình thường con để bên nhà chú Quý, nhưng không biết mấy ngày nay ai cứ đem qua lại bên này. Con đem qua, nó lại chạy về...”

Cô chủ nhỏ tắt tiếng, bước nhanh vào nhà. Từ đó, rác không còn lang thang. Chỗ để mấy bao rác, bỗng dung mọc lên hai cây bồ đề cao quá đầu gối. Chẳng ai trồng trọt cũng chẳng ai chăm sóc, cứ thế mà vươn lên.

Chuyện đời là thế, nhưng cái chuyện ấy lại khiến mình nghĩ đến những dây khởi trong tâm. Những suy nghĩ lương thiện, mình nhẹ nhàng với nó, có làm tôi đòi nó chút đỉnh, cũng không sao. Nó vẫn dẫn lại cho mình cái quả tươi đẹp. Nhưng với những dây niệm thuộc tham sân, nếu mình phục dịch chịu chuộng nó mà không tính pháp đối trị, thì cực với nó vạn đời. Nó sẽ khiến mình nhọc thân nhọc tâm hết sức. Thành phải tùy nghi mà đối trị. Trị mà

cương, thì dễ sứt đầu mẻ trán. Thành trị mà phải khéo: Không quá cương cũng không quá nhu. Cứ từ từ chậm rãi giải quyết từng tên một. Tên nào lộ mặt, mình phải nhận dạng nó cho rõ: Niệm thiện hay niệm ác? Niệm ác thì mời nó nhập niết bàn tức khắc. Nó chưa chịu nhập, mình phải có thời gian, kiên nhẫn từ từ cho nó nhập. Dù cơ duyên, nó cũng phải trở về đúng vị trí của nó. Một lúc nào đó, những dây khởi tham sân của mình không còn, thì cảnh giới ngoài tâm cũng được giải quyết. Duyên của chúng sanh là vậy. Không dám lạm bàn trong cái duyên là chư Phật và chư vị Bồ tát, là những vị hiện thân theo nguyện lực, không phải theo nghiệp lực như chúng sanh.

CÂY CỘT ĐIỆN

Cây cột điện nằm sát nhà tôi. Nó có nhiệm vụ chuyển điện cho hai nhà. Nhà tôi và nhà cô hàng xóm đối diện. Nó có mặt ở đó từ trước ngày ‘giải phóng’. Không có nó thì không có điện để dùng, nhưng nó nằm đó, phần tôn lợp bị khoét thủng một mảng, mỗi lần mưa, khoảng sân xe lùm bùm những nước là nước, lại còn cản không khí và ánh sáng phòng ngủ thẳng con trai. Quá nhiều thứ bất tiện. Nhưng không ai làm gì. Cũng không ai có ý làm gì. Vì cái cột điện tọa lạc nơi mảnh đất chung nằm ở cuối hẻm. Một bên là nhà tôi, còn bên kia là nhà hàng xóm. Nó không thuộc quyền sử dụng của riêng ai. Không phải của mình, thành lo mà an phận. Lộn xộn sao được. Muốn lộn xộn cũng không ai cho. Bản thân mình cũng đủ khôn ngoan để biết không nên lộn xộn. Mọi việc cứ thế mà bình yên trôi đi.

Cho đến ngày ...

Mảnh đất cuối hẻm được phân hai và hợp thức hóa, nhà hàng xóm một nửa và tôi một nửa. Nhưng cái cột điện thì không ai chịu thừa nhận,

dù nó được sử dụng cho cả hai nhà. Đã vậy nó còn nằm sát vào vách nhà mình, như có ai lấy cây dí vào giữa hai mắt. Cả nhà quyết định xin phép dời cái cột ấy ra phía trước, để sinh hoạt được tiện lợi, mà cũng không làm ảnh hưởng bao nhiêu đến nhà hàng xóm đối diện.

Cô hàng xóm trẻ người xinh xắn, chuộng cái đẹp, rất biết tùy duyên trong vấn đề áo quần, nhưng riêng khoảng này thì cô lại chuộng cái cổ cái xua. Chỉ muốn cái cột đó bắt biến ngay cái chỗ mà theo cô, nó đã trở thành di sản lịch sử qua bao thay đổi thăng trầm. Cô không muốn dời cái cột theo đúng cái duyên hiện tại, mà muốn nó an trụ nơi cái chỗ xưa nay cô vẫn thích. Cũng đúng! Cái gì bất lợi cho mình thì hãy thay đổi. Thay đổi càng sớm càng tốt. Còn như cây cột dời ra lề hẻm, dù nó không dính gì đến phần đường trước mặt, nhưng dây điện vào nhà, thay vì từ bên hông, giờ lại đâm thẳng từ ngoài vào ... Nhà cô mất đi một phần thẩm mỹ, làm sao cô chịu cho được? Mình cũng hiểu điều đó, cũng thông cảm. Thành cô hét gì đó thì hét, mình cũng không buồn, chỉ thấy hơi lạ.

Không dời cây cột, thì nhà không sửa được, mình không giải quyết được những ách tắc mà mấy lâu nay con cái đang chịu. Còn dời thì đụng chạm quyết liệt với cô hàng xóm xinh đẹp. Bởi cô đã quyết tâm ... còn một cái lai quần cũng đánh.... Không khéo phải đưa nhau ra tòa cũng nên. Đụng chạm như thế, kiếp sau gặp nhau, nhân duyên lại không thuận chiều. Không biết đời trước mình cầm cái gì trong đất cô, mà kiếp này cô không cho mình nhổ cái cọc đó ra khỏi đất mình. Đó là nói trên mặt nhân quả. Nói trên mặt tu hành, mình là Phật tử chứ cô đâu phải Phật tử. Mình tu mà còn tu thiên mới chết. Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, tùy duyên tiêu nghiệp cũ... Nghe nát cả óc, muốn quên cũng không quên được. Thôi thì buông quách. Vừa

khỏe mình, vừa khỏe người mà nghiệp cũ coi như trả xong. Nhưng buông thì mình khỏe rồi, còn lũ con? Không lý, tu là chỉ để mình khỏe thôi sao? A Di Đà Phật! Không biết ngày xưa Trúc Lâm cầm quân chống xâm lược, có phải suy nghĩ nát óc như mình bây giờ không nhỉ?

Chắc không! Vì chư vị không chiêm nghiệm cuộc đời như mình đã chiêm nghiệm, cái gì cũng thật. Thật vì không có thứ gì như huyền với mình. Mọi thứ chi phối đời sống của mình quá nhiều. Có nó hay mất nó, mình đều bị ảnh hưởng. Vì thế mọi thứ với mình đều là thật, chưa có cái gì là mộng là mơ với mình. Dơ thật, sạch thật, thiếu không khí cũng thật, bệnh hoạn cũng thật. Thật hết, nên mới có cái này chướng, cái kia không chướng, cái này khiến mình bệnh hoạn, cái kia giúp mình mạnh khỏe v.v...

Thứ gì cũng thật thì nhân quả với mình không thể như huyền. Thấy nhân quả thật, so với các vị sáng tâm, không chính xác lắm, nhưng so với kẻ đầu trần chân đất tham sân, mình lại là kẻ có trí tuệ. Vì thế, làm việc gì cũng phải đắn đo. Cái nhân gây ra thì dễ, nhưng lãnh cái quả, mà không thấy cái quả đó như huyền, thì khổ vô vàn không phải chuyện chơi. Một cây cột không đáng gì, nhưng nhân duyên không thuận thì dời đi cũng khó. May là có nó hay không, mình cũng chưa đến nỗi mê đầu sứt trán. Nếu là miếng ăn, là chỗ sống chết của gia đình, nếu không thuận chiều, chắc mình không thể ngồi yên. Cũng một phen đau đầu nhức óc, không khéo lại phải gây nghiệp. Không cần thận sao được. Cái gì trong đời mà nhắm buông được thì thôi buông bớt, để cái quả trong tương lai còn được thuận chiều.

Cuối cùng...

Hai đứa quyết định bắt chước Tổ Trúc Lâm. Mình không làm vua thì không có dân hay quân để hỏi... đánh hay không đánh... Mình chỉ làm dân,

nên mình hỏi ý kiến của con cái và phượng. Nhờ phượng can thiệp trong tinh thần êm ấm hiểu biết. Nếu cô vẫn cương quyết giữ lập trường tới cùng, thì coi như... cây cột và mình chưa thể xa nhau. Một khi duyên nghiệp vẫn còn, đâu phải nói xa là đã xa được. Thôi thì nằm đó. Khi nào hết duyên, sẽ có người tự động bưng đi. Nhọc tâm chi cho cực. Ở đời, thứ mình được, chưa chắc đã tốt cho mình. Thứ mình không được chưa chắc đã xấu cho mình. Thành không thể tranh cãi hơn thua hay đua nhau ra tòa thưa kiện chỉ vì cây cột điện. Kiểu đó, kiếp sau lại oan oan tương báo nhiều hơn. Giờ chỉ một cây cột, không tỉnh, tiếp tục buộc thêm gút nữa, thì chưa biết kiếp sau oái ăm thế nào. Không gỡ được một lần thì gỡ từ từ cho xong. Buộc thêm chi cho cực. Cây cột điện thôi mà!

Đến giờ, cây cột vẫn nằm đó. Trơ thân cùng tuế nguyệt. Nhưng cuộc sống vẫn êm đềm trôi đi... Một ngày nào đó, cây cột cũng được bưng đi trong yên hòa vui vẻ. Niềm tin là thế.

GIẬN

Lâu rồi không gặp. Gặp lại thấy già đi chút đỉnh nhưng chừng chạc ra phết. Có điều nụ cười vẫn tươi, ánh mắt vẫn hiền hòa. Không đụng duyên thì thôi, đụng chút là soi ra, khỏi đủ thứ chuyện. Sao mình không thể thấy tất cả mọi thứ mà không hề khởi lên so sánh già, vui... Quen rồi! Một thói quen được huân tập qua bao đời. Đụng duyên, tâm liền khởi. Hiện tại luôn là thứ được so sánh với quá khứ. Tu hoài mà không thành Phật là vậy.

- Máy bữa nay đi mua đồ chắc mệt!

Uể oải gật đầu, không lên tiếng.

- Có mấy bữa thôi, đâu có suốt đời đâu!

- Thì cũng may là chỉ có mấy

bữa. Ủa! Mà sao thầy biết.

- Thì thấy cô chở đồ xuống.

- Sao con không thấy thầy.

- Biết! Đi sờ sờ ra đó.

- Ồ! Nhiều khi hai con mắt mở zậy chứ không thấy. Hi hi, chắc lúc đó cái đầu đang vô ký. Để tâm kiểu đó cho khỏe. Soi ra mệt.

Lắc đầu ngao ngán. Hình như lần nào gặp nhau thầy cũng lắc đầu. Lắc hoài cũng thành quen. Quen rồi có khi không chủ định cũng cứ lắc sao ấy...

- Ông Q. chịu nổi cô cũng hay!

- Hi hi... thầy cũng thăm rồi hả?

- Thăm rồi.

Trưa gió thật mát. Nắng, nhưng không làm người mệt mỏi. Chắc tại nhiều cây. Nhưng hình như không phải chỉ có cây, gió hay sự yên tĩnh làm nên không gian thoải mái nhẹ nhàng. Mình đã từng lang thang qua khu nhà xác của một bệnh viện. Cũng nhiều cây, cũng thanh vắng yên bình. Một sự yên bình lạnh lẽo, khiến người ta không khỏi rung mình sợ hãi. Không phải là sự yên ả thanh bình đầy sức sống như ở các tự viện thanh tịnh. Chắc vì khí thế gian không lìa chúng sanh thế gian, thành cảnh tuy như nhau, nhưng do chúng sanh thế gian khác nhau, mà cái khí mình nhận được ở mỗi nơi cũng khác nhau? Chỗ thâm sâu của Phật pháp, khó mà bàn tới.

- Thầy! Con nói thầy nghe cái này.

- Chuyện gì?

- Máy bữa nay giận.

- Trời đất! Có giận nữa ha.

Khi nào cũng có thái độ điều cốt như thế. Người chứ phải ngựa đầu mà không biết giận. Cây cột còn biết mệt nữa là... Nhưng đang cần có chỗ trú giận thành xí xóa.

- Giận dữ lắm.

Cũng vẫn thái độ điều cốt không bỏ. Lại còn chong hai mắt lên. Nhưng đang cần có chỗ trú giận, thành xí xóa.

- Biết giận ai không?

- Ai ?
- Ông thị giả.
- Trời đất!
- Giận đến nỗi, sáng nay mời nước đâu có uống. Mấy bữa nay cũng không vô thất Thầy.

- Giận cá chém thớt hả?

Chuyện bình thường của thiên hạ, có gì mà ngạc nhiên. Giận má nó, nó đi ngang cũng muốn đào đất lên đổ. Ghét người này mà người kia lên tiếng bênh vực thì cho người kia đi luôn. Giờ giận thị giả, không vô thất thầy trụ trì, cũng là chuyện bình thường. Bởi thất đó là chỗ mà thầy thị giả có mặt, qua lại, phục dịch... nó là phần ngã sở của cái ngã được mệnh danh là thầy thị giả. Không dính gì nhau mà còn ghét lan qua được, huống là có liên hệ mật thiết như thế? Vô mới là lạ.

- Giận hết. Không muốn vô thất Thầy luôn.

- Sao vậy?

- Hôm sinh nhật thầy, con điện thoại hỏi “Sinh nhật thầy trụ trì ngày mấy hả thầy?” Biết trả lời sao? “Đâu có sinh nhật... À, à Phật tử người ta cúng dường ngày sinh của Thầy...” Nghe tới đó, ruột lên tới cần cổ. Đâu phải năm nay mới có. Từ năm ngoái năm kia đã có. Tại bạn nên không đi đó thôi, đâu phải không biết. Nhưng chưa, hôm sau xuống tới nơi, nghe thiên hạ nói, mới giận dữ nữa... Đêm qua đông gấm lấm, ngoài nhà khách không có chỗ mà ngủ, đợt này còn

được cho hát hò tặng Thầy...

- Đúng rồi! Trời ơi! Tôi đó vui quá chừng luôn. Bây giờ mới hiểu, vì sao người đời hay nguyên rửa những kẻ gọi là đồ dầu vô lửa. Nguyên rửa là phải. À, mà không phải. Phật tử không được nguyên rửa. Tội lỗi, tội lỗi ...

- Thầy chưa! Thầy thấy có đáng giận không?

- Ừ ! Không giận mới là lạ.

Biết là lời điều cốt, nhưng cũng mát lòng mát dạ. Cũng nguôi đi cơn giận trong lòng. Chỉ ít cũng có một người biết cảm thông cái giận của mình. Giận, dù là giận đúng hay sai thì một người khôn ngoan không bao giờ để nó hiện hình dù chỉ tích tắc. Nhưng khi người ta đang giận, không an ủi cảm thông được thì tốt nhất là nên im lặng. Lúc đó mà phải trái dạy khôn, phân tích đúng sai... thì không khác thêm dầu vô lửa, chỉ khiến lửa giận thêm bùng. Đúng là chỉ có lòng từ mới hóa giải nổi cơn sân.

- Thầy chưa! Giận là phải, đúng không. Thành đâu có vô thất Thầy. Sáng nay mời nước, dờ lơ coi như không nghe. Mấy bữa nay giận mà không nói với ai. Bữa nay mới xì ra đó ...

Tâm thức con người thật buồn cười. Mười chuyện tốt không nhớ, nhớ đời một chuyện còn con. Cái ngày hai đứa mới đặt chân đến thiền viện, thầy thị giả vẫn còn là một cư

sĩ học việc. Không nói, hiền hòa. Ngồi đâu, thầy cũng ra tận nơi mời vô cơm nước. Những ngày làm thị giả, cơm vẫn lo đầy đủ, nước vẫn rót cho uống. Đói, thầy ơi con đói. Đau, thầy ơi có thuốc không? Sách đem cúng dường mấy ngàn cuốn, Thầy ngồi phát từng cuốn chẳng quản mệt nhọc. Một lần giận ông xã, khóc hù hù. Thầy ngồi đó nhìn không nói. Cái nhìn của đứa trẻ lên ba ngồi nhìn mẹ. Thấy khóc mà không biết dỗ dành ra sao, cũng không dám bỏ đi vì sợ để mẹ một mình. Cái nhìn khiến hành giả đang khóc phải bật cười, thấy chuyện đời sao vô duyên, khóc ba thứ lần thân, không đáng.

Giờ mới một chút, giận mấy ngày chưa nguôi. Không biết vì được quan tâm quen rồi, bị phớt lờ mới ra có sự đó, hay người mình vốn có cái chủng vong ơn bội nghĩa, giờ đủ duyên mới phát ra? Tâm thức con người thật kỳ quặc, không đơn giản chút nào!

- Giờ hết giận chưa?

- Hê hê, phun ra vậy chắc hết rồi. Thì vừa rồi mới nói chuyện đó. Thấy cái kiểu chê nước rồi không nói như vậy, biết tông con nhỏ không ổn rồi. Đâu có tiếc gì vài lời để làm con nhỏ nguôi ngoai. Đi ngang, kêu nói vài câu... Mà con nhỏ hết giận thiệt.

- Có vậy mà bạc đầu hết trơn.

Bạc đầu, nhuộm lại mấy hồi. Bạc tâm mới mệt. Vất vả vô ngần!

“Tôi từng nghe, cửa chính yếu để nhập đạo thì sự phát tâm đứng đầu; việc khẩn cấp để tu hành thì sự lập nguyện đứng trước. Nguyện lập thì chúng sanh mới độ nổi, tâm phát thì Phật đạo mới tựu thành. Cái tâm quảng đại không phát, cái nguyện kiên cố chẳng lập, thì dầu trải qua đời kiếp nhiều như cát bụi, cũng y nhiên vẫn ở trong phạm vi luân hồi. Tu hành dầu có, cũng toàn là lao nhọc, khổ sở một cách vô ích. Do đó mà kinh Hoa Nghiêm đã nói: ‘Quên mất tâm bồ đề mà tu hành các thiện pháp thì gọi là hành động theo ma vương.’ Quên mất còn thế, huống chi chưa phát. Nên muốn học Như Lai thừa thì trước phải phát bồ đề nguyện, không thể chậm trễ.” _____
(Phát Bồ Đề Tâm, Thích Trí Quang dịch)

PHỤ TRANG ĐẶC BIỆT:

NGÀY VỀ NGUỒN

Sau “Ngày Về Nguồn” tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp Vân, Canada, bản tin Về Nguồn số 3 đã được phổ biến, qua đó, trình bày tâm nguyện, hướng đi của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đồng thời cũng ghi lại thành quả của 3 ngày tụ họp hòa hợp ấy. Tin tức và hình ảnh của Ngày Về Nguồn có thể được tìm thấy đầy đủ nhất trên trang lưới www.phapvan.ca. Ở đây, PTCR xin trích đăng vài văn kiện quan trọng từ bản tin ấy; đặc biệt là qua “Thư Ngỏ” của Ban Thư Ký Bản Tin Về Nguồn, người đọc có thể thoáng nhìn ra những khuấy phá mạnh động của những thế lực hoặc những cá nhân vô minh nhắm vào sự hòa hợp của Tăng đoàn. Điều trớ trêu là một số cá nhân phá hòa hợp tăng lại là tăng sĩ và phật-tử. Thế mới biết, ở thời mạt-pháp, ngay cả những người tu theo Phật mà còn đánh mất bỏ đi tâm, không còn tin nhân quả nghiệp báo, hướng gì ngoại đạo tà giáo. Với những kẻ vô minh cuồng vọng ấy, ngay cả nỗ lực cao đẹp của chư tăng ni để củng cố đạo lực và xiển dương Chánh Pháp mà họ còn xuyên tạc phỉ báng, thì sẽ không có việc cực ác nào mà họ không làm được. Phật Pháp không cứu độ họ được thì hy vọng nơi đạo lý nào, cơ hội nào để đánh thức hay cảm hóa họ! Vậy, xin hãy cùng chấp tay nguyện cầu cho họ không vì hành vi phá hòa hiệp tăng mà đọa lạc khổ cảnh; chỉ mong một lúc nào đó, họ sớm hồi đầu sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng, sống đời thiện lương. (VH)

Thư Ngỏ

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ngày Về Nguồn lần đầu tiên của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại được tổ chức tại Chùa Pháp Vân, Mississauga, Canada, đã thành công viên mãn. Thành công không phải chỉ vì đã tập trung được đông đảo chư tôn đức Tăng Ni thuộc nhiều giáo hội, hệ phái; không phải chỉ vì bằng sự kiên cường mà vượt qua những khuấy phá của nội ma ngoại chướng; nhưng trên hết, vượt trên tất cả những tâm thức và hành vi đảo điên, đổ kỵ tâm thường nhỏ nhen của thế thái nhân tình, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đã đạt đến đỉnh cao của sự hòa hợp trong suốt 3 ngày tụ họp. Do nơi hòa hợp mà niềm hy lạc lan tỏa khắp những tâm tư, gắn bó đạo tình của những người tăng sĩ lại thành một khối nhất quán, toàn vẹn. Đạo tình này sẽ là chất liệu nền tảng để từ đó, Tăng Ni khắp nơi có thể ngồi lại với nhau, kiện toàn các hình thái sinh hoạt, củng cố đạo lực, vun bồi giới đức, khai mở tất cả những phương tiện cho việc hoằng truyền chánh đạo, cứu khổ chúng sinh.

Mặc dầu với tâm nguyện cao đẹp và sự đồng tâm dũng mãnh để vượt qua chướng duyên mà thành tựu Ngày Về Nguồn, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại vẫn còn phải đối diện với bao trở lực trước mắt, vẫn với sự khuấy phá, xuyên tạc của ác ma, ngoại đạo và nội trùng Phật giáo. Do đó, với bản tin số 3 này, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại một lần nữa, minh định con đường quang minh cao đẹp của hàng trưởng tử Như Lai hành đạo nơi xứ người, ghi lại một số hình ảnh sinh hoạt cũng như các văn kiện quan trọng của Ngày Về Nguồn để chư tôn đức Tăng Ni, chư thiện hữu tri thức và phật-tử xa gần, trong nước và ngoài nước, chia sẻ hướng đi lịch sử tất yếu của Tăng đoàn trong thế kỷ mới.

Không có sự thành tựu lớn lao nào mà không phải trải qua muôn triệu ma chướng; không có đại nguyện nào mà không bị sự công phá, khuấy động của những kẻ tị hiềm nhỏ nhen. Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại sẽ không chùn bước trước bất cứ trở lực nào. Bởi vì, tất cả những mạnh động nào phát xuất từ tham vọng, thù hận và si mê, đều sẽ rập mình trước sức mạnh từ bi, khiêm nhẫn và khoan dung của biển lớn thanh tịnh Tăng-già.

Trong bản tin số 3 này, chư tôn đức và bạn đọc cũng sẽ đọc thấy một vài biến động to lớn xảy ra trong nội bộ Phật giáo. Những biến động ấy có thể không trực tiếp ảnh hưởng đến sinh hoạt của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, nhưng trong tương quan về lý tưởng và sứ mệnh hoằng pháp, bản tin của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại không thể không nhắc đến như là những bài học đau xót mà cá nhân mỗi tăng sĩ hay phật-tử cần trải nghiệm để từ đó, mưu tìm con đường sáng sủa hơn cho tương lai Phật giáo Việt Nam, trong cũng như ngoài nước.

Ban Thư Ký Bản Tin Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại



TÂM NGUYỆN CỦA TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI TRONG NGÀY VỀ NGUỒN

Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại hình thành với ý nguyện khai mở một tụ điểm nhân duyên cho sự trở về và đoàn tụ để tiếp nhận nguồn năng lực thanh tịnh hòa hợp của Tăng-đoàn. Nguồn năng lực ấy, do thanh tịnh mà có thể trải ra vô hạn, do hòa hợp mà có thể mở rộng vô biên. Sức mạnh của Tăng-đoàn là từ nơi ấy. Tăng-đoàn là biển lớn thanh tịnh trang nghiêm trùm khắp mọi sinh hoạt của các giáo hội, hệ phái, tông môn. Về mặt bản thể, biển lớn thanh tịnh ấy (thanh tịnh đại hải) bao gồm tất cả những người xuất gia, trưởng tử Như Lai, không giới hạn quốc gia, chủng tộc, hệ phái, giáo hội; về mặt hình thức, *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* là nơi qui tụ của Tăng Ni Việt Nam hành đạo ngoài nước, lấy tăng-đoàn làm cội gốc, đặt sự nghiệp giải thoát giác ngộ lên hàng đầu, và lấy việc hoằng pháp lợi sinh làm gia vụ.

Cá nhân tăng sĩ cho đến các tổ chức giáo hội khi đến với *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* không cần phải rời bỏ tổ chức giáo hội hay hệ phái của mình, vì *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* không phải là một tổ chức hành chánh tập trung: không có tính cách giới hạn, bó buộc hay loại trừ. Mỗi tổ chức giáo hội, hệ phái vẫn tiếp tục duy trì sắc thái riêng của mình trong cơ cấu tổ chức và đường hướng sinh hoạt, mà không bị trở ngại gì với sinh hoạt chung của *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại*. Hơn thế, từ nơi giao hội và đoàn tụ của Ngày Về Nguồn do *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* khởi xướng, các giáo hội, hệ phái có cơ

hội để học hỏi, trao đổi, hỗ trợ nhau trong tất cả những sinh hoạt Phật-sự tại địa phương, hay cho tổ chức của mình.

Ngày Về Nguồn của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại mang hai mục đích rõ rệt:

- **Ngày hiệp kỳ chư lịch đại Tổ sư và liệt vị thánh tử đạo:** Đây là dịp để Tăng Ni mọi giáo hội và hệ phái có thể vân tập đầy đủ, tổ chức lễ tưởng niệm chung nhằm khắc ghi và tán thán ân đức truyền bá, bảo vệ đạo pháp của tiền nhân. Tưởng niệm công hạnh của chư lịch đại Tổ sư là để nhắc nhở chính mình noi gương theo dấu trong sứ mệnh hoằng truyền chánh pháp;
- **Tạo nhân duyên đoàn tụ cho Tăng Ni Việt Nam khắp nơi:** Đã nhiều năm qua, do hoàn cảnh ly hương vì lý do tị nạn, đoàn tụ, du học hoặc hoằng pháp, Tăng Ni Việt Nam đã chia nhau hành đạo khắp năm châu, chưa hề có cơ hội đoàn tụ đông đủ. Những ngày đại lễ và các đại hội được tổ chức hàng năm tại các tu viện, tự viện, đều được tổ chức riêng biệt và giới hạn trong phạm vi trụ xứ, hệ phái hay giáo hội, chứ không mang tính cách chung của đại thể Tăng-đoàn. *Ngày Về Nguồn* đáp ứng được nhu cầu đoàn tụ rộng rãi ấy.

Trong 3 Ngày Về Nguồn vừa qua, *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* vân tập nơi đạo tràng Pháp Vân này bằng tâm thanh tịnh hòa hợp, bằng tinh thần hỷ xả khoan dung của người con Phật xuất gia, ngồi lại với nhau trong đạo tình thâm sâu, cùng học hỏi, chia sẻ, cảm thông và sách tấn nhau thể hiện tinh thần của Bảy Pháp Bất Thối mà đức Từ phụ giáo huấn.

Giờ đây, từ dưới chân Đức Phật và trước giác linh chư lịch đại Tổ sư, *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* chúng con với ý thức xây dựng đạo nghiệp tự thân và trách nhiệm với cơ đồ của Phật giáo Việt Nam nơi hải ngoại, xin đem hết tâm thành phát nguyện:

- Nguyên giữ gìn giới hạnh, nuôi dưỡng chí nguyện xuất trần để bản thể Tăng-già luôn được tỏa sáng, xứng đáng với ngôi vị chúng trung tôn, là bậc tai mắt của trời người;
- Nguyên đặt Tăng đoàn lên trên cá thể để như biển lớn thanh tịnh, đem tinh thần tương ái, tương kính, tương sám và tương thuận mà sống chung với nhau, cùng nhau tụ họp trong hòa hợp ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào;
- Nguyên luôn ý thức vai trò và sứ mệnh của hàng trưởng tử Như Lai đối với mạng mạch Chánh Pháp và với cơ đồ của Phật giáo Việt Nam mà

lịch đại Tổ sư đã dày công khai sáng và truyền thừa, để trên không phụ ân Thầy-Tổ, dưới cứu độ chúng sinh.

Bình bát, ca-sa, không gia đình, dấn thân vào đạo lớn, người xuất gia chúng con học theo hạnh người xưa: lấy ba cõi làm quán trọ, xem sinh-tử như trò đùa, ngoài thì mong thể hiện uy nghi của bậc đại tượng phu, trong thì nguyện vun bồi giới đức của kẻ xuất trần. Trong nỗ lực kiên cường và cô đơn hướng về mục tiêu tối hậu, chúng con làm sao không khỏi phải vượt qua muôn triệu chướng duyên và thử thách của thế đạo, nhân tâm. Ngoảnh trước, nhìn sau, chỉ có thầy-trò, huynh-đệ là đồng hành pháp lữ. Trong tâm cảm như vậy, chúng con không thể không nhìn nhận nhau, không thể không rơi lệ mừng vui với những ngày đoàn tụ hiếm hoi như thế này trong chuỗi dài dấn thân hành đạo cứu đời.

Ngày Về Nguồn đã mở ra như thế, chỉ là thời gian ngắn ngủi và tụ điểm nhỏ hẹp cho những kẻ “phát túc siêu phương,” nhưng cũng nguyện được là điểm sáng trang nghiêm của biển lớn Tăng-già.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát Ma-ha-tát. *Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại* tham dự Ngày Về Nguồn lần thứ I năm 2007 tại Chùa Pháp Vân, Mississauga, Canada.

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN KỶ YẾU NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ I (2007) CỦA TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Kính bạch chư tôn thiên đức Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại,

Kính thưa quý thiện hữu tri thức Phật tử khắp nơi,

Ngày Về Nguồn lần thứ I tổ chức tại Chùa Pháp Vân, Canada, đã thành tựu viên mãn. Với niềm hoan hỷ chung của đại chúng, việc thực hiện một tập kỷ yếu để ghi dấu những kỷ niệm và thành quả của 3 tụ họp hy hữu là điều không thể bỏ qua.

Nhằm thực hiện KỶ YẾU NGÀY VỀ NGUỒN 2007 CỦA TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI, ban biên tập Kỷ Yếu kính mong chư tôn đức và quý thiện hữu tri thức tích cực đóng góp các bài tiểu luận, biên khảo, tùy bút, truyện, thơ v.v... thích hợp với các chủ đề về sinh hoạt Tăng đoàn, phương cách xây dựng và củng cố nội lực Phật giáo, hướng đi của Phật giáo Hải ngoại, tương lai Phật giáo Việt Nam, Văn hóa Giáo Dục Phật giáo... Nói chung là các bài viết có tính cách xây dựng, khuyến khích tu tập, mở mang tuệ học, gợi ý cho sinh hoạt đặc thù của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại.

Kỷ Yếu Ngày Về Nguồn Lần Thứ I dự trù sẽ ấn hành trước Lễ Phật Đản năm 2008. Vậy, kính xin quý vị gửi bài vở tập trung về địa chỉ CHÙA PHÁP VÂN trễ nhất là 01-3-2007, ghi rõ: KỶ YẾU NGÀY VỀ NGUỒN.

Tập kỷ yếu này dành cho Tăng Ni, dù vậy các bài của cư sĩ sẽ được chọn lọc để đưa vào mục Phụ Lục - Tham Khảo. Ban Biên Tập Kỷ Yếu Ngày Về Nguồn của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đã được Hòa Thượng Trưởng Ban Điều hợp Liên Châu ủy nhiệm cho Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn Lần Thứ I cung thỉnh một số thành viên thuộc nhiều quốc gia chung sức thực hiện.

Thành kính tri ân sự đóng góp quý báu của chư tôn đức.

BAN BIÊN TẬP KỶ YẾU NGÀY VỀ NGUỒN TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Bài vở xin tập trung gửi về:

CHÙA PHÁP VÂN

420 Traders Blvd.E Mississauga, On L4Z 1W7 Canada

hoặc địa chỉ email: thichtamhoa@gmail.com

96 CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI THAM DỰ NGÀY VỀ NGUỒN LẦN ĐẦU TIÊN TỔ CHỨC TẠI CHÙA PHÁP VÂN, MISSISSAUGA, VÀO CÁC NGÀY 21, 22 & 23 THÁNG 9 NĂM 2007

CHÂU ÂU:

1. Hòa Thượng Thích Minh Tâm (France)
2. Hòa Thượng Thích Tánh Thiết (France)
3. Thượng Tọa Thích Quảng Bình (Denmark)
4. Thượng Tọa Thích Tịnh Quang (France)
5. Thượng Tọa Thích Quảng Hiền (Switzerland)
6. Thượng Tọa Thích Thông Trí (Holland)
7. Thượng Tọa Thích Nguyên Lộc (France)
8. Sư Cô Thích Nữ Diệu Trăm (France)

CHÂU ÚC:

1. Thượng Tọa Thích Trường Sanh (New Zealand)
2. Thượng Tọa Thích Nhật Tân (Queensland, Australia)
3. Thượng Tọa Thích Thiện Hiền (Sydney, Australia)
4. Thượng Tọa Thích Tâm Phương (Melbourne, Australia)

HOA KỲ:

1. Hòa Thượng Thích Thắng Hoan (Minnesota)
2. Hòa Thượng Thích Nguyên Lai (California)
3. Hòa Thượng Thích Trí Chơn (California)
4. Hòa Thượng Thích Chơn Thành (California)
5. Hòa Thượng Thích Hành Đạo (California)
6. Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa (Texas)
7. Hòa Thượng Thích Nguyên An (Washington)
8. Hòa Thượng Thích Nguyên Trí (California)
9. Thượng Tọa Thích Nguyên Hạnh (Texas)
10. Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu (California)
11. Thượng Tọa Thích Minh Dung (California)
12. Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn (Illinois)
13. Thượng Tọa Thích Nhật Huệ (California)
14. Thượng Tọa Thích Thông Hải (Hawaii)
15. Thượng Tọa Thích Nguyên Đạt (Texas)
16. Thượng Tọa Thích Thiện Long (California)
17. Thượng Tọa Thích Tâm Tường (California)
18. Thượng Tọa Thích Nhật Trí (Florida)
19. Thượng Tọa Thích Minh Hạnh (Illinois)
20. Thượng Tọa Thích Tâm Thành (California)
21. Thượng Tọa Thích Ân Long (Oregon)
22. Đại Đức Thích Minh Điền (Virginia)
23. Đại Đức Thích Nguyên Kim (Washington)
24. Đại Đức Thích Bảo Thành (Maryland)
25. Đại Đức Thích Thiện Lợi (Connecticut)

26. Đại Đức Thích Quảng Thiện (California)
27. Đại Đức Thích Thiện Nhân (California)
28. Đại Đức Thích Hồng Minh (Memphis TN)
29. Đại Đức Thích Thanh Tịnh (Indiana)
30. Ni Sư Thích Nữ Như Hoa (Massachusetts)
31. Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiện (Indiana)
32. Ni Sư Thích Nữ Trí Hoà (Worcester)
33. Ni Sư Thích Nữ Như Tâm (Massachusetts)
34. Sư Cô Thích Nữ Diệu Tánh (California)
35. Sư Cô Thích Nữ Như Chánh (Massachusetts)
36. Sư Cô Thích Nữ Như Bảo (Massachusetts)
37. Sư Cô Thích Nữ Tuệ Trí (Connecticut)
38. Sư Cô Thích Nữ Tánh Lạc (Indiana)
39. Sư Cô Thích Nữ Thiện Ngọc (Indiana)
40. Sư Cô Thích Nữ Quảng Duyên (Indiana)
41. Sư Cô Thích Nữ Nguyên Thê (Indiana)
42. Sư Cô Thích Nữ Quảng Tịnh (California)
43. Sư Cô Thích Nữ Thanh Hương (New York)
44. Sư Cô Thích Nữ Đại Kính (New York)
45. Sư Cô Thích Nữ Pháp Niệm (Virginia)

GIA NÂ ĐẠI:

1. Thượng Tọa Thích Thiện Quang (Calgary)
2. Thượng Tọa Thích Trí Thành (Mississauga)
3. Thượng Tọa Thích Bồn Đạt (Ottawa)
4. Thượng Tọa Thích Trường Phước (Montreal)
5. Thượng Tọa Thích Tâm Hòa (Mississauga)
6. Thượng Tọa Thích Nguyên Lạc (Mississauga)
7. Thượng Tọa Thích Nhật Quán (Mississauga)
8. Thượng Tọa Thích Huệ Minh (Toronto)
9. Thượng Tọa Thích Trí Dũng (Toronto)
10. Đại Đức Thích Tâm Đăng (Hamilton)
11. Đại Đức Thích Như Thanh (Toronto)
12. Đại Đức Thích Trí Thoát (Windsor)
13. Đại Đức Thích Tâm Minh (Mississauga)
14. Đại Đức Thích Pháp Ân (Victoria)
15. Đại Đức Thích Nguyên Mẫn (Toronto)
16. Đại Đức Thích Đạo Chơn (Montreal)
17. Đại Đức Thích Đạo Hạnh (Kitchener)
18. Đại Đức Thích Thông Trí (Kingston)
19. Đại Đức Thích Chân Tuệ (Brampton)
20. Ni Sư Thích Nữ Từ Trí (Montreal)
21. Ni Sư Thích Nữ Minh An (Vancouver)
22. Sư Cô Thích Nữ Từ Diệu (Montreal)

23. Sư Cô Thích Nữ Như Đức (Montreal)
24. Sư Cô Thích Nữ Viên Tánh (Ottawa)
25. Sư Cô Thích Nữ Diệu Hiền (Manitoba)
26. Sư Cô Thích Nữ Linh Chí (Windsor)
27. Sư Cô Thích Nữ Thanh Quang (Quebec)
28. Sư Cô Thích Nữ Chơn Thành (Toronto)
29. Sư Cô Thích Nữ Phúc Chính (Toronto)
30. Sư Cô Thích Nữ Chân Huệ (Mississauga)
31. Sư Cô Thích Nữ Như Hương (Windsor)

32. Sư Cô Thích Nữ Hỷ An (Montreal)
33. Sư Cô Thích Nữ Hỷ Lạc (Montreal)
34. Sư Cô Thích Nữ Tịnh Niệm (Montreal)
35. Sư Cô Thích Nữ Phước Hiền (Montreal)
36. Ni Cô Thích Nữ Nhất Nguyên (Montreal)
37. Ni Cô Thích Nữ Diệu Thuần (Montreal)
38. Ni Cô Thích Nữ Phước Bình (Montreal)
39. Ni Cô Thích Nữ Tánh Hiền (Ottawa)

CHƯ TÔN ĐỨC TẶNG NI KHẮP NƠI VÌ BẠN PHẬT SỰ KHÔNG THAM DỰ LỄ NHƯNG CŨNG ĐÃ HƯỚNG TÂM VỀ VỚI ĐẠI TẶNG TRONG BA NGÀY VỀ NGUỒN ĐỂ CHIA SẺ QUA THƯ HỒI BÁO, EMAIL VÀ ĐIỆN THOẠI CHÚC MỪNG CŨNG NHƯ ỦNG HỘ TỊNH TÀI CHO NGÀY VỀ NGUỒN. BAN TỔ CHỨC ĐÃ GHI NHẬN DANH SÁCH NHƯ SAU:

CANADA:

1. Hòa Thượng Thích Tâm Châu (Montreal)
2. Thượng Tọa Thích Trường Minh (Montreal)
3. Thượng Tọa Thích Viên Diệu (Montreal)
4. Đại Đức Thích Pháp Lạc (Calgary)
5. Đại Đức Thích Phúc Tuệ (Montreal)
6. Đại Đức Thích Thông Giới (Montreal)
7. Ni Sư Thích Nữ Như Linh (Toronto)
8. Ni Sư Thích Nữ Như Tâm (Toronto)
9. Sư Cô Thích Nữ Bảo Quang (Calgary)
10. Sư Cô Thích Nữ Huệ Thuận (Calgary)

HOA KỲ:

1. Hòa Thượng Thích Minh Đạt (Cali)
2. Hòa Thượng Thích Pháp Tánh (Cali)
3. Thượng Tọa Thích Quảng Thanh (Cali)
4. Thượng Tọa Thích Trí Hoằng (Connecticut)
5. Thượng Tọa Thích Minh Đức (Connecticut)
6. Thượng Tọa Thích Pháp Trí (Nebraska)

7. Thượng Tọa Thích Tuệ Uy (Cali)
8. Đại Đức Thích Thông Đức (Louisiana)
9. Đại Đức Thích Thiện Duyên (Cali)
10. Đại Đức Thích Minh Chí (Cali)
11. Ni Sư Thích Nữ Thanh Lương (Texas)
12. Sư Cô Thích Nữ Minh Tâm (Virginia)
13. Sư Cô Thích Nữ Tánh Không (Oregon)
14. Sư Cô Thích Nữ Tánh Hải (Oregon)
15. Sư Cô Thích Nữ Như Châu (Oregon)
16. Sư Cô Thích Nữ Như Bình (Oregon)

ÚC CHÂU:

1. Đại Đức Thích Phổ Hương (Sydney)
2. Đại Đức Thích Nguyên Tạng (Melbourne)

ÂU CHÂU:

1. Hòa Thượng Thích Trí Minh (Norway)
2. Thượng Tọa Thích An Chí (Norway)

**HẠNH PHÚC THAY CHƯ PHẬT RA ĐỜI
HẠNH PHÚC THAY CHÁNH PHÁP TUYÊN XƯNG
HẠNH PHÚC THAY TẶNG GIÀ HÒA HỢP
HẠNH PHÚC THAY TỬ CHÚNG ĐỒNG TU!**

THỜI BÁO (TORONTO, CANADA) PHÔNG VÂN T.T. THÍCH TÂM HÒA TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ I của TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Thời Báo đã gặp gỡ Thượng Tọa Thích Tâm Hòa, Trụ trì chùa Pháp Vân, trưởng ban tổ chức Ngày Về Nguồn trong một cuộc nói chuyện ngắn dưới đây:

Phóng Viên (PV): Thưa Thượng Tọa, xin Thượng Tọa cho quý độc giả của Thời Báo biết qua về mục đích và ý nghĩa của Ngày Về Nguồn được tổ chức tại Chùa Pháp Vân Mississauga trong ba ngày 21, 22 & 23 tháng 9 vừa qua?

TT. Thích Tâm Hòa (TTH): Thưa anh, ở thế gian có ngày kỵ giỗ tổ tiên để tưởng nhớ đến công ơn của ông bà cha mẹ, ở trong đạo cũng vậy, người tăng sĩ xuất gia cũng luôn tưởng nhớ đến công đức cao dày của chư vị tiền bối, lịch đại tổ sư, những người đã dày công khai sáng và hi hiển đời mình cho sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp. Đó là ý nghĩa của Ngày Về Nguồn, và cũng là đạo lý cao đẹp ngàn đời của người Việt Nam, đạo lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn”, và Ngày Về Nguồn được tổ chức trong thời gian vừa qua tại chùa Pháp Vân cũng không ngoài ý nghĩa ấy. Ngày Về Nguồn của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại mang hai mục đích rõ rệt:

• **Ngày hiệp kỵ chư lịch đại Tổ sư và liệt vị thánh tử đạo:** Đây là dịp để Tăng Ni mọi giáo hội và hệ phái có thể vân tập đầy đủ, tổ chức lễ tưởng niệm chung nhằm khắc ghi và tán thán ân đức truyền bá, bảo vệ đạo pháp của tiền nhân. Tưởng niệm công hạnh của chư lịch đại Tổ sư là để nhắc nhở chính mình noi gương theo dấu trong sứ mệnh hoằng truyền chánh pháp;

• **Tạo nhân duyên đoàn tụ cho Tăng Ni Việt Nam khắp nơi:** Đã nhiều năm qua, do hoàn cảnh ly hương vì lý do tị nạn, đoàn tụ, du học hoặc hoằng pháp, Tăng Ni Việt Nam đã chia nhau hành đạo khắp năm châu, chưa hề có cơ hội đoàn tụ đông đủ. Những ngày đại lễ và các đại hội được tổ chức hàng năm tại các tu viện, tự viện, đều được tổ chức riêng biệt và giới hạn trong phạm vi trụ xứ, hệ phái hay giáo hội, chứ không mang tính cách chung của đại thể Tăng-đoàn. Ngày Về Nguồn đáp ứng được nhu cầu đoàn tụ rộng rãi ấy.

(PV): Xin cho biết về các tổ chức Giáo Hội Phật Giáo VN tại Hải Ngoại?

(TTH): Thưa anh, nói về các tổ chức Giáo Hội Phật Giáo VN tại hải ngoại này thì nhiều lắm. Nhiều nhưng không phải là phân hóa, chia rẽ, sự hành hoạt có đôi chút khác nhau, mà vẫn chỉ là một. Tại sao tôi dám khẳng định là một như vậy. Là vì bản chất của Tăng là hòa hợp. Cũng giống như bản chất của nước là ướt, dù nước ở dưới bất cứ dạng nào, là hơi, là sương, là băng, là tuyết... Nước khi nóng thì bốc hơi, khi lạnh thì đóng băng... sự biến hiện của nước có thiên hình vạn trạng nhưng vẫn chỉ là một, cuối cùng nước vẫn trở về với nước. Nước khi ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, trăm con sông có tên gọi khác nhau, danh xưng khác nhau nhưng một khi đã trở về với biển thì nó chỉ có một tên gọi duy nhất đó là đại dương. Một bằng chứng điển hình là 3 Ngày Về Nguồn vừa qua đã có mặt

tương đối đầy đủ các tổ chức Giáo Hội đang hành đạo tại hải ngoại, mà từ hơn 30 năm qua chưa có dịp sinh hoạt chung với nhau, đã cùng nhau sinh hoạt tu học, thiền tập và thảo luận trong tinh thần hòa hợp.

Sau năm 1975 vì vận nước điêu linh, nên những tu sĩ thuộc các đạo giáo Việt Nam cũng nổi trôi theo vận nước cùng với những đồng bào Việt lưu vong và định cư trên khắp thế giới. Thế rồi những Giáo Đường, Nhà thờ, Thánh Thất, Niệm Phật Đường, Tu Viện, Tự Viện cũng được chính những người Việt lưu vong đóng góp để thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng cho đại chúng lúc bấy giờ.

Những tổ chức giáo hội, những danh xưng tùy theo mỗi quốc gia thuộc các châu lục cũng được hình thành để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thuộc các lĩnh vực Văn Hóa, Giáo Dục, Từ Thiện Xã Hội v.v... nhưng tôn chỉ và mục đích của các tổ chức Giáo Hội đều không khác. Lấy Từ Bi, Trí Tuệ làm nền tảng để phục vụ cho xã hội và đem lại cứu cánh hạnh phúc an lạc cho quần sinh.

Tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Canada được thành lập vào năm 1992 theo Tâm Thư kêu gọi Thống Nhất của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu (Xử lý Thường Vụ Viện Tăng Thống lúc bấy giờ) để yểm trợ công cuộc tranh đấu đòi quyền phục hoạt cho GHPGVNTN tại quê nhà. Lúc bấy giờ, cá nhân chúng tôi là Tổng Thư Ký Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Canada. Tuy nhiên, trước đó chư

tăng Canada đang hành đạo rải rác khắp các tỉnh bang, dù chưa thành lập Giáo Hội, nhưng hàng năm vào mùa An Cư Kiết Hạ, chư tăng ni cũng trở về với nhau trong hai tuần lễ để sách tấn tu học như hình thức một Giáo Đoàn thời Phật và mùa An Cư đầu tiên được tổ chức tại chùa Thuyền Tôn Montreal vào năm 1989 cho đến năm nay là 19 mùa.

(PV) Thưa Thượng Tọa, nguyên nhân nào có Ngày Về Nguồn và danh xưng Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại có phải là một tổ chức mới thành lập không?

(TTH): Thưa anh, Sở dĩ có Ngày Về Nguồn hôm nay là xuất phát từ buổi lễ giỗ Tổ Liễu Quán, (một vị thiền sư danh tiếng lỗi lạc khai sáng dòng thiền Liễu Quán ảnh hưởng rất lớn trong sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào) năm ngoải tại Phật Học Viện Quốc Tế thuộc bang California; trong buổi lễ, chư tôn trưởng lão Hòa Thượng có đề nghị là nếu có thể được thì nên tổ chức một buổi Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, để con cháu của tất cả các thiền phái không phân biệt tổ chức giáo hội, tông phái hay hệ phái đều có thể trở về với nhau như anh em trong một đại gia đình. Ngõ hầu những hàng hậu học có dịp lắng nghe sự chỉ dạy của các trưởng lão tiền bối và chư vị trưởng lão Hòa thượng cũng có dịp để khuyến tấn, nhắc nhở và trao truyền đến các thế hệ đàn em những kinh nghiệm tu học và hành đạo. Lời đề nghị đó đã được hầu hết các trưởng lão và chư tôn đức tăng ni hiện diện trong buổi lễ đều hoan hỷ tán thành và đơn vị Pháp Vân đã được quý Ngài ủy thác đứng ra tổ chức lần đầu tiên và mỗi năm sẽ là một quốc gia thuộc các châu lục luân phiên đảm nhiệm.

Còn vấn đề Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại có phải là một tổ chức mới không, thì xin thưa là không. Danh xưng này chỉ để nói lên sự kết hợp Tăng Ni Việt Nam đang sinh

hoạt và hành đạo tại hải ngoại không phân biệt tông phái, hệ phái hay tổ chức giáo hội. Vì Tăng Ni Việt Nam đã và đang hành đạo tại hải ngoại là một sự thật hiển nhiên. Quý Ngài về với nhau chỉ liên hệ tinh thần để hỗ trợ nhau trong những công tác Phật sự, chứ không có một sự ràng buộc nào trong vấn đề tổ chức. Quý Ngài vẫn cứ sinh hoạt với các tổ chức Giáo Hội có sẵn của quý Ngài. Do đó đây không phải là một tổ chức gì mới cả, thưa anh.

(PV): Thưa Thượng Tọa, có bao nhiêu Tăng Ni về tham dự Ngày Về Nguồn và từ đâu đến?

(TTH): Thưa anh, tổng số tăng ni từ khắp các quốc gia tham dự gồm: Úc Châu và Tân Tây Lan có 4 vị; Âu Châu có 8 vị; Hoa -Kỳ có 45 vị và từ các tiểu bang Canada có 39 vị, tổng cộng 96 vị.

(PV): Chương trình thảo luận trong 3 ngày qua gồm có những vấn đề gì, và kết quả cụ thể như thế nào, Thượng Tọa có thể chia sẻ với độc giả của thời Báo một chút không?

(TTH): Trong 3 ngày qua chúng tôi có 3 buổi thảo luận và 3 thuyết trình viên là Thượng Tọa Thích Nguyên Hạnh, Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu và Thượng Tọa Thích Thiện Quang, đã nêu đặt những vấn đề liên quan đến phẩm chất của người Tu Sĩ Phật Giáo Việt Nam đang hành đạo trong các xã hội Tây phương và làm thế nào để có thể đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và tu học của đại chúng, nhất là giới trẻ đang sinh sống tại hải ngoại. Để có thể tóm tắt nội dung thảo luận và tu học trong 3 ngày qua mà tất cả chư tôn đức đã cùng nhau phát nguyện những điều như sau:

• *Nguyên giữ gìn giới hạnh, nuôi dưỡng chí nguyện xuất trần để bản thể Tăng-già luôn được tỏa sáng, xứng đáng với ngôi vị chúng trung tôn, là bậc tại mắt của trời người;*

• *Nguyên đặt Tăng đoàn lên trên cá thể để như biển lớn thanh tịnh, đem tinh thần tương ái, tương kính, tương sát và tương thuận mà sống chung với nhau, cùng nhau tụ họp trong hòa hợp ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào;*

• *Nguyên luôn ý thức vai trò và sứ mệnh của hàng trưởng tử Như Lai đối với mạng mạch Chánh Pháp và với cơ đồ của Phật giáo Việt Nam mà lịch đại Tổ sư đã dày công khai sáng và truyền thừa, để trên không phụ ân Thầy-Tổ, dưới cứu độ chúng sinh.*

(PV): Có bao nhiêu Phật tử về tham dự?

(TTH): Thưa anh, ngoại trừ những Phật tử từ quốc gia xa xôi như Hòa Lan, và các tiểu bang Hoa Kỳ ... quý Phật tử tại địa phương và các thành phố lân cận cũng về tham dự trong chương trình Hiệp Kỳ và đêm văn nghệ Uống Nước Nhớ Nguồn khoảng hơn một ngàn Phật tử.

(PV): Có Tăng Ni tham dự viên nào từ Việt Nam sang không, thưa Thầy?

(TTH): Chúng tôi không có mời Tăng Ni nào từ Việt Nam sang, thưa anh. Vì đây là sinh hoạt của Tăng Ni Việt Nam đang hành đạo tại hải ngoại.

(PV) Xin thay mặt cho Tòa Soạn Thời Báo chân thành cảm ơn Thượng Tọa đã dành cho Thời Báo buổi phỏng vấn đặc biệt này để độc giả của chúng tôi được hiểu rõ hơn về ý nghĩa và mục đích của ngày Về Nguồn.

(TTH): Xin chân thành cảm ơn anh, thay mặt cho tăng chúng và Phật tử Pháp Vân kính chúc anh cùng tất cả nhân viên trong tòa soạn Thời Báo được vô lượng an lành, và Thời Báo luôn luôn là tờ báo được mọi người và mọi giới trong cộng đồng cũng như bạn đọc bốn phương yêu mến.

BẢY PHÁP BẤT THỐI



Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa được Tăng sai đọc Bảy Pháp Bất Thối trong buổi lễ Khai Mạc ngày Về Nguồn 21/9/2007 và toàn thể Đại Tăng đang yên lặng lắng nghe

Nam mô Thập phương Thường trú Tam Bảo

Hôm nay nhân có đại chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, thức-xoa ma-na, sa-di, sa-di ni từ khắp nơi vân tập, tôi (con) được tăng-sai xin long trọng tuyên BẢY PHÁP BẤT THỐI do đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni giáo huấn trong Kinh Du Hành, bộ Trường A Hàm. BẢY PHÁP BẤT THỐI này từ hơn hai nghìn năm trăm năm qua đã là nguyên tắc nền tảng mang lại sự thanh tịnh hòa hợp cho mọi tụ họp, và cũng là giềng mối tạo nên sự đoàn kết, hưng thịnh của chúng tỳ kheo trong mọi thời đại. Xin đại chúng tịch lặng lắng nghe.

BẢY PHÁP BẤT THỐI hay BẢY PHÁP LÀM HƯNG THỊNH CHÚNG TỶ-KHEO:

- 1- Các Tỳ-kheo cần phải thường xuyên tụ họp, và tụ họp đông đảo để giảng luận Chánh pháp, khiến cho có sự hòa hợp trên dưới của các Tỳ-kheo.
- 2- Các Tỳ-kheo phải tụ họp trong tinh thần hòa hiệp, giải tán trong tinh thần hòa hiệp, và chấp hành Tăng sự trong tinh thần đoàn kết.
- 3- Chúng Tỳ-kheo không ban hành những luật lệ không thích hợp, những luật lệ không đáng được ban hành; và cũng không bãi bỏ những luật lệ đã được ban hành từ trước; sống đúng những gì đã được quy định bởi cộng đồng Tăng lữ.
- 4- Các Tỳ-kheo luôn luôn phải kính trọng, phục vụ các Tỳ-kheo trưởng lão, những vị có nhiều kinh nghiệm tu tập trong Chánh Pháp Luật, sẵn sàng nghe theo những lời khuyên dạy của các bậc trưởng thượng như thế.
- 5- Các Tỳ-kheo sống không bị lôi cuốn bởi những tham ái.
- 6- Trú xứ cộng đồng các Tỳ-kheo luôn luôn là những trú xứ nhàn tịnh.
- 7- Các Tỳ-kheo sống an trú trên chánh niệm tạo thành một cộng đồng sinh động, khiến cho các bạn đồng tu từ những phương khác nếu chưa đến thì muốn đến, đã đến thì muốn cùng sống và cùng tu tập trong sự an lạc.

BẢY PHÁP BẤT THỐI đã được tuyên đọc, xin nhất tâm y **giáo phụng hành**.

LỜI CẦU NGUYỆN

(đọc trong Lễ Hội Hướng Bé Mạc)



TT. Thích Tâm Hòa trưởng ban tổ chức đọc Lời Cầu Nguyện trong buổi lễ Bé Mạc ngày Về Nguồn 23/9/2007

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Chúng con, Tăng Ni Việt Nam đang tu học và hành đạo ở nhiều nơi trên thế giới cùng nhau tụ họp tại Đạo Tràng Pháp Vân, Gia Nã Đại, một lòng hướng về Tam Bảo thường trụ trong mười phương, chí thành kính cẩn dâng lời cầu nguyện:

- Nguyên cho Phật Pháp được trường tồn để soi sáng đường đi cho dân tộc và nhân loại chúng con. Nguyên cho nền Phật giáo ở Việt Nam mà lịch đại tổ sư đã dày công khai sáng vun bồi mãi mãi là nền móng đạo đức, là nguồn sống tâm linh của giống nòi Việt Nam. Giữa lúc thế đạo ngửa nghiêng, nhân tâm ly tán với bao chương nạn đầy dẫy này, chúng con còn mong ước nào hơn là mong cho các bậc Hùng Sư Đại Sỹ cất lên được tiếng nói của Từ Bi, Trí Tuệ giữa muôn trùng sóng gió tai ương; mong cho những tâm hồn cao cả đã vì không nở để Thánh giáo suy, không đành nhìn chúng sanh khổ mà dấn thân vào đạo lớn mỗi mỗi đều thành tựu được hạnh nguyện của mình để cho nền Đạo được vững bền trên quê hương.
- Nguyên cho dân tộc Việt Nam chúng con, đã triền miên trong thảm họa của chiến tranh thù hận và phân ly tan tác sớm tìm được con đường hóa giải mọi oán cừu oan khiên để người người trên quê hương được sống trong an toàn hạnh phúc và với tự do chân thực như phẩm giá cao quý của mình. Chủ nghĩa mà chỉ khi non nước điêu linh! chế độ mà chỉ khi sinh dân độ thán! Chúng con xin trải hết lòng ra mà cầu nguyện cho không ai còn đem ác tâm mà chà đạp ai, không ai còn thành kiến mà làm cho ai phải sống kiếp đọa đầy. Tai trời ách nước đã nhiều! Chúng con xin hết dạ cầu mong cho mưa thuận gió hòa, cho kẻ đói được cơm, người đau được thuốc, cho không ai còn vui thân trong cảnh gió lạnh mưa sa nào nùng.
- Nguyên cho loài người trên mặt đất này không ai còn sống trong ngục tù của chủ nghĩa hận thù cuồng tín và tham vọng cuồng si. Kỳ thị và bất công đang tạo nên bao mối xung đột. Khủng bố và chiến tranh đang gieo rắc bao chết chóc đau thương ở khắp mọi nơi. Từ tận đáy lòng, chúng con xin cho từ tâm mở rộng, đèn tuệ sáng soi để cho người người được sống với nhau trong tình huynh đệ bao la và để cho mặt đất này trở thành một nơi chốn tốt đẹp hơn cho loài người và cả muôn loài đều an lạc.

Nam Mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ Tát

ĐẾN VỚI NGÀY VỀ NGUỒN

Diệu Trang

Theo Tây lịch thì ngày 23/09/07 mới chính thức là ngày đầu tiên của mùa thu. Vậy mà từ những tuần trước đó thời tiết đã trở lạnh mà cây vẫn còn xanh lá, chưa thay màu. Mặc dù những cơn gió lạnh lạnh đã bắt đầu viếng thăm, lang thang khắp chốn, như muốn khảo sát trước một điều gì. Hay gió cũng nôn nao chờ đợi ngày hội sắp đến. Con gió vô thường còn thế, hướng chỉ lòng người phật tử hân hoan. Nhưng cũng lạ thay khi đến gần ngày đại lễ thì thời tiết lại âm dần, không lạnh buốt mà cũng không có những cơn mưa thu như mọi năm. Hình như có sự mâu nhiệm từ cõi thiên chăng?

Ngày Về Nguồn được tổ chức lần đầu tiên tại Chùa Pháp Vân, Mississauga, Canada, từ ngày 21-23 tháng 09 năm 2007. Có tất cả 96 vị tăng ni đến tham dự từ Canada, Hoa Kỳ, Châu Âu và Châu Úc, Tân Tây Lan. Ngoài ra còn có các phật tử đến từ Hòa Lan, các tiểu bang đông bắc Hoa Kỳ, phật tử tại địa phương và các thành phố lân cận cũng đến tham dự.

Ngôi chùa quen thuộc vốn đã thường nhộn nhịp vào mỗi cuối tuần, nay lại càng rộn rã, náo nhiệt hơn.

Bước vào trong, chánh điện đông đúc người, hương trầm tỏa nhẹ. Bức tôn tượng uy nghiêm của đức từ phụ Thích Ca sáng rực ngay giữa trung tâm. Không chỉ sáng bởi ánh đèn trần phủ xuống tôn tượng, mà cũng sáng vì hai bình hoa thật to được một phật tử nào đó với tâm thành khi dùng đôi tay khéo léo bày tính nghệ thuật của mình mà kết tạo nên, ngưỡng mong khi bất cứ ai nhìn vào cũng đều tỏ lòng tôn kính trang

nghiêm trước tôn tượng. Thêm nữa, hai bên Chánh điện có treo xuôi hai câu đối do thượng tọa Thích Tuệ Sỹ đề tặng riêng cho Chùa Pháp Vân. Dòng chữ màu đen nổi bật trên nền vải màu đỏ tươi, rủ xuống hai bên phía trước tôn tượng. Câu đối chữ Hán, được phiên âm hán-việt như sau:

*“PHÁP trụ thiên hàn cực địa
Không hoa như tuyết tỏa thiên
quynh*

*Sinh tử diêu trình
Kỷ hữ mộng hồi cổ lý*

*VÂN hành sắc một phù âu
Mộ ảnh ngưng yên tham văn
khóa*

*Bối ngâm trường dạ
Hữu thời thanh đoạn hồng
châu.”*

Ba phía còn lại, ngay trên tường cao thì có những dòng chữ quen thuộc nằm lòng mà ý nghĩa không cùng đối với hàng phật tử. Chữ trắng trên nền xanh: *“Chúng sinh vô biên thế nguyện độ. Phiền não vô biên thế nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thế nguyện học. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”*. Và *“Hạnh phúc thay Chư Phật Đản Sinh. Hạnh phúc thay Chánh Pháp Xương Minh”*. *“Hạnh phúc thay Tăng già hoà hiệp. Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu”*.

Hai bức chân dung của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát và Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát gây ấn tượng cho hàng phật tử. Nhiều người cứ đứng ngắm nghía hai bức chân dung sau khi đến sớm thấp nhang, quên hẳn việc tìm cho mình một chỗ ngồi cho giờ thuyết giảng.

Chánh điện thân quen ngày nào

hôm nay được trang hoàng đơn giản nhưng cũng thật long trọng và trang nghiêm, ý nghĩa như thế. Chút hương trầm tỏa nhẹ khắp không gian nhộn nhịp vì đông đúc người. Lòng rung rung một niềm an lạc.

Nền chánh điện rộng rãi mà cũng không còn một chỗ ngồi. Thượng Tọa Thích Nguyên Hạnh bắt đầu thuyết giảng như lịch trình. Có số đông phật tử đứng ngoài cửa, lan tận ra ngoài sân, vậy mà cũng cố nghiêng người nhón chân nhướn mắt vào trong để mong nhìn cho được gương mặt của vị giảng sư. Mặc dù vậy họ vẫn giữ được sự yên lặng. MẸ, đề tài muôn thuở, mà Thầy giảng hôm nay như nhắc cho thính chúng hãy luôn nằm lòng câu nói của người xưa *“Uống nước nhớ nguồn”*. Lời thầy vang vang, giọng Huế trầm ấm làm cho mọi phật tử có mặt hôm nay không khỏi cảm động. Giọng thầy thật rõ ràng khi nói đến từ MẸ, và dừng lại vài giây khi Thầy nhắc đến từ MẸ một cách tôn kính. Thầy đang nhắc nhở đại chúng, hay vì thầy cũng đang cảm động chăng?... Bài giảng ngắn gọn mà chứa đầy đủ ý nghĩa về thứ tình thiêng liêng ấy. MẸ là nguồn, là cội rễ. Cây mà thiếu đi cội rễ, hoặc không còn cội rễ thì sẽ không sống được. Mà cây có sống được là nhờ cội rễ, nên phải biết nhớ ơn. Đó cũng là ý nghĩa thâm sâu mà Thầy muốn nhắn gửi đến thính chúng. Cũng bằng cách đó, Thầy đã dẫn nhập vào ý nghĩa và mục đích của Ngày Về Nguồn một cách tự nhiên. Bài giảng dùng làm mở đề cho buổi khai mạc đêm nay... Thời thuyết giảng xong mà hội trường vẫn yên lặng trong

trật tự. Người viết hiểu rằng lời pháp nhũ của thầy đã thấm nhẹ nhàng vào lòng người nghe, êm ái như những hạt mưa thu lấp phát.

Thầy Nhật Trí điều hợp chương trình đêm nay thay mặt đại chúng gửi lời tri ân đến TT Thích Nguyên Hạnh đã cho hàng phật tử thời pháp cảm động. Hàng phật tử y lời vị điều hợp chương trình di chuyển nép sát vào hai bên chánh điện, nhường khoảng giữa cho gần 100 vị Tăng Ni quang lâm. Người người san sát nhau, không quen nhau cũng trao nhau nụ cười thân thiết và dễ mến. Trong hoàn cảnh ấy mà đám đông vẫn giữ được sự yên lặng.

Phía trong tổ đường, sau khi TT Thích Tâm Hòa đọc bản Tác Bạch Lễ Cung An Chưc Sự theo nghi thức truyền thống của thiền môn, hồi trống Bát Nhã vang lên, đại chúng chấp tay cung nghinh quý tăng ni tuần tự từ tổ đường ra chánh điện. Từng vị khoan thai bước ra trong sắc vàng rực của pháp y. Một cảm xúc khó tả tràn dâng. Người viết biết mình không đủ phước duyên được sinh vào thời Phật còn tại thế, nhưng thật vô cùng hạnh phúc khi chứng kiến được cảnh giới và không khí trang nghiêm hiem có như thế này, còn gì mong mỏi hơn thế nữa! Khi vị Ni và các sa di ni cuối cùng vào vị trí, Thầy Nhật Trí tuyên bố khai mạc buổi lễ bằng cách nêu ý nghĩa và hai mục đích của Ngày Về Nguồn: Ở ngoài đời dễ tưởng nhớ đến công ơn của ông bà cha mẹ thì có ngày giỗ tổ tiên; còn ở trong đạo, người xuất gia cũng luôn tưởng nhớ đến công đức cao dày của các vị tiền bối, lịch đại tổ sư... những người đã khai sáng và hi hiển trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp. Bên cạnh đó Ngày Về Nguồn có hai mục đích sau: a) **Ngày hiệp kỳ chư lịch đại Tổ sư và liệt vị thánh tử đạo;** b) **Tạo nhân duyên đoàn tụ cho Tăng Ni Việt Nam khắp nơi.**

Sau đó, hội trường tịch lặng lắng

nghe Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa thay mặt tăng ni đọc lời giáo huấn của đức Phật là **Bảy Pháp Bất Thối**, trích trong Kinh Du Hành, Bộ Trường A Hàm. TT kết thúc bản văn, đại chúng lập theo 3 lần câu “*y giáo phụng hành.*”

Lễ Phật cầu nguyện được tiếp diễn. Lời kinh thâm diệu, tiếng chuông tinh thức cùng tiếng mõ như quyện vào nhau tạo nên một cảnh giới thanh tịnh hòa hợp hiem thấy tại các đạo tràng hải ngoại. Một cảnh thật sống động và cũng thật cảm động. Đại chúng nhiếp tâm theo không khí trang nghiêm này trong tĩnh lặng. Kết thúc thời kinh, Thầy Tâm Hoà, trú trì chùa Pháp Vân, cũng là trưởng ban tổ chức Ngày Về Nguồn lên chào mừng chư tôn đức tăng ni, sau đó cung thỉnh Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Trưởng ban Điều hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại tuyên đọc lời khai mạc. Sau cùng Thầy Thích Hạnh Đạo được mời lên trước đại chúng, thay mặt tăng ni ban bố đạo từ. Thầy không cần cầm giấy trong tay, bởi những lời chia sẻ của Thầy xuất phát từ trái tim đã làm cho đại chúng vô cùng hoan hỷ, thoải mái bằng những tiếng cười và những tràn vỗ tay đồng tình. Vâng, Thầy thật là dí dỏm, hài hước, và cũng thật... dễ thương, nhưng vẫn nói lên được những ước nguyện chân thành của Thầy cũng như của tăng ni. Cũng theo chương trình, TT Thích Nhật Trí đọc Thư Chúc Mừng của Hòa Thượng Thích Minh Đạt từ California, Hoa Kỳ, và TT Thích Tâm Hòa đọc lá “Thư chúc mừng Ngày Về Nguồn” của Đại lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu, thượng thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên thế giới.

Lễ cung an chưc sự và khai mạc Ngày Về Nguồn bắt đầu từ 7 giờ đêm và đã hoàn mãn sau hơn 10 giờ đêm ngày thứ Sáu 21-09-2007 trong niềm hoan hỷ, an lạc của tất cả những người có mặt.

Rạng sáng 6 giờ, ngày 22-09, thời khóa tọa thiền và công phu sáng được diễn ra như thường lệ của tăng chúng chùa Pháp Vân. Tuy nhiên hôm nay nhân ngày lễ hiem có này, các Phật tử ở gần địa phương có dịp cùng tham gia công phu và tụng kinh sáng với quý Tăng Ni từ khắp nơi tụ về. Sau đó, là hai buổi hội thảo tại chánh điện, buổi sáng với thuyết trình viên là TT Thích Nguyên Hạnh và buổi chiều là TT Thích Nguyên Siêu. Đây là những buổi hội thảo chỉ dành cho Tăng Ni nên người viết không đủ duyên để lắng nghe. Nhưng trong trí tưởng tượng, người viết có thể hình dung được buổi hội thảo chắc chắn diễn ra trong một không khí hòa hợp đoàn kết của một tăng đoàn đến từ khắp bốn phương trên thế giới.

Buổi chiều cùng ngày, có tiệc buffet chay thân mật dành chung cho tất cả các quý tăng ni và phật tử. Từng hàng dài nối nhau không phân biệt tăng ni hay phật tử, cứ thế theo thứ tự mà đến lượt mình lấy thức ăn. Quang cảnh thật vui và nhộn nhịp. Song song là chương trình văn nghệ “*Uống nước nhớ nguồn*” tại lễ đài lộ thiên trong khuôn viên chùa Pháp Vân, một chương trình văn nghệ không thể thiếu cho một ngày lễ như thế này với đồng đảo phật tử đồng hương. Tiếng hát của ca sĩ địa phương Quốc Thắng được ủng hộ bằng những tràng pháo tay thật to. Cô ca sĩ Lily, người Canada chính gốc lại chinh phục khán giả bởi giọng hát thật chuẩn khi trình bày các nhạc phẩm trữ tình Việt Nam. Cô cũng thật dễ thương khi trao đổi những tâm sự cùng chị MC Khánh Lan và khán giả bằng vốn tiếng Việt của mình. Rồi tiết mục của ban nhạc Dân Tộc của Kim Uyên, phần diễn ngâm của nghệ sĩ Lê Ba... cũng được ủng hộ bởi khán giả cho thấy sự thành công của họ trong đêm nay. Rồi thật hứng thú và ngưỡng mộ khi thầy Nhật Trí cũng giúp vui góp tài của

mình bằng bài vọng cổ của dân miền nam. Thầy Tâm Hòa cũng không ngại chia sẻ niềm vui chung bằng giọng ngâm thơ thật là hay! (Mãi đến hôm nay người viết mới tận tai nghe, bởi từ trước đến giờ chỉ nghe loáng thoáng ai đó nói về thầy với tài ngâm thơ). Xen kẽ giữa chương trình với phần giới thiệu chương trình của MC Khánh Lan, là những đoạn thoại trao đổi của các quý thầy khi chia sẻ lời thân mật, gần gũi, vui nhộn, góp vui cho buổi văn nghệ này. Càng về đêm gió thu càng thổi mạnh, lạnh buốt, thế mà hàng ngàn phật tử đông đảo vẫn đến xem và ở lại đến giờ cuối cùng. Có số người còn muốn nghe quý thầy hát tiếp, thế nhưng đêm đã dần khuya, gió thu đêm thổi lạnh, vì lo cho sức khỏe của các quý tăng ni cũng như các bác lớn tuổi, và vì ngày mai còn buổi lễ chính Hiệp Kỳ quan trọng nữa, cũng là thủ tục cuối cùng cho Ngày Về Nguồn, nên buổi văn nghệ mang đầy tính thiện môn đành phải kết thúc trong niềm vui lẫn tiếc nuối của đại chúng.

6 giờ sáng Chủ nhật ngày 23-09 bắt đầu thời khóa tọa thiền và công phu sáng như thường lệ. Phật tử địa phương vẫn đến như sáng hôm trước. Sau đó, 8 giờ sáng, buổi hội thảo sau cùng tiếp tục được tiến hành, do Thượng tọa Thích Thiện Quang làm thuyết trình viên. Sau giờ hội thảo là giờ nghỉ ngơi, để chuẩn bị cho thời thuyết giảng cho đại chúng của TT Nguyên Siêu. TT không ngồi mà đứng trong khi thuyết giảng. Giọng Thầy to, rõ ràng. Lời Thầy trôi chảy, mạch lạc khiến người nghe phải chú tâm theo dõi từng lời, từng ý mà thầy muốn truyền đạt đến “*quý đạo hữu*” (đó là cách gọi thân mật mà Thầy dùng để gọi thính chúng). TT mượn ngay hình ảnh trong chánh điện là hai bức chân dung Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát để nói lên ý nghĩa siêu nhiên của con đường Từ Bi và Trí Tuệ. Bài giảng cũng ngắn

gọn, súc tích, cô đọng mà ý nghĩa tràn đầy. Những tràng pháo tay đồng tình, ủng hộ, tán dương, lòng reo vui, lòng đồng điệu hòa theo từng lời thuyết giảng, làm không khí trang nghiêm như vỡ òa ra trong niềm hoan hỷ mà thính chúng không có cách nào khác hơn để tỏ bày. Bài giảng kết thúc trong niềm hỷ lạc bởi thính chúng đã nhận ra điều cao cả thoáng ẩn sau lời pháp: con đường của **từ bi** và **trí tuệ**, đó cũng là cốt tủy của Phật pháp vậy. Lại một tràng vỗ tay nữa vang lên để tri ân TT giảng sư. Điều hợp chương trình sáng nay là Thượng tọa Thích Nguyên Đạt luôn làm cho phật tử đồng hương phải cười rộn rã bằng những lời hài hước dí dỏm rất tự nhiên. Người viết thoáng thấy Thầy Nguyên Siêu cũng phải cười tươi khi lui gót vào trong sau thời thuyết giảng của mình.

Kế đến phật tử theo lời vị điều hợp dồn vào hai bên chánh điện để tạo khoảng trống cho việc cung nghinh quý tăng ni từ công tam quan vào chánh điện rồi thẳng tiến vào trong Tổ đường để làm lễ Cúng Ngọ và Hiệp Kỳ lịch Đại Tổ Sư. Trước khi chư Sơn vân tập Tổ đường, quý ngài đã chụp hình lưu niệm trước công tam quan.

Hồi trống Bát Nhã trầm hùng vang lên trong thính không. Chư tôn đức tăng ni trong sắc hoàng y chậm rãi từng bước khoan thai, tự tại vào chánh điện. Khi tất cả đã yên vị, TT Thích Tâm Hòa, Trưởng ban tổ chức tuyên đọc **Lời Cầu Nguyện** trước chánh điện, với giọng đọc lúc nào cũng rõ ràng, cảm xúc.

-- *Nguyện cho Phật Pháp được trường tồn để soi sáng đường đi cho dân tộc và nhân loại chúng con. Nguyện cho nền Phật giáo ở Việt Nam mà lịch đại tổ sư đã dày công khai sáng vun bồi mãi mãi là nền móng đạo đức, là nguồn sống tâm linh của giống nòi Việt Nam. Giữa lúc thế đạo ngửa nghiêng, nhân tâm*

ly tán với bao chướng nạn đầy đầy này, chúng con còn mong ước nào hơn là mong cho các bậc Hùng Sư Đại Sĩ cất lên được tiếng nói của Từ Bi, Trí Tuệ giữa muôn trùng sóng gió tai ương; mong cho những tâm hồn cao cả đã vì không nề để Thánh giáo suy, không đành nhìn chúng sanh khổ mà dấn thân vào đạo lớn mỗi mỗi đều thành tựu được hạnh nguyện của mình để cho nền Đạo được vững bền trên quê hương.

-- *Nguyện cho dân tộc Việt Nam chúng con, đã trải miền trong thảm họa của chiến tranh thù hận và phân ly tan tác sớm tìm được con đường hóa giải mọi oán cừu oan khiên để người người trên quê hương được sống trong an toàn hạnh phúc và với tự do chân thực như phẩm giá cao quý của mình. Chủ nghĩa mà chỉ khi non nước điều linh! chế độ mà chỉ khi sinh dân độ thán! Chúng con xin trái hết lòng ra mà cầu nguyện cho không ai còn đem ác tâm mà chà đạp ai, không ai còn thành kiến mà làm cho ai phải sống kiếp đọa đầy. Tai trời ách nước đã nhiều! Chúng con xin hết dạ cầu mong cho mưa thuận gió hòa, cho kẻ đói được cơm, người đau được thuốc, cho không ai còn vui thân trong cảnh gió lạnh mưa sa nào nùng.*

-- *Nguyện cho loài người trên mặt đất này không ai còn sống trong ngục tù của chủ nghĩa hận thù cuồng tín và tham vọng cuồng si. Kỳ thị và bất công đang tạo nên bao mối xung đột. Khủng bố và chiến tranh đang gieo rắc bao chết chóc đau thương ở khắp mọi nơi. Từ tận đáy lòng, chúng con xin cho từ tâm mở rộng, đèn tuệ sáng soi để cho người người được sống với nhau trong tình huynh đệ bao la và để cho mặt đất này trở thành một nơi chốn tốt đẹp hơn cho loài người và cả muôn loài đều an lạc.*

Tiếp theo, thời kinh bắt đầu bằng tiếng chuông, nhịp mõ và giọng trầm ấm của các tăng ni. Quần chúng phật

tử cũng tụng theo làm cho chánh điện trở nên là một đạo tràng trang nghiêm như ở cõi Phật nào đó. Khoảng không chánh điện lúc bấy giờ toàn là một sắc y vàng rực rỡ. Một niềm hạnh phúc lại tràn dâng trong lòng, không thể nói được bằng lời. Người viết chỉ biết nhắm mắt như để khắc ghi và giữ lại hình ảnh sống động này vào nơi sâu nhất trong tâm tưởng, để tận hưởng niềm hạnh phúc ấy một cách trọn vẹn, mấy khi được chứng kiến lại lần thứ hai trong đời.

Phần nghi lễ tại chánh điện kết thúc, cung nghinh chư tăng ni trở lại Tổ đường để làm lễ Cúng Ngọ, Hiệp Kỳ lịch Đại Tổ Sư và lễ Bế Mạc. Vì không thể có mặt Tổ đường chỉ đủ sức dung chứa chư tăng ni, người viết ngồi lại trong chánh điện để nghe thời kinh trong Tổ đường vọng ra bên ngoài, vô cùng cảm động. HT Minh Tâm, Trưởng ban Điều hợp đọc bản văn **Tâm Nguyên của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại**, từ tổ đường vọng ra, giọng nghe thật là vững vàng, dứt khoát, nhưng không kém về sâu lắng cảm động.

Cuối chương trình bế mạc, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí được trao cổ vật luân lưu từ tay HT Thích Minh Tâm để năm sau địa phương của Hòa Thượng sẽ nhận trọng trách tổ chức Ngày Về Nguồn lần thứ hai. Hòa Thượng Thích Nguyên Trí đã rơi lệ, nói vài lời cảm nghĩ trong nghẹn ngào. Thầy cảm nhận được niềm hỷ lạc vô biên trong 3 ngày qua cùng các quý tăng ni tinh tấn tu tập, cũng như học hỏi lẫn nhau trong tình đạo bạn hòa hiệp.

Tiếp theo Thầy Tâm Hoà, Trưởng ban tổ chức gửi lời cảm tạ, tỏ lòng tri ân đến Chư Tôn HT, TT, ĐĐ, Tăng Ni đã nhin thời gian quý báu, thu xếp phật sự tại địa phương, cũng như không ngại sức khoẻ yếu già, đường xá xa xôi.. mà về đây hội tụ đông đủ trong tinh thần hòa hiệp, thanh tịnh, góp phần cho Ngày Về

Nguồn diễn ra và kết thúc trong thập phần viên mãn. Thầy cũng mong mỗi quý tăng ni hoan hỷ bỏ qua những sơ xuất không tránh khỏi trong việc đón tiếp và phục vụ. Giọng Thầy vốn vẫn thường rõ ràng, chậm rãi, nhưng người nghe không thể không nhận ra nỗi xúc động của Thầy.

Sau cùng HT Tâm Minh thay mặt chư tôn đức trưởng lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, tăng ni cảm ơn tăng chúng cùng phật tử chùa Pháp Vân, tán dương công tác điều hành của TT Tâm Hòa Trưởng ban tổ chức, và tuyên bố bế mạc Ngày Về Nguồn lần thứ nhất, hẹn tái ngộ trong lần tới, tại Nam California.

Trở lên chánh điện, TT Tâm Hòa tuyên đọc bản văn tác bạch Cúng dường trai tăng. Rồi TT cùng tất cả phật tử Pháp Vân đánh lễ trước các quý tăng ni. Cúng dường trai tăng tại chánh điện là thủ tục cuối cùng.

Có tụ, ắt có tán. Sau ba ngày đồng tu và chia sẻ đạo tình, mỗi vị tăng ni đi về mỗi phương trời khác nhau, không còn gặp mặt nhau trong

thời gian dài, nhưng trong từng giây phút, người viết nghĩ rằng họ luôn gặp nhau nơi lý tưởng và hạnh nguyện cao cả khi gánh vác trọng tâm sứ mệnh của các trưởng tử Như Lai. Kho tàng mà đức Thế Tôn để lại không nhiều, chỉ có một, nhưng vô giá, vô cùng, vô tận. Đã hơn 2500 năm qua, đã có vô số các trưởng Như Lai đã mang kho tàng ấy đến khắp mọi nơi, bất cứ nơi nào mà họ đi qua, họ đã ban bố, vậy mà kho tàng ấy vẫn không bao giờ hết, còn mãi, còn mãi... Kho tàng duy nhất vượt cả thời gian và không gian ấy là: Giác ngộ, giải thoát.

Ba ngày nhanh chóng qua đi, để lại nơi trú xứ Pháp Vân một kỷ niệm thật đẹp về tinh thần hòa hợp của Tăng đoàn. Những gót chân của các vị để lại nơi trú xứ này chắc chắn sẽ luôn được ghi nhớ mãi trong lòng phật tử địa phương. Nơi nào có gót chân của các vị đi qua, nơi đó ắt sẽ có sự an lạc, niềm hạnh phúc, nơi đó chánh pháp được hoằng truyền, mang lại lợi lạc cho chúng sinh.



Chư tôn đức Tăng Ni trong một khóa tọa thiền buổi khuya, có phật-tử tham dự



(tiếp theo)

CHƯƠNG TÁM

Cổ Và Hoa

Nghệp cũng là duyên. Khi tai họa đến là nghiệp báo. Khi điều tốt đến là duyên lành. Nghiệp và duyên trùng trùng nối đuôi nhau. Nghiệp như cái búa vô hình giáng xuống tạo ra sự đổ vỡ và duyên như chất keo khi dính thì hợp, khi hết dính thì tan. Duyên nghiệp không còn là tiếng vọng ra từ cửa chùa mà đã trở thành ý niệm đời thường của đại chúng.

Đã tạo nghiệp thì phải trả nghiệp; đã trồng duyên thì sẽ được hưởng duyên. Trí Hải tin điều đó như một nguyên tắc công bằng xã hội.

Trong cái không khí thâm cung lạnh ngắt của triều thần lúc đăng triều nghị sự, chỉ còn hình ảnh của các thái giám là vui mắt và linh động nhất. Các quan thì nhất nhất nghiêm cẩn từ cái thờ đến cái nhìn. Những lọn tóc dài quấn gọn trong chiếc mũ bình thiên để lộ những cằm cổ trắng ngần trên áo gấm. Mất hướng về quân vương nhưng gáy vẫn rờn rợn với hơi lạnh lưỡi kiếm vô hình của nhà vua có thể giáng xuống vì những sai phạm bất ngờ.

Các thái giám hình như số phận sinh ra không phải để làm người mà

để làm cái bóng của con người. Trong cung cấm, giữa đại triều nghị cũng như ngoài tử cấm thành, các thái giám vẫn lượn lờ như những cái bóng. Cái bóng không dựa vào quá khứ mà cũng chẳng vịn vào tương lai. Vết bóng đêm ngày mùa may theo vật chủ, nên khi chưa gặp thời thì chỉ là dư âm, dư ảnh len lỏi và tan loãng giữa những khe hở của đời sống; khi gặp thời lại biến hóa theo tài năng và quyền lực; lúc đặc thì thể rất dễ trở thành hung thần ác sát.

Thái giám chức lớn mặc áo rộng màu lục. Giám trẻ mặc áo màu xanh. Rất khác với hình thù loan phượng của các quan văn và hình thù lân ly của các quan võ, trên ngực áo thái giám thêu hoa màu xanh nền đỏ. Nét đặc biệt nhất trong trang phục của thái giám là cái mũ màu đen thêu chỉ vàng hình một con ve và một cái đuôi con chuột. Một biểu tượng hiểu như là người thái giám được ví với con ve sống tĩnh khiết với những giọt sương trên cánh để phục vụ. Đồng thời, thái giám cũng ví với con chuột chui rúc, len lỏi được vào bất cứ khe hở nào kín đáo nhất trong nhà.

Hơn một năm, từ ngày vua Minh Mạng lên ngôi, lần đầu tiên Trí Hải được triệu vào cung. So với vua Gia Long, người lên làm vua sau cuộc binh đao, trực tiếp cầm quân chiến đấu và chiến thắng với sự kiên trì, thao lược, thì vua Minh Mạng là một

ông vua hành chánh. Điển hình là một người con vua được đào tạo cẩn thận để lên làm vua trong khung cảnh “bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng” của vua cha truyền lại. Vua Minh Mạng tập trung vào việc củng cố quyền lực đương triều ngay từ khi mới lên ngôi. Hướng đi đã quá rõ ràng: Tiến gần với Trung Hoa và chống Tây Phương. Chống Tây Phương chẳng phải là một sách lược quốc kế dân sinh mà là một phản ứng tình cảm trước mắt. Phải xóa sạch ảnh hưởng còn sót lại của hoàng tử Cảnh, đồng cung thái tử đã được vua Gia Long giao cho lĩnh mục Bá Đa Lộc lúc mới lên 5 để đem qua Pháp đào tạo, chuẩn bị nối ngôi. Hoàng tử Cảnh bất ngờ chết sớm, nhưng con cái và kẻ tâm phúc vẫn còn sống là bóng đen còn đe dọa. Nhân vật gần gũi nhất với hoàng tử Cảnh và tiếp cận với người Pháp một cách chính thức, công khai được vua Gia Long chuẩn nhiệm là Trí Hải. Thế nhưng bao nhiêu sự nhòe mờ, rình rập, theo dõi công khai lẫn bí mật vẫn chưa nêu ra được một nghi vấn nào về hành vi xử sự thiên lệch của Trí Hải. Sự thẳng thắn và trong sáng của Trí Hải làm cho mọi người vừa kính nể vừa khó chịu. Kính nể đã đành, nhưng khó chịu vì chân dung con người phải là một bức tượng đóng rêu; bức tượng phải hoen ố, nếu không vì bão tố, cũng vì thời gian. Bức tượng trong sáng hoài làm

cho sương tuyết và thiên hướng sinh diệt của con người mất đi chỗ dựa tự nhiên và cũng không còn nơi trú ẩn quen thuộc của nó. Trí Hải là một loại tượng đài không dựng bằng hình hài hiện thực mà lại được dựng lên đầu đó trong những góc khuất của tâm hồn cây cỏ.

Trời đã gần trưa, nắng chiếm gần hết các tấm đá sẫm màu của sân châu. Các tầng cấp đá thanh chạm hình rồng vắng bóng người. Ngoài sân chỉ còn hai con nghê bằng đồng, tượng trưng cho uy quyền của vua, có vẻ như đang đứng gác. Trong khung cảnh của một đại tiền đình rộng mênh mông, các trưởng liên đồ chói, vàng óng ánh, các cột lớn chạm trổ cầu kỳ và công phu được sơn son thếp vàng rực rỡ soi bóng xuống nền đại sảnh bóng láng như gương. Xa khuất trong bóng mờ của một thiên các mầu hoa lý, cô lập sau làn khói nhẹ tỏa từ lư trầm, nhà vua vẫn còn đỉnh đạc ngồi đó sau buổi lễ đại triều. Các quan văn võ đại thần lương đồng của triều đình được lệnh ở lại châu vua trong một phiên nghị sự bất thường.

Thình lình có hiệu lệnh, tất cả đều im bật. Ngay tiếng thờ khò khè của các vị quan già cũng phải nén bớt. Một vị quan triều từ cánh tả tiến đến trước ngai vua, lạy năm lạy và quỳ sang một bên đọc lệnh. Thì ra đây là bản văn luận tội Trí Hải về việc tham gia đánh cờ tại kinh đô, làm kinh động triều đình và bá tánh trong thời điểm có quốc tang.

Các quan không ngạc nhiên về bản án mà nín thở chờ đợi cái gì sẽ đến. Không ai nghĩ Trí Hải là một nhân vật thân Tây hay là vây cánh của hoàng tử Cảnh cần phải nhanh tay trừ khử. Nhưng thà dập tắt một con đom đóm nghi ngờ vẫn hơn là mất công chữa đám cháy về sau.

Lời tuyên đọc án lệnh chấm dứt từ lâu mà bá quan vẫn im lặng như tờ. Nhà vua tuy có quyền uy tuyệt đối, nhưng vẫn cần một sự luận tội

tập thể của quần thần trên thân phận những nhân vật tiếng tăm lẫy lừng như Trí Hải. Trên những chiếc chiếu gấm màu rực rỡ dệt khéo tay, hướng về phía ngai, Trí Hải đứng cùng với hai vị hoàng thích gần gũi nhất với vua, chờ đợi. Cậu bé ngoan ngoãn ngày xưa, bước đi không dám động gót giày, chỉ thủ hầu hạ bên cạnh vua cha mỗi lần Trí Hải đến viếng vua Gia Long bây giờ là hoàng đế đương triều.

Sự im lặng vẫn kéo dài sau lời truyền của vua gọi các quan tham gia bình nghị. Trong giây phút nghiêm trọng này, đối với các lão thần thì sự lo sợ bị quở về thái độ lặng im tiêu cực không thắng nổi ưu tư về tai tiếng vô hình đầy khắc nghiệt của bia miệng đời sau. Thà ngậm miệng như dậy bình, giữ ý như giữ thành đầu sao vẫn an thân hơn là lên tiếng trong lúc này.

Trong không khí trầm trịch khó thở, tiếng con dơi đôi chỗ cũng nghe rõ mồn một. Từ sau chiếc cột chạm rồng leo, lộ ra bộ mặt nhẵn nhụi và chiếc áo lục dài của vị trưởng thái giám. Vì có cơ hội tiếp cận với nhau thường xuyên trong chốn thâm cung, Vua và các thái giám hầu cận rất ít khi nói với nhau bằng lời. Vua chỉ cần lừ mắt, liếc mắt, mím miệng hay ra hiệu chỉ bằng ngón tay... là các thái giám đã hiểu một cách rõ ràng và thi hành mệnh lệnh răm rắp, tức thời. Trong không khí im lặng ngột thở, viên trưởng thái giám đã bắt gặp một tín hiệu nào đó của nhà vua. Khuôn mặt trắng xanh của ông khi nhợt nhạt, khi lấm tấm đỏ lên, với dáng nhấp nhòm không yên, chứng tỏ người thái giám trưởng đang chiến đấu dữ dội với một tình trạng khó xử nào đó. Cuối cùng, người ta thấy mặt ông vã mồ hôi, mắt như lạc đi, miệng méo xệch khi ông cố thẳng lưng bước ra, đứng khập nhệ trước mặt bá quan văn võ. Ông liếc cạ Trí Hải mấy lần trước khi thu hết can đảm đứng ra hải tội.

Trước sự ngạc nhiên đến chóng mặt của lớp quan triều đang nín thở chờ đợi, giọng the thé của viên trưởng thái giám cổ làm ra vẻ đỉnh đạc cất lên:

- Muôn tâu hoàng thượng, khai bẩm chư bá quan văn võ. Tôn ông Trí Hải là bậc trí giả tài cao học rộng nhưng hành xử còn thua kẻ thất phu. Trong lúc đại tang của tiên vương vừa mới giáp năm, bá tính lòng đau như cắt, nước mắt còn chảy mỗi ngày thì hoàng thân Trí Hải đã mải lo việc cờ bạc vui chơi. Lại nữa, Thái Ấp là ơn vua lộc nước ban cho vậy mà dám đem ra đặt trên chiếu bạc với Hàn Kỳ Vương. Tội lớn tày trời, xin nghiêm trị để làm gương cho bá tánh!

Tiếng nhón nháo của giới quan triều từ lâu im lặng bắt đầu nổi lên sau lời tâu của viên trưởng thái giám. Vua phải dẫn hốt nga thành tiếng để ra dấu im lặng.

Các quan hầu chánh điện lom khom đi quanh thì thảo nói vào tai các quan đề thỉnh ý có ai muốn phát biểu, nhưng chẳng có ai đủ can đảm tâu trình lời nào trong giờ phút nghiêm trọng này. Hầu như mọi đôi mắt đều mở lớn dồn về phía Trí Hải để xem phản ứng của ông ra sao. Ván cờ lịch sử trên sông Hương vừa qua càng tạo điều kiện cho những giai thoại về Trí Hải được thổi phồng như chuyện huyền thoại. Nét giả tưởng, huyền thoại có vẻ như rất hợp với dáng dấp và vẻ mặt của Trí Hải trong không khí nghị triều im phăng phắc này. Trí Hải ngồi im lặng, một nửa người khuất sau bóng của cột điện chạm rồng phụng dát bạc, dát vàng nổi trên nền son rực rỡ. Đôi mắt chẳng nhìn ai. Khuôn mặt thanh tú sáng lên nét thông minh và tỉnh lặng. Người ta có cảm giác thân xác Trí Hải không còn thuộc về cõi trần gian ô trọc này. Nó sẵn sàng bay lên nhẹ như bông. Về an lạc của Trí Hải ít nhiều gây nên sự ghen tức biến thành căm giận trong tâm lý của một

số quan triều. Đây là những vị Ba Gấm thường xuyên run rẩy khi bước chân vào chánh điện mà hoàng thượng đang triều đang ngự trên ngai. Sự bình thân gần như không nghe, không thấy của Trí Hải trước lời buộc tội gay gắt của trưởng thái giám được suy diễn thành thái độ cao ngạo và thách thức.

Quan hành khiển bộ Công bắt được tín hiệu của của hoàng thượng qua viên trưởng thái giám. Ông ta đứng lên tâu trình ý kiến. Ngoài sự lập lại ý chính của thái giám, quan hành khiển còn sụt sùi khóc lóc vì nhớ tiên đế vừa băng hà. Tầm màn trình diễn đã được kéo lên. Hàng đại quan nhất phẩm triều đình đã đạt đến đỉnh cao của danh vọng nên thường cân nhắc lời nói trước mặt hoàng thượng hết sức cẩn trọng. Bởi vậy, các đại thần đều im lặng. Nhưng đây là phiên chợ lý tưởng của các quan nhỏ từ nhị hay tam phẩm trở xuống cạnh tranh nhau. Rất ít quan chịu mất điểm trong cơ hội nghìn năm một thuở này. Vị quan sau phải khóc to hơn và lời hài tội Trí Hải cũng phải gay gắt hơn các vị quan trước mới mong chiếm thế ưu việt thượng phong. Vua phải ra lệnh cho phép nói, nhưng cấm khóc mới tránh được tình trạng có thể có quan chuẩn bị lẫn đùng ra ngất xỉu vì... tiếc thương tiên đế.

Trí Hải phải nén lăm mới ngăn được giọt nước mắt sắp sửa rơi xuống. Nỗi cảm thương dấy lên trong lòng Trí Hải không phải để thương nhớ ai mà vì thương cho vận nước. Những năm theo hoàng tử Cảnh ở thủ đô Pháp thời trước Cách mạng 1789, Trí Hải đã chứng kiến, tuy không hiểu hết mọi góc cạnh sâu xa của vấn đề, nhưng đã tới tận nơi, theo đám người trẻ vỗ tay hoan hô, la hét, cổ vũ những cuộc tranh luận chính trị thẳng thắn, công bằng giữa giai cấp lãnh đạo, quý tộc và các thành phần xã hội. Điều sống cởi mở này đã tạo ra sức mạnh cho đất

nước Pháp chuẩn bị phiêu lưu vào những cuộc chinh phục thế giới. Qua những cuộc tiếp xúc với người Pháp đến Việt Nam, Trí Hải thấy được chiến lược từng bước chiếm Viễn Đông làm thị trường thuộc địa của Pháp là điều không tránh khỏi. Thế nhưng cả vua quan đương triều không hề quan tâm chuyện bên ngoài. Lời bình nghị trong các dịp đăng triều để quan có dịp tâu trình lên vua những quốc kế dân sinh thì toàn là những lời tung hô, nịnh hót, tâng bốc. Đối trá trở thành một phương tiện phổ thông để ẩn mình hay tiền thân trên đường bá đạo. Theo dõi các quan nhỏ muốn thành quan to nên phải bắt chước nhau lập lại lời nói ngớ ngẩn và sự kết tội vu vơ do viên trưởng thái giám mở màn để làm vui lòng vua, Trí Hải ngao ngán thở dài. Đã chuẩn bị tinh thần từ ngày âm Thuyền và phe cánh hoàng tử Cảnh bị triệt hạ, Trí Hải chẳng cảm thấy một chút gì nao núng tinh thần hay sợ hãi. Nhưng nỗi buồn từ đâu lại đến. Nhìn chiếc thuyền chèo nặng đang xuôi dòng phía mũi nhưng phía lái vẫn hát hò. Nói chẳng ai nghe mà còn bị cho là muốn phá hoại cuộc vui.

Các quan như đang say sưa trong cuộc ném đá lên đầu kẻ bị cho là “dị giáo” thời trung cổ.

Vua lại phải dẫn hốt ngà lẫn nữa để bảo các quan im lặng. Những tiếng nói kia dù nhiều ít chừng nào thì cũng chỉ là tiếng lao xao. Vua và các quan đều đang chờ đợi một tiếng nói chung cuộc. Tiếng nói có uy thế từ thời tiên đế nên mọi người đều hiểu sức mạnh đầy ngự trị của nó: Tiếng nói của Quan thượng thư bộ Hình Lê Trung Ẩn.

Không khí thâm cung vẫn hồi trở lại khi Lê Trung Ẩn, thủ lĩnh sĩ phu Bắc hà và cũng là đương kim thượng thư bộ Hình lên tiếng:

- Tâu hoàng thượng, chiếu theo luật nước đã đặt định từ thời tiên vương, quan thái giám không được

lạm bàn vào việc nước hay bất cứ việc gì lớn nhỏ liên quan đến pháp chế của triều đình. Nay quan tổng thái giám đã công khai vi phạm. Vậy theo hình luật đương triều, tội đáng xử chém đầu, không có trường hợp giảm khinh, cải án! Cúi mong hoàng thượng ban chỉ.

Lập tức sau lời tuyên án của quan chấp pháp, người ta thấy bộ phẩm phục màu lục và bộ mặt kính hoàng của quan quản thái giám rơi xuống nền nhà, tiếp theo là tiếng rên dài như tiếng thét tuyệt vọng:

- Ôi! Cha mẹ ơi, chết con rồi!

Sự nghiêm cẩn của Lê Trung Ẩn trong vai trò trọng thần chấp pháp đã nổi tiếng từ thời vua Gia Long nên chẳng ai lên tiếng để cứu một thái giám đến hồi thất thế. Xoay qua vấn đề Trí Hải, Lê Trung Ẩn trình bày một cách vừa đủ:

- Tâu hoàng thượng, đánh giặc bằng gươm giáo hay đánh giặc bằng trí óc, mỗi cách thế đều có sự quan trọng và ý nghĩa riêng của nó. Hàn Kỳ Vương không đem quân lính mà đem quân cờ từ nước lớn Trung Hoa vào khiêu chiến nước ta, làm cho bá tánh bị trêu ngươi, người người nổi giận. Hoàng thân Trí Hải đấu cờ với Hàn Kỳ Vương là một cuộc đấu trí rất gay go không thua gì trận quyết đấu binh hùng tướng mạnh một còn một mất trên chiến trường. Xét về cả hai mặt pháp lý và đạo lý chẳng những không có gì sai phạm mà còn chấm dứt được sự khiêu khích gây hiểu lầm và thù nghịch giữa dân ta và giới Hoa kiều tại kinh đô khắp nơi trong nước. Đây không phải là hành vi cờ bạc vui chơi mà đây là một cuộc chiến đấu bằng trí óc giữa nhân tài hai nước. Hoàng thân Trí Hải đã có công to phò tiên đế từ thời dựng nước. Tâm của Hoàng thân sáng như sao khuê. Hành động của Hoàng thân là một sự dấn thân đầy tài ba và can đảm. Đứng về mặt bảo vệ danh dự và quyền lợi của triều đình và bá tánh, Hoàng thân đã làm một việc tốt

đầy quang minh chính đại. Nếu đã không xét về công thì thôi, chứ lẽ nào lại đi luận tội.

Các quan nhất phẩm cảm thấy quả thật “lời nói là bạc, im lặng là vàng”. Các quan nhị phẩm, tam phẩm đã lơ phóng lao nịnh hót chóng mặt nhìn nhau.

Tiếng nói sang sảng qua lời tâu của Lê Trung Ân đầy sức thuyết phục, vừa chan chứa tình người, vừa đượm tình đất nước làm cho các quan văn võ, phần đông là các vị lão thần, bồi hồi nhớ lại buổi đại tiệc gần hai mươi năm xưa ở Ngự Viên giữa nhóm sĩ phu Bắc Hà và vua Gia Long. Những tâm hồn trải dài theo chiều dài của đất nước và vươn lên theo chiều cao của lương tri vẫn thường xuyên bị vật vờ với gió chướng từ mọi phía. Vững vàng thì đứng dậy mà chao đảo thì co cụm rút lui và tàn lụi như đám ma Hời Chiêm quốc.

Sau lời tâu của Lê Trung Ân, nhìn một lượt sự bày tỏ hiện ra trên khuôn mặt các đại thần rường cột của triều đình, nhà vua cũng biết được là giới trọng thần đang mạnh mẽ ủng hộ ý kiến của Quan thượng thư bộ Hình. Quyền lực của vua mang danh nghĩa nằm trên thiên hạ nhưng thực tế lại ở trong tay các đại thần. Vua biết là không nên và không thể đi xa hơn nên lạnh lùng “chuẩn tấu” và ra lệnh bãi triều.

Từ trên gò cao đỉnh Thái Ấp, Phạm Xảo có thể nhìn bao quát khu dân cư trải dài trên cánh đồng mênh mông loáng nước đang đợi mùa cấy Đông Xuân. Lác đác trên đường quê, có nhiều nhóm nông dân đang gánh gồng bông bế nhau di chuyển ra khỏi làng. Phạm Xảo men theo con đường quê, bước lần đến gần hỏi chuyện. Những người ra đi cúi gằm mặt, lầm lũi bước, chẳng ai nói với ai một lời. Hết nhóm này qua nhóm khác, cuối cùng mới có một cụ già nhìn trước nhìn sau nói nhỏ nhỏ:

- Vừa qua, có mật chỉ từ quan triều đưa xuống rằng, Hoàng thân chủ Thái Ấp bị Hoàng thượng hạch tội, chúng tôi ở trong vùng chủ quản của hoàng thân sợ bị liên lụy nên đành phải bông bế nhau ra đi.

Không hỏi thêm lời nào, Phạm Xảo quay về dinh ông Hoàng, gặp Trí Hải để báo tin nông dân rời Thái Ấp như một dấu hiệu chẳng lành rồi lên tiếng:

- Đồn cây to không ngã, giò bút lá chặt cành...

Trí Hải nhìn về phía ruộng đồng, thoáng ưu tư nhưng chẳng nói gì. Phạm Xảo lại bình luận:

- Còn đám nông dân kia thật là bạc nghĩa. Hoàng thân đối với họ trước sau như bát nước đầy, như tình thân quyến vậy mà chỉ mới nghe qua một tin đồn chưa rõ đầu đuôi thế nào đã vội bỏ đi. Tại sao chúng ta không giữ họ lại để nghe giải thích cho rõ ràng rồi đi hay ở tùy ý.

Trí Hải vẫn điềm nhiên:

- Tội nghiệp cho đám nông dân nghèo khổ và thật thà, họ đáng thương hơn là đáng trách. Thời nào họ cũng chỉ là công cụ áo cơm. Đất lành thì chim đậu, đất dữ thì bỏ đi là tâm lý thường tình. Người xưa có nói “thuận Thiên đã tồn, nghịch Thiên đã vong” nghĩa là thuận với Trời thì còn mà nghịch với Trời thì diệt. Trời là hình ảnh của một sức mạnh khổng lồ mọi chuyện. Trời giữa trần gian này là Vua, là quan quân triều đình. Đã đến lúc chúng ta cần phải buông bỏ tất cả thôi huynh. Còn một chút gì vướng mắc quanh ta là sẽ bị coi như còn cầm khí giới.

Phạm Xảo không tán thành:

- Như vậy là buông tay, chấp nhận thua cuộc mà không có một phản ứng nào để bảo vệ cho mình à?

- Trận chiến của lương tri thường không có biên giới và vũ khí rõ ràng, nên thắng có khi là thua và ngược lại.

- Một kẻ giết người cướp của là thua hay thắng trong trận chiến

lương tri?

- Đã không có lương tri thì làm gì có trận chiến, có thắng hay thua. Mất lương tri thì tất cả chỉ còn là bóng đen của một sự trống rỗng vô tận hay là một cuộc hủy hoại tàn độc mà thôi.

Hai người im lặng đuổi theo ý nghĩ riêng. Nguồn suy tưởng của mỗi người khi đây áp chuyện đời, khi trống trơn chả có bóng dáng nào lai vãng.

Rồi những ngày xôn xao về tin đồn và phản ứng của người dân Thái Ấp đi qua và nguội dần trong vắng lặng. Khu làng trù phú một thời trong Thái Ấp thưa dần. Hơn năm trăm nóc nhà ngày trước nay chỉ còn trơ lại vài chục gia đình nông dân khó khăn đành phải ở liêu tại chỗ.

Hình như tất cả những cái nhìn ái ngại của phía hoàng tộc và triều thần đều dồn về phía Trí Hải. Có rất ít kẻ hã hê đáng kiếp, có người thương cảm ưu tư, nhưng phần đông xót xa thâm lặng. Trí Hải và cuộc đời như một cuốn sách viết chuyện thần tiên, vừa gần vừa xa với mọi người nhưng hoàn toàn vô hại. Một cốt tiên mang dáng người phạm không làm cho ai mất công tìm kiếm hay xua đuổi. Nhưng khi nhân vật có dáng huyền thoại ấy sắp bị dọa vì sự nổi giận của thiên đình, người trần chẳng có ai tưởng tượng sẽ đưa lưng ra đỡ. Từ trong ước mơ thâm kín là thế giới tự do tuyệt đối, con người tha hồ bày tỏ sự khen chê. Người nông dân ra đi mà tấm lòng vẫn còn để lại. Người ta không ở lại để làm ruộng nhưng vẫn thường xuyên ghé về Thái Ấp. Mảnh đất trồng lúa ngày xưa nay được chia mảnh để trồng hoa như một cử chỉ bày tỏ lòng thương quý chủ nhân. Ai cũng biết Trí Hải là người yêu hoa và là một nhà chơi hoa tài tử ở kinh thành.

Cuối mùa Xuân, khi bắt đầu nắng ấm, hoa nở rộ muôn màu muôn vẻ. Được bàn tay của hàng trăm

nông dân sớm sớm, chiều chiều tạt qua chăm bón, những cành hoa nhanh chóng vươn mình lên lấp đồng cỏ đại. Cả Thái Ấp là một rừng hoa rực rỡ tuyệt vời. Hoa Thái Ấp phát khởi từ những nân niu và tấm lòng yêu thương của người nông dân đơn giản thật thà nên cả sắc và hương đều thoát ra dáng vẻ dịu dàng, thanh thoát. Hoa nơi đây không phải là những loài hoa quý tộc, vương giả, được chăm bón thường xuyên và điệu nghệ như ở hoàng cung và kinh thành. Nhờ vậy, sự nảy mầm vươn lên và trở hoa tự nhiên, hài hoà bằng vẻ đẹp không kiêu sa mà gọi cảm. Nét đẹp hồn nhiên đi thẳng vào lòng người. Khi con người đã nhận ra tín hiệu của cái đẹp thì cái đẹp tự nó sẽ cung đón tâm hồn về ngự giữa trần gian đầy thánh thiện.

Rừng hoa Thái Ấp làm chấn động kinh thành, nhưng chẳng có ai đi xử tội một rừng hoa. Giữa mùa hoa, người bốn phương kéo đến xem hoa trùng trùng như mây hội. Tài tử giai nhân trái lòng hít thở trong thế giới hương sắc của vạn loài hoa. Điều họ mong ước nhất mà chẳng bao giờ thỏa mãn, đó là làm sao gặp được hoàng thân chủ Thái Ấp một lần. Không ai biết rằng sau đây trường thành trên đồi xa, cả Trí Hải, Phạm Xảo và đôi ba gia nhân còn ở lại đang xới đất, ươm cây, tự lo lấy miếng ăn vì kho lương thực của Thái Ấp đã tháo khoán phát hết cho nông dân. Thuế canh điền là nguồn lợi tức duy nhất cũng không còn.

Phạm Xảo ngạc nhiên với sự làm lụng chăm chỉ của Trí Hải. Đường như Trí Hải để hết tâm tư trên từng luống đất. Mỗi lát cuộc vũng vàng và chắc nịch như người nông dân từng trải tay nghề. Trí Hải cười vui hồn nhiên và có vẻ như chẳng để thì giờ hay khoảng trống của đầu óc để mất công suy nghĩ điều gì xa hơn là việc làm trước mắt. Một lần trong bữa cơm chiều, Phạm Xảo hỏi:

- Tôi vẫn thắc mắc là tại sao

hoàng thân lại có vẻ thoải mái và vui vẻ trong một hoàn cảnh đáng buồn và vất vả như những ngày này?

Trí Hải chưa trả lời mà hỏi lại:

- Thế huynh có thấy thoải mái và vui vẻ trong công việc tay chân mới mẻ này không?

Phạm Xảo trả lời không do dự:

- Thật lòng là không. Tôi làm vì phải làm để lo nhu cầu cơm áo mà thôi.

Trí Hải hỏi lại:

- Cơm áo để làm gì?

- Để sống.

- Vậy thì mình tự tạo sự sống cho mình không phải là điều đáng vui sao huynh?

Phạm Xảo không nói gì, Trí Hải nói như gọi lại tâm sự:

- Hơn nửa đời người, tôi sống nhờ người khác. Người khác đồ mồi hôi và sức lao động để tạo ra miếng ăn và sự sống cho tôi chỉ vì tôi được sinh ra trong họ hàng vua chúa. Tôi đã làm được gì để có được dinh cơ và Thái Ấp này.

- Tôi hiểu. Nhưng đó là sự phân công xã hội. Người được lãnh đạo phải làm ra của cải vật chất để nuôi sống người lãnh đạo.

- Ai cho con người quyền lãnh đạo người khác?

- Người có sức mạnh và tài năng thì nắm quyền lãnh đạo là lẽ tự nhiên.

- Vẫn có biết bao nhiêu nhân vật xưa nay chẳng có tài năng gì cả nhưng vẫn nắm quyền lãnh đạo. Như trường hợp những vị ấu chúa, lên ngôi hoàng đế để chặn dất muôn dân mà còn mũi chày lò thò, chẳng hạn, thì tài năng ở đâu?

- Không có tài năng nhưng có sức mạnh của quan quân và dòng họ vua bao quanh ấu chúa.

- Đây chỉ là một cách nói khác của luật sinh tồn mạnh được yếu thua mà thôi. Bởi vậy, sự bất lực và yếu đuối nhất của con người là chẳng ai cảm được vận mệnh của chính mình. Người ta vừa là chủ

nhân vừa là nạn nhân; vừa là kẻ lãnh đạo vừa là người bị lãnh đạo. Sự thay đổi nhiều khi là một đời, một thời hay một khắc... của sự thuận thời, đắc thế mà thôi.

- Như vậy, xã hội là một mớ hỗn mang, chẳng có quy luật gì cả hay sao?

- Có chứ. Có quy luật nhưng là quy luật của chính nó hay nói khác hơn là của chính khung cảnh và thời điểm nó xuất hiện. Sẽ không có hai ánh sao băng hoàn toàn giống nhau trong dải thiên hà trên kia; cũng như không bao giờ có một quy luật xã hội có thể đem ứng dụng đúng đắn cho tất cả mọi thời dưới cỏi thế này.

Phạm Xảo đứng bên cửa sổ nhà ăn nhìn về phía thôn ấp dưới kia, hỏi một cách mệt mỏi:

- Hoàng thân có dự tính gì cho Thái Ấp trong những ngày sắp tới? Không lẽ chúng ta lại cùng nhau biến thành nông dân cuộc đất bất đắc dĩ như thế này mãi?

Trí Hải lắc đầu nhẹ:

- Huynh không thấy một rừng hoa dưới kia sao? Ruộng hoang biến thành rừng hoa ngoài sự dự tính của tất cả mọi người chỉ trong một thời gian ngắn. Cái tâm lúa gạo của người nông dân nở hoa được như thế này cũng vì những mầm hoa đẹp nhất đã được vun xới và đâm chồi nảy lộc trong lòng mỗi người Thái Ấp này từ bao nhiêu năm qua. Tim ngày mai trong chính những gì chúng ta đang làm hôm nay. Vì chúng ta buông xả tất cả để tháo khoán hết kho liềm lúa gạo tích trữ mà cấp cho nông dân khi họ đang gặp lúc ngặt nghèo mất mùa lúa, nên hôm nay mới được mùa hoa.

Phạm Xảo xoa hai bàn tay chai đất của mình vào nhau và vịn khung cửa sổ đứng nhìn. Người từ kinh thành về xem hoa như hội. Những khóm hoa, luống hoa, vườn hoa và cả biển hoa huy hoàng nở rộ. Hoa phôi phới như một sự đền bù cho nụ cười không nở được khi người nông dân cầm nín bỏ làng ra đi. Phạm

Xảo không ngoái lui mà vẫn cảm nhận được có một nụ cười của Trí Hải đằng sau.
- Đẹp quá!

- Cả Thái Ấp nở hoa... và chúng ta đi cuộc đất!
Không biết ai là lời khen, ai là tiếng vọng; nhưng cả hai đều hướng

đến một nụ cười đầy hoa và đầy tiếng đùa vui của một ngày mới nở.
(còn tiếp)

THÔNG BÁO

CỦA TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

Kính thưa quý văn thi hữu và bạn đọc,

- *Phương Trời Cao Rộng* đang sưu tập những tranh vẽ và hình chụp nghệ thuật để đăng lên bìa trước, cũng như để minh họa cho các bài vở bên trong. Kính mong sự đóng góp ủng hộ tranh và hình của quý họa sĩ, nhiếp ảnh gia để tạp chí luôn giữ được vẻ mỹ thuật cần thiết cho một tờ báo văn học, nhất là văn học Phật giáo.
- Có một số độc giả gửi email “yêu cầu được nhận báo” miễn phí, có nghĩa là vừa miễn phí tờ báo (ấn phí), vừa miễn phí tiền gửi bưu điện (cước phí) nhưng rất tiếc chúng tôi không đáp ứng được. Xin thưa, báo biểu chỉ gửi đến quý vị bảo trợ và các văn thi hữu đóng góp bài vở cho *Phương Trời Cao Rộng* mà thôi. Tạp chí không có ngân quỹ để gửi báo miễn phí đến mọi người, ngoại trừ những hoàn cảnh đặc biệt mà chúng tôi biết rõ. Mỗi kỳ báo đều có đăng trọn vẹn trên trang lưới vinhhao.net, phapvan.ca, quangduc.com và thuvienhoasen.org trong hình thức “điện báo;” đây cũng là một hình thức biếu tặng trong khả năng của chúng tôi rồi, mong quý độc giả thông cảm.
- Cước phí bưu điện tại Hoa Kỳ đã tăng từ giữa tháng 5, 2007; trong khi đó, ấn phí cũng tăng dần theo vật giá sinh hoạt. Nhiều tờ báo văn học nghệ thuật khác—dĩ nhiên là không kể các báo quảng cáo thương mại—đều phải miễn cưỡng tăng giá. *Phương Trời Cao Rộng* lâu nay vẫn chủ trương không ghi giá bán mà chỉ sống nhờ sự bảo trợ và ủng hộ dài hạn của độc giả (theo bảng giá đề nghị suýt soát với vốn in và tiền gửi báo), do đó, vẫn không có gì thay đổi (nơi Phiếu Bảo Trợ & Ủng hộ dài hạn). Tạp chí cũng học được phương thức nhắc nhở độc giả dài hạn khi sắp đáo hạn đặt báo (chẳng hạn ghi con số tháng, năm kèm theo tên mỗi người khi gửi báo), nhưng chúng tôi không làm, không nhắc nhở, vì nghĩ rằng quý độc giả đã tự nguyện ủng hộ thì sẽ tự giác nhớ rằng đã qua một năm, hay hai năm; nếu nhiều người đều quên, không tiếp tục ủng hộ thì tờ báo sẽ đình bản một ngày nào đó, thật bất ngờ, là điều đáng tiếc không ai muốn xảy ra.
- Danh sách chư tôn đức, văn thi hữu, độc giả, và thân hữu bảo trợ và ủng hộ *Phương Trời Cao Rộng* (tinh thần hay tài chánh) có đăng trên www.vinhhao.net, xin bấm vào mục [Phương Trời Cao Rộng](#), tìm trang Danh sách Bảo Trợ và Ủng Hộ...
- Bài vở và hình ảnh đóng góp cho *Phương Trời Cao Rộng*, xin gửi về địa chỉ email: vinhhao@vinhhao.net hoặc vinhhao3011@yahoo.com. Quý vị có thể dùng YouSendIt.com để gửi nếu hình ảnh và bài vở nặng trên 10MB.

Trân trọng cảm tạ sự ủng hộ nhiệt tình, quý báu của quý vị.

Vĩnh Hảo

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

Hàn quốc- Tượng Phật 1,300 tuổi vẫn nguyên vẹn vừa được khai quật

Sep, 11, 2007, Seoul- Một tượng Phật bằng đá mài nặng 70 tấn, 1,300 năm tuổi bị chôn lấp nằm úp mặt vừa được khai quật, với các đường nét chi tiết vẫn còn nguyên vẹn.

Pho tượng cao 5.6 mét, điều khắc, được phát hiện hồi tháng Năm, bị chôn vùi ở một thành phố phía Nam tỉnh Gyeongju, đã được khai quật sau nhiều tháng làm việc, phóng viên cho biết như trên.

Khi tượng Phật bị đổ nằm úp xuống, chiếc mũi cách một tấc đá trên mặt đất chỉ có năm phân tức khoảng 2 inches rưỡi. Tờ nhật báo tiếng Anh JoongAng Daily đã trích dẫn lời của các nhà chuyên môn như trên.

"Thật là một điều may mắn rằng khuôn mặt của pho tượng được nguyên vẹn với khoảng cách chỉ 5 phân từ mặt đất," Venerable Jigwan, thuộc hệ phái Phật Giáo Tào Động Hàn Quốc nói như trên.

Cho đến nay thì các phần của pho tượng như khuôn mặt, vai, ngực đã được đào lộ ra.

Các nhà khảo cổ trong nước ước đoán rằng pho tượng bị ngã xuống không lâu sau khi công trình điều khắc được hoàn thành vào hậu bán thế kỷ thứ 8, và vì vậy các đường nét của nó đã không bị hư hoại vì phía trước được chôn vùi trong đất cát.

"Chúng tôi hy vọng sẽ di chuyển pho tượng trở lại vị trí ban đầu nhưng không phải là một công việc dễ dàng để xoay trở, di chuyển một khối đá 70 tấn," You Hong-Jung, Trưởng Phòng Điều Hành Di Sản Văn Hóa nói với các phóng viên như trên.

Các nhà chức trách văn hoá địa phương nói họ dự định xoay trở cho pho tượng ngửa mặt lên vào cuối năm này. (Hạt Cát dịch)

Hoa Kỳ: 1000 năm nghệ thuật Phật Giáo tại Bảo tàng viện Mỹ thuật Utah

Salt Lake City, Utah (Hoa Kỳ) - Không giống như Botticelli, Michelangelo và Leonardo, họ là những nghệ nhân vô danh. Họ không mưu cầu tiền tài danh vọng, mục tiêu của họ là sự thành tựu về

mặt tâm linh. Các tác phẩm của họ đã giúp kẻ khác tăng trưởng trí tuệ.

Đi xem khắp Bảo tàng viện Mỹ thuật Utah (UMFA), thành phố Salt Lake, quan khách sẽ được đón chào bởi các hình tượng Phật và di vật Phật giáo cũng như Ấn giáo, trải dài suốt 1400 năm.

Ông Luke Kelly, nhân viên phụ trách về nghệ thuật cổ điển của UMFA phát biểu 'Điều kỳ diệu trong việc miêu tả các hình tượng Phật là bạn thật sự không thể đoán sai. Các nền văn hoá đều theo những đặc điểm chung nhưng thêm vào đó nét riêng biệt của văn hoá mình.'

Những hình ảnh đầu tiên của Đức Phật xuất hiện vào thế kỷ thứ nhất và thứ hai mặc y phục của người La Mã xưa, đã được khai quật trong vùng Gandhara, thuộc Pakistan ngày nay. Ông Kelly giải thích rằng hình ảnh này là do ảnh hưởng cuộc xâm lăng của Đại Đế Alexander trên lãnh thổ này vào thế kỷ thứ tư trước Công Nguyên, và nền văn hóa Ai Cập đã truyền vào đế quốc Ba Tư.

Khi mà đạo Phật lan rộng ra khỏi miền đông bắc Ấn Độ sang Tây Tạng, rừng Hy Mã Lạp Sơn, Nepal, rồi đến Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên, và theo con đường buôn bán tơ lụa đến vùng Đông Nam Á, đã biến đổi ra nhiều trường phái và biểu tượng khác nhau. Chẳng hạn như hình tượng Phật Tantric nhiều tay của Hán -Tạng vào thế kỷ 18 đến 19.

Hình ảnh Đức Phật và các vị thần Ấn giáo mang nét mặt của người dân nơi mà các hình tượng được sáng tạo. Một tượng Phật được hình thành tại Nhật thì không thể nào phủ nhận là không phải của Nhật.

Có những ngôi chùa tí hon, những con sư tử phòng hộ với ý nghĩa xua đi những tà ma, và một mạn đà la của Bhutan tôn vinh Phật A Di Đà.

Ngoài ra còn có một căn phòng nhỏ trình bày sự sùng bái của Thái Lan đối với Phật giáo Theravada. Bộ Tipitaka vào giữa thế kỷ thứ 19 của Thái bằng vàng sơn trên gỗ, và một tượng Phật đứng bằng đồng; các trẻ em có thể xem những mẫu chuyện Phật giáo và các câu chuyện của ngài Krishna, hai bộ sách hình phổ biến nhất tại Ấn Độ v.v...

Ông Kelly mong rằng quan khách có thể thường thức những nền văn hoá

khác nhau và những giá trị ẩn tàng trong đó. Ông nói với một nụ cười 'Nghệ thuật của một ngàn năm đang hiện bày tại đây, và tên của các nghệ nhân tác giả đã không hề được biết đến.'

(Minh Châu dịch)

Hoa Kỳ: Một trung tâm thiền Phật giáo mới thành lập tại Arizona

Ngày 20 tháng 9, 2007. Arizona - Trung tâm Thiền Phật giáo Quốc tế Arizona vừa thiết lập một địa điểm tại Mesa, trong vùng Thung lũng Đông Nam, cho những ai muốn học và thực hành thiền. Trung tâm được điều hành bởi vị tu sĩ Tích Lan, Sư Sivabalagoda Ananda, và Sư Dhammapala Kennard.

Sư Dhammapala xuất thân từ Chandler, đã theo triết lý Phật giáo và xuất gia tại Mã Lai Á vào năm 1995, cho biết 'Tôi đã cố công từ 17 năm nay để có được một trung tâm. Cuối cùng, chúng tôi có thể bắt tay vào việc.'

Trung tâm được lập trên diện tích 1,400 square-foot trong khu đất rộng 15,000 square-foot trên đường Broadway, đã được mua lại với sự trợ giúp của một người Mỹ gốc Tích Lan nhân đức, cô Shani Wijay từ Texas, đã cúng dường một phần tiền để tưởng nhớ đến song thân của cô. Các thiền sinh và thành viên của cộng đồng nhỏ Tích Lan đã phát nguyện cúng dường hàng tháng để trả nợ và giúp duy trì trung tâm.

'Nhiệm vụ của trung tâm là giảng giải lợi ích thiết thực của giáo lý Phật đà và đem áp dụng đối với mọi người thuộc mọi chủng tộc,' sư Ananda, thường trú tại trung tâm cho biết như trên.

Để đạt mục tiêu trên, Sư cũng tổ chức các lớp Phật học cho trẻ em. Tại Hoa Kỳ từ năm 1982, Sư Ananda đã phục vụ cho các cộng đồng Phật giáo tại New York và Washington. Năm 2002, Sư dời về Phoenix và đã làm giáo sĩ thường trú một năm tại Banner Good Samaritan Medical Center.

Từ khi đến vùng này, Sư Ananda đã cố gắng lấp đầy chỗ trống và thành lập một trung tâm Phật giáo để phục vụ cộng đồng.

Sư Dhammapala, bán trú tại trung tâm Mesa, đã nghỉ hưu sau 24 năm làm việc cho chính phủ và làm thiện nguyện cho

Hội Hồng Thập Tự, giúp những người bị dời chỗ ở tìm nơi tạm trú. Công tác lớn hiện nay của Sư là tại New Orleans, giải quyết hậu quả của cơn bão Katrina.

Sư từng giảng dạy các lớp thiền tại nhà cho một nhóm nhỏ nhưng rất chuyên tâm từ nhiều năm nay. Theo Sư thì có một sự ham thích thiền tập rất đáng kể từ những người Hoa Kỳ đến với đạo Phật để thực hành thiền hơn là vì tín ngưỡng.

Riêng Sư thì đã được hưởng lợi lạc từ việc hành thiền cũng như học hỏi giáo lý của Đức Phật để đi đến giác ngộ giải thoát, là mục tiêu cuối cùng của người con Phật.

(Minh Châu dịch)

Miến Điện: 100,000 người xuống đường

Web posted at: 9/25/2007 3:10:56

Yangon - Hơn 100,000 người đã tràn ngập các con đường của thành phố lớn nhất Miến Điện ngày hôm qua, tham gia vào chiến dịch xuống đường của chư tăng Phật Giáo lớn lao nhất trong vòng hai thập niên để phản đối các tướng lãnh quân đội độc tài.

Các cuộc tuần hành biểu dương sức mạnh quần chúng đã khiến cho chính phủ quân đội giận dữ nhanh chóng và họ hăm dọa sẽ có thái độ đối phó với chư tăng, cho dù ngay cả các nhà lãnh đạo trên thế giới và Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc đã thúc hối nhà cầm quyền hãy tỏ thái độ nhân nhượng.

Hai đoàn diễn hành đông đúc nhất đi xuyên qua các con đường phố Yangon, đều được hướng dẫn bởi chư Tăng Phật Giáo với tăng y hàng ngũ nghiêm chỉnh và những bài kinh cầu an, các nhân chứng cho biết như trên. Một số đã đi trong mưa với biểu ngữ "Đây là một phong trào quần chúng ôn hòa." Một số khác với những giọt lệ rung rung khoe mặt. Các cuộc diễn hành kéo dài khoảng 5 giờ, chấm dứt bằng sự nguyện cầu tại các ngôi chùa trước khi trở về nhà của họ.

Trong phản ứng chính thức đầu tiên đối với tuần lễ leo thang biểu tình được dẫn đầu bởi chư Tăng, cơ quan truyền thông chính phủ đưa tin rằng bộ trưởng bộ tôn giáo, Brigadier General Thura Myint Maung, đã gửi một bản cáo trạng đến các vị trưởng lão Phật Giáo rằng "nếu chư tăng đi theo chiều hướng chống đối luật pháp và giới luật trong giáo lý Phật Giáo, chúng tôi sẽ có thái độ dựa theo luật pháp hiện hành."

Sự đe dọa đã xảy ra khi cộng đồng thế

giới thúc hối chính phủ hãy nhân nhượng vào hôm khai mạc hội nghị hội đồng Liên Hiệp Quốc tại New York, nơi mà những nhà lãnh đạo thế giới dự trù thúc đẩy các tướng lãnh tiếp nhận cái tổ dân chủ. Nhà lãnh đạo tâm linh lưu vong Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma, cũng đã gửi đi thông điệp ủng hộ phong trào và Ngài kêu gọi các tướng lãnh quân đội hãy nhân nhượng.

Các nhà bình luận tin tưởng rằng chính phủ Miến Điện chỉ phản ứng đến đây thôi bởi vì xảy ra bất cứ bạo động nào xúc phạm đến chư Tăng trong quốc gia Phật Giáo thuần thành này thì sẽ làm bùng vỡ ra một tiếng kêu trầm thống.

(Hạt Cát dịch)

Miến Điện: Đoàn áp đấm máu, tu sĩ bị sát hại

Bản tin từ Anh Quốc by Mark Reynolds

Yangon- September 27, 2007 - Cảnh sát đã nổ súng vào đám người diễn hành ủng hộ dân chủ ngày hôm qua ở Yangon đã sát hại 8 người. Ít nhất có 5 người tử vong được tin tưởng là tu sĩ Phật giáo.

Cuộc đàn áp của chính quyền Miến Điện trên quần chúng và tăng sĩ Phật giáo, cuối cùng đã xảy ra, khi hàng ngàn người đi biểu tình đã bất chấp mệnh lệnh của chính phủ khuyến cáo mọi người nên ở trong nhà, sau nhiều ngày tình hình căng thẳng gia tăng.

Khi khoảng 10,000 tu sĩ diễn hành xuyên qua các con đường của thành phố cự thủ đô Rangoon, quân đội đã bắt thỉnh linh nổ súng, gây ra hỗn loạn và đổ máu.

Rất nhiều tu sĩ và tu nữ bị tấn công. Có nhiều người đã cố gắng vây quanh chư tăng làm thành một hàng rào che chở khi cảnh sát cho nổ hơi cay và dùng gậy gộc tấn công để giải tán đám biểu tình phản đối chính phủ quân đội độc tài.

Các lực lượng quân đội chính phủ trước đó đã bao vây 6 ngôi tự viện lớn nhằm ngăn chặn chư tăng tham gia thêm vào trong cuộc biểu tình nhưng đã thất bại trong việc ngăn chặn đám đông tụ tập.

Các nguồn tin từ những bệnh viện cũng đã xác nhận tình trạng xảy ra với các nạn nhân được điều trị trong khu cấp cứu.

Các nhân chứng nói một số tu sĩ đã bị hành hung bằng súng. Nhiều tài xế đã tình nguyện chuyên chở nạn nhân đến bệnh viện để điều trị vết thương.

Các bản tường trình đã ghi nhận các

con số khác nhau về những người đã bị sát hại vì có sự ngăn chặn không cho tin tức được đưa ra thế giới bên ngoài của chính phủ.

Khim Maung Win, phó giám đốc điều hành Đài Tiếng Nói Dân Chủ nói có 8 người, 5 tu sĩ và 3 thường dân - được báo cáo là đã bị sát hại và ít nhất là 4 người bị thương nghiêm trọng. Nguồn tin khác lại cho rằng có 17 người với nhân chứng chứng kiến hai phụ nữ và một thanh niên bị bắn trong cuộc hỗn loạn.

Đại Sư Anh Quốc tại Burma, ông Mark Canning, nói rằng quần chúng đã biểu lộ khẳng định sự ủng hộ của họ đối với những người biểu tình, bất chấp bị tấn công bởi các lực lượng chính phủ, ông nói có lúc có khoảng 10,000 người bao quanh sứ quán.

Một bản tường trình được loan tải trên đài truyền hình Burmese nói rằng nhà chức trách đã đối phó với tình hình một cách mềm dẻo nhất để tránh các sự cố mong muốn xảy ra của các phần tử phá hoại trong khi bảo vệ dân chúng.

Nhưng các nhà bình luận e ngại có một sự lặp lại của cuộc bạo động năm 1988 khi quân đội nổ súng vào đám người biểu tình không vũ trang, đã giết chết hàng ngàn người.

Đường phố trở nên vắng vẻ khi mọi người giải tán vào lúc màn đêm xuống trước khi lệnh giới nghiêm có hiệu lực. Thành phố lớn thứ nhì Miến Điện, Mandalay, cũng được ban hành lệnh giới nghiêm, những người đi xem nói rằng có không dưới 10,000 người đã tham gia biểu tình cũng như tại một thị trấn miền tây bắc duyên hải, Sittwe.

Sáng hôm qua, ông Gordon Brown, đương nhiệm Thủ Tướng Anh Quốc, đã kêu gọi thực hiện các cuộc thương thuyết với việc gửi một phái đoàn ngoại giao tới Miến Điện và ông cũng cam kết rằng sẽ không có chuyện trừng phạt vì vi phạm nhân quyền.

Các nhà lãnh đạo thế giới một lần nữa kêu gọi chính phủ Miến Điện hãy thực hiện hạn chế sử dụng bạo lực trên quần chúng tham gia các cuộc biểu tình khởi đầu là phản đối giá cả xăng dầu tăng lên quá cao trong tháng trước khiến cho bùng phát thành một sự kiện nghiêm trọng sau khi binh lính nổ súng vào tăng sĩ.

Văn Phòng bộ Ngoại Giao Anh Quốc ngày hôm qua cũng đã khuyến cáo các công dân Anh quốc không nên du lịch đến Miến Điện.

Các nhà vận động ủng hộ dân chủ cũng đồng thời kêu gọi du khách hãy tẩy chay Miến Điện, với lý do rằng du lịch

đến Miến Điện tức là mang chính nghĩa và tài chánh đến cho thể chế độc tài quân phiệt.

(Hạt Cát dịch)

Phật giáo toàn cầu diễn hành cho Miến Điện

The Associated Press - October 5, 2007. YANGON, Myanmar: Quân chúng trên thế giới đã lên kế hoạch đồng loạt diễn hành vào ngày thứ Bảy 06 tháng 10, 2007, được coi như là "Ngày thế giới hành động cho Miến Điện" để phản đối cuộc đàn áp dã man trên những người biểu tình vì dân chủ, như chế độ quân phiệt đã nhìn nhận hàng trăm tu sĩ Phật Giáo đã bị bắt sau khi quân lính bắt đầu quay súng vào đám biểu tình.

Hy vọng gửi đến cho chế độ quân phiệt một thông điệp rằng "Thế giới vẫn đang theo dõi", tổ chức Ân Xá Quốc Tế đã kêu gọi một chiến dịch diễn hành toàn cầu tại các thành phố lớn khắp nơi trên toàn thế giới qua các lục địa Á Châu, Âu Châu và Bắc Mỹ.

Có ít nhất 12 quốc gia đã hưởng ứng lời kêu gọi này gồm có Australia, Thailand, Malaysia, Austria, Belgium, France, England, the United States và Canada.

Sự đối xử của chính phủ Miến Điện với tăng sĩ Phật giáo - những con người khả kính trong tôn giáo chính của quốc gia đã dẫn đầu đoàn biểu tình - là vấn đề cốt yếu có thể nổi lên ngọn lửa của dân chúng Miến Điện và làm binh sĩ trung thành với chế độ nổi giận.

Chính phủ nói đa số tu sĩ bị bắt đã được phóng thích, chỉ còn khoảng 109 đang được thẩm tra, căn cứ theo một nguồn tin chính thức được loan tải trên đài truyền hình Miến Điện hôm tối thứ Sáu. Nguồn tin nhấn mạnh rằng chế độ vẫn còn đang truy tầm 4 tu sĩ được tin tưởng là những người cầm đầu các cuộc biểu tình.

Miến Điện: Năm tướng lãnh bị bắt vì không chịu nổ súng vào chư Tăng

AGI, Oct 10, 2007. Jakarta, Nam Dương - Trong những ngày náo động của các cuộc biểu tình được nói đến rất nhiều của các tu sĩ Phật giáo, năm vị tướng lãnh và hơn 400 binh sĩ trong chính phủ quân đội Miến Điện đã bị bắt giam, là những người đã từ chối nổ súng vào những ai tham gia vào các cuộc xuống đường.

Điều này đã được tiết lộ cho tờ nhật báo Jakarta Post của Nam Dương bởi

một viên chức cao cấp của chế độ, người này đã yêu cầu được giấu tên. 'Năm vị tướng đã từ chối và đã lập tức bị bắt giam,' người đưa tin cho biết như trên, nhưng không muốn tiết lộ danh tánh của họ.

Điều tương tự đã xảy đến cho 'gần 400 binh sĩ từ khu vực Sikai gần thành phố Mandalay, những người đã không muốn nổ súng vào chư Tăng.'

Theo lời người đưa tin, cuộc nổi dậy chống đối là một dấu hiệu cho thấy những vấn đề trong chế độ, theo tường trình thì có rất nhiều người - ngay cả một số các viên chức cao cấp - đã bị khủng hoảng bởi sự đàn áp tàn bạo của chính quyền quân phiệt. 'Chư Tăng là biểu tượng của đức tin và đời sống của chúng tôi. Giết chết họ được xem như là một tội ác tày trời.'

Cũng theo lời người này qua cuộc phỏng vấn, nhiều công chức đã biểu lộ sự chống đối của họ một cách thầm lặng đối với sự đàn áp tàn bạo ấy bằng cách không đến sở làm.

Nhà cầm quyền quân phiệt đã khai báo là đã trả tự do khoảng 1,600 người trong số 2,700 người đã bị bắt giữ từ 26 đến 27 tháng 9 và những ngày sau đó.

Theo báo cáo của chính quyền, có khoảng 10 người đã bị bắn chết, nhưng các nguồn tin từ các nhóm chống chính quyền cho biết con số được tính kể nhiều hơn (có hơn 200 người).

(Minh Châu dịch)

Nam Hàn: Lão bà 80 cống hiến toàn bộ tài sản 3 tỷ đồng won cho trường đại học thuộc Phật Giáo

Seoul, Sept 12- Một lão bà trong tuổi 80 đã cống hiến tất cả tài sản trị giá khoảng 3 tỷ đồng won cho Đại Học Dongguk University tại Seoul hôm Thứ Hai, nhà trường cho biết như trên vào ngày thứ Ba.

Bà Lee Soon Hee, 81 tuổi, đã cống hiến tất cả tài sản mà bà đã dành dụm trong 50 năm qua cho trường học với hy vọng sẽ bảo trợ cho các sinh viên khốn khổ vì khó khăn về tài chánh.

Bà xây dựng sự nghiệp qua sự làm việc cật lực trong năm năm sau khi chồng bà qua đời trong thời gian chiến tranh (Korean War 1950- 1953).

"Với sự tin tưởng vào Phật pháp, bà đã quyết định cống hiến tài sản cho trường chúng tôi", một phát ngôn viên của đại học Dongguk nói như trên.

Bà yêu cầu nhà trường yểm trợ cho các sinh viên gặp khó khăn về tài chánh và nâng đỡ cho những sinh viên có

thành tích hoạt động tốt đẹp trong xã hội với tài vật mà bà đã cống hiến.

Dongguk University là một trường đại học tư nhân được thành lập năm 1906 trên nền tảng Phật Giáo.

Ngôi trường dự tính cấp phát học bổng trong năm tới, đồng thời cũng sẽ xuất chi một khoản tài chánh để cải thiện các cơ sở vật chất.

(Hạt Cát dịch)

hủ tướng Thái Lan yêu cầu Miến Điện chấm dứt bạo lực đối với chư Tăng

TNA, Oct 9, 2007. Bangkok, Thái Lan - Thủ tướng Thái Lan Tướng Surayud Chulanont đã cho biết vào ngày thứ Hai là ông đã yêu cầu lãnh tụ chính phủ quân đội Miến Điện ngưng ngay bạo lực đối với các tăng sĩ Phật giáo, điều mà ông gọi là 'hành động sai lầm.' Trong buổi họp mặt với báo chí, tướng Surayud cho biết tuần qua ông đã gửi một bức thư cho tướng Than Shwe, kêu gọi lãnh tụ này nên ngưng ngay những hành động tàn bạo đối với các tăng sĩ Phật giáo trong đất nước của ông ta.

'Là một quốc gia mà đại đa số theo Phật giáo, Thái Lan không thể chấp nhận việc sử dụng bạo lực đối với chư Tăng trong một quốc gia láng giềng,' vị thủ tướng đã nói như trên, và thêm rằng hành động tiếp theo sau sẽ tùy thuộc vào sự hội đàm giữa 10 thành viên của Hiệp Hội Đồng Nam Á, mà Thái Lan là một thành viên sáng lập.

'Chúng tôi muốn thấy một cuộc đàm phán giữa Bà Aung San Suu Kyi và chính phủ quân đội Miến Điện theo như Hiệp Hội Đồng Nam Á đã nói rõ trước đây,' thủ tướng Thái nói thêm.

Tháng trước Thái Lan và Hiệp Hội Đồng Nam Á đã bày tỏ sự lo âu nghiêm trọng về việc chính quyền Miến Điện dùng bạo lực trấn áp các cuộc biểu tình và đã kêu gọi họ hãy kiềm chế tối đa và tân dụng mọi nỗ lực để chấm dứt các cuộc xuống đường bằng những biện pháp hoà bình.

'Cả hai nước Thái Lan và Miến Điện, phần lớn là Phật tử, cùng tin vào sự bất bạo động và kham nhẫn. Do vậy Thái Lan không thể nào chấp nhận mệnh lệnh sử dụng bạo lực và làm tổn thương thân thể chư Tăng và các người biểu tình,' vị thủ tướng đã phát biểu, thay mặt cho Hiệp Hội Đồng Nam Á, trong bài diễn văn trước phiên họp thứ 62 của Tổng Hội Liên Hiệp Quốc tại New York từ ngày 22 đến 29 tháng 9.

(Minh Châu dịch)